



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



V-STARTUP  
VIỆT NAM

# KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA NĂM 2019

## START UP - NHỮNG KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VỀ GỌI VỐN ĐẦU TƯ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

2019



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**V-STARTUP  
VIỆT NAM**

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC  
QUỐC GIA NĂM 2019**

**STARTUP - NHỮNG KHÍA CẠNH PHÁP LÝ  
VỀ GỌI VỐN ĐẦU TƯ**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
NĂM 2019**



# KỶ YẾU

## Hội thảo Khoa học Quốc gia năm 2019 STARTUP - NHỮNG KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VỀ GỌI VỐN ĐẦU TƯ

### 1. BAN CHỈ ĐẠO

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS Phạm Hồng Chương	Hiệu Trưởng	Trưởng ban
2.	PGS.TS Bùi Đức Thọ	Phó Hiệu Trưởng	Phó Trưởng ban
3.	PGS.TS Trần Văn Nam	Trưởng Khoa Luật	Ủy viên thường trực

### 2. BAN TỔ CHỨC VÀ THƯ KÝ HỘI THẢO

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS Bùi Đức Thọ	Phó Hiệu Trưởng	Trưởng ban
2.	PGS.TS Trần Văn Nam	Trưởng Khoa Luật	Phó Trưởng ban
3.	ThS Hoàng Xuân Trường	Phó trưởng Khoa Luật	Ủy viên thường trực
4.	TS Trịnh Mai Vân	Phó trưởng phòng QLKH	Ủy viên
5.	PGS.TS Bùi Huy Nhượng	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	Ủy viên
6.	PGS.TS Phạm Bích Chi	Trưởng phòng TC - KT	Ủy viên
7.	ThS Bùi Đức Dũng	Trưởng phòng Tổng hợp	Ủy viên
8.	ThS Nguyễn Hoàng Hà	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Ủy viên
9.	TS Nguyễn Đình Trung	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
10.	TS Vũ Trọng Nghĩa	Trưởng phòng Truyền thông	Ủy viên
11.	CN Bùi Huy Hoàn	Phòng QLKH	Ủy viên
12.	TS Dương Nguyệt Nga	Trưởng Bộ môn PL kinh doanh	Ủy viên
13.	TS Nguyễn Thị Huệ	Trưởng BM PL cơ sở	Ủy viên

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ/ Đơn vị</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
14.	Bà Nguyễn Thy Nga	Sáng lập, V-Startup Việt Nam	Ủy viên
15.	ThS Nguyễn Hữu Mạnh	Phó Trưởng BM PL cơ sở	Ủy viên
16.	TS Nguyễn Thu Ba	Phó Trưởng BM PL kinh doanh	Ủy viên
17.	ThS Trần Thị Hồng Nhung	Khoa Luật	Trưởng ban thư ký
18.	ThS Phạm Đức Chung	Khoa Luật	Ủy viên
19.	ThS Phùng Ngọc Tùng	Khoa Luật	Ủy viên
20.	ThS Nguyễn Thị Đan Phương	Khoa Luật	Ủy viên
21.	ThS Lương Tuấn Sơn	Khoa Luật	Ủy viên

### **3. BAN BIÊN TẬP KỸ YẾU**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ/ Đơn vị</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1.	TS. Nguyễn Hợp Toàn	Khoa Luật	Trưởng ban
2.	PGS. TS. Trần Văn Nam	Khoa Luật	Ủy viên
3.	ThS Hoàng Xuân Trường	Khoa Luật	Ủy viên
4.	TS. Vũ Văn Ngọc	Viện TT, CLC & POHE	Ủy viên
5.	TS Nguyễn Anh Tú	Nhà xuất Bản ĐH KTQD	Ủy viên
6.	TS. Dương Nguyệt Nga	Khoa Luật	Ủy viên
7.	TS. Nguyễn Thị Huế	Khoa Luật	Ủy viên
8.	TS. Nguyễn Thu Ba	Khoa Luật	Ủy viên
9.	PGS TS Vũ Trọng Lâm	NXB CTQG ST	Ủy viên

## MỤC LỤC

1. **MỘT SỐ BẤT CẬP VỀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ  
CỦA CÁC STARTUP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY ..... 1**  
PGS.TS. Trần Văn Nam  
Khoa Luật; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2. **RÀO CẢN PHÁP LÝ TRONG HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP..... 10**  
PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu  
Trường Đại học Luật Hà Nội
3. **STARTUP: TÀI TRỢ CHO VIỆC MUA BÁN SÁP NHẬP DƯỚI  
GÓC NHÌN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ..... 25**  
TS. Lê Nét  
Luật sư thành viên - LNT & Partners
4. **VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI STARTUP VIỆT ..... 50**  
Nguyễn Thy Nga  
Sáng lập viên, V-Startup Việt Nam
5. **ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM..... 56**  
TS. Nguyễn Thu Ba  
Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
6. **THÁO GỠ CÁC RÀO CẢN PHÁP LÝ NHẪM NÂNG CAO HIỆU  
QUẢ GỌI VỐN CHO STARTUP Ở VIỆT NAM..... 68**  
ThS. NCS Hoàng Thị Hải Yến  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội
7. **NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ TRONG VIỆC GÓP VỐN KHỞI  
NGHIỆP BẰNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ..... 92**  
PGS.TS. Trần Văn Hải  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

8. **NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN VỐN GÓP GIỮA STARTUP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ..... 104**  
PGS.TS. Doãn Hồng Nhung  
Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội  
ThS. Phạm Thanh Nga
9. **NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC STARTUP VIỆT ..... 116**  
TS. Trần Thị Thanh Huyền  
Học viện Ngân hàng
10. **TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC STARTUP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY ..... 126**  
TS. Bùi Thanh Tuấn  
Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, Bộ Công an  
ThS. Nguyễn Cảnh Dương  
Học viện Quốc tế, Bộ Công an
11. **THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG BỨC TRANH CHUNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CÁC NỀN KINH TẾ ASEAN ..... 135**  
ThS. Trần Thị Lan Phương  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
12. **VAI TRÒ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG NHU CẦU KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN HIỆN NAY ..... 144**  
Nguyễn Hồng Quý  
Trường Đại học FPT
13. **HỖ TRỢ VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP HIỆN NAY ..... 153**  
ThS.NCS. Lâm Thị Thu Huyền  
Khoa Luật, Đại học Kinh tế Quốc dân
14. **HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LÝ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP..... 164**  
TS. Trần Trung Vỹ  
Trường Đại học Hạ Long

15. **NHỮNG BẤT CẬP CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN..... 174**  
TS. Dương Nguyệt Nga  
Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
Ngô Trọng Thể  
Học viên Cao học, Luật Kinh tế, K26
16. **KHUNG PHÁP LÝ VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHO KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO ..... 186**  
ThS. Trần Thị Nguyệt  
Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
17. **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHUNG PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP VÀ VIỆC HUY ĐỘNG, TIẾP CẬN NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY ..... 196**  
Hồ Quang Huy  
Đoàn Thanh niên Bộ Tư pháp
18. **CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM... 208**  
TS. Nguyễn Thị Phương Linh  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
TS. Đoàn Xuân Hậu  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân





# MỘT SỐ BẤT CẬP VỀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA CÁC STARTUP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*PGS.TS. Trần Văn Nam*

*Khoa Luật; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

## **Tóm tắt:**

*Hiện trạng đầu tư cho các start-up ở nước ta hiện nay đang tồn tại sự hạn chế về thông tin ở cả các chủ thể cung cấp tài sản trí tuệ và chủ thể ứng dụng, khai thác các tài sản trí tuệ đó. Những chủ sở hữu tài sản trí tuệ và công nghệ, gồm các viện nghiên cứu, các trường đại học, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước có ít kinh nghiệm trong việc giới thiệu, định giá, chào bán các hàng hoá công nghệ, có ít thông tin về nhu cầu của xã hội. Mặt khác, bên có nhu cầu lại có ít thông tin về nguồn cung cấp hàng hoá công nghệ. Trong tình hình như vậy, nhận dạng các bất cập về xác định giá trị tài sản trí tuệ và công nghệ giúp đẩy nhanh quá trình chuyển giao công nghệ cũng như phát triển thị trường chuyển giao công nghệ. Có thể nhận định, phát triển dịch vụ xác định giá trị tài sản trí tuệ cho các start-up là yêu cầu quan trọng, là động lực thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ cũng như tạo đột phá cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

**Từ khóa:** *xác định giá trị tài sản trí tuệ; khởi nghiệp; sáng tạo.*

## **1. Giới thiệu các hoạt động dịch vụ xác định giá trị tài sản trí tuệ cho các Start-up**

Tài sản trí tuệ là tài sản vô hình có tính sáng tạo, xác định được, kiểm soát được và có khả năng tạo ra lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu.

Nội dung của các hoạt động dịch vụ xác định giá trị tài sản trí tuệ cho các Start-up gồm:

- Đánh giá và giám định tài sản trí tuệ

Đây là các hoạt động xác định trình độ, giá trị, hiệu quả kinh tế và tác động kinh tế - xã hội, môi trường của tài sản trí tuệ và kiểm tra, xác định các chỉ tiêu của tài sản trí tuệ đã được chuyển giao so với các chỉ tiêu được quy định trong hợp đồng CGCN.

Dịch vụ đánh giá và giám định tài sản trí tuệ và công nghệ được chuyển giao thuộc danh mục các công nghệ khuyến khích chuyển giao theo danh mục do Nhà nước quy định, trong đó có đánh giá và giám định công nghệ cao, công nghệ

tiên tiến đáp ứng một trong các yêu cầu tạo ra sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao; tạo ra ngành công nghiệp, dịch vụ mới, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, bảo vệ sức khỏe con người, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, sản xuất sạch, thân thiện môi trường, phát triển ngành, nghề truyền thống.

- Định giá tài sản trí tuệ

Theo các quy định hiện hành, có các phương pháp chính để định giá công nghệ, đó là:

- Phương pháp định giá dựa trên chi phí:

- + Phương pháp dựa trên chi phí quá khứ

- + Phương pháp dựa trên chi phí thay thế tái tạo

- + Phương pháp chi phí thay thế khấu hao thường được áp dụng khi định giá cho tài sản chuyên dụng như phần mềm máy tính đã được bảo hộ quyền tác giả.

- Phương pháp định giá dựa trên thu nhập

Nguyên tắc của phương pháp định giá công nghệ căn cứ vào thu nhập đó là việc xác định giá trị của một công nghệ sẽ được tính ra từ các lợi ích kinh tế (tức là thu nhập/dòng tiền) mà nó mang lại trong tương lai. Có 2 cách tiếp cận đối với phương pháp này là “vốn hóa thu nhập” và “phân tích dòng tiền chiết khấu”

- + Cách tiếp cận “vốn hóa thu nhập”

- + Cách tiếp cận “dòng tiền chiết khấu”

Trong cách tiếp cận này thì các khoản tiền nhận được sẽ được xác định cho từng giai đoạn trong những giai đoạn tương lai. Những khoản nhận được này được chuyển sang giá trị bằng cách áp dụng một tỷ lệ chiết khấu có sử dụng các kỹ thuật giá trị hiện tại.

- Phương pháp định giá dựa trên thị trường

Phương pháp định giá dựa trên thị trường được thực hiện bằng cách so sánh đối tượng được định giá với công nghệ tương tự. Khi áp dụng phương pháp này, cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cần phải có cơ sở hợp lý dựa vào để so sánh với công nghệ tương tự và cùng nằm trong lĩnh vực kinh doanh. Sự so sánh phải được thực hiện có ý nghĩa và không gây ra sự nhầm lẫn;

- + Dữ liệu của công nghệ sử dụng để tính toán phải chính xác;

+ Dữ liệu giá cả phải còn hiệu lực vào thời điểm định giá và đại diện cho thị trường vào thời điểm đó;

+ Tiến hành những điều chỉnh phù hợp để khiến cho đối tượng được so sánh và đối tượng cần định giá trở nên dễ so sánh hơn;

+ Khi sử dụng các giao dịch trước đó cần phải thực hiện những điều chỉnh cần thiết đối với sự thay đổi về thời gian, những hoàn cảnh thay đổi trong nền kinh tế, trong ngành công nghiệp.

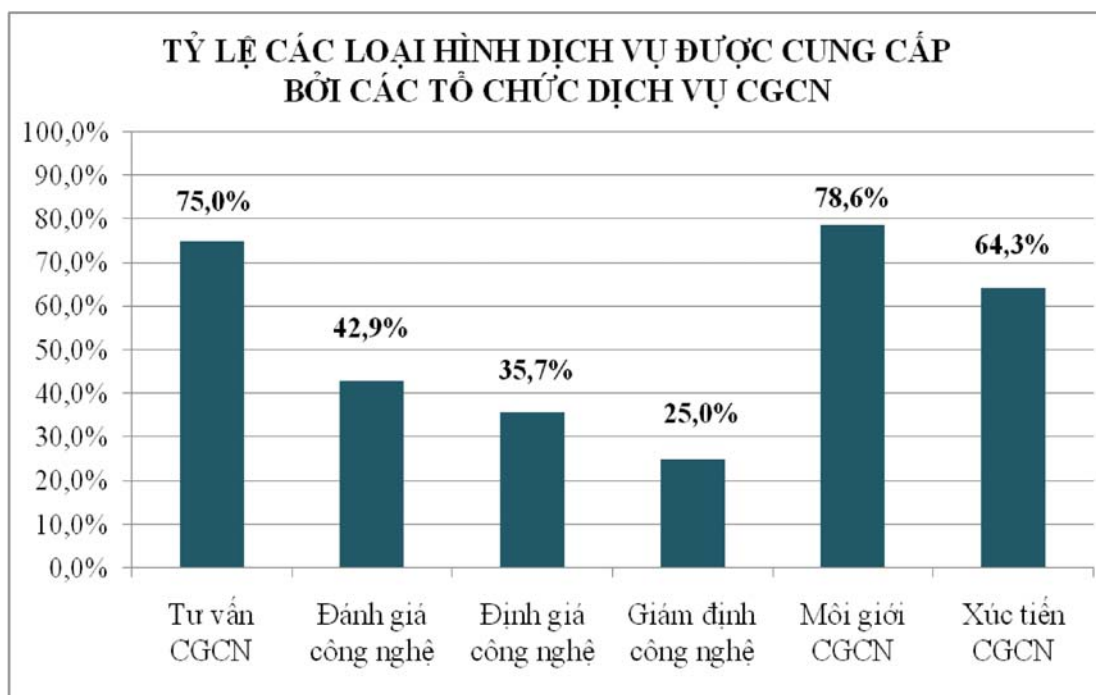
Phương pháp **định giá dựa trên thị trường** tỏ ra ưu việt hơn 2 phương pháp dựa trên chi phí và thu nhập vì nó có tính khách quan hơn, độ tin cậy cao hơn và có những bằng chứng khách quan về giá thị trường (là thỏa thuận giữa các bên giao dịch). Tuy nhiên, trong thực tế khó tìm được các giao dịch đối với các đối tượng công nghệ tương tự trên thị trường và các thông tin đáng tin cậy về chúng. Các giao dịch đó thường tuân thủ theo các điều khoản không tiết lộ bí mật và trong các giao dịch thì các chi phí phụ thường được tính vào giá đã thanh toán.

## **2. Thực trạng dịch vụ xác định giá trị các tài sản trí tuệ ở Việt Nam**

Về loại hình dịch vụ cung cấp, theo kết quả khảo sát của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) năm 2016, mỗi đơn vị trung gian chuyên giao công nghệ hiện nay có thể cung ứng nhiều dịch vụ cùng lúc cho khách hàng. Mỗi đơn vị trung gian thường có thể cung cấp cả chức năng tư vấn, môi giới và xúc tiến chuyển giao công nghệ; hoặc có thể cung cấp cả dịch vụ đánh giá và định giá công nghệ. Thực tế cho thấy, nếu xét theo loại hình dịch vụ chuyển giao công nghệ mà các đơn vị trung gian cung cấp, thì môi giới chuyển giao công nghệ là loại hình dịch vụ có nhiều đơn vị cung cấp nhất ở nước ta hiện nay với 78,6% số đơn vị trung gian cung cấp; tiếp đến là dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ với 75% số đơn vị trung gian có thể cung cấp; 64,3% số đơn vị trung gian có thể cung cấp dịch vụ xúc tiến chuyển giao công nghệ. Trong khi đó, số lượng đơn vị trung gian có thể cung cấp dịch vụ giám định công nghệ là rất ít với chỉ 25% số đơn vị (Hình 1). [1]

---

<sup>1</sup> Trần Văn Nam, (Chủ nhiệm); *Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy dịch vụ chuyển giao công nghệ ở nước ta hiện nay*; Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ, 2016-2017



**Hình 1: Thực trạng các loại hình dịch vụ được cung cấp  
bởi các tổ chức dịch vụ CGCN**

*Nguồn: Kết quả khảo sát 2013- 2016, Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ*

Hiện nay ở nước ta, về phía cầu, có thể thấy nhu cầu về công nghệ và đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trong nước khá lớn. Tính đến hết tháng 12/2017, theo Tổng cục thống kê, cả nước có trên 561 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động và nhu cầu công nghệ mới khá cao. Hiện chỉ có 10% doanh nghiệp sử dụng công nghệ từ những năm 1970, 30% sử dụng công nghệ từ những năm 1980 và 50% từ những năm 1990. Trong khu vực nông nghiệp mặc dù số lượng doanh nghiệp chỉ chiếm 1% tổng số doanh nghiệp nhưng nhu cầu về công nghệ hàng năm tăng trưởng trên 20%. Song, nhiều kết quả nghiên cứu KH-CN, các sản phẩm công nghệ nội sinh do các tổ chức nghiên cứu trong nước thực hiện được nghiên cứu với chi phí đầu tư thấp hơn rất nhiều so với nguồn công nghệ nhập ngoại nhưng doanh nghiệp không tiếp cận được do các tổ chức, cơ quan nghiên cứu còn thiếu và yếu các kỹ năng thương mại hóa, doanh nghiệp thiếu thông tin và thiếu niềm tin về công nghệ nội, sự liên kết giữa người sử dụng và người sản xuất công nghệ.

Về hoạt động định giá tài sản trí tuệ và công nghệ, ở nước ta hiện nay hầu như vắng bóng tổ chức và chuyên gia chuyên biệt cho công tác định giá công nghệ. Việc định giá thường do các cán bộ quản lý công nghệ được mời làm tư vấn khi thương thảo hợp đồng mua bán công nghệ. Hiện tại, các tổ chức/cá nhân cung ứng dịch vụ định giá theo Luật Giá đều đăng ký định giá công nghệ, tuy nhiên trong thực tế, hầu hết các tổ chức này đều chưa thực hiện các dịch vụ định giá công nghệ một cách

bài bản. Bên cạnh đó, mặc dù đã được quan tâm, có hành lang pháp lý và quản lý nhưng thực tế hiện nay cho thấy, quy mô, chất lượng, uy tín của các tổ chức định giá công nghệ vẫn còn rất nhiều hạn chế. Hoạt động định giá công nghệ vẫn còn là một thách thức lớn cho doanh nghiệp trong việc khai thác ứng dụng tài sản trí tuệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Rất nhiều trường hợp, doanh nghiệp R&D sở hữu công nghệ cao, khả năng ứng dụng rất lớn nhưng không thể phát triển được sản phẩm do thiếu vốn và không thể thế chấp chính tài sản công nghệ mà mình đang sở hữu.

### **3. Tình huống nghiên cứu điển hình: Sáng chế của KS Lại Minh Chức do WIPO định giá 12,21 triệu euro được xác định giá trị như thế nào tại Việt Nam?**

Nghiên cứu điển hình được tác giả lựa chọn để phân tích là vụ thương mại hóa chưa thành công về công nghệ phân loại, xử lý rác thải tự động của kỹ sư Lại Minh Chức.

Tại Nhà máy xử lý rác thải tỉnh Hà Nam, hệ thống giám sát và điều khiển bằng công nghệ cơ khí tự động hóa và hình ảnh kỹ thuật số + đường truyền Internet đã được kỹ sư Chức hoàn thành vào tháng 5/2010. Để có cơ sở quyết định cho phép chế tạo hàng loạt, tháng 1/2012, Bộ Khoa học & Công nghệ và Bộ Công Thương đã quyết định hỗ trợ 30% vốn (bằng 120.000 USD) đầu tư để tác giả triển khai dự án chế tạo tổ hợp máy thế hệ mới. Đến tháng 5/2012, Kỹ sư Chức chế tạo thành công hệ thống điều khiển tự động bằng công nghệ tích hợp lập trình kỹ thuật số (PLC) và giám sát điều khiển từ xa bằng thiết bị không dây và công nghệ hình ảnh kỹ thuật số qua mạng internet. Điểm nổi bật của tổ hợp máy phân loại tự động thế hệ thứ 4, dùng để phân loại rác tổng hợp đầu vào, là công nghệ phân loại tự động tiết kiệm chi phí và năng lượng rất lớn so với các dây chuyền phân loại đã nhập khẩu và nghiên cứu chế tạo trong nước:

- Diện tích lắp đặt bằng dưới 10%;
- Sử dụng nhân công bằng từ 10-20%;
- Chỉ sử dụng năng lượng điện bằng 30%;
- Tổng chi phí phân loại rác giảm trên 70%;
- Khối lượng sắt thép phục vụ chế tạo giảm 80%

Điều đáng ghi nhận nhất là chất lượng phân loại rác của công nghệ này cao hơn nhiều so với các thiết bị phân loại có nhiều người trực tiếp nhặt rác bằng tay, khắc phục được tình trạng gây ô nhiễm thứ cấp về khí thải và vi khuẩn truyền nhiễm cho người lao động và môi trường xung quanh nhà máy. Sau phân loại rác tự động sẽ thu được:

(tỷ lệ % tính trên tổng lượng rác đầu vào)

- ✓ 0.5-1% các loại rác cá biệt có kích thước lớn. (để chôn lấp).
- ✓ 80% nilon màng mỏng sạch hơn người nhặt bằng tay; (để bán hoặc tái chế ngay thành hạt nhựa).
- ✓ 90% mùn hữu cơ dễ phân hủy (để ủ sinh học sản xuất phân compost hoặc biogats).
- ✓ 95% nhôm nhựa và sắt, thủy tinh. (để bán)
- ✓ 99% gạch đá. (để chôn lấp hoặc sản xuất vật liệu không nung)

Theo đánh giá của Giám đốc nhà máy xử lý rác tỉnh Hà Nam Nguyễn Ngọc Huế (nguồn video của VTV6), đây là công nghệ tự động không cần lao động thủ công, nếu được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam sẽ phù hợp hơn so với các dây chuyền phân loại rác thải khác. Liên quan đến công nghệ xử lý rác tự động, Kỹ sư Lại Minh Chức đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhiều bằng độc quyền sáng chế; đã được chuyên gia WIPO xác định giá trị công nghệ 12,21 triệu euro. Tuy nhiên, do chưa tiếp cận được với bất kỳ một tổ chức trung gian KH&CN nào trong và ngoài nước, nên đến năm 2018, các dự kiến góp vốn bằng công nghệ của Kỹ sư Chức vào các dự án nhà máy rác thải tại Nam Hà, Bắc Ninh, TP Hồ Chí Minh... vẫn chưa được xác định giá trị đúng mức để thương mại hóa và triển khai như tác giả sáng chế kỳ vọng.

Nguồn: *Trao đổi của tác giả với Kỹ sư Lại Minh Chức, chủ công nghệ phân loại xử lý rác thải tự động, năm 2018*

#### **4, Một số đề xuất nhằm hạn chế các bất cập trong hoạt động xác định giá trị tài sản trí tuệ**

Để giúp cho hoạt động xác định giá trị tài sản trí tuệ cho các starr-up, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học công nghệ cần:

##### ***4.1. Thúc đẩy doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN và quan tâm đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ***

- Công khai và tăng cường cơ chế đối ứng hợp tác công - tư để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các dự án nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ;

- Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để đầu tư, đối ứng vốn, nhận vốn đối ứng đầu tư cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả KH&CN của doanh nghiệp;

- Quan tâm đào tạo nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp; thúc đẩy hợp tác trao đổi nhân lực trình độ cao giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp.

#### **4.2. Cần cụ thể hóa Điểm đ, khoản 2 Điều 30 Nghị định 76 về nội dung hỗ trợ thuê chuyên gia như sau:**

- Hỗ trợ theo giá trị hợp đồng thuê chuyên gia tư vấn, xây dựng, thẩm định đề án thành lập, nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của tổ chức trung gian;
- Hỗ trợ theo giá trị hợp đồng thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; quản trị tài sản trí tuệ;
- Hỗ trợ theo giá trị hợp đồng tư vấn để tổ chức trung gian tự thực hiện việc đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; quản trị tài sản trí tuệ;
- Hỗ trợ theo giá trị hợp đồng thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài tư vấn, xây dựng phương án thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;
- Hỗ trợ theo giá trị hợp đồng tư vấn để tổ chức trung gian tự xây dựng phương án thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

Như vậy, Thông tư hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ thay thế Thông tư số 16/2014/TT-BKH&CN sẽ góp phần chi tiết hóa cơ chế hỗ trợ quy định trong Nghị định 76, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thi hành đồng bộ các hoạt động hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN. Trên cơ sở các chức năng và nội dung hỗ trợ của Thông tư, định mức hỗ trợ tương ứng trong các chương trình KH&CN có liên quan sẽ được quy định cụ thể, qua đó sẽ nâng cao tính khả thi của các hoạt động hỗ trợ đối với các nội dung tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ, hỗ trợ tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời tạo cơ sở cho việc triển khai các hoạt động xúc tiến phát triển thị trường KH&CN của các đơn vị có chức năng này.

#### **4.3. Cần xây dựng tổ chức trung gian khoa học - công nghệ ngay tại cơ sở**

Xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn, thông tin phục vụ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp xuất phát từ trường đại học, viện nghiên cứu chiếm tỷ lệ thấp. Trong khi đó, các tổ chức nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng gồm Viện, trường vẫn là nguồn “cung” công nghệ rất lớn. Do đó, cần xây dựng trung gian khoa học - công nghệ ngay tại cơ sở nhằm đẩy mạnh quảng bá và xúc tiến các sản phẩm công nghệ, đưa khoa học từ phòng thí nghiệm ra thị trường, hỗ trợ cho giao dịch chuyển giao công nghệ diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, nhờ đó, người đầu tư có thể biết đến và tiến hành các hoạt động trao đổi, giao thương với chi phí thấp nhất nhưng mang lại hiệu quả cao và phù hợp với xu thế toàn cầu



**Phụ lục 01: Bảng thống kê các tài sản trí tuệ đã đăng ký**

(nguồn: KS Lại Minh Chức)

<b>STT</b>	<b>Số đơn ĐKSC hoặc GPHI đã nộp.</b>	<b>Tác giả và đồng tác giả</b>	<b>Tên sáng chế, giải pháp hữu ích</b>
1	Bằng sáng chế Số: 12044 QĐ số 64338/QĐ	Ks. Lại Minh Chức	Thiết bị xử lý và phân loại tự động rác thải rắn
2	GPHI số: 1218 QĐ số:78912/QĐ-SHTT,	Ks. Lại Minh Chức	Phương pháp xử lý sơ bộ và phân loại rác thải rắn sinh hoạt đô thị
3	ĐDKSC Số đơn: 1-2004-04129 10-12-2014	Ks. Lại Minh Chức	Thiết bị đảo trộn rác thải
4	ĐDKSC Số đơn: 1-2014-01763 30/5/2014	Ks. Lại Minh Chức	Tổ hợp thiết bị tự động phân loại rác thải rắn theo kiểu mô đun
5	ĐDKSC Số đơn: 1/2014/01506 09-05-2014	Ks. Lại Minh Chức	Lò đốt rác thải rắn tái tạo năng lượng
6	ĐDKSC Số đơn: 1-2015-00729 4/3/2015	Ks. Lại Minh Chức Lại Minh Thái	Thiết bị tự động cào rác thải
7	ĐKSC số: 1-2015-02259 23/6/2015	Ks. Lại Minh Chức	Thiết bị phân loại theo kích thước các vật chất rời rạc
8	ĐKSC số đơn: 1-2014-01154 (SĐ BS) 30-05-2014	Ks. Lại Minh Chức Lại Minh Thái TS. Lan	Quy trình sản xuất sản phẩm từ nhựa composite cốt vải phế thải
9	ĐKSC Số đơn: 1-2015-00791 10/3/2015	Ks. Lại Minh Chức Lại Minh Thái	2 quy trình công nghệ áp dụng cho các mô hình xử lý rác thải rắn khác nhau ở đô thị và nông thôn

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ; Kỷ yếu hội thảo *Kỹ thuật xác định giá trị tài sản trí tuệ*; Hà Nội, tháng 12/2013
2. Cao Tô Linh (2010), *Nghiên cứu về chuyển giao công nghệ giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Hàn Quốc*, Tài liệu hội thảo “Mô hình và cơ chế phát triển doanh nghiệp trong các trường đại học Việt Nam”, Đại học Bách khoa Hà Nội, 2010.
3. Đoàn Đức Lương, Trần Văn Hải (2018) đồng chủ biên; *Giáo trình Pháp luật Sở hữu trí tuệ* dành cho các trường đại học, cao đẳng khối khoa học xã hội và nhân văn. NXB Đại học Huế.
4. Trần Văn Nam (2009), *Góp vốn bằng tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Nhịp cầu tri thức, số tháng 11/2009
5. Trần Văn Nam (2017), *Thực trạng và giải pháp pháp lý thúc đẩy dịch vụ chuyển giao công nghệ tại Việt Nam*; Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; số tháng 3/2016 (46)
6. Trần Văn Nam (2018), *Hoàn thiện các quy định về hoạt động của các tổ chức trung gian nhằm phát triển thị trường khoa học – công nghệ*, Nghiên cứu Lập pháp Số 03 – 2018 (Tr 89 – 94)
7. Trần Văn Nam (2018), đồng Chủ biên *Giáo trình Pháp luật Sở hữu trí tuệ*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
8. Trần Văn Nam, (2017); Chủ nhiệm, Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy dịch vụ chuyển giao công nghệ ở nước ta hiện nay; Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ, 2016-2017
9. Phạm Đức Nghiệm (2014), *Một số giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN ở các địa phương*, Tạp chí KH&CN Việt Nam, số 7.2014.
10. Phan Quốc Nguyên (2016); *Pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

### THÔNG TIN TÁC GIẢ

PGS.TS. Trần Văn Nam

Khoa Luật; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Trọng tài viên, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)

Email: namtv@neu.edu.vn

Điện thoại: 0904 245 260

# RÀO CẢN PHÁP LÝ TRONG HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

*PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu*

*Trường Đại học Luật Hà Nội*

## **Tóm tắt**

*Doanh nghiệp khởi nghiệp rất cần vốn cho quá trình đầu tư kinh doanh, tuy nhiên mọi hoạt động huy động vốn đều thực hiện trên cơ sở pháp luật. Nghiên cứu pháp luật hiện hành cho thấy còn một số rào cản pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp huy động vốn. Bài viết này đề cập đến các điểm sau đây:*

*- Chỉ ra cách hiểu của tác giả về pháp luật trong lĩnh vực huy động, Những điểm chủ yếu về doanh nghiệp khởi nghiệp và pháp luật điều chỉnh việc huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp*

*- Chỉ ra các rào cản pháp lý về huy động vốn của các chủ thể khởi nghiệp*

*- Nêu quan điểm của tác giả về giải pháp trong xây dựng và thực thi pháp luật liên quan đến huy động vốn, của các chủ thể khởi nghiệp*

**Từ khóa:** *doanh nghiệp khởi nghiệp, huy động vốn, rào cản pháp lý*

## **1. Khái quát pháp luật trong lĩnh vực huy động vốn của doanh nghiệp**

### **1.1. Cách hiểu nguồn lực về vốn**

Vốn là toàn bộ tiền và các tài sản khác có thể định giá được bằng tiền được đầu tư vào một quá trình sản xuất kinh doanh của một chủ thể kinh doanh.

Vốn là một phạm trù kinh tế chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống lý luận và thực tế của mọi nền kinh tế. Khái niệm vốn không bất biến mà nó thay đổi thích ứng ở mỗi thời kỳ phát triển của xã hội.

Vốn bao gồm các yếu tố vật chất, kiến thức và năng lực tổ chức sản xuất, tồn tại dưới nhiều hình thức như tiền, giấy tờ có giá, vật tư kỹ thuật, đất đai, tri thức khoa học. Vốn có thể chuyển từ trạng thái động (đưa vào kinh doanh) hoặc trạng thái tĩnh (các nguồn dự trữ, lãi chưa chia), khi đó chúng có thể được gọi với tên gọi khác: nguồn tài chính. Tuy nhiên cần chỉ ra rằng việc nhận diện vốn và nguồn tài chính trong doanh nghiệp chỉ có ý nghĩa tương đối vì ngay lập tức các nguồn tài chính có thể chuyển vào kinh doanh, tức là chuyển thành vốn. Vì vậy, trong bài viết này, việc nghiên cứu nguồn lực về vốn và nguồn lực tài chính có giá trị tương đồng.

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ đầu tư (chủ doanh nghiệp) cần có nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó nguồn lực tài chính là nhân tố thuộc đối tượng nghiên cứu của chủ đề này.

Chúng tôi cho rằng nguồn lực là tất cả năng lực hiện có để đảm bảo tạo ra một giá trị mới trong tương lai. Nguồn lực có thể là nguồn vật chất và phi vật chất. Nguồn lực cũng có thể thu hồi hoặc không thu hồi được.

Cách nhìn nhận và phân loại liên qua đến khả năng thu hồi và không thu hồi có ý nghĩa pháp lý quan trọng. Từ cách phân loại đó, cần phải nhận diện nguồn lực về tài chính nói chung, hay nguồn lực về vốn nằm trong nhóm thu hồi được hay không, cần có cơ chế tạo lập, quản lý, giám sát, sử dụng nguồn lực tài chính thế nào cho phù hợp với mục tiêu kinh doanh và phù hợp với yêu cầu chung của xã hội. Điều đó ắt sẽ ảnh hưởng đến việc ban hành, tuân thủ những quy định pháp luật đối với nguồn lực tài chính của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng.

Nguồn lực vốn (tài chính) được hiểu là khoản tiền có sẵn để thực hiện hoạt động kinh doanh, tồn tại dưới dạng tiền mặt, chứng khoán có độ thanh khoản cao hoặc các khoản tín dụng. Trước khi tiến hành kinh doanh, nhà kinh doanh cần phải đảm bảo có nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả và thành công.<sup>2</sup>Nguồn lực liên quan đến tài chính và vốn phải là nguồn lực vật chất, xác định được chính xác về giá trị mà không thể là phi vật chất.

### ***1.2. Các phương thức huy động vốn ở các nước trên thế giới và Việt Nam***

Để có được nguồn lực tài chính (vốn), các doanh nghiệp thường huy động theo những phương thức sau đây:

*Một là*, tiếp cận vốn thông qua những quan hệ thân quen. Thông thường, để hình thành một kế hoạch kinh doanh, các doanh nghiệp hoặc nhà đầu tư với quy mô nhỏ có cách tiếp cận dễ thực hiện nhất, đó là tiếp cận nguồn vốn của chính những người thân quen:

- Nếu là quan hệ góp vốn, việc tiếp cận vốn thường để thành lập các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, phạm vi tác động hạn chế.

- Cách thức góp vốn này có khả năng áp dụng trong nhiều trường hợp khác nhau: từ quan hệ gia đình, quan hệ bạn bè. Việc được quan tâm thực hiện góp vốn hiện nay còn tính đến huy động vốn góp của các nhân viên công ty, với tư cách là người chia sẻ sản phẩm cũng như trách nhiệm để hướng tới cơ hội hưởng lợi tốt nhất. Cách thức mời góp vốn từ người lao động có nhiều ưu điểm nổi trội: thu hút được vốn giá rẻ, kết nối người lao động với doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp, gia tăng trách

---

<sup>2</sup> Nguồn: <http://www.businessdictionary.com/definition/financial-resources.html>, truy cập ngày 19.7.2018.

nhiệm của người lao động đối với kết quả hoạt động của công ty ngay từ giai đoạn còn nhỏ bé do sự thay đổi vị trí từ người lao động sang chủ doanh nghiệp.

*Hai là*, tiếp cận thông qua hoạt động chào bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Khi đã hình thành thị trường chứng khoán, cho dù là thị trường tự do hay thị trường có tổ chức thì việc chào bán chứng khoán trên thị trường là phương án ngày càng trở nên phổ biến trong xã hội hiện đại.

- Nếu là quan hệ chào bán chứng khoán vốn, các doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập có thể sử dụng phương thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Nếu là quan hệ chào bán chứng khoán nợ, các doanh nghiệp cũng có thể áp dụng phương thức chào bán riêng lẻ hay ra công chúng với những điều kiện khác nhau.

*Ba là*, tiếp cận nguồn vốn thông qua chào bán đồng tiền kỹ thuật số (Initial Coin Offering - ICO). ICO là thuật ngữ mới được hình thành từ sản phẩm của công nghệ Blockchain, đề cập đến hoạt động chào bán lần đầu đồng tiền kỹ thuật số của các công ty chuyên về công nghệ. Đây là cách thức gọi vốn của ban đầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Do đây là cách thức tạo vốn mới xuất hiện và còn có nhiều tranh cãi, chấp thuận hay không ở nhiều quốc gia (trong đó có Việt Nam), nên có thể đề cập một cách sơ lược như sau:

- Khi nhu cầu về vốn phát sinh và các doanh nghiệp khởi nghiệp lựa chọn ICO, các công ty thường công bố thông tin và kế hoạch của dự án, tiềm năng và ý tưởng của công ty ra công chúng. Thông thường, các công ty thường công bố thông tin bằng cách công bố sách trắng (white paper) nêu nội dung dự án, lộ trình phát triển, môi trường sinh thái blockchain của họ. Các nhà đầu tư sẽ mua đồng coin của họ.

- Vấn đề đặt ra là: vậy nếu như ICO thành công, thì đồng coin của họ sẽ được xác định là gì? Mặc dù hiện đang có rất nhiều công trình nghiên cứu về “đồng tiền ảo”, “đồng tiền kỹ thuật số”, những hình thái biểu hiện cụ thể của “coin” này nhưng chúng tôi chưa thấy có những nhận định pháp lý về giá trị của “coin”. Cũng chính vì điều đó, trong phạm vi bài viết về những rào cản pháp lý liên quan đến cơ hội tiếp cận vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp, chúng tôi chưa lạm bàn đề chủ đề này mà sẽ tiếp tục bàn tới ở một công trình nghiên cứu tiếp theo.

*Năm là*, tiếp cận nguồn vốn thông qua các phương thức chiếm dụng vốn của doanh nghiệp, tổ chức: có hay không? Nếu có thì hình thức biểu hiện thế nào? Có trái quy định pháp luật không?

- Liệu các doanh nghiệp có thể có vốn nhờ cơ chế chiếm dụng vốn của các doanh nghiệp khác hay không cũng cần được đề cập. Thực tế từ xa xưa, việc các chủ thể kinh doanh chiếm dụng vốn lẫn nhau thông qua hoạt động mua bán thanh toán chậm đã là

phổ biến. Đây chính là nguồn gốc hình thành các “công cụ nhận nợ” thông qua các giao dịch thương mại. Pháp luật Việt Nam cũng đã ghi nhận hình thức này.

- Liệu có phát sinh cơ hội chiếm dụng vốn của các tổ chức, cơ quan nhà nước hay không? Vấn đề này phát sinh từ quy trình nộp và trách nhiệm có liên quan đến các nghĩa vụ tài chính mà chủ thể kinh doanh trong đó có doanh nghiệp khởi nghiệp phải thực hiện, đó là trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Quy định của pháp luật các quốc gia có khác nhau nhất định về vấn đề này tuy nhiên đều có điểm chung là xác định một thời gian nhất định, người nộp thuế hay nộp bảo hiểm xã hội mới phải chuyển tiền thực tế. Trong khoảng thời gian đó, các chủ thể này có thể sử dụng “khoản chiếm dụng” như nguồn vốn ngắn hạn cho các khoản thanh toán tạm thời.

Sáu là, tiếp cận vốn của các tổ chức, quỹ đầu tư. Đối với hoạt động khởi nghiệp hoặc các lĩnh vực Nhà nước khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng có thể tiếp cận các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc các quỹ hỗ trợ đầu tư. Quỹ hỗ trợ đầu tư này có thể là quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ hoặc quỹ đầu tư rủi ro.

## **2. Những vấn đề cơ bản về doanh nghiệp khởi nghiệp và pháp luật điều chỉnh việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp**

### **2.1. Quan niệm về khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp**

Khởi nghiệp (StartUp) không phải là một cụm từ được đề cập nhiều ở Việt Nam mà đang là cụm từ được sử dụng phổ biến trên phạm vi toàn cầu.

Ở Việt Nam, cụm từ khởi nghiệp chưa bao giờ được sử dụng nhiều như những năm 2016 trở lại đây. Điểm nhấn của thời điểm 2016 là việc Chính phủ chọn 2016 là “Năm Quốc gia khởi nghiệp”.

Khởi nghiệp là thuật ngữ chỉ những doanh nghiệp đang trong giai đoạn bắt đầu kinh doanh, nhưng với nghĩa hẹp thường hay đề cập đến các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ trong giai đoạn lập nghiệp. Nói đến khởi nghiệp là nói đến quá trình hoạt động, xây dựng ý tưởng ban đầu để cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ với “những điều kiện không chắc chắn nhất”.

Điểm đáng nói ở đây là, thuật ngữ khởi nghiệp đã được đề cập rất nhiều trong đời sống kinh tế - xã hội, nhưng lại chưa được đề cập đến trong bất kỳ một văn bản pháp luật nào. Trước khi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ được Quốc hội thông qua 12.6.2017, Dự thảo Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ có đề xuất khái niệm khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo. Theo đó, “Khởi nghiệp là quá trình hiện thực ý tưởng kinh doanh, bao gồm quá trình thành lập và vận hành doanh nghiệp trong vòng 05 năm kể từ ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, chưa

niêm yết trên thị trường chứng khoán”<sup>3</sup> và “Khởi nghiệp sáng tạo (startup) là quá trình khởi nghiệp dựa trên việc tạo ra hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa và có khả năng tăng trưởng nhanh”<sup>4</sup>. Tuy nhiên Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ số 04/2018/QH14 không đề cập đến khái niệm khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo mà chỉ quy định về “doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.”<sup>5</sup>

- Quy mô vốn sở hữu chủ thường rất nhỏ.

Đặc điểm về vốn và khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp có nhiều điểm tương đồng với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vốn đầu tư là yêu cầu bức thiết của bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. Với doanh nghiệp khởi nghiệp đặc biệt là khởi nghiệp sáng tạo, nhu cầu vốn là to lớn để triển khai ý tưởng hoặc mô hình kinh doanh mới – những ý tưởng hay mô hình này lại thường chưa có tiền lệ nên khó xác định được mức độ rủi ro cũng như giá trị thực, vì vậy việc tiếp cận vốn sẽ gặp phải những khó khăn đáng kể.

- Doanh nghiệp khởi nghiệp luôn mang tính sáng tạo. Theo John R. Dearie (2017), nhờ tính sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp đã đóng góp rất lớn đến tăng trưởng kinh tế Hoa kỳ những năm 1950<sup>6</sup>. Như thế, tính sáng tạo của các doanh nghiệp khởi nghiệp cần được khuyến khích để mở ra nhưng hướng phát triển mới cho nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam.

- Sản phẩm được tạo ra giải quyết được rất nhiều khiếm khuyết của điều kiện kinh tế xã hội. Trong các doanh nghiệp khởi nghiệp thì vai trò của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được đề cao trong giai đoạn hiện nay, xuất phát từ giá trị của sản phẩm được tạo ra bởi loại doanh nghiệp này. Điển hình nhất có thể nói đến sản phẩm của blockchain đến việc xác định tính chân thực và duy nhất của các giao dịch hành chính kinh tế, làm tiền đề cho việc quyết định xây dựng các chính phủ điện tử ở các quốc gia. Việc Lào quyết tâm xây dựng chính phủ vận hành bằng công nghệ blockchain đầu tiên ở Đông

<sup>3</sup> Điều 3 khoản 9 Dự thảo 1 Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, [http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT\\_DUTHAO\\_LUAT/View\\_Detail.aspx?ItemID=1196&TabIndex=1&LanID=1197](http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1196&TabIndex=1&LanID=1197)(truy cập ngày 18.7.2018).

<sup>4</sup> Điều 3 khoản 1 Dự thảo 1 Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, [http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT\\_DUTHAO\\_LUAT/View\\_Detail.aspx?ItemID=1196&TabIndex=1&LanID=1197](http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1196&TabIndex=1&LanID=1197)(truy cập ngày 18.7.2018).

<sup>5</sup> Xem Điều 3 khoản 2 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ số 04/2017/QH14 ngày 12.06.2017.

<sup>6</sup> Xem: John R. Dearie (2017), The Start-ups Slump: Can Tax Reform Help Revive Entrepreneurship?, <https://files.taxfoundation.org/20171003090316/SAHtoJEC-10.3FINAL.pdf>, truy cập ngày 24.07.2018

Nam Á, chỉ sau các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) và Cộng hòa Estonia là ví dụ điển hình<sup>7</sup>.

- Tính dễ bị thâm tóm hoặc có tuổi thọ ngắn. Do doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp mới hình thành, vốn mỏng, tính rủi ro của sản phẩm công nghệ hoặc môi trường sinh thái không đủ điều kiện duy trì nên dễ bị thâm tóm hoặc tổn thương (chấm dứt hoạt động vì thất bại trong kinh doanh)<sup>8</sup>. Nói khác đi, duy trì một doanh nghiệp khởi nghiệp để trở thành một doanh nghiệp thành đạt hoàn toàn không dễ dàng<sup>9</sup>. Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng không nằm ngoài tình trạng này<sup>10</sup>.

## ***2.2. Các bộ phận cấu thành của pháp luật về huy động vốn không qua tổ chức tín dụng của doanh nghiệp khởi nghiệp***

Để huy động vốn, các quốc gia trong đó có Việt Nam thường đưa ra nhóm quy phạm điều chỉnh các vấn đề sau đây:

*Một là*, xác định tư cách chủ thể khi tiếp cận vốn. Khi đề cập đến tư cách chủ thể tiếp cận vốn, pháp luật Việt Nam thường đề cập đến việc nhận diện ở các góc độ luật chung và luật chuyên ngành.

*Hai là*, xác định điều kiện khi huy động vốn. Tùy thuộc theo tính chất quan hệ đối với nguồn vốn dự định có được, điều kiện tiếp cận vốn của các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể khác nhau. Nguồn vốn tiếp cận có thể là vốn chủ sở hữu hoặc vốn vay. Tuy vậy, về điều kiện, thường đề cập đến ba nhóm điều kiện sau đây:

Thứ nhất, nhóm điều kiện về tình trạng hoặc hiện trạng của doanh nghiệp khởi nghiệp, trong đó đề cập đến điều kiện về hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh, các hồ sơ liên quan đến doanh nghiệp. Thứ hai, nhóm điều kiện về năng lực tài chính hiện có. Thứ ba, nhóm điều kiện về nhân sự (con người). Nhóm điều kiện này thường xác định các tiêu chí nhằm đảm bảo nguồn vốn chuyển đến doanh nghiệp sẽ được sử dụng an toàn, có hiệu quả và có mức sinh lời cao nhất.

Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cả ba nhóm điều kiện trên không phải lúc nào cũng có khả năng chứng

---

<sup>7</sup> Xem: Lào thúc đẩy xây dựng chính phủ vận hành bằng blockchain đầu tiên ở Đông Nam Á, <http://cafef.vn/lao-thuc-day-xay-dung-chinh-phu-van-hanh-bang-blockchain-dau-tien-o-dong-nam-a-20180619201421409.chn>, truy cập ngày 19.06.2018

<sup>8</sup> Xem: Nguyễn Kiên Cường, Khởi nghiệp, vì sao chỉ 3% thành công, <http://dantri.com.vn/viec-lam/khoi-nghiep-vi-sao-chi-3-thanh-cong-20170310095312353.htm>, truy cập ngày 10.3.2017.

<sup>9</sup> Xem: Ý Nhi, Khởi nghiệp ở Việt Nam – Khó hay dễ, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/khoi-nghiep-o-viet-nam-kho-hay-de-122780.html>, truy cập ngày 27.9.2017.

<sup>10</sup> Doanh nghiệp SHIPT là doanh nghiệp khởi nghiệp của Hoa Kỳ, ra mắt lần đầu vào tháng 11.2014, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực mua hàng hộ khách hàng, trong 4 năm đã đạt được lợi nhuận đến 1 tỷ USD với 40 nghìn nhân viên tại 80 thành phố khác nhau trên toàn nước Mỹ, đã bị mua lại bởi hãng bán lẻ Target. Theo: bản tin Tài chính kinh doanh sáng ngày 31.07.2018, VTV1.



minh, vì vậy, sẽ là khó khăn không nhỏ để mô hình này có thể huy động vốn trong xã hội.

*Ba là*, biện pháp bảo đảm đối với nguồn vốn tiếp cận. Cho dù là nguồn vốn sở hữu chủ hay nguồn vốn vay, pháp luật thường quy định các rào cản nhằm hạ chế rủi ro cho nhà đầu tư ban đầu, chính là các biện pháp nhằm đảm bảo đối với nguồn vốn tiếp cận. Đối với nguồn vốn chủ sở hữu, phương án đảm bảo an toàn cho nguồn vốn ngoài việc quy định điều kiện tiếp cận vốn, còn quy định các cách thức tiếp cận nguồn vốn của nhà đầu tư. Điều đó lý giải vì sao có những phương thức được pháp luật cho phép, bên cạnh đó có những phương thức pháp luật khuyến cáo rủi ro hoặc cấm thực hiện.

*Bốn là*, giới hạn các khoản vốn và năng lực của doanh nghiệp khởi nghiệp. Xuất phát từ yêu cầu sử dụng có hiệu quả nguồn vốn có được, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư (với tư cách là chủ sở hữu hoặc chủ nợ đối với doanh nghiệp) và phân tán rủi ro, pháp luật thường quy định cụ thể giới hạn cho phần vốn của mỗi đợt huy động, khoảng thời gian cần thiết giữa các đợt huy động (nếu sử dụng cách thức huy động theo luật chứng khoán), giới hạn tối đa mà doanh nghiệp và các bên liên quan của doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng (theo luật các tổ chức tín dụng) hoặc giới hạn tối đa cho nguồn vốn có thể nhận được (từ nguồn vốn hỗ trợ của các quỹ hỗ trợ thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước)... Cách quy định cụ thể trong mỗi trường hợp có thể là khác nhau từ việc xác định hiện trạng doanh nghiệp khi tiếp cận nguồn vốn.

*Năm là*, giám sát sau khi huy động vốn và cơ chế thu hồi đối với các khoản nợ. Đối với các khoản vốn thuộc sở hữu chủ, việc báo cáo kết quả đợt thu hút vốn được coi là yêu cầu bắt buộc và còn quy định rõ thời điểm báo cáo kết quả tiếp cận vốn sở hữu chủ cho từng trường hợp. Vấn đề này được quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán. Đối với các khoản vốn vay, giới hạn này được quy định tại Luật Tổ chức tín dụng.

### **3. Nhận diện các rào cản pháp lý về huy động vốn không qua tổ chức tín dụng của các chủ thể khởi nghiệp**

#### **3.1. Rào cản về khả năng huy động vốn chủ sở hữu thông qua thị trường chứng khoán**

Thị trường chứng khoán là môi trường thu hút vốn chủ yếu với mục đích đầu tư vào chứng khoán vốn (cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đầu tư, trong chuyên đề này cổ phiếu được xem xét một cách ưu tiên) và chứng khoán nợ (trái phiếu). Để có cơ sở cho việc huy động vốn chủ sở hữu qua thị trường chứng khoán, Điều 110, khoản 3 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định “Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn.” Về cơ sở pháp lý, doanh nghiệp khởi nghiệp là công ty cổ phần có thể chào bán cổ phần riêng lẻ theo Điều 123 Luật Doanh nghiệp và làm thủ tục thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp khởi nghiệp về lý thuyết

cũng có thể chào bán cổ phần ra công chúng theo Điều 122 khoản 1 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Luật Chứng khoán. Tuy nhiên có thể nhận thấy ngay rằng doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo khó có điều kiện để chào bán cổ phần ra công chúng để trở thành công ty đại chúng vì thời điểm trước khi chào bán, vốn điều lệ thực góp đã từ 10 tỷ đồng, chưa đề cập đến các điều kiện khác. Doanh nghiệp khởi nghiệp khó đạt mức vốn này. Với mức vốn điều lệ trung bình của các doanh nghiệp vừa và nhỏ<sup>11</sup> hiện nay thì cơ hội huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán theo Luật Chứng khoán dường như không đặt ra với mô hình này.

### ***3.2. Rào cản về khả năng tiếp cận các quỹ đầu tư rủi ro***

Thực tế hiện nay, doanh nghiệp khởi nghiệp thường sử dụng vốn từ tích lũy mà có, từ người thân, sau đó tiếp cận nguồn vốn của các quỹ đầu tư bên ngoài quan tâm đến lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp. Đây thường là những tổ chức, cá nhân chấp nhận rủi ro, yêu thích công nghệ, có thể đầu tư vào hoạt động công nghệ ngay từ thời điểm chưa hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp, ở giai đoạn xây dựng ý tưởng, tham gia ý kiến, sáng kiến cho hệ sinh thái mà ý tưởng khởi nghiệp hướng tới. Hiện nay, Việt Nam nổi lên như nhóm quốc gia có thị trường đầu tư mạo hiểm hàng đầu châu Á, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào vườn ươm doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, thời gian qua Chính phủ ban hành Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11.3.2018 quy định chi tiết về tiêu chí và thủ tục xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, phương thức và điều kiện được lựa chọn tham gia đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, trước khi có Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11.3.2018 cho đến nay, khi Nghị định đã đi vào cuộc sống thì đây cũng chỉ là nguồn vô cùng hạn chế so với nhu cầu doanh nghiệp. Với 216.859 doanh nghiệp được thành lập mới và nguồn vốn đăng ký 1.295,9 nghìn tỷ trong năm 2017 thì nhu cầu tiếp cận vốn là vô cùng to lớn. Trong khi đó tổng vốn hỗ trợ từ năm 2013<sup>12</sup> là quá khiêm tốn so với nhu cầu doanh nghiệp. Chúng tôi đồng thuận với ý kiến của tác giả Xuân Thân khi cho rằng “thực tế cho thấy nguồn vốn điều lệ 2.000 tỷ của Quỹ là quá eo hẹp đối với nhu cầu hỗ trợ của hơn 500.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ trên phạm vi toàn quốc. Bộ KHĐT cho biết, qua những lần làm việc với các Hiệp hội, doanh nghiệp vừa và nhỏ đều có kiến nghị cần tăng nguồn vốn cho Quỹ để đáp ứng được nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời, theo kinh nghiệm Quốc tế của các nước cho thấy việc mở rộng các phương thức huy động vốn giúp Quỹ chủ động trong thực hiện Kế hoạch hoạt động và đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn của

---

<sup>11</sup> Từ 2011 đến 2016, Số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp lần lượt là: 6,62; 6,69; 5,18; 5,78; 6,35 8,09 tỷ đồng. Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư – Cục phát triển doanh nghiệp, Sách trắng Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Hà Nội – 2017, Trang 11.

<sup>12</sup> Năm mà Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ được thành lập và hoạt động theo Quyết định 601/QĐ-TTg17/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ

doanh nghiệp vừa và nhỏ.”<sup>13</sup> Nếu chỉ với “Nguồn vốn điều lệ 837,25 tỷ đồng của Quỹ được cấp từ Ngân sách Nhà nước cho năm 2016 đã là vốn mồi của Nhà nước cho việc huy động các nguồn tài chính ngoài Nhà nước cùng tham gia hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ”<sup>14</sup>, chúng ta hoàn toàn có thể hình dung được cơ hội hiếm hoi của doanh nghiệp nhỏ và vừa có được nguồn tài chính từ quỹ hỗ trợ tài chính của Nhà nước với lãi suất ưu ái: 5,5% đối với các khoản cho vay ngắn hạn và 7% đối với các khoản cho vay trung và dài hạn<sup>15</sup>. Với nguồn hạn chế, điều kiện và phương thức tiếp cận vốn phức tạp, được trải rộng trên nhiều địa bàn làm cho người đọc hoàn toàn có thể hình dung được sự nguồn hỗ trợ này chỉ dừng lại ở mức độ rất khiêm tốn.

### ***3.3. Rào cản về sự chưa cho phép đối với hoạt động huy động vốn của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Hoạt động chào bán lần đầu đồng tiền mã hóa (token) được diễn ra ở nước ngoài và cả ở trong nước dẫn đến rất nhiều vấn đề phát sinh. Câu hỏi đối với doanh nghiệp là: việc chào bán đồng tiền kỹ thuật số để huy động vốn (ICO – Initial Coin Offering) là không hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, vậy tại sao lại được coi là hợp pháp ở nước ngoài, chẳng hạn như Singapore? Câu hỏi đối với Nhà nước: làm thế nào để có thể quản lý và giảm thiểu rủi ro khi các đồng tiền kỹ thuật số vẫn thực tế xuất hiện tại Việt Nam và nhà đầu tư Việt Nam vẫn lâm vào tình trạng rủi ro mất vốn? Câu hỏi đối với người dân đã và đang tham gia vào các giao dịch ICO của các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam thực hiện một cách bất hợp pháp hay giao dịch các đồng tiền được ICO hợp pháp ở nước ngoài, trong đó có các đồng tiền của các doanh nghiệp Việt Nam?

Nếu hầu hết các sản phẩm của nền công nghiệp 4.0 được đón nhận một cách nồng nhiệt thì tiền kỹ thuật số lại đang là vấn đề nan giải khi người dân Việt Nam tham gia vào thị trường tiền kỹ thuật số được tạo ra ở trong nước cũng như nước ngoài mà không công nhận mọi hoạt động phát hành cũng như giao dịch tiền kỹ thuật số ở Việt Nam.

Ngày 11.4.2018 Thủ tướng có Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường quản lý các hoạt động liên quan tới Bitcoin và các loại tiền ảo tương tự khác, theo đó các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các quỹ đầu tư chứng khoán không được thực hiện các hoạt động phát hành, giao dịch và môi giới giao dịch liên quan tới tiền ảo trái pháp luật. Như vậy, việc phát hành và giao dịch tiền kỹ thuật số bị cấm ở Việt Nam. Điều này dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt

---

<sup>13</sup> Xem: Xuân Thân, Quỹ Phát triển DNNVV: Tăng nguồn vốn hỗ trợ, đổi phương thức cho vay <https://vov.vn/kinh-te/quy-phat-trien-dnnvv-tang-nguon-von-ho-tro-doi-phuong-thuc-cho-vay-558789.vov>, truy cập ngày 3.8.2018.

<sup>14</sup> Nguồn: <http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=91&idcm=30>, truy cập ngày 20.8.2018

<sup>15</sup> Nguồn: <http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=91&idcm=30>, truy cập ngày 20.8.2018

Nam đã tiến hành ICOs ở nước ngoài, mà trước hết là Singapore. Theo ông Nguyễn Hòa Bình, Chủ tịch NextTech Group thì “không nên để dòng tiền của các doanh nghiệp và nhà đầu tư ở Việt Nam” chảy ra những thị trường quốc tế, mà trước hết là Singapore”<sup>16</sup>. Tuy vậy, quan điểm của chúng tôi về vấn đề này có điểm không đồng thuận, khi chúng ta chưa đánh giá được hết mức độ rủi ro và khả năng kiểm soát của các doanh nghiệp khi thực hiện ICO cũng như chưa có sự đầu tư một cách thỏa đáng để người dân Việt Nam hiểu rằng, đầu tư vào đồng tiền kỹ thuật số cũng đồng nghĩa với việc đầu tư rủi ro.

Ở Singapore, việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ICO hiện nay luôn gắn với trách nhiệm của các Quỹ đầu tư rủi ro (venture capital funds – VC) và đặt ra rất nhiều điều kiện cho VC, gắn với Luật Chứng khoán và Luật về giao dịch tương lai (Securities and Futures Act). Mức độ “khó” rất cao cho các nhà đầu tư nắm giữ tiền kỹ thuật số được ICO<sup>17</sup>. Bên cạnh đó, Ngân hàng Trung ương Singapore cũng luôn áp dụng chế độ cảnh báo về rủi ro khi nhà đầu tư tham gia vào các đồng tiền kỹ thuật số<sup>18</sup>. Với những phân tích này, có thể lý giải được vì sao Việt Nam cần rất thận trọng cho việc ghi nhận hoạt động ICO ở Việt Nam cũng như các hoạt động khác có liên quan khi mà nhà đầu tư vào hoạt động này chưa có được những kiến thức cần thiết cũng như việc chấp nhận những “tổn thương” có thể xảy ra khi tham gia thị trường rủi ro.

Đánh giá về tiềm năng và cơ sở pháp lý cho việc huy động vốn của doanh nghiệp thông qua các hoạt động ICO ở Singapore, mặc dù có nhiều thông tin trong nước cũng như thông tin trong khu vực về việc ICO ở Singapore đang thu hút rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài (trong đó có Việt Nam) chúng tôi cho rằng cần tìm hiểu đầy đủ thông tin. Các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực công nghệ số của Việt Nam phản nản rằng “nhà nước đã lãng phí một nguồn tài chính to lớn khi để các ICOs được thực hiện ở ngoài nước”<sup>19</sup> và đề xuất cho phép ICO tại Việt Nam đi kèm với quy định đăng ký của tác giả Nguyễn Huy Hoàng Nam<sup>20</sup> tôi cho rằng chưa nên thực hiện vào giai đoạn này.

---

<sup>16</sup> Phát biểu của ông Nguyễn Hòa Bình, chủ tịch NextTech Group trong bài tham luận “Hành lang pháp lý quản lý tiền ảo ở các nước trên thế giới”, hội thảo “Xây dựng khung pháp lý về tiền ảo tại Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra”, Bộ Tư pháp, ngày 30-31.3.2018

<sup>17</sup> Nguồn: MAS simplifies rules for managers of venture capital funds to facilitate start-ups’ access to capital, (<http://www.mas.gov.sg/News-and-Publications.aspx>) truy cập ngày 4.9.2018.

<sup>18</sup> Nguồn: MAS cautions against investments in cryptocurrencies (<http://www.mas.gov.sg/News-and-Publications/Media-Releases/2017/MAS-cautions-against-investments-in-cryptocurrencies.aspx>), truy cập ngày 4.9.2018.

<sup>19</sup> Ý kiến của Ông Nguyễn Hòa Bình, chủ tịch NextTech Group, Nguyễn Hữu Tuất, Tổng giám đốc MPOS Global... tại phân tham luận và thảo luận ở Hội thảo “Xây dựng khung pháp lý về tiền ảo tại Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra”, Bộ Tư pháp, ngày 30-31.3.2018.

<sup>20</sup> Nguồn: Nguyễn Huy Hoàng Nam – Vụ pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp, Quản lý tiền ảo tại Nhật Bản & Một số đề xuất cho Việt Nam, Kỳ yếu hội thảo “Xây dựng khung pháp lý về tiền ảo tại Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra”, Bộ Tư pháp, ngày 30-31.3.2018.

Thực tế cũng đang xuất hiện một thuật ngữ “Security Token” - một dạng cổ phiếu điện tử phát hành dưới dạng token. Người sở hữu “Security Token” sẽ được hưởng cổ tức dựa trên số cổ phần của dự án. “Security Token” còn cho phép chủ sở hữu có quyền bầu chọn hoặc tham gia một số công việc của dự án?<sup>21</sup> Bên cạnh “Security Token” còn có “Hybrid Token”, theo đó, “Hybrid Token” “là một loại sản phẩm hỗn hợp, vừa xác định là khoản nợ vừa có thể sử dụng như phương tiện thanh toán<sup>22</sup>. Như vậy, dường như có nhiều phương án tiếp cận vốn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian hiện tại và tương lai.

#### **4. Đề xuất các giải pháp trong xây dựng và thực thi pháp luật liên quan đến huy động vốn không qua tổ chức tín dụng của các chủ thể khởi nghiệp**

Với những lập luận và phân tích nêu trên, chúng tôi nhận thấy cần nhắc thực hiện một số biện pháp pháp lý để tạo điều kiện cho các chủ thể khởi nghiệp tiếp cận các nguồn vốn, cụ thể là

##### ***4.1. Tạo cơ hội tiếp cận các nguồn tài trợ từ phía Nhà nước thông qua các dự án hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ***

Bên cạnh việc Ngân hàng Nhà nước phối hợp cùng với các bộ ngành có liên quan để thực hiện cơ chế bảo lãnh vay vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hay doanh nghiệp khởi nghiệp, cần nhanh chóng thành lập các quỹ đặc biệt của Nhà nước giành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo. Các quỹ có thể đặt ra như Quỹ đầu tư tác động, Quỹ sáng kiến trong giai đoạn đầu, Quỹ đầu tư mạo hiểm theo ngành nghề của Nhà nước. Hoạt động của các quỹ này bên cạnh nguồn vốn “mồi” của Nhà nước, cũng có thể áp dụng cơ chế “xã hội hóa” nguồn vốn. Phương thức xã hội hóa có thể cần nhắc thực hiện như gọi vốn cộng đồng, góp vốn của các quỹ đầu tư mạo hiểm.

Với Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp, cần cần nhắc nói rộng giới hạn khoản hỗ trợ tài chính, tránh tình trạng “rãi mảnh mảnh”, mục tiêu đầu tư sẽ không đạt được. Thực tế cho thấy, để nhận được nguồn tài chính trực tiếp từ quỹ đầu tư thường rất khó khăn, vì vậy Nhà nước có thể áp dụng đầu tư công (theo địa chỉ và đơn đặt hàng) để hình thành những vườn ươm khởi nghiệp có quy mô lớn.

---

<sup>21</sup> Nguồn: Đề tài khoa học cấp Bộ Các khía cạnh pháp lý của tiền ảo: thực tiễn các nước và một số kinh nghiệm cho Việt Nam”, Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Minh Oanh, Bộ Tư pháp – Trường Đại học Luật Hà Nội, 8.2018, trang 33.

<sup>22</sup> Nguyễn Thanh Tú, Vụ trưởng Vụ pháp luật Dân sự Kinh tế - Bộ Tư pháp, Tiền ảo, Quyết định 1255/QĐ-TTg và một số vấn đề đặt ra đối với khung pháp lý về tiền ảo tại Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo “Xây dựng khung pháp lý về tiền ảo tại Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra”, Bộ Tư pháp, ngày 30-31.3.2018.

#### ***4.2. Tạo cơ hội tiếp cận các nhà đầu tư rủi ro, đó chính là các quỹ đầu tư rủi ro***

Như chúng tôi đã phân tích, ở các nước mà Singapore là ví dụ, hoạt động khởi nghiệp rất cần có “bà đỡ” là các quỹ đầu tư rủi ro (venture capital funds). Ở Việt Nam, ngoài những quỹ đầu tư mạo hiểm lớn như IDGVV (IDG Ventures Vietnam), CyberAgent Ventures, DFJ VinaCapital<sup>23</sup>, hiện có nhiều quỹ đầu tư mạo hiểm khác đã bắt đầu tham gia vào thị trường Việt Nam. Cho đến thời điểm này, hoạt động đầu tư mạo hiểm cũng có khoảng thời gian đáng kể (IDG là quỹ đầu tiên và đã hoạt động tại Việt Nam đã 11 năm), vì vậy đã đến giai đoạn cần xây dựng văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao (Luật về Quỹ đầu tư rủi ro), tạo căn cứ pháp lý đầy đủ cho các quỹ rủi ro hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong hiện tại và tương lai.

Để có cơ sở thực hiện nội dung này, chúng tôi cho rằng cần cần nhắc ban hành văn bản pháp luật về quỹ đầu tư rủi ro.

Hiện nay, chúng ta đã có quỹ đầu tư chứng khoán áp dụng theo Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, cơ chế hoạt động, cách thức, mục tiêu hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán không tương đồng với quỹ đầu tư rủi ro. Vậy, câu hỏi đặt ra: văn bản quy định về quỹ đầu tư rủi ro cần điều chỉnh những nội dung cơ bản nào?

Chúng tôi cho rằng:

- Phạm vi điều chỉnh cần hướng tới các hoạt động đầu tư tài chính cho các hoạt động khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo có độ rủi ro.

- Hình thức hiện diện của quỹ đầu tư rủi ro: xác định đây có phải là pháp nhân hay không? Việc này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm và mức độ chịu trách nhiệm đối với hoạt động của quỹ.

- Cơ chế hình thành quỹ và quy định cơ bản về việc tạo lập và sử dụng quỹ

- Nguyên tắc minh bạch hóa trong quá trình tạo lập và sử dụng quỹ

- Xác định cơ chế thảo thuận trong đầu tư tài chính đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.

Giả định những nội dung trên được quy định, cơ hội cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ rõ ràng hơn đồng thời giảm trách nhiệm của họ đối với nguồn vốn được đầu tư.

---

<sup>23</sup> Nguồn: <http://khoi.nghep.vn/he-sinh-thai/danh-sach-nhung-quy-dau-tu-mao-hiem-tai-viet-nam.html>, truy cập ngày 4.9.2018

### ***4.3. Xây dựng môi trường để các doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ hội chào bán các loại chứng khoán***

Như đã phân tích tại mục 3.3, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp khó có cơ hội chào bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán có tổ chức. Chúng tôi cũng đề cập đến việc không nên xây dựng một thị trường chứng khoán riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy vậy, để loại hình doanh nghiệp này thể có vốn bằng con đường chào bán chứng khoán (quyền của công ty theo Luật Doanh nghiệp) và không gây ra rủi ro lớn cho các nhà đầu tư, có thể cân nhắc một số điểm sau đây:

Trước hết, chúng ta cần thống nhất với nhau về việc một chủ thể kinh doanh có nhiều phương án khác nhau và tiếp cận vốn thông qua thị trường chứng khoán tập trung (bằng con đường chào bán chứng khoán ra công chúng) chỉ là một trong nhiều phương án.

Khi tất cả các phương án chào bán chứng khoán ra công chúng không áp dụng được (do điều kiện cần có hàng hóa chất lượng tốt tại Sở Giao dịch chứng khoán), khó tiếp cận thêm nguồn vốn từ những người thân quen (thông qua chào bán chứng khoán riêng lẻ), không đủ điều kiện để tiếp tục vay vốn tại tổ chức tín dụng hay quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhà nước thì Nhà nước nên tìm “lối thoát” cho nhóm các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chứng khoán mà công ty cổ phần hay công ty trách nhiệm hữu hạn khởi nghiệp có thể là các chứng khoán và điều kiện “dưới chuẩn” nhưng lại cần có hỗ trợ của các tổ chức hỗ trợ thị trường.

- Tổ chức phát hành, như đã phân tích, đây là mô hình công ty cổ phần có quy mô nhỏ,

- Về điều kiện chào bán và định giá chứng khoán chào bán, cần đặc biệt quan tâm đến báo cáo tài chính và đánh giá tình hình thị trường liên quan của sản phẩm mà tổ chức chào bán cung cấp trong ngắn hạn và dài hạn.

- Loại chứng khoán chào bán, chỉ nên quy định là chào bán cổ phiếu và trái phiếu, không quy định chào bán chứng khoán phái sinh.

- Thành viên thị trường nhất thiết có các quỹ đầu tư rủi ro tham gia với tư cách nhà đầu tư chuyên nghiệp và thị trường rủi ro.

- Để chứng khoán của bộ phận này có sức thanh khoản, cần quy định sự tham gia của công ty chứng khoán với tư cách là nhà tạo lập thị trường.

- Về cơ quan quản lý và giám sát thị trường chứng khoán này, nên quy định cho Hiệp hội kinh doanh chứng khoán.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ điển Tiếng Việt, trang 782. Viện Ngôn ngữ học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 1992.
2. Dự thảo 1 Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, [http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT\\_DUTHAO\\_LUAT/View\\_Detail.aspx?ItemID=1196&TabIndex=1&LanID=1197](http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1196&TabIndex=1&LanID=1197)(truy cập ngày 18.7.2018)
3. Nguyễn Bích Ngọc, Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa – đối tượng sử dụng và chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính, Tạp chí Khoa học Ngân hàng và đào tạo, số 192 – tháng 5.2018
4. Bộ Kế hoạch và đầu tư – Cục phát triển doanh nghiệp, Sách Trắng Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Hà Nội – 2017
5. Kỷ yếu hội thảo “Xây dựng khung pháp lý về tiền ảo tại Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra”, Bộ Tư pháp, Hà Nội, ngày 30-31.3.2018.
6. Đề tài khoa học cấp Bộ: Các khía cạnh pháp lý của tiền ảo - Thực tiễn các nước và một số kinh nghiệm cho Việt Nam”, Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Minh Oanh, Bộ Tư pháp – Trường Đại học Luật Hà Nội, 8.2018.
7. <http://www.businessdictionary.com/definition/financial-resources.html>, truy cập ngày 19.7.2018
8. John R. Dearie (2017), The Start-ups Slump: Can Tax Reform Help Revive Entrepreneurship? <https://files.taxfoundation.org/20171003090316/SAHtoJEC-10.3FINAL.pdf>, truy cập ngày 24.07.2018
9. Lào thúc đẩy xây dựng chính phủ vận hành bằng blockchain đầu tiên ở Đông Nam Á, <http://cafef.vn/lao-thuc-day-xay-dung-chinh-phu-van-hanh-bang-blockchain-dau-tien-o-dong-nam-a-20180619201421409.chn>, truy cập ngày 19.06.2018
10. Khởi nghiệp, vì sao chỉ 3% thành công, <http://dantri.com.vn/viec-lam/khoi-nghiep-vi-sao-chi-3-thanh-cong-20170310095312353.htm>, truy cập ngày 10.3.2017.
11. Khởi nghiệp ở Việt Nam – Khó hay dễ, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/khoi-nghiep-o-viet-nam-kho-hay-de-122780.html>, truy cập ngày 27.9.2017.
12. Bộ kế hoạch đầu tư, <http://www.mpi.gov.vn>
13. <http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn>
14. <https://vov.vn/kinh-te/quy-phat-trien-dnnvv-tang-nguon-von-ho-tro-doi-phuong-thuc-cho-vay-558789.vov>, truy cập ngày 3.8.2018.



15. MAS simplifies rules for managers of venture capital funds to facilitate start-ups' access to capital, truy cập ngày 4.9.2018.
16. MAS cautions against investments in cryptocurrencies (<http://www.mas.gov.sg/News-and-Publications/Media-Releases/2017/MAS-cautions-against-investments-in-cryptocurrencies.aspx>)
17. Bản tin Tài chính kinh doanh sáng ngày 31.07.2018, VTV1
18. <http://khoi.nghiep.vn/he-sinh-thai/danh-sach-nhung-quy-dau-tu-mao-hiem-tai-viet-nam.html>

### **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu

Trường Đại học Luật Hà Nội

Email: [giangthu.tcnh@gmail.com](mailto:giangthu.tcnh@gmail.com)

Mobile phone: 0913 508 540

## STARTUP: TÀI TRỢ CHO VIỆC MUA BÁN SÁP NHẬP DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

*TS. Lê Nết*

*Luật sư thành viên - LNT & Partners*

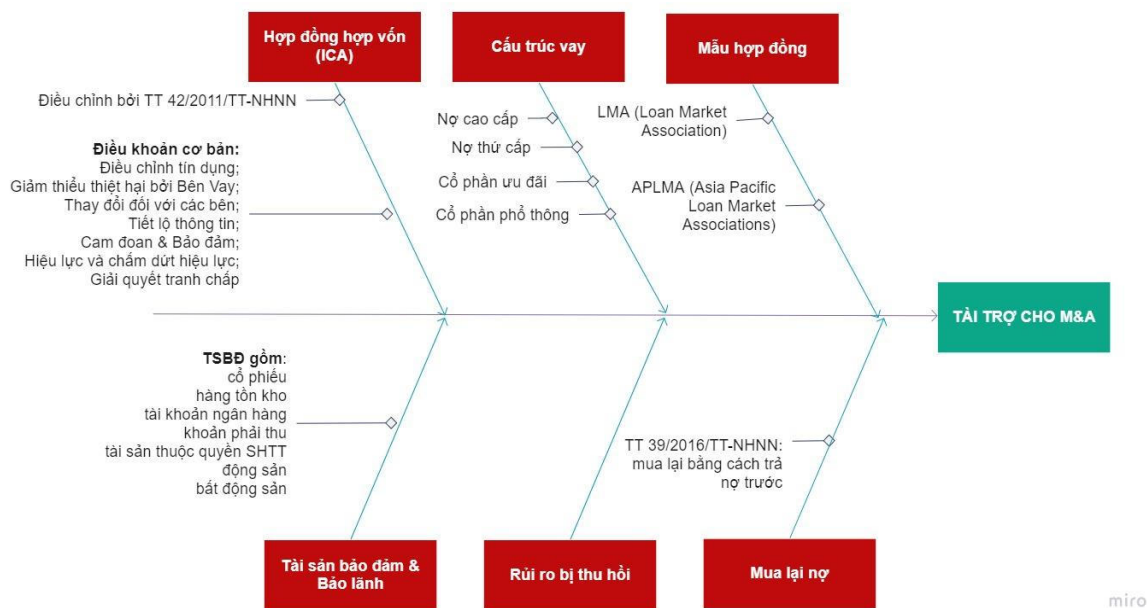
Bài viết trình bày về việc tài trợ M&A cho start up theo phương thức Tài trợ cho việc mua bán sáp nhập (Acquisition financing), dưới góc nhìn của nhà đầu tư và các ngân hàng.

Về cơ bản, phương thức Tài trợ cho việc mua bán sáp nhập được hiểu là việc một Bên (không nhất thiết là ngân hàng) hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhằm mục đích mua lại doanh nghiệp khác.

Có năm (05) phương thức tài trợ cho việc mua bán sáp nhập mà các bên có thể lựa chọn, cụ thể bao gồm:

<b>Chuyển nhượng cổ phần (share swap)</b>	<b>Doanh nghiệp mục tiêu chuyển nhượng cổ phần cho Bên mua</b>
<b>Mua cổ phần (Equity funding)</b>	Dựng lên công ty mẹ cho <b>Doanh nghiệp mục tiêu</b> , mua cổ phần từ công ty mẹ
<b>Hoàn tiền (Cash back funding)</b>	Thường sử dụng trong việc mua lại dự án bất động sản: Thay vì <b>Bên mua</b> nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất một cách trực tiếp, thì sẽ mua lại vốn góp tại <b>Doanh nghiệp mục tiêu</b> (được góp vốn bằng quyền sử dụng đất)
<b>Cho vay (Debt financing)</b>	Bao gồm phương thức mua lại doanh nghiệp bằng vốn vay - Leveraged Buy - Out - <b>LBO</b> <b>Bên mua</b> vay ngân hàng để mua lại Doanh nghiệp mục tiêu, sau đó sử dụng lợi nhuận thu được từ Doanh nghiệp mục tiêu để trả nợ ngân hàng
<b>Tài trợ hạng hai (Mezzanine debt)</b>	<b>Bên Tài trợ</b> sẽ chuyển nợ vay của <b>Bên Nhận tài trợ</b> thành vốn góp trong một số trường hợp

Theo đó, có những điểm mà cho doanh nghiệp start-up cần chú ý khi xin tài trợ cho việc mua bán sáp nhập, cụ thể như sau:



Hai (02) yếu tố đặc biệt cần chú ý là:

❖ **Thuế:** Bao gồm

- Thuế môn bài
- Thuế nhà thầu
- Vốn mông: vốn vay vượt quá vốn chủ sở hữu

Đối với thoả thuận cấp tín dụng hoặc phát hành trái phiếu, không có thuế trước bạ. Ngoài ra, Bên cho vay nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu nước ngoài, bằng 5% của tổng thu nhập phát sinh.

Trong các dự án sử dụng đất tại Việt Nam, các quy định về vốn mông được áp dụng. Theo đó, vốn điều lệ tối thiểu của công ty bất động sản là 20 tỷ VND; tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu tối thiểu cho dự án bất động sản là 85/15 và 80/20 nếu dự án sử dụng trên 20 héc ta hoặc đất đô thị; vốn chủ sở hữu tối thiểu của dự án phải chiếm ít nhất 15% tổng.

❖ **Hạn chế dành cho sở hữu nước ngoài trong công ty mục tiêu:** Cần lưu ý một số hạn chế đối với Bên mua và Ngân hàng cho vay.

Vấn đề thu tóm tài chính hiện vẫn chưa được luật hoá một cách hệ thống và thường được quy định theo đối tượng trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Chủ thể nước ngoài bị hạn chế trong các lĩnh vực cụ thể ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, lợi ích công cộng, văn hoá, đạo đức và phong tục Việt Nam, gây hại cho sức khoẻ con người, tài nguyên thiên nhiên hoặc phá hoại môi trường. Để thu tóm doanh nghiệp nhà nước cần xem xét đến phương án cổ phần hoá được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

Đối với ngân hàng, các hạn chế được quy định tại Điều 9 Nghị định 01/2014/NĐ-CP. Đối với các công ty đại chúng, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa là 49%, trừ khi pháp luật quy định khác.

## **1. Market**

### ***1.1. Major Lender-side Players***

*Please discuss the market with reference to local banks, international banks and debt funds.*

Vietnam markets are now in the process of becoming a matured markets. The leaders of the markets are Vietcombank (Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam), Vietinbank (Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industrial And Trade), BIDV (Bank for Investment and Development of Vietnam), and Techcombank (Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank), other banks to mention are MBBank (Military Commercial Joint Stock Bank), VPBank (Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank), ACB (Asia Commercial Joint Stock Bank), TPBank (Tien Phong Commercial Joint Stock Bank), SHB (Saigon Hanoi Commercial Joint Stock Bank) và Agribank (Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development).<sup>24</sup> Recently, Techcombank has skyrocketed to increase both the capital and the lending, through extensive issuing of bonds and purchasing project bonds in return.<sup>25</sup>

International banks are also present in Vietnam, either as 100% foreign owned banks, for example HSBC, Standard Chartered, United Overseas Bank or Hong Leong Bank, or branches of foreign banks, such as China Construction Bank, Bank of China or Citibank. To establish a foreign bank in Vietnam, the foreign bank must have at least 10 billion USD in total assets, and apply in two steps: obtaining in principle approval from the State Bank of Vietnam, and registration the operation at the local branch of SBV.<sup>26</sup>

Debt funds are so far limited. Some funds are established by the Government to purchase debts, such as VAMC (Vietnam Asset Management Corporation), who purchased bad debts from banks in exchange for a five year bond, and if after five years, the assets cannot be sold, then then banks must repurchase the debts. Debt funds as a real market force is yet to develop in Vietnam.

### ***1.2. Corporates and LBOs***

*Please discuss the market with reference to leveraged buy-outs and corporates.*

Companies in Vietnam are governed by the Law on Enterprises, and divided into three categories: partnership, limited liability company, and joint stock company (or shareholding company).<sup>27</sup>

---

<sup>24</sup><https://vietnamnet.vn/en/business/vietnam-report-unveils-top-commercial-banks-545521.html>

<sup>25</sup><https://e.theleader.vn/techcombank-accepts-bonds-as-collateral-for-loan-the-story-behind-1548319535388.htm>

<sup>26</sup> Vietnam's WTO commitments on service and Circular No.40/2011/TT-NHNH

<sup>27</sup> Law on Enterprises 2014

A partnership is divided into either limited liability partnership (LLP) or normal partnership. The normal partner bears unlimited liability to the performance of the partnership. The partners in the LLP however only have liability to the limit of their capital contribution.<sup>28</sup>

A limited liability company (LLC) consists of members and has no shares (only capital contribution). The members in the LLC only bear liability to the limit of their capital contribution. The LLC is governed by the Members Council (MC), in which its members have votes pro rata to their capital contribution in the total charter capital of the company. The day to day operation of the LLC is governed by a General Director. The MC majority votes to pass a resolution is 65% unless the Charter provide otherwise.

A joint stock company (JSC) consists of members and can issue shares. The shareholders in the JSC only bear liability to the limit of their subscribed share capital. The JSC is governed by the General Shareholders Meeting (GSM) in which its shareholders have votes pro rata to their common shares (or preferential voting shares) in the total share capital of the company.<sup>29</sup> Shareholders at GSM also vote to select a Board of Directors (BOD). Each director will have one vote. The majority of the BOD to pass a resolution is normally a simple majority.<sup>30</sup> At equal voting, the Chairman of the BOD will have a casting vote. The majority to pass a simple resolution at the GSM is 51% voting rights and the super majority is 65%, unless the Charter provided otherwise.<sup>31</sup>

A leverage buy out (LBO) occurs when the acquisition of a company uses a significant amount of borrowed money to meet the cost of acquisition. The assets of the company being acquired are often used as collateral for the loans, along with the assets of the acquiring company. LBO in Vietnam is more popular on the asset deals, especially acquisition of a real estate project. For example, the seller of a real estate project may accept a deposit in advance, and on closing to receiving the remaining money, on the condition that the land use right certificate (LURC) of the real estate (equivalent to the title of the assets) will be mortgaged to the bank that finance the acquisition.<sup>32</sup>

For equity deal however, the seller often requires the buyer to have financial capacity, either as a deposit (normally 20% of the Purchase Price) of the buyer vis-a-vis a bank guarantee from the seller, or an escrow account at 100% of the Purchase

---

<sup>28</sup> Article 172.1 of Law on Enterprises 2014

<sup>29</sup> Article 114 of Law on Enterprises 2014

<sup>30</sup> Article 149 of Law on Enterprises 2014

<sup>31</sup> Article 144 of Law on Enterprises 2014

<sup>32</sup> <https://www.iflr1000.com/NewsAndAnalysis/Real-estate-project-finance-in-Vietnam/Index/7288>

Price. At the closing, the seller shall transfer all the shares and the buyer will release the Purchase Price. The parties may agree that the seller may use the shares as a security for the buyer to borrow funds from banks to support the acquisition, and Vietnam law allow borrower using third party's assets (i.e., the seller's assets) as a security for a loan.<sup>33</sup> The credit limit applicable for a bank is that a corporate loan may not be higher than 15% of the owned assets of the bank.<sup>34</sup>

Under the Basel II regulation that Vietnam also applies, the bank must maintain a minimum equity ratio of 8% including the calculation of required capital for credit risk, market risk and operational risk.<sup>35</sup> These regulations should be taken while taking into account the LBO. The biggest LBO happened in Vietnam is the acquisition of Saigon Brewery at 5 billion USD by ThaiBev.<sup>36</sup>

## **2. Documentation**

### ***2.1. Governing Law***

The Governing law for corporate loan is Circular 39/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016. To start with a corporate loan, a line of credit (LOC) - an arrangement between a bank and a customer that establishes the maximum loan amount the customer can borrow. The borrower can access funds from the line of credit at any time as long as they do not exceed the maximum amount (or credit limit) set in the agreement and meet any other requirements such as making timely minimum payments. The condition to grant a corporate loan is that the customer is rated by the bank to have capacity for fully repaying loan principal and/or interest within the adjusted repayment period or within a specified period of time following the said loan term.<sup>37</sup>

Please note that the lending from a local bank has to be in VND. Lending in foreign currency is only available for short term trading loan or long term assets acquisition deals signed before 30 September 2019.<sup>38</sup>

There is no specific regulation for acquisition financing. Acquisition financing is the capital that is obtained for the purpose of buying another business. Of course, a reputable buyer may establish a LOC that allows it to meet their current acquisition aspirations, but we also advised clients in a number of other ways of acquisition finance.

---

<sup>33</sup> Article 335 and Article 336 of Civil Code 2015

<sup>34</sup> Article 128 of Law on Credit Institution 2010

<sup>35</sup> Article 6.2 of Circular 41/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016

<sup>36</sup> <https://bizlive.vn/biznews/thaibev-borrows-5-billion-to-finance-sabeco-acquisition-3428198.html>

<sup>37</sup> Article 19 of Circular 39/2016/TT-NHNN

<sup>38</sup> Article 3.1.c Circular 24/2015/TT-NHNN dated December 08, 2015, amended and supplemented by Circular 42/2018/TT-NHNN dated December 28, 2018

The first option is share swap. Under enterprise law, capital contribution can be in the form of convertible foreign currencies, gold, value rights to use land, value of intellectual property rights, technologies, technical secrets, and other assets that can be assessed in VND.<sup>39</sup> Therefore, share can be considered as assets for capital contribution, and share swap is allowed.<sup>40</sup> In addition, when companies own stock that is traded publicly, the acquirer can exchange its stock with the target company. An issue in share swap is the valuation of shares. Enterprise Law allows the relevant parties to sign valuation minutes and be responsible for such valuation.<sup>41</sup> However, if the shares are those from equitized (privatized) state own enterprises, the shares have to be valued by valuation companies certified by the Ministry of Finance.<sup>42</sup>

The second option is equity funding. Under this structure, the seller may set up a holding company for the target, and the seller buy shares in the holding company. This way of funding is risky in the sense that the holders of the shares in the holding company do not directly control the ownership of the target company. Having said this, this funding is useful when the target companies operate in retail business, and the direct ownership may lead to the difficulties in expanding the retail network. Under Vietnam law, foreign investors when investing in a retail network may not extend its retail network freely, each open of new retail shop will be subject to the so-called economic need test (ENT)<sup>43</sup>, that includes:

- (i) The scale of relevant geographic market being affected by to-be-retail outlet;
- (ii) The number of existing retail outlets in the relevant geographic market;
- (iii) Impact of the retail outlet on the market stability and operating activities of other retail outlets and traditional markets in the relevant geographic market;
- (iv) Impact of retail outlet on traffic density, environment hygiene, fire safety in the relevant geographic market;
- (v) Potential contribution of the retail outlet to the socio-economic development of the relevant geographic market

Equity funding is also used in offshore funding for tax purpose. Recently however, the Government takes position that even offshore acquisition is also subject to Vietnam tax if the assets and the business are ultimately located in Vietnam.<sup>44</sup> One of the famous offshore funding is the acquisition of the retail chain Casino group by

---

<sup>39</sup> Article 35 of Law on Enterprises 2014

<sup>40</sup> Article 126 of Law on Enterprises 2014

<sup>41</sup> Article 37 of Law on Enterprises 2014

<sup>42</sup> Article 12.5 126/2017/ND-CP dated November 16, 2017

<sup>43</sup> Article 23 of Decree 09/2018/ND-CP

<sup>44</sup> Dispatch 53152/CT-TTHT dated July 31, 2018 of the Hanoi Tax Department

the Thai Central Group at the price of EUR 1 billion.<sup>45</sup> The shares to be acquired are of the Netherlands company that in turn own series companies in Vietnam.<sup>46</sup>

The third option is cash back funding. This acquisition occurs in real estate project acquisition. For example, if the value of the land is US\$100 million, and the buyer wants to buy 80% shares in the new project. The seller then usually establish a target company with the share capital at US\$100 million and contributed by the land use right. The seller then sell 80% shares to the buyer (usually at a premium) and receive cash back from the share sold (US\$80 million) and the premium. Often the construction costs at the time of closing are also included in the sale shares.

The fourth option is debt financing, in which LBO is one of them. Under the debt financing, the buyer will seeks funds to acquire shares from banks, with the hope that the cash flow and profits from the target company will suffice to repay the debt. While giving out funds for acquisition, the bank usually analyzes the target company's projected cash flow, profit margins, and liabilities. Analysis of the financing health of both the acquiring company and the target company is a prerequisite. Local lawyers are usually engaged for the purpose of due diligence and issue of legal opinion to assess the legal risks. Commercial risks are assessed by the other experts.

The fifth option is mezzanine debt. Mezzanine or quasi-debt is an integrated form of financing that includes both equity and debt features. In nature, it is comparable with subordinate debt though it comes with an option of being converted to equity. An example is the acquisition by Mekong Capital of the chain of pharmaceutical shops – Pharmacy.<sup>47</sup> Some acquisition is by share acquisition. A part of acquisition is funds by convertible bonds. The convertible bonds are recognized in Vietnam as a debt funding.<sup>48</sup> When a certain condition happens, the debts will be converted into equity at the discretion of the buyer (option), or as an obligation to convert (future transaction). Mezzanine financing is suitable for target companies with a strong balance sheet, as well as steady profitability, though they may lack a strong asset base.

The option of LBO has been analyzed above. LBO is one of the options of acquisition finance and more popularly used for asset finance than equity finance.

---

<sup>45</sup><https://english.vietnamnet.vn/fms/business/155818/casino-group-sells-big-c-vietnam-to-thai-central-group.html>

<sup>46</sup><https://www.reuters.com/article/us-casino-m-a-central/french-retailer-casino-to-sell-big-c-vietnam-for-1-1-billion-idUSKCN0XQ0W7>

<sup>47</sup><https://e.theleader.vn/mekong-capital-bankrolls-vietnams-largest-pharmacy-retail-chain-1557245346104.htm>

<sup>48</sup> Article 6.3 of Law on Securities 2006, amended and supplemented in 2010



Last but not least, Vietnam now is experiencing the rise of seller's financing or vendor take back loan. This is where the acquiring company's source of acquisition financing is internal, coming from the target company. The financing may be through delayed payments, seller note, earn-outs. An example of earn-out financing is the acquisition of Sojitz in one of its distribution companies in Vietnam, where 70% of the price has been paid at the closing, and the remaining 30% is payable conditional upon performance of the target.<sup>49</sup> For the seller note, the target company will loan money to the buying company to finance acquisitions, in which the buying company pays a certain amount of the transaction at a future date. This has been performed in certain real estate financing transactions.<sup>50</sup>

## ***2.2. Use of LMA or Other Standard Loan***

*Outline the most common uses of Loan Market Agreement and other standard agreements*

Banks in Vietnam use their own form in the making corporate loan or project loans. Thanks to advises of major law firms, the banks are now familiar to forms such as LMA form (Loan Market Association) or APLMA (Asia Pacific Loan Market Associations). The use of APLMA is more familiar to banks in Vietnam than LMA, as APLMA is simpler and more pro-bank forms than those of LMA. Even when using their own forms, banks are familiar with the general concepts, such as drawdown of facility, conditions precedent, representations and warranties, covenants (information, financial and negative pledges), events of default.

As for requirements under law, Circular 39/2016/TT-NHNN requires a loan agreement to consist of the following clauses:<sup>51</sup>

- (i) Name, address and corporate identity code of the lending credit institution; name, address, number of identification card or citizen identification card or passport of the customer;
- (ii) Loan amount; loan limit for a line of credit loan; provisional credit limit for a provisional line of credit loan; overdraft limit for a current account overdraft facility;
- (iii) Loan purposes;
- (iv) Currency unit used for extending a loan or repaying debt;
- (v) Lending method;
- (vi) Loan term;

---

<sup>49</sup><https://www.vir.com.vn/sojitz-continues-its-ma-spending-spree-in-vietnam-62094.html>

<sup>50</sup><https://e.vnexpress.net/news/business/industries/real-estate-dominates-vietnam-s-m-and-a-scene-3783040.html>

<sup>51</sup>Article 23.1 of Circular 39/2016/TT-NHNN

- (vii) Agreed lending interest rate and interest rate converted into percent (%)/year
- (viii) Loan disbursement and use of payment instrument for disbursement of borrowed funds;
- (ix) Loan principal and interest repayment, and priority order of recovery of loan principal and interest; early debt repayment;
- (x) Debt rescheduling; delinquency of the principal amount
- (xi) Responsibilities of a customer
- (xii) Cases of loan termination; collection of debt prior to the due date; delinquency of the principal amount
- (xiii) Loan debt treatment; penalty for loan default and compensation for any loss incurred; rights and liabilities of parties involved;
- (xiv) Entry into force of a loan agreement.

The difficulties of the standard loans are often in the security documents, whether it is necessary to engage local lawyers to check, notarise and register with the competent registrars. The loan is not safe until all securities are registered and can be simply enforced. The LMA, APLMA are however, do not deal with the link between the loan and the enforcement. As such, the enforcement of the loan is not a simple task if the interface between the loan and the securities were not designed smoothly.

As for security, the Law on Credit Institutions requires each loan to have appropriate securities. Particularly, Article 94 provides that “*credit institutions shall request clients to provide documents proving the feasibility of their capital use plans, their financial capability, the lawfulness of capital use and **loan security measures** before deciding on credit extension*”.

### **2.3. Language**

*Are there any requirements relating the language used in documentation?*

There is no requirement relating in the language used in documentation, except that the loan agreement if signed with a Vietnam licensed bank must have a Vietnamese version. In addition, the finance documents that need to be notarised has to be in Vietnamese. In addition, if the parties agree to settle dispute at Vietnam court, then the only language that is used at court is Vietnamese.<sup>52</sup> The use of the language of the contracts therefore would be Vietnamese. To avoid this problem, most transaction documents have an arbitration clause, and the language of arbitration can be agreed as English or other languages.

---

<sup>52</sup> Article 20 of Law on Civil Procedures 2015

In addition, the seller may require the transaction documents to be translated into Vietnamese for their understanding or for the tax audit purpose. The translation however is not considered to be equivalent as the original. The parties may agree that in case of discrepancy, the prevailing language is English.

#### **2.4. Opinions**

*Give an overview of legal opinions in acquisition finance transactions.*

A legal opinion in an acquisition finance transaction may consist of two types. The first type is the due diligence report that records the risks of the target and the acquisition transactions. The typical risks to be recorded are ownership of shares and the quality of the target company, breach of guarantees and warranties, purchase price and price adjustment,...

The second type of legal opinion is the legal opinion in relation to the loan that finances the acquisition. The normal structure of the legal opinion consists of the following:

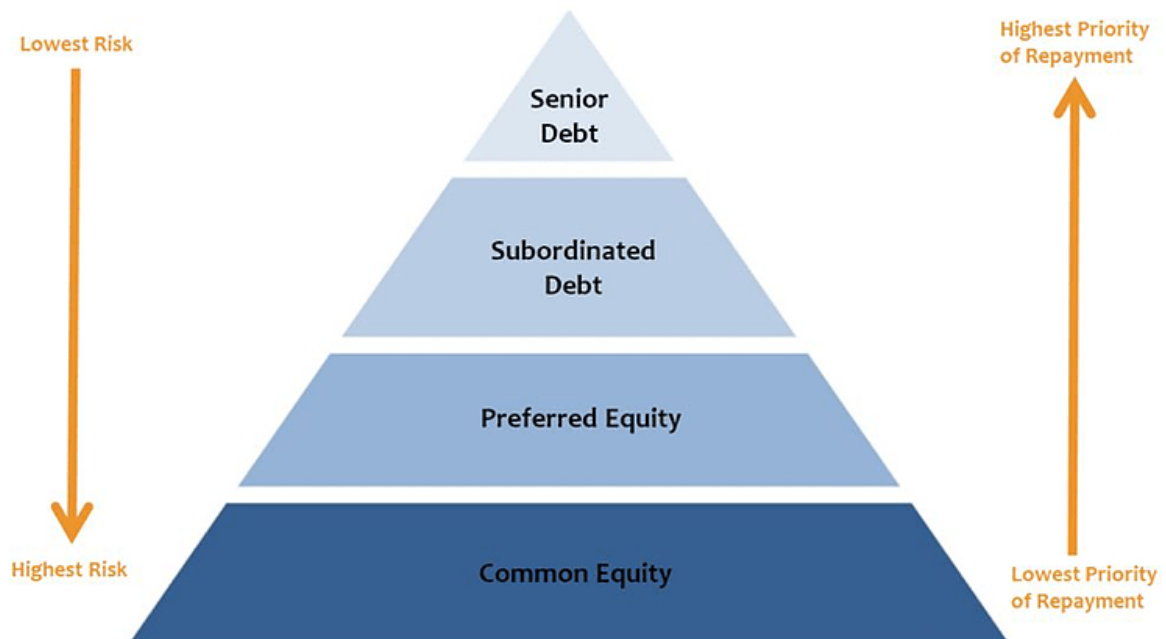
- (i) Legal status of the parties;
- (ii) Powers and Authorities;
- (iii) Validity, Legality and Enforceability;
- (iv) Conflicts;
- (v) Consents;
- (vi) Stamp duties;
- (vii) Choice of law;
- (viii) Dispute resolution;
- (ix) Jurisdiction;
- (x) Immunity.

#### **3. Structures**

As in other countries, Vietnam also recognises the concept of senior debts, mezzanine (subordinated debt), convertible loan (or preferred equity), and common equity as the methods of acquisition finance.<sup>53</sup>

---

<sup>53</sup>Courtesy of picture from <https://corporatefinanceinstitute.com/resources/knowledge/finance/senior-debt/>.



### ***3.1. Senior Loans***

Under senior loans structure, money owed by the lender that has first claims on the target company’s cash flows. This structure is designed in most of the corporate loans. The lenders almost always request the borrower or the target company to open the business bank account at the lenders’ agent. All of the cashflow from the target company (or the borrower) must go through that bank account, which is pledged at the agent. When the loan is not repaid, the account will be seized to for the debt repayment. Another covenant under Senior Loan is that the cashflow must be used to repay the debts before any other expenses (or reserve a minimum fund to repay the debts). The senior loans are however, insufficient to cover the lenders’ credit risks if the cashflow of the target or the borrower is not steady, or the project is still under construction for a while. Therefore, the lenders may request parent’s corporate guarantee to cover the credit risks of the borrower.

### ***3.2. Mezzanine/PIK Loans***

The structure of mezzanine loan include a senior loans (usually from the banks) and a subordinated debts (usually from the shareholders of the borrowers). Under this mezzanine loan, the lenders fix a ratio of the loans to the borrower from part of the lenders, and part of the shareholders. As for the repayment of debts, the repayment to the shareholders loan must be subordinated to the repayment to the senior lenders. Vietnam law accepts the concept of subordinated debt under Circular 19/2017/TT-NHNN.<sup>54</sup> In case of repayment, the law accepts that the parties may agree on the order of principal collection and the loans without securities would be repaid in advance.

<sup>54</sup> Article 1.24 of Circular 19/2017/TT-NHNN

### **3.3. Bridge Loans**

A bridge loan is a short-term form of financing that is used to meet current obligations before securing permanent financing. It provides immediate cash flow when funding is needed but is not yet available. An example of bridge loan is the corporate finance (backed by corporate guarantee), whereby the borrower needs funds to acquire an asset (e.g., an oil tanker) and convert it into a floating production and storage oil tanker (FPSO). The acquisition is backed by a bridge loan, whereby the conversion is backed by the project finance loan. While waiting for the conditions of a project finance loan to be fulfilled, e.g., steady cashflow from a charter party contract, the lenders would consider to provide a short term loan called bridge loan. Bridge loan has been used widely in oil and gas industry, as well as energy industry while waiting for a steady cashflow contract to be signed. The issue of bridge loan is usually the enforceability of the corporate guarantee, which – in case of guarantee for overseas entities, may be subject to the Prime Minister's approval, whereas the process to obtain such approval is not clear.<sup>55</sup> Recently, these difficulties have been relaxed by Decree 124/2017/ND-CP that allows oil and gas enterprises to provide guarantee to offshore subsidiaries up to their shareholding ratio in the subsidiaries.<sup>56</sup>

### **3.4. Bonds/HYB**

Issuing bonds are recently used as the alternative to the extending loans. First of all, for extending loan, the bank's credit committee must assess risks of the project and approve the termsheet. For bonds acquisition however, conditions of the lenders are more relaxed. Bonds are also attractive to smaller bond holders.

The issuance of corporate bonds are regulated by Decree 163/2018/ND-CP. Under this regulation, a company may issue bonds when it meets the following conditions:

- (i) Have operated for the minimum period of 01 year after first issuance of the Business Registration Certificate
- (ii) Have the financial statement of the year preceding the year of issue of corporate bonds
- (iii) Ensure compliance with the limit on the number of investors upon issuance and transaction of bonds
- (iv) Have the plan for issuance of bonds approved and accepted by competent authorities

---

<sup>55</sup> Article 19.2 of the Ordinance on Foreign Exchange Control 2006

<sup>56</sup> Article 23.3 of Decree 124/2017/ND-CP

(v) Make full payments of both principal and interest for a period of 03 consecutive years prior to the issuance of bonds (if any)

Corporate bonds however, may not be easy if the bond issuer is just established and has not profit track records. In this case, project bonds may be considered.

An example of project bonds are the bonds valued VND150 billion issued by Quan Minh Company Limited, which are entirely purchased by Seabank. With the growth of real estate market and private public partnership projects, project bonds will surely be preferred methods to raise funds. The risks of project bonds, are however, the default of payment of coupon or insolvency of the bond holders. It is unclear how the regulations will handle this risk.

While waiting for the regulation of project bonds to be developed, the real estate finance in Vietnam is booming with the new concept: condotel funding. Condotel funding is the structure of capital mobilisation by the developer, whereby the owner of condotel was promised to receive a fixed interest rates (often higher than the bank loan).<sup>57</sup> There is no title deed or LURC given to the owner of the condotel. The exchange for the purchase price of the condotel is often simply a promise to pay certain interest rate in ten years. The risk of this structure, often is the insolvency risk of the developer, is not yet addressed. The government promised to provide regulations for condotels, but not yet successful.<sup>58</sup>

### ***3.5. Private Placements/Loan Notes***

Private placement is a funding round of securities which are sold not through a public offering. Vietnam law regulates private placement under Decree 58/2012/ND-CP. Under this Decree, the conditions for private placement and steps to be taken are as follows:

(i) For non-public Joint Stock Company: Having decision of the General Meeting of Shareholders through the plan of individual stock offering and plan of the use of money obtained from the offer and other conditions as prescribed by the specialized law

(ii) For conversion from Limited Liability Company into Joint Stock Company: The owner's decision or the Board of members adopting the plan of individual stock offering for conversion;

(iii) For public company: Having a decision of the General Meeting of Shareholders through the plan of offer and use of money obtained from the offer, identifying the subjects and the number of investors and other conditions as prescribed by the specialized law.

---

<sup>57</sup><https://vietnaminsider.vn/vietnam-is-only-country-still-developing-condotels/>

<sup>58</sup><https://www.vir.com.vn/cleaning-up-condotel-legislation-in-vietnam-67314.html>

The issuer shall send the registration dossier of individual stock offering to the competent authority<sup>59</sup>, within 15 days, the competent authority shall notify the issuer and publish on its website on the individual stock offering of the registering organization. Within 10 days from the date of completion of the offer, the issuer shall send report on the to the competent authority.

#### **4. Intercreditor Agreements**

##### ***4.1. Typical Elements***

Syndicated loan is governed by Circular 42/2011/TT-NHNN. Under this Circular, the lenders must enter into an intercreditor agreement (ICA), that consists of the following clauses :

(i) Name, address of members participating in the loan syndication; of the customer, project and main information of the project

(ii) Head member in the provision of the loan syndication;

(iii) Head member in the arrangement of the loan syndication, in the payment, in the receipt of secured assets, if any;

(iv) Form of credit extension, total amount of the loan syndication; participation proportion of the members in the provision of loan syndication to the project; entitled interest amount of each member and expenses arising in granting loan syndication in accordance with provisions of applicable laws;

(v) Method of disbursement, collection of principal and interest debt

(vi) Secured assets and management of secured assets; regime on the disposal of secured assets where the customer is in default.

(vii) Compensation for head members, if any;

(viii) Rights and obligations of members and head members;

(ix) Method of dealing with risks during the process of granting loan syndication, settlement of disputes arising among the members participating in the loan syndication;

(x) Inspection regime during and after granting loan syndication;

(xi) Regime on the supply of information for the grant of loan syndication;

(xii) Agreement on the appointment of member acting as the representative of finance leased asset's owner to the customer in the finance leasing syndication operation.

---

<sup>59</sup>Article 8 of Decree 58/2012/ND-CP

In addition, if the parties use APLMA or LMA forms, other elements to be regulated in an ICA are:

- (i) Credit adjustment;
- (ii) Mitigation by the lenders;
- (iii) Change to the parties;
- (iv) Disclosure of information;
- (v) Representative and warranties of the parties;
- (vi) Effectiveness and termination;
- (vii) Dispute resolution.

#### ***4.2. Bank/Bond Deals***

The bank or bond deals are the most common form acquisition finance in Vietnam. When the bank was approached by a borrower, it must consider the reputation of the borrower first, together with the feasibility of the project it supposes to fund. The cashflow of the project (e.g., the target company) will be assessed, together with the liquidity of the security. Once the risk is analysed, the bank will propose to the credit committee. The credit committee will meet and consider the loan proposal, and if agreed, issue a termsheet for the loan or the bond. The negotiation of the termsheet is the most important part of the transaction to agreed to the terms and conditions of the loan or the bond.

Once the termsheet confirmed, the loan or the bond circular will be drafted and negotiated. The room of negotiation is large or small depending on the risk appetite of the lenders. However, most banks follow international standard approach under LMA, APLMA or ISDA, GMRA standards. They do not divert or reduce the risks. Other risks are mainly stay with security and enforcement of securities, which will be discussed in Section 5.

#### ***4.3. Role of Hedge Counterparties***

Against the risks of foreign exchange, there is always a hedge structure. For example, Ordinance on Foreign Exchange Control 2006 requires that in the territory of Vietnam, all transactions shall be made in VND. The Circular 32/2013/TT-NHNN also requires that except for the cases allowed to use foreign, all transactions, payments, listing, advertisements, quotations, pricing, prices in contracts, agreements other similar forms (including conversion or adjustment of prices of goods and services, the value of contracts and agreements) of residents and non-residents are not allowed to be conducted in foreign exchange in territory of Vietnam. Therefore in



an acquisition finance, the buyer often wishes to value the project in USD, but must receive payment in VND. The hedge the foreign exchange risk of fluctuation to the purchase price in VND between the contract date and the closing date, the buyer usually shall pay the foreign exchange loss, based on a separate Side Letter.

In intercreditor agreement, the lenders and the agent usually put all the risks into the borrower, such as the tax gross up, currency risks, conversion risks, tax indemnity risks. Those are standard provisions under LMA or APLMA. As for the risks that cannot be transferred, they may enter into hedging transactions such as ISDA forex swap agreement.

## **5. Security**

### ***5.1. Types of Security Commonly Used***

*Please discuss shares, inventory, bank accounts, receivables, intellectual property rights, real property and moveable assets (trucks, trains, etc).*

The types of securities most commonly used in an acquisition finance are shares, property rights, inventory, bank accounts, receivables, intellectual property rights, real property and moveable assets.

Bank account is the most commonly acceptable security, as it is said “cash is king“. In Vietnam, the banks normally set security at 80-90% if the debt is secured from cash in a nostro account.<sup>60</sup> In reality however, this security is rare as the borrower may not have sufficient cash for the security.

Another popular form of security is real estate. The banks in Vietnam practically take security as real estate up to 70% of the total loan.<sup>61</sup> For real estate to be mortgaged, the borrower must obtain the LURC of the real estate. This condition often is difficult to obtain in a major real estate project where the owner of the real estate needs to transfer the project in order for the borrower to become the holder of LURC. In this situation, the lender may need to consider another form of security, that is property right over the project.

The property rights is considered as a type of assets under the Civil Code.<sup>62</sup> In practice, lenders often describe property rights as (i) rights deriving under the land

---

<sup>60</sup>[https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd\\_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=CNTHWEBAP01162511462&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&\\_afLoop=23271967982954577#%40%3F\\_afLoop%3D23271967982954577%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DCNTHWEBAP01162511462%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26\\_adf.ctrl-state%3D1cjjr7jwa3\\_51](https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=CNTHWEBAP01162511462&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&_afLoop=23271967982954577#%40%3F_afLoop%3D23271967982954577%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DCNTHWEBAP01162511462%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D1cjjr7jwa3_51)

<sup>61</sup>[http://ueb.edu.vn/newsdetail/tin\\_tuc/20834/increasing-credit-interest-rates-of-real-estates-in-viet-nam-banks.htm](http://ueb.edu.vn/newsdetail/tin_tuc/20834/increasing-credit-interest-rates-of-real-estates-in-viet-nam-banks.htm)

<sup>62</sup> Article 105 and Article 295 of Civil code 2015

lease agreement, (ii) rights to own any assets developed on the land, (iii) rights to compensation or insurance over such assets or exercise of property rights.

Receivables are another popular form of security, if there is a contract that guarantee the receivables. The problem with receivable is however the correct valuation of the valuation, and the risk that the underlying contract that form the receivable may be terminated. A famous example of receivable pledge is the pledge over the offtake agreement (FPOA) of PetroVietnam of the Nghi Son refinery to its lenders.<sup>63</sup> Any amendment, disputes or potential termination of the FPOA would be considered as a major issue that may constitute an event of default to the syndicated loan.

Inventory and moveable assets are also considered as a form of security. Unlike the fixed assets that may not be transferred, inventory is goods in trade, where the values and quantity may change from one night to over, making the valuation becomes a major issues. Inventory charge is similar to the concept of floating charge in UK, whereby the value of the assets are only crystallised at the time of enforcement. A difficulties may arise if many lenders have charge over the inventory, and no one is able to ascertain which part of the inventory can be taken for enforcement.

Shares are usually pledged by the shareholder. The lenders, although accept share pledges, usually prefer concrete assets. This is because together with shares are the liabilities of the target companies or the borrowers. Shares are not the only security, but rather an additional security to cover the credit risks, apart from other property as mentioned above.

## ***5.2. Form Requirements***

*Outline form requirements (such as for Form A or B in the UK).*

There is no particular form of the pledge or mortgage agreement. Mortgage agreements involving real estate has to be notarised to be valid.<sup>64</sup> As for other assets, a writing agreement would suffice.

For perfectuate the security and secure the priority right as well as the right to pursuit the secured assets, the security document must be registered.<sup>65</sup> Decree 102/2017/ND-CP dated September 1, 2017 requires as follows:

(a) Assets on which the mortgage or pledge is required to be registered at National Agency for Registry of Secured Transactions (NRAST) are:

(i) Land use rights;

---

<sup>63</sup><https://english.thesaigontimes.vn/13368/Mizuho-to-arrange-finances-for-Nghi-Son-oil-refinery.html>

<sup>64</sup>Article 167.3 Law on Land 2013

<sup>65</sup> Article 4.1 of Decree 102/2017/ND-CP

(ii) Property on land whose ownership has been stated in the certificate of rights to use land, ownership of house and property on land (hereinafter referred to as land use right certificate);

(iii) Aircrafts;

(iv) Mortgage of seagoing ships.

(b) Assets on which the mortgage or pledge is required to be registered at the provincial Land Registration Office are land use rights and assets attached to land.

The meaning of priority for registration is defined under Article 297.1 Civil Code 2015 that the security shall take effect against a third party from the time of registration of such security or the secured party keeps or possess the collateral. The meaning of right to pursuit is defined under Article 297.2 Civil Code 2015 that when the security takes effect against a third party, the secured party is entitled to reclaim the collateral and the payment.

### ***5.3. Restrictions on Upstream Security***

*Outline any restrictions on the provision of upstream security.*

As for restriction on upstream security, there was a debate at court as to whether guarantee backed up by assets is considered as a pledge, or as a guarantee. While banks argue the guarantee are to cover all the obligations of the guaranteed, and by all the assets of the guarantor. The assets secured in the guarantee by no means limit the obligation of the guarantor. The court in a decision however decided that the security is limited to by the secured assets.

### ***5.4. Financial Assistance***

*What rules exist (if any) with regard to the prohibition of financial assistance?*

Financial assistance in law refers to assistance given by a company for the purchase of its own shares or the shares of its holding companies. The Law on Enterprises limit each company to acquire its own shares only up to 30% of the paid up capital.<sup>66</sup>In addition, there is also a prohibition of cross ownership. Particularly, Article 189 of Enterprises Law provides that Subsidiaries must not contribute capital to or buy shares of the parent company. Subsidiaries of the same parent company must not contribute capital or buy shares of each other for the purpose of cross ownership.

---

<sup>66</sup> Article 30 of Law on Enterprises 2014

In addition, Law on Securities also prohibits insider trading, that includes related party transactions that continuously buy shares of related companies in order to create an artificial price increase.<sup>67</sup>

### **5.5. Other Restrictions**

*Set out any other restrictions eg, corporate benefit tests.*

There are corporate benefit tests under Enterprise Law. Particularly, Article 71 of Law on Enterprises 2014 provides that in exercising its power, the directors must act in a way they believe to be in the best interests of the company and not just in the best interests of and for the benefit of the group as a whole. Article 72 also provides that if the group abuses its power that cause prejudice to the company, a shareholder is authorised to take a derivative action against the group to cover damages to the company.<sup>68</sup> This derivative action has been taken in the case (i) The violations on Article 71; (ii) Failure to adhere to or acts against regulations of law or the company's charter on given rights and obligations; failure to implement or adequately, promptly implement Resolutions of the Board of members; or (iii) Other cases defined by law and the company's charter.<sup>69</sup>

In addition, Law on Securities 2006 and its regulations provide further restrictions on insider trading. Particularly Article 9 prohibits and restrict the following activities:

(i) Directly or indirectly tricking, swindling, fabricating untruthful information or omitting necessary information, thus causing serious misunderstanding which badly affects the public offering of securities, securities listing, trading or investment, securities and securities market service provision.

(ii) Disclosing misleading information in order to entice and instigate others to buy or sell securities, or disclosing untimely and insufficient information on occurrences which greatly affect securities prices on the market.

(iii) Using inside information to buy or sell securities for oneself or for others; disclosing or supplying inside information or advising others to buy or sell securities based on inside information.

(iv) Conniving in buying or selling securities in order to create sham supply and demand; trading in securities by mode of colluding with or enticing others to continuously buy and sell securities back and forth to manipulate securities prices; combining or employing other trading modes to manipulate securities prices.

---

<sup>67</sup> Article 9.4 of Law on Securities 2006

<sup>68</sup> Article 72 of Law on Enterprises 2014

<sup>69</sup> Article 72.1 of Law on Enterprises 2014

## **5.6. General Principles of Enforcement**

The general principles of enforcement, the Civil Code provides as follows:

### ***"Article 299. Cases of realization of collateral***

*1. An obligator fails to perform or perform not as agreed an obligation when it falls due.*

*2. An obligator must perform the secured obligation before time limit due to his/her violation against the obligation as agreed or prescribed by law.*

*3. Other cases as agreed by the parties or prescribed by law."*

These principles have been elaborated under Article 303 as follows:

### ***"Article 303. Methods of realizing collateral***

***1. The securing party and the secured party may agree any of the following methods of realizing collateral:***

***a) Put collateral up for an auction;***

***b) The secured party sells collateral itself;***

***c) The secured party accepts the collateral as substitutions for the performance of obligations of the securing party;***

***d) Other methods."***

In a nutshell, the law allows the parties to agree upon the mode of enforcement. The lender may stipulate in the mortgage agreement that the borrower authorise the lender to take over the assets and sell the assets at the price it deems fit, and pay the remain amount (if any) to the asset owner.

Recently, the National Assembly has passed Resolution No. 42/2017/QH14 dated June 21, 2017 to solve bad debts. Under this resolution, the banks are allowed to take the following action:

(i) Purchase of bad debts and collateral;

(ii) Seize collateral put up by a grantor or holder of collateral;

(iii) Assign collateral being a real property project.

## **6. Guarantees**

### **6.1. Types of Guarantees**

*What types of guarantee are commonly used in acquisition finance transactions?*

The most common guarantees are bank guarantee and corporate guarantees.

Bank guarantees are regulated under Circular 07/2015/TT-NHNN dated June 25, 2015. Under this Circular, the steps to be taken before a bank guarantee is issued are as follows :

- (i) Step 1: Customers sign the contract including guarantee terms;
- (ii) Step 2: Customers establish và send the application for insurance of guarantees to the bank;
- (iii) Step 3: The bank appraises the legal contents. If yes, the customers and the bank will sign Guarantee Agreement and Guarantee Letter;
- (iv) Step 4: The bank informs the Guarantee Letter to the Guarantor.

Corporate guarantees are governed by the Civil Code and Decree No. 219/2013/ND-CP dated December 26, 2013 on management of enterprises borrowing of foreign loans and payment of foreign debts without government guarantee. Under the Civil Code, a guarantee could be taken in the form of a contract, or a guarantee letter. The fundamental terms of the guarantee contracts are as follows:

- (i) Subject matter of the contract;
- (ii) Price and method of payment;
- (iii) Time-limit;
- (iv) Rights and obligations of the parties.

Following the guarantee, there is always the right of recourse. Particularly, Article 342 of the Civil Code provides that if the guarantor performs incorrectly the guaranteed obligation, the creditor is entitled to request the guarantor to pay the value of the breached obligation and compensate for any damage.

### **6.2. Restrictions**

*Outline any restrictions on upstream guarantees, financial assistance and other restrictions (such as corporate benefit tests).*

When issuing a guarantee, the guarantor if being a shareholder of the borrower, would also be subject to other restrictions, such as restrictions on upstream guarantees, financial assistance and corporate benefit tests that has been discussed in Section 5 above.

### **6.3. Requirement for Guarantee Fees**

*Is there a requirement for guarantee fees?*

There is no requirement that a corporate guarantee has to bear a fee. However, a bank guarantee always has a fee. The guarantee fees are regulated by Circular 07/2015/TT-NHNN dated 25, June 2015 on stipulating the bank guarantee. Under this

Circular, the guarantee cannot be higher than the guarantee-issuing fee amount approved by the obligor.<sup>70</sup>

## **7. Lender Liability**

### **7.1. Equitable Subordination Rules**

*Explain equitable subordination rules.*

The subordinated debts are regulated under Vietnam law at Circular 19/2017/TT-NHNN amending and supplementing a number of articles of Circular 36/2014/TT-NHNN dated November 20, 2014 of the Governor of the State Bank of Vietnam providing for prudential ratios and limits of operations of credit institutions and branches of foreign banks. In the event of insolvency, the interests of the shareholders are lower than the interests of other creditors. Particularly, Article 101 of Bankruptcy Law stipulates the priority of debts are as follows:

(i) Bankruptcy fee;

(ii) Unpaid salaries, severance pay, social insurance, medical insurance of the employees and other benefits under the regulations of the law on deposit insurance and instructions of the State bank of Vietnam;

(iii) Financial obligations to the State; unsecured debts payable to the creditors on the list of creditors; secured debts that are unpaid because the value of the collateral cannot afford the debt.

### **7.2. Claw-back Risk**

*Discuss the application of claw-back rules in the context of acquisition finance.*

The buyer may stipulate a claw back clause in the event that the acquisition contract is held invalid for any reason, or some fundamental misrepresentation was found. This clause is valid, because claw back is considered under Vietnam law as cancellation of the contract. Article 423 of the Civil Code states as follows:

#### **“Article 423. Cancellation of contracts**

*1. A party has the right to cancel a contract and shall not be liable to compensate for damage in any of the following cases:*

*a) A violation of contract by the other party gives rise to cancellation as agreed by the parties;*

*b) The other party seriously violates the obligations in the contract;*

*c) Others circumstances as provided by law.”*

---

<sup>70</sup> Article 18 of Circular 07/2015/TT-NHNN dated June 25, 2015

For a claw back clause to be enforceable, the parties have to clearly stipulate the circumstances of claw back in the contract. Even so, it is however difficult to enforce the claw back if the seller is insolvent. Therefore, to combine with the claw back there should be some credible threats, such as potential deal from another buyer, or potential IPO. A good example of enforcement of claw back clause in the closure of MEF II Fund, as published.<sup>71</sup>

## **8. DebtBuy-back**

### ***8.1. Conducting a Debt Buy-back***

*Outline the circumstances in which a borrower or financial sponsor can conduct a debt buy-back.*

Under Circular 39/2016/TT-NHNN, a borrower or a financial sponsor can conduct a debt buy-back by way of prepayment. The conditions of prepayment are as agreed by the bank and the borrower.<sup>72</sup>

## **9. Tax Issues**

### ***9.1. Stamp Taxes***

*Discuss stamp tax?*

There is no stamp tax in relation to a loan agreement or bond issuer. The lenders or bond holders will pay tax by their own corporate income tax, which is 20% of their net total income.<sup>73</sup> A deemed tax of 0.1% of the transaction values applies for capital gains for bond transfer.<sup>74</sup> If this exemption is released, the normal personal income tax rate would be a progressive rates ranged from 5% to 35% of the net revenue depending on the source of income.<sup>75</sup>

### ***9.2. Withholding Tax/Qualifying Lender Concepts***

*How do qualifying lender concepts and withholding tax apply?*

Foreign lenders will be subject to withholding tax on interests gained, at 5% of the total interest.<sup>76</sup> The interest includes arrangement fee and other service fees.<sup>77</sup> To avoid that tax, most of the loan agreements following APLMA provides a tax gross up clause, saying that the borrower shall bear the payment of withholding tax and the risk of such tax increase.

---

<sup>71</sup><https://vietnaminsider.vn/vietnamese-pe-mekong-capital-fully-exits-asia-chemicals/>

<sup>72</sup> Article 18.2 of Circular 39/2016/TT-NHNN

<sup>73</sup> Article 11 of Circular 78/2014/TT-BTC dated June 18, 2014

<sup>74</sup> Article 16 of Circular 92/2015/TT-BTC dated June 15, 2015

<sup>75</sup> Article 22 of Law on Personal Income Tax 2007 dated November 21, 2007

<sup>76</sup> Article 13.2 of Circular 103/2014/TT-BTC dated August 06, 2014

<sup>77</sup> Article 7.3 of Circular 103/2014/TT-BTC dated August 06, 2014



### **9.3. Thin-Capitalisation Rules**

*How do thin-capitalisation rules apply?*

Thin capitalisation applies in project using lands in Vietnam. Particularly:

- (a) Minimum charter capital of a real estate company is 20 billions VND.
- (b) The minimum debt / equity ratio for real estate project is 85/15, and if the project used more than 20 hectares or urban land, the minimum debt equity ratio will be 80/20.
- (c) The minimum equity in a real estate project has to be 15% of the total .

## **10. Takeover Finance**

### **10.1. Regulated Targets**

*Please outline any requirements for bidder/certain funds concepts and any requirements with respect to the financing of banks.*

The take over finance under Vietnam is not regulated systematically. Rather, it appears under the regulation of regulated targets, i.e., targets that operates under conditional businesses. Foreigners are restricted from holding shares in certain businesses, which affecting national defense and security and public interests, culture, morality, traditions and customs of Vietnam or causing harm to people's health, damaging natural resources and destroying the environment.

In addition, to take over businesses in state owned enterprises, one need to look at the equitisation solution as approved by the Prime Minister. As in the case of PV Oil for example, the maximum controlling shares of foreigners are 36,6%.<sup>78</sup> For some other cases, such as Hanoi Brewery, the maximum controlling shares of foreigners are 49%.<sup>79</sup>

As for the financing of banks, the restrictions applied are as follows:<sup>80</sup>

- (i) Being ranked by international prestige credit-rating organizations from the stable level or equivalent or higher level.
- (ii) Having full financial source to purchase share which is defined under financial statement audited independently of year preceding year of submission of dossier and a lawful capital source for share purchase as prescribed by law.
- (iii) The share purchase does not cause influence to the safety, stability of the Vietnamese credit institution system; does not create the exclusivity or limit the competition in the Vietnamese credit institution system.

---

<sup>78</sup><https://english.vov.vn/economy/pv-oil-temporarily-sets-foreign-ownership-cap-at-66-percent-391515.vov>

<sup>79</sup><https://bizlive.vn/biznews/carlsberg-desires-to-own-at-least-51-stake-in-vietnamese-brewer-exec-3161419.html>

<sup>80</sup>Article 9 of Decree 01/2014/ND-CP

(iv) Not violating seriously law on monetary, banking, securities and securities market of country where foreign investor is headquartered and law of Vietnam within 12 months until submission of dossier of share purchase.

(v) Having total assets at least equivalent to 10 billion U.S. dollar for foreign investors being banks, financial companies, or finance-leasing companies or having the minimum charter capital equivalent to 1 billion U.S. dollar for foreign investors being other organizations in year preceding the year of submission of dossier of share purchase.

So far, the highest controlling shares in a local bank by foreigners are TPBank at 25%.

The concept anti-take over, such as poison pills, white knights etc. may be imposed in the Charter of a company.

### **10.2. Listed Targets**

*Please outline any requirements for bidder/certain funds concepts, and any requirements with respect to financing banks (eg, the need to provide regulatory guarantees, as in France or Italy)*

For the targets that are listed in the stock market, their charter are the charter formed by the Ministry of Finance under Circular 95/2017/TT-BTC dated September 22, 2017.<sup>81</sup> Having said this, it is possible to provide anti take over solutions to the listed companies.

The maximum holding shares of foreigners in a listed company is 49%, unless otherwise regulated by other regulation of laws.<sup>82</sup>

## **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

TS. Lê Nét

Luật sư thành viên - LNT & Partners

Email: net.le@lnt-partners.com

Mobile 0909 759 699

---

<sup>81</sup> Article 3 of Circular 95/2017/TT-BTC

<sup>82</sup> Article 2a.2 of Decree 58/2012/ND-CP

# VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI STARTUP VIỆT

*Nguyễn Thy Nga*

*Sáng lập viên, V-Startup Việt Nam*

## Tóm tắt

Theo báo cáo tinh thần khởi nghiệp toàn cầu năm 2018 (2018 Amway Global Entrepreneurship Report - AGER) do Tập đoàn Amway thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn trực tiếp và qua điện thoại với 48.998 người, bao gồm cả đàn ông và phụ nữ từ 14 đến 99 tuổi, tại 44 quốc gia trên toàn thế giới, được công bố vào ngày 14/3/2018, **Việt Nam là quốc gia dẫn đầu về tinh thần khởi nghiệp**, với Chỉ số Tinh thần Khởi nghiệp (AESI) cao nhất, hai vị trí sau đó lần lượt là Ấn Độ và Trung Quốc.

## 1. THỰC TRẠNG HIỆN NAY CỦA CÁC STARTUP VIỆT

Số lượng Startup là 1500 vào năm 2016 và 2017-2018 đã tăng lên gấp đôi với hơn 3000 Startup. Cùng với tốc độ tăng chóng mặt về số lượng, nhu cầu về đầu tư của các Startup cũng tăng lên mạnh mẽ.

### Khó khăn các DNNVV, startup gặp phải hiện nay

The infographic is titled "Khó khăn các DNNVV, startup gặp phải hiện nay" (Current difficulties for SMEs and startups). It features four panels, each with a photograph and a caption: 1. "Liên kết nguồn lực" (Resource linkage) with a photo of a meeting. 2. "Thủ tục tài chính, thuế" (Financial and tax procedures) with a photo of a meeting. 3. "Khó tiếp cận vốn" (Difficulty accessing capital) with a photo of a speaker at a podium. 4. "Đầu tư nước ngoài còn nhiều rào cản" (Foreign investment still has many barriers) with a photo of a group of people holding documents. The V-STARTUP logo is in the top right corner.

## 2. VỐN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

Chính phủ hiện đã có nhiều quyết định, đề án để tăng hiểu biết và hỗ trợ đối với Startup như Quyết định số 844/QĐ-TTg ban hành ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”, Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 do Bộ Giáo

dục và Đào tạo chủ trì, Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025, Các Nghị quyết của các Hội đồng nhân dân tỉnh, các Quyết định, Kế hoạch, Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

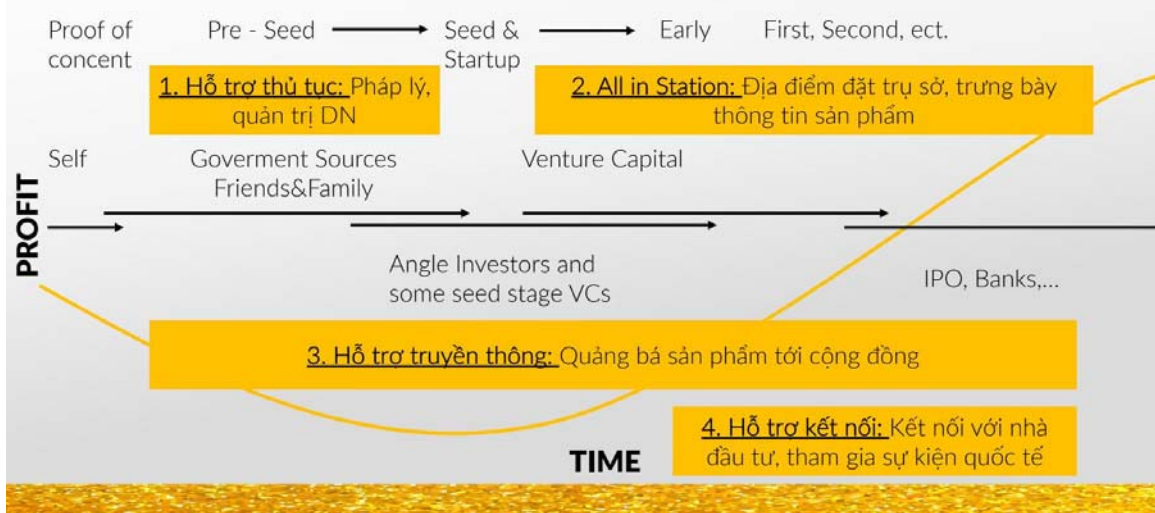
Quyết định số 844 đưa ra mục tiêu đến 2025 sẽ hỗ trợ phát triển 2000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ phát triển 600 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, giúp 100 doanh nghiệp tham gia Đề án gọi được vốn đầu tư từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán sáp nhập với tổng giá trị ước tính khoảng 2000 tỷ đồng.

Tuy nhiên các cơ chế chính sách hỗ trợ cho startup mới chỉ được ban hành lần đầu tiên vào năm 2016, một số vẫn đang trong quá trình hoàn thành. Các quyết định, đề án chỉ mang tính định hướng. Các tiêu chí hỗ trợ chủ yếu cho các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp, các startup có thể không tiếp cận được, hoặc không có ngôn thông tin. Không những thế, tình trạng ngân sách Nhà nước còn hạn chế và mang tính chất vốn môi.

Hiện nay, các doanh nghiệp và các nhà đầu tư các nhân Việt cũng đã bắt đầu quan tâm tới Startup Việt Nam. Nhiều tập đoàn, doanh nghiệp trong nước như FPT, Viettel, Vingroup, CenGroup,... đã tham gia đầu tư mạo hiểm với các quỹ đầu tư như FPT Ventures, SeedCom, CMC Innovation Fund,... Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp như V-startup, VSV... cũng có rất nhiều hỗ trợ về kiến thức, kĩ năng và hỗ trợ gọi vốn cho startup. Với nhiều nguồn cung cấp, các Startup dễ dàng tiếp cận với các quỹ đầu tư. Tuy nhiên, nguồn lực của các quỹ này còn non trẻ và có nhiều hạn chế.



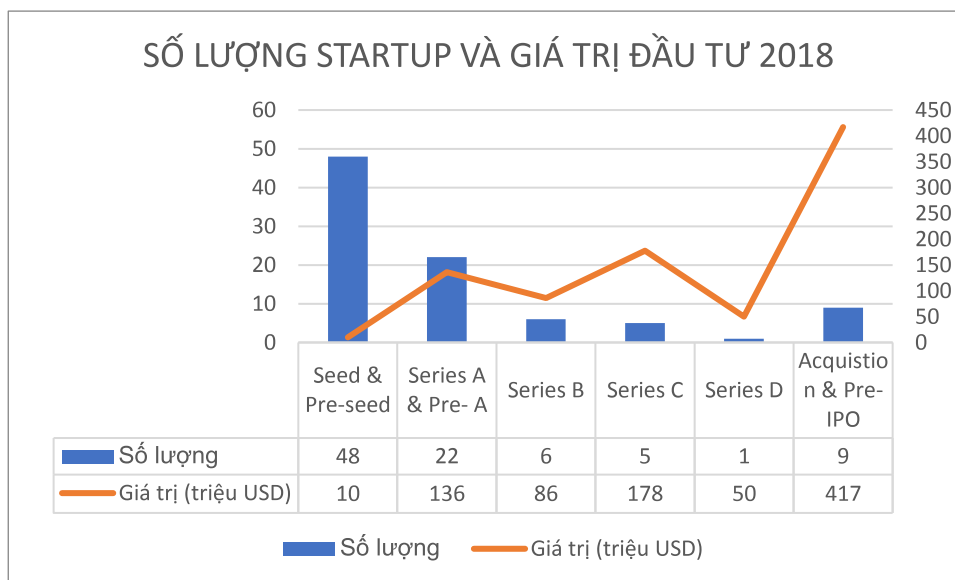
## HỖ TRỢ CỦA V - STARTUP TRONG VÒNG ĐỜI STARTUP



### 3. VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

#### - Hiện trạng những năm gần đây:

Các quỹ đầu tư nước ngoài gần đây đã dành mối quan tâm lớn tới Startup Việt. Theo báo cáo thường niên về tình hình đầu tư vào startup của TFI, trong năm 2017, Startup Việt đã được đầu tư khoảng 291 triệu USD trong đó có 46 triệu USD từ vốn đầu tư trong nước và 245 triệu USD từ các vốn đầu tư nước ngoài. Con số đó đã tăng lên 889 triệu USD vào năm 2018 với 92 thương vụ đầu tư.



#### - Sự hỗ trợ của Chính phủ

Cùng với việc hội nhập sâu rộng ra thị trường quốc tế, chính phủ đã và đang có rất nhiều chính sách khuyến khích nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Chính phủ cũng có nhiều chương trình liên kết với nước ngoài nhằm nâng cao đào tạo, hỗ trợ các khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng cao, kết nối Việt Nam với các cơ hội kinh doanh toàn cầu. Ví dụ điển hình như chương trình Đối tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam-Phần Lan (IPP). Chương trình đã thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngay từ thời kỳ đầu của làn sóng khởi nghiệp Việt Nam. Trải qua 2 giai đoạn, IPP đã giúp nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng phát triển và hướng ra thế giới. Trong số đó có doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam giành được Giải thưởng khởi nghiệp toàn cầu ở Mỹ Abivin. Đây là nhóm khởi nghiệp được IPP hỗ trợ tài chính và đào tạo khởi nghiệp ngay từ khi mới lên ý tưởng.

### *- Hứa hẹn của các quỹ đầu tư nước ngoài*

Phát biểu tại diễn đàn Quỹ đầu tư Khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam 2019 (Vietnam venture Summit 2019), ông Vinnie Lauria cho biết nhiều quỹ đầu tư nước ngoài như Golden Gate Ventures, Topica, Access Ventures, Nextrans,... sẽ đầu tư cho các Startup Việt triển vọng với tổng mức đầu tư lên tới 10000 tỷ đồng trong vòng 3 năm tới. Ngoài ra, Phòng Công nghiệp và Thương mại Châu Âu cũng công bố khoản đầu tư 3 triệu Euro cho cộng đồng Startup Việt Nam. Các chương trình sự kiện kết nối đầu tư trong Techfest Việt Nam, các chương trình truyền hình cũng góp phần hỗ trợ cho Startup.

  
V-STARTUP

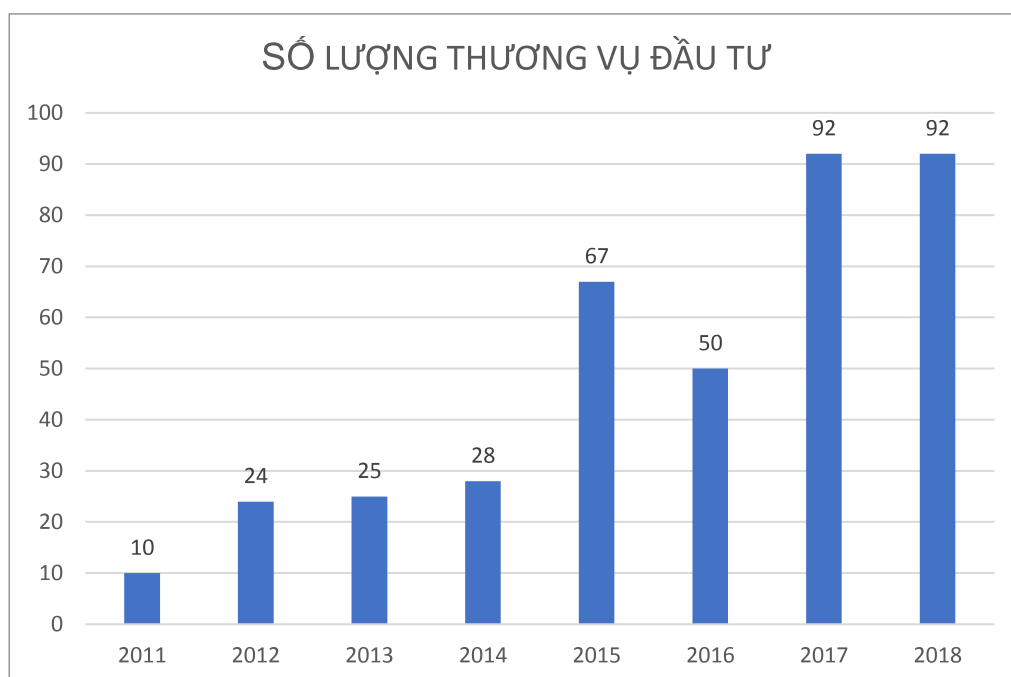
## TECHFEST VIETNAM 2018



2018: 3000 startup được thành lập

Sự đổ bộ của các quỹ đầu tư nước ngoài đã mở ra một cơ hội lớn đối với các Startup Việt. Các quỹ đầu tư không những có nguồn vốn lớn mà còn có thể chuyển giao công nghệ khoa học hiện đại, giúp cải thiện trình độ chuyên môn, trình độ quản lý – những điều cần thiết để các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển bền vững và lâu dài. Cùng với đó, các quỹ đầu tư nước ngoài còn đem tới một lượng đối tác, khách hàng giúp mở ra cơ hội cho các Startup tiến ra thị trường quốc tế.

### - Thách thức của Startup Việt:



Để có thể gọi đầu tư thành công, các Startup Việt buộc phải đáp ứng được những yêu cầu vô cùng khắt khe từ các nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài một ý tưởng sáng tạo nổi bật và có hiệu quả, các Startup cũng cần có một sự chuyên nghiệp, trung thực, rõ ràng thông qua bộ hồ sơ gọi vốn, báo cáo tài chính và các kế hoạch dự kiến. Không những thế, các Startup cũng phải tìm hiểu và nắm bắt rõ ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống và chuẩn mực xã hội các quốc gia của các nhà đầu tư mà mình hướng tới. Và điều quan trọng nhất là phải nắm bắt nhanh, kịp thời các thông tin, cơ hội trước khi bị vượt mặt.

#### 4. VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VỚI SINH VIÊN

Hiện nay, có rất nhiều bạn sinh viên khởi nghiệp khi ở trong ghế nhà trường. Trong các trường Đại học có nhiều câu lạc bộ, hội sinh viên khởi nghiệp. Một số trường đã mở các chương trình đào tạo liên quan tới khởi nghiệp như chương trình đào tạo Khởi nghiệp và Phát triển kinh doanh của NEU. Có nhiều chương trình khởi nghiệp dành cho các bạn trẻ mong muốn khởi nghiệp gia tăng kỹ năng kiến thức như Start & Up - Behind the Scene, các chương trình Ý tưởng khởi nghiệp, I-startup, Kawai...

Tuy nhiên, các dự án của các bạn sinh viên đa số vẫn còn khá non nớt, vấp phải rất nhiều khó khăn. Cũng như những Startup khác, các bạn sinh viên cũng gặp những khó khăn về vốn, về cơ sở vật chất, kỹ năng quản trị, khả năng đáp ứng các thủ tục hành chính. Không những thế, các bạn còn thiếu hụt kinh nghiệm ứng xử, những thứ mà không thể học trên ghế nhà trường. Vì vậy, việc hỗ trợ là vô cùng cần thiết. Các vốn đầu tư nước ngoài chính là một mục tiêu lớn cho các bạn sinh viên hướng tới, là động lực thúc đẩy để cố gắng hoàn thiện hơn. Vốn đầu tư nước ngoài

giúp mở ra cơ hội phát triển, hoàn thiện dự án, tích lũy kinh nghiệm. Khi có thể tiếp cận những hỗ trợ để gọi vốn đầu tư từ nước ngoài, các bạn sẽ có cơ hội tiếp cận được nguồn thông tin, được đào tạo, rèn luyện học hỏi và mở ra cơ hội phát triển toàn cầu.

## **KẾT LUẬN**

Với mọi doanh nghiệp khởi nghiệp, việc khởi đầu khó khăn là không thể tránh khỏi. Vì vậy các quỹ đầu tư là một sự hỗ trợ thiết thực mà các Startup có thể hướng tới. Quỹ đầu tư nước ngoài đã dần trở thành một cơ hội lớn, mang tầm ảnh hưởng quan trọng đối với các Startup của Việt Nam, không chỉ là mang lại nguồn vốn, mà quan trọng nhất là những kiến thức kỹ năng các bạn học được khi tiếp cận môi trường khởi nghiệp toàn cầu.

## **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

Nguyễn Thy Nga

Sáng lập viên, V- startup Việt Nam

E mail: [thyngavtv@gmail.com](mailto:thyngavtv@gmail.com)

Mobile: 0904 889 323



# ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

*TS. Nguyễn Thu Ba<sup>83</sup>*

*Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

## **Tóm tắt**

*Chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam với nhiều hình thức. Họ có thể là người lao động nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động; vào Việt Nam làm việc theo hợp đồng hợp tác và các hình thức làm việc khác. Dù theo cách thức nào thì chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ có đóng góp cho sự phát triển của Việt Nam thì cũng sẽ được hưởng chính sách đãi ngộ của nhà nước Việt Nam. Bài viết phân tích dưới góc độ pháp lý về những ưu đãi đối với chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam theo hình thức hợp đồng lao động, qua đó cũng đề cập đến một số bất cập của pháp luật hiện hành về vấn đề này.*

## **Lời mở đầu:**

Chuyên gia nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ luôn mang lại hiệu quả tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội nước sở tại. Nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam coi đây là chính sách ưu tiên để bổ sung sự thiết hụt lao động chuyên môn cao trong nước. Như vậy, điểm khác biệt của chế độ đối với chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam chính là những chính sách, ưu tiên hỗ trợ cùng những biện pháp khuyến khích của nhà nước. Về nguyên tắc, chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam vẫn phải tuân thủ các quy định chung về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên, do tính chất, đặc điểm của công việc (hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, trình độ chuyên môn, sự di chuyển đa quốc gia v.v...) nên họ được hưởng những quy định ưu tiên đặc biệt để đảm bảo quyền lợi và khuyến khích sự sáng tạo, cống hiến. Nhà nước ta đã chú trọng ban hành, thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đối với chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho họ về quy trình, thủ tục, quyền, lợi ích trong công việc, bao gồm cả sự vinh danh giá trị tinh thần.

---

<sup>83</sup>Khoa Luật – Trường Đại học kinh tế quốc dân.  
Tel: 0904186405; email: nguyenthuba74@gmail.com.

## **1. Vài nét về pháp luật điều chỉnh chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam**

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (tháng 12/1986), nhà nước ta đã chủ trương mở cửa nền kinh tế, thực hiện công cuộc cải cách, đổi mới toàn diện. Thị trường lao động Việt Nam có nhiều loại quan hệ lao động với những tính chất khác nhau và thuộc đối tượng điều chỉnh của những ngành luật khác nhau. Về lao động trình độ cao nước ngoài, trước khi Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 ra đời, đã có nhiều chuyên gia nước ngoài đến hợp tác và làm việc trong các xí nghiệp quốc doanh và xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Những năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế lao động đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định số 233-HĐBT ngày 22/06/1990 và Thông tư 19-LĐTBXH/TT ngày 31/12/1990 hướng dẫn thi hành Quy chế lao động đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo cơ sở pháp lý thống nhất về việc sử dụng lao động có yếu tố nước ngoài (vì quy chế này áp dụng cho cả chuyên gia nước ngoài). *“Đối với công việc đòi hỏi kỹ thuật cao hoặc để làm công việc quản lý mà phía Việt Nam chưa đáp ứng được, xí nghiệp được tuyển người nước ngoài cho một thời hạn nhất định theo đúng thủ tục do nhà nước Việt Nam quy định nhưng phải lập chương trình đào tạo để người Việt Nam có thể sớm làm được công việc đó”* (Điều 5 Nghị định 233-HĐBT). Như vậy, theo những văn bản này, người nước ngoài đến Việt Nam làm việc phải là lao động có chuyên môn, trình độ nhằm thực hiện công việc đòi hỏi kỹ thuật cao hoặc để làm công việc quản lý mà phía Việt Nam chưa đáp ứng được. Họ phải có *“Thẻ làm việc”* theo mẫu của Bộ LĐTB&XH. Xí nghiệp muốn tuyển dụng người nước ngoài phải có văn bản đề nghị và phải được cơ quan lao động địa phương chấp thuận. Tuy nhiên, do quy định mới dừng ở Nghị định, Thông tư nên hiệu lực pháp lý của văn bản chưa cao, các quy định vẫn còn mang tính chung chung. Điều kiện về năng lực chủ thể của chuyên gia nước ngoài, điều kiện, trình tự thủ tục cấp Thẻ làm việc, hình thức xử lý những trường hợp không đủ điều kiện v.v... chưa được quy định cụ thể. Trong giai đoạn này, chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam làm việc vẫn chưa nhiều, tính phức tạp của quan hệ lao động chưa lớn nên pháp luật lao động cũng chưa chú trọng điều chỉnh.

Hiến pháp năm 1992 quy định và bảo vệ quyền tự do kinh doanh của các chủ thể, quyền hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và sự hội nhập của Việt Nam với nền kinh tế quốc tế đã tác động không nhỏ đến thị trường lao động. Sự kiện pháp lý quan trọng là việc pháp điển hóa pháp luật lao động: ra đời Bộ luật lao động do Quốc hội khóa 9, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23/6/1994, có hiệu lực kể từ ngày 1/1/1995 (được sửa đổi 3 lần vào các năm 2002, 2006, 2007). Các quy định dành cho người nước ngoài vào Việt Nam làm việc không nhiều, chỉ có một mục chung *“Lao động cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, người nước ngoài lao động*

*tại Việt Nam, lao động ở nước ngoài*" (Từ điều 131 đến điều 135 thuộc Mục V - Chương XI). Điểm mới là Bộ luật lao động mở rộng đối tượng điều chỉnh là người nước ngoài làm việc thường xuyên cho các doanh nghiệp, tổ chức và cho cá nhân Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam (Điều 3). Trước đó, pháp luật lao động chỉ điều chỉnh chuyên gia nước ngoài làm trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hướng dẫn Bộ luật lao động năm 1994 về lĩnh vực này có Nghị định 58/CP ngày 03/10/1996 về cấp Giấy phép lao động (viết tắt là GPLĐ) cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam, Thông tư số 09/LĐTBXH-TT ngày 18/03/1997 hướng dẫn thực hiện việc cấp GPLĐ cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam. Nghị định 58/CP và Thông tư 09/LĐTBXH-TT quy định rất cụ thể việc cấp GPLĐ (GPLĐ thay thế cho "Thẻ làm việc"), từ điều kiện cấp, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp đến thời hạn của giấy phép. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được quy định là người không có quốc tịch Việt Nam theo Luật Quốc tịch Việt Nam và người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện pháp lý. Hạn chế lớn nhất của hai văn bản này là chưa bao quát hết các đối tượng được phép sử dụng người nước ngoài làm việc và đây là lý do để Chính phủ ban hành Nghị định số 169/1999/NĐ-CP ngày 03/12/1999 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/CP và Bộ LĐTB&XH ban hành Thông tư 08/2000/TT-BLĐTB&XH ngày 29/03/2000 thay thế Thông tư 09/LĐTBXH-TT. Theo các văn bản này, chủ thể được sử dụng chuyên gia nước ngoài được bổ sung thêm: Hợp tác xã; nhà thầu; Các cơ sở y tế, văn hóa, thể thao, giáo dục và đào tạo; văn phòng đại diện, chi nhánh của các công ty nước ngoài; ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng liên doanh, chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài.

Năm 2002, Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất. Mục V "*Lao động cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, người nước ngoài lao động tại Việt Nam*" chỉ sửa đổi, bổ sung hai điều 132, 133 nhưng lại là những nội dung rất quan trọng đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam<sup>84</sup>. Về văn bản hướng dẫn, Chính phủ ban hành Nghị định 105/2003/NĐ-CP ngày 17/09/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định 58/CP và Nghị định 196/1999/NĐ-CP. Bộ LĐTB&XH ban hành Thông tư 04/2004/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2004 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 105/2003/NĐ-CP.

---

<sup>84</sup>Đó là quy định về tỉ lệ lao động nước ngoài mà các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức được phép tuyển dụng; thời hạn của GPLĐ; các trường hợp phải xin cấp GPLĐ và các đối tượng được phép sử dụng chuyên gia nước ngoài.

Ngày 29/11/2005 Quốc hội thông qua Luật Đầu tư số 59/2005/QH11. Đây được coi là đạo luật có nhiều tiến bộ, thể hiện tinh thần hội nhập kinh tế quốc tế. Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 quy định nhà đầu tư có quyền thuê lao động trong nước, thuê lao động nước ngoài làm công việc quản lý, lao động kỹ thuật, chuyên gia theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác (Khoản 3 Điều 14). Trong bối cảnh đó, ngày 13/7/2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định 93/2005/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 105/2003/NĐ-CP. Từ ngày 11/01/2007 Việt Nam cũng chính thức trở thành thành viên của WTO, tất cả các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO phải được ưu tiên áp dụng so với pháp luật quốc gia. Biểu cam kết về dịch vụ ngày 27/10/2006 của Việt Nam với WTO có hai phương thức cung cấp dịch vụ có thể ảnh hưởng đến việc chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam làm việc đó là hiện diện thương mại và hiện diện thể nhân. Các phương thức này liên quan đến các vấn đề nhập cảnh và lưu trú của người nước ngoài và dẫn đến hàng loạt người nước ngoài đến Việt Nam. Các đối tượng này thuộc nhiều trường hợp khác nhau (không chỉ làm việc theo hợp đồng lao động), vì vậy Chính phủ ban hành Nghị định 34/2008/NĐ-CP ngày 25/03/2008 quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Bộ LĐTB&XH có Thông tư 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/06/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 34/2008/NĐ-CP. Tiếp đó, Chính phủ có Nghị định 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2008/NĐ-CP và Bộ LĐTB&XH có Thông tư 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 3/11/2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 34/2008/NĐ-CP và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP (thay thế cho Thông tư 08/2008/NĐ-CP).

Bộ luật lao động năm 1994 sau gần 20 năm thực hiện cần phải sửa đổi một cách cơ bản và toàn diện. Bên cạnh đó, Việt Nam đã là thành viên của Liên hiệp quốc (UN), ILO, WTO, ASEAN v.v... vì vậy Bộ luật lao động mới phải phù hợp với thông lệ quốc tế, các công ước quốc tế, đặc biệt là những công ước quốc tế mà nước ta đã phê chuẩn. Việt Nam đưa vào luật các quy định về điều kiện của lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam<sup>85</sup>. Chỉ được tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài đối với công việc quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, phải giải trình nhu cầu sử dụng và phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 170). Luật hóa các quy định về các trường hợp không thuộc diện cấp GPLĐ và các trường hợp GPLĐ hết hiệu lực. Bỏ quy định về việc gia hạn GPLĐ, bỏ việc giới hạn số lượng

---

<sup>85</sup>Các điều kiện này trước đây được hướng dẫn trong Nghị định 34/2008/NĐ-CP, ngoài ra còn bổ sung thêm hai điều kiện: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ chuyên môn, tay nghề và sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc.

và tỷ lệ khi tuyển dụng người nước ngoài v.v... Ngày 05/9/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động năm 2012 về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Bộ LĐTB&XH ban hành Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH ngày 20/1/2014 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 102/2013/NĐ-CP. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 08/7/2014 trong đó có phần 4 quy định điều kiện đối với người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; Các Bộ, ngành liên quan cũng đã ra các văn bản hướng dẫn tạo thành khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh. Trong quá trình thực hiện Nghị định số 102/2013/NĐ-CP và Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH phát sinh một số vấn đề: có những quy định bất hợp lý, khó thực hiện, một số thủ tục hành chính cần phải cải cách và rút gọn hơn nữa; ngược lại, cần bổ sung một số quy định để quản lý chặt chẽ hơn. Ngày 3/2/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 11/2016/NĐ-CP thay thế cho Nghị định số 102/2013/NĐ-CP; Nghị định 140/2018/NĐ-CP quy định và sửa đổi một số điều của Bộ luật lao động và Nghị định 11/2016/NĐ-CP về thủ tục cấp giấy phép lao động, hồ sơ giấy phép lao động và thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động được sửa đổi rút ngắn. Bộ LĐTB&XH ban hành Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 11/2016/NĐ-CP và Thông tư số 23/2017/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện cấp GPLĐ cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử.

Xác định khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững đất nước<sup>86</sup>, ngày 9/6/2000 Quốc hội thông qua Luật Khoa học và công nghệ số 21/2000/QH10. Điều 35 Luật Khoa học và công nghệ năm 2000 quy định về “*sử dụng nhân lực khoa học và công nghệ*” khẳng định nhà nước trọng dụng nhân tài, tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ sáng tạo và cống hiến; có chính sách và biện pháp để thu hút nhân tài vào việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước; có chế độ đãi ngộ tương xứng với cống hiến và có chế độ ưu đãi đặc biệt đối với cá nhân có công trình khoa học và công nghệ đặc biệt xuất sắc, có cống hiến lớn đối với đất nước. Bên cạnh đó, nhà nước có chính sách thoả đáng về lương, điều kiện làm việc, chỗ ở đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Điều 46 Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ năm 2000 nêu rõ chính sách thu hút trí thức là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các chuyên gia giỏi của thế giới: “*Trí thức là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các chuyên gia giỏi của thế giới được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và*

---

<sup>86</sup>Điều 37 Hiến pháp năm 1992

*công nghệ tại Việt Nam dưới các hình thức khác nhau*”. Trí thức là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các chuyên gia giỏi là người nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ như đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ Việt Nam, có các quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng khoa học và công nghệ hoặc thoả thuận đã ký kết với tổ chức, cá nhân Việt Nam và được hưởng các ưu đãi như: được bổ nhiệm giữ các chức vụ khoa học và công nghệ quy định; được hưởng các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật và nếu có những cống hiến lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam, được Nhà nước Việt Nam khen thưởng, xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ của Việt Nam.

Các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế xã hội, về phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm đều chú trọng phát triển khoa học và công nghệ nhằm phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó, Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học công nghệ: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009); Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Đo lường năm 2011. Các văn bản dưới luật cũng có Nghị định 06/2005/NĐ-CP ngày 19/01/2005 về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định 80/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT/BCA-BKHCN ngày 27/7/2007 của liên Bộ Công an, Khoa học & Công nghệ hướng dẫn tổ chức khoa học công nghệ công lập mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử cán bộ ra nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ v.v...

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định: *“Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”* (Khoản 1 Điều 62) - Đây là cơ sở pháp lý cao nhất và quan trọng nhất nhằm định hướng cho việc ban hành văn bản pháp luật để phát triển khoa học và công nghệ nước ta hiện nay. Thời điểm năm 2013, Luật Khoa học và công nghệ năm 2000 được ban hành đã 13 năm (khi đó, Việt Nam chưa phải là thành viên của WTO, chưa hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, chưa có hệ thống luật pháp đồng bộ về khoa học công nghệ) do vậy cần phải được sửa đổi, bổ sung để tạo ra sự thống nhất, đồng bộ của các văn bản pháp luật đáp ứng quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Trên tinh thần đó, Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2013. Các văn bản dưới luật khác như Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

của Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 quy định về việc sử dụng trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam v.v... tạo cơ sở pháp lý cho chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam.

## **2. Chế độ ưu đãi đối với chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam.**

Theo Khoản 3 Điều 3 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013: “*Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ*”. Chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ là những người có quốc tịch nước ngoài, được đào tạo theo hướng chuyên sâu, có kinh nghiệm thực hành và kỹ năng thực tiễn, lý luận chuyên sâu về khoa học công nghệ. Luật cũng sử dụng khái niệm “*chuyên gia nước ngoài*” khi xác định yêu cầu của nhà nước Việt Nam đối với cá nhân hoạt động khoa học công nghệ là người nước ngoài. Hay nói cách khác, người nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam phải là những chuyên gia. Chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, được hưởng các quyền theo quy định tại Điều 20 và được ưu đãi theo Điều 24 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013: “*a) Được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; b) Được hưởng ưu đãi về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; c) Được hưởng lương chuyên gia theo quy định của Chính phủ và ưu đãi khác theo hợp đồng*”. Chuyên gia là người nước ngoài có công hiến lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam được Nhà nước Việt Nam vinh danh, khen thưởng, tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của Việt Nam.

Quy định cụ thể về ưu đãi, sử dụng nhân tài hoạt động khoa học công nghệ hiện nay chủ yếu được quy định trong Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/09/2014 về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Theo Nghị định 87/2014/NĐ-CP, Chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam được hưởng 6 chính sách về (a) xuất nhập cảnh và cư trú; (b) tuyển dụng, lao động, học tập; (c) tiền lương; (d) nhà ở; (e) tiếp cận thông tin; (g) khen thưởng, vinh danh và một số chế độ

khác. Để được hưởng chính sách hỗ trợ thì chuyên gia nước ngoài phải được công nhận về trình độ học vấn, kinh nghiệm có khả năng đóng góp cho nền học thuật Việt Nam. Cơ quan, tổ chức Việt Nam phải tuyển dụng chuyên gia đúng theo lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của quốc gia.

Bộ Khoa học và Công nghệ (có phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan) xác định các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm trong từng thời kỳ cần thu hút chuyên gia nước ngoài. Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin, tư vấn về định hướng, lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên phát triển tại Việt Nam và các tổ chức, cơ sở khoa học và công nghệ có nhu cầu và tiềm năng hợp tác với chuyên gia nước ngoài. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, các Đại học Quốc gia quyết định việc sử dụng chuyên gia nước ngoài của các cơ quan, tổ chức công lập trực thuộc. Các cơ quan, tổ chức ngoài công lập quyết định việc sử dụng chuyên gia nước ngoài của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xác nhận (đối với cơ quan, đơn vị ngoài công lập) hoặc quyết định chấp thuận (đối với cơ quan đơn vị công lập) cho các đề xuất sử dụng chuyên gia (Điều 12 Nghị định 87/2014/NĐ-CP).

Chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, được hưởng chính sách thu hút phải đáp ứng một trong các yêu cầu về điều kiện trình độ chuyên môn, kinh nghiệm: (a) Có sáng chế hoặc giống cây trồng được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam; (b) Có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam; (c) Có bằng tiến sỹ, đã và đang giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại cơ sở nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Việt Nam; (d) Có bằng tiến sỹ, đã làm việc trên 3 năm ở vị trí nghiên cứu khoa học tại chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ hoặc bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài (Khoản 1 Điều 3 Nghị định 87/2014/NĐ-CP). Nếu không đáp ứng điều kiện này nhưng căn cứ nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ và theo đề nghị của cơ quan sử dụng thì Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sử dụng .

Các chính sách hỗ trợ chuyên gia nước ngoài bao gồm các chế độ trong công tác và sinh hoạt. Vì đây là chính sách đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nên khi giao kết hợp đồng lao động các bên phải xác định đây là những nội dung, điều khoản bắt buộc hoặc thường lệ. Tuy nhiên, các chế độ này cũng không hạn chế mà có thể cao hơn tùy thuộc vào điều kiện của cơ quan, đơn vị sử dụng (Nghị định chỉ đưa ra điều kiện ở mức tối thiểu). Tuy nhiên, vấn đề quy định cao hơn, tốt hơn



cũng có thể khó xác định vì có thể trở thành điều khoản ràng buộc trái với nguyên tắc tự do hợp đồng.

Chuyên gia nước ngoài và thành viên gia đình họ (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được cấp thị thực nhiều lần hoặc *Thẻ tạm trú* với thời hạn tối đa theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Chuyên gia nước ngoài được Nhà nước Việt Nam tặng huân chương hoặc danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc đang tạm trú tại Việt Nam sẽ được xem xét cấp *Thẻ thường trú* theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Điều 4 Nghị định 87/2014/NĐ-CP). Việt Nam chỉ cấp GPLĐ đối với lao động nước ngoài chuyên môn cao vì vậy công việc với chuyên gia nước ngoài quy định phải là những công việc lãnh đạo hoặc chủ trì thực hiện: “*Chuyên gia nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ*” (Điều 5 Nghị định 87/2014/NĐ-CP). Chuyên gia nước ngoài được tạo điều kiện cấp GPLĐ theo quy trình, thủ tục rút gọn (thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 24/2015/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2015 quy định chi tiết thi hành Khoản 6 Điều 14 của Nghị định số 87/2014/NĐ-CP).

Chuyên gia nước ngoài thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Việt Nam được hưởng lương theo thỏa thuận. Tuy nhiên cùng với nguyên tắc chung về tiền lương thì mức lương thỏa thuận còn phải được xác định trên cơ sở mức độ ưu tiên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Tính chất, quy mô và tầm quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ; Trình độ, năng lực, hiệu quả đóng góp của cá nhân (Điều 6 Nghị định 87/2014/NĐ-CP). Chuyên gia nước ngoài được hưởng ưu đãi tối đa về thuế, được chuyển các khoản thu nhập hợp pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và các quy định có liên quan; trường hợp có nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam thì được mua ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài.

Chuyên gia nước ngoài được tạo mọi điều kiện tốt nhất về thông tin trong quá trình thực hiện công việc tại Việt Nam. Trước khi tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, chuyên gia nước ngoài được cung cấp thông tin, tư vấn về định hướng, lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên phát triển tại Việt Nam và các tổ chức khoa học và công nghệ có nhu cầu và tiềm năng hợp tác. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Việt Nam họ được cơ quan, tổ chức sử dụng cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến các hoạt động chuyên môn. Để đảm bảo hiệu quả công việc, chuyên gia nước ngoài được hưởng các ưu đãi khác trong sinh hoạt, công tác tại Việt Nam. Cơ quan, tổ chức sử dụng lao động tạo điều kiện về

chỗ ở hoặc hỗ trợ thuê chỗ ở trong thời gian tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam (Điều 7 Nghị định số 87/2014/NĐ-CP). Ngoài ra còn được sự hỗ trợ khác như bảo đảm các điều kiện thuận lợi về nơi làm việc, tài liệu, dịch vụ internet, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, thực nghiệm để triển khai nhiệm vụ khoa học phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, bố trí phương tiện đi lại nếu chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng v.v... (Điều 10 Nghị định 87/2014/NĐ-CP). Bên cạnh việc hỗ trợ về vật chất thì nhà nước còn có chính sách khen thưởng, vinh danh. Chuyên gia nước ngoài có nhiều công hiến đối với sự phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam được Nhà nước Việt Nam xem xét tặng danh hiệu khoa học danh dự, kỷ niệm chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ hoặc được vinh danh, khen thưởng theo quy định pháp luật (Điều 9 Nghị định số 87/2014/NĐ-CP)

Các tổ chức, đơn vị tuyển dụng và cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức có sử dụng lao động nước ngoài và phải thực hiện đầy đủ các quy định và chính sách ưu đãi của nhà nước đối với chuyên gia nước ngoài. Trách nhiệm đối với chuyên gia nước ngoài liên quan đến nhiều cơ quan nhà nước như Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Nội vụ; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ Công an; Bộ Lao động thương binh và xã hội; UBND cấp tỉnh, các Đại học quốc gia.

### **3. Kiến nghị hoàn thiện quy định về chế độ ưu đãi đối với chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam.**

Xem xét bổ sung và làm rõ khái niệm “*chuyên gia nước ngoài*” trong Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 chỉ giải thích về “*cá nhân hoạt động khoa học công nghệ*” là người thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ (Khoản 12 Điều 3). Như vậy người thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ là khái niệm rộng có thể gồm nhiều trình độ, bao gồm cả người có quốc tịch nước ngoài. Tuy nhiên Điều 24 lại xác định 2 đối tượng là *cá nhân hoạt động khoa học công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài* (khoản 2) và *chuyên gia nước ngoài* (Khoản 3). Luật quy định cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài có những quyền và nghĩa vụ như cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ theo điều 20, 21 nhưng Luật không quy định chuyên gia nước ngoài cũng có quyền của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Điều 20. Mặc dù Khoản 1 Điều 10 Nghị định 87/2014/NĐ-CP đã quy định chuyên gia nước ngoài có quyền theo Điều 20 Luật Khoa học và công nghệ 2013 nhưng “quyền” là vấn đề cơ bản, quan trọng cần phải đưa vào Luật, không nên quy định ở văn bản Nghị định. Nghị định 40/2014/NĐ-CP hướng dẫn Điều 19, 22, 23 Luật Khoa học và công nghệ

2013 và áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam (Điều 1, 2 Nghị định 40/2014/NĐ-CP) nhưng nếu xác định chuyên gia nước ngoài là đối tượng riêng thì cần giải thích chính xác về cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam bao gồm cả xác định vấn đề quốc tịch.

Để hoàn thiện những quy định về chế độ ưu đãi đối với chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học công tại Việt Nam cần sửa đổi đồng bộ Nghị định số 40/2014/NĐ-CP và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP vì nội dung 2 Nghị định này có liên quan chặt chẽ. Hoàn thiện cả các quy định của pháp luật lao động về chế độ đối với lao động nước ngoài (VD: chế độ an sinh xã hội, quyền gia nhập tổ chức đại diện v.v...).

Bổ sung các điều kiện ở Khoản 1 Điều 3 Nghị định 87/2014/NĐ-CP để chuyên gia nước ngoài được áp dụng chính sách thu hút: Gắn với yêu cầu chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng, có ảnh hưởng tầm quốc gia; hoặc đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hoặc một địa phương hay sự phát triển của chuyên ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Bổ sung Điều 6 Nghị định 87/2014/NĐ-CP quy định về chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam được hưởng mức lương theo thỏa thuận và không thấp hơn mức lương của chuyên gia làm việc tại các vị trí tương tự trong các tổ chức nước ngoài hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định 87/2014/NĐ-CP về việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho chuyên gia nước ngoài: Trong thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam có thể tiếp tục tham gia các trao đổi học thuật, chuyên môn thông qua hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế có nội dung gắn với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang hợp tác triển khai tại Việt Nam; Tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn tại Việt Nam; công bố kết quả trong quá trình hợp tác tại Việt Nam; Tham gia các chương trình, đề án đẩy mạnh hợp tác, thu hút chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam v.v...

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai, thúc đẩy và tạo điều kiện để thực hiện thu hút chuyên gia nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ. Đặc biệt chú trọng việc cung cấp thông tin; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chuyên gia ở nước ngoài và nhu cầu hợp tác khoa học và công nghệ trong nước; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác về khoa học và công nghệ để tranh thủ nguồn lực từ các hoạt động hợp tác quốc tế v.v.../.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật lao động năm 2012
2. Luật Khoa học và công nghệ năm 2013
3. Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/09/2014 quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.
4. Nghị định 08/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ năm 2013
5. Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 quy định về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ
6. Thông tư số 24/2015/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2015 quy định chi tiết thi hành Khoản 6 Điều 14 của Nghị định số 87/2014/NĐ-CP.

## **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

TS. Nguyễn Thu Ba

Khoa Luật - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tel: 0904186405; email: nguyenthuba74@gmail.com.

# THÁO GỠ CÁC RÀO CẢN PHÁP LÝ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GỌI VỐN CHO STARTUP Ở VIỆT NAM

*ThS.NCS. Hoàng Thị Hải Yến*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

## **Tóm tắt**

*Bài viết đề cập tới các hình thức gọi vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp (sau đây gọi tắt là startup), thực trạng gọi vốn của các startup hiện nay ở Việt Nam và khung khổ pháp lý liên quan. Từ việc đánh giá thực trạng trong nước, kết hợp với việc so sánh kinh nghiệm quốc tế, bài viết đưa ra một số gợi ý trong việc thay đổi chính sách liên quan tới gọi vốn của các startup nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho hoạt động khởi nghiệp tại Việt Nam.*

**Từ khóa:** *Doanh nghiệp khởi nghiệp, Vốn môi, Đầu tư thiên thần, Đầu tư mạo hiểm, Gọi vốn cộng đồng*

*Startup, Seed-funding, Angel Investor, Venture capital, Crowd-funding*

*Giới thiệu/Đặt vấn đề*

Cả về lý luận và thực tiễn đều cho thấy gọi vốn là vấn đề đặc biệt quan trọng đối với startup. Các startup hầu hết gặp nhiều rủi ro về mặt công nghệ cũng như rủi ro về mặt thị trường hơn các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông thường. Hơn nữa họ lại thường không có nhiều tài sản hữu hình mà chỉ có tài sản trí tuệ nên khó để thế chấp, vay vốn tại ngân hàng. Chính vì vậy các startup tiếp cận các nguồn vốn rất khác với hầu hết các hoạt động kinh doanh nhỏ (*small business*): Các startup thường dựa vào nguồn vốn đầu tư thông qua các nhà đầu tư thiên thần hay các nhà đầu tư mạo hiểm, trong khi các hoạt động kinh doanh nhỏ có thể dựa vào các khoản vay và trợ cấp. Do đó, các loại hình tài chính mới được hình thức nhằm hỗ trợ đặc lực cho loại hình doanh nghiệp này.

Để có được nguồn vốn, các startup thường phải “gọi vốn” (*funding*) – đây là khái niệm các startup kêu gọi nhà đầu tư rót vốn cho doanh nghiệp của mình. Các hình thức gọi vốn của startup thường được đề cập tới bên cạnh việc tự thân vận động (*Bootstrapping*) bao gồm: *Gọi vốn từ cộng đồng (Crowdfunding)*, *Nhà đầu tư thiên thần/Mạnh thường quân (Angel Investor)* và thông qua các *Quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture Capital)*. Mỗi hình thức gọi vốn có những ưu và khuyết điểm riêng, tương ứng với từng giai đoạn phát triển của một startup.

## 1. Tổng quan nghiên cứu

Cùng với sự phát triển của loại hình kinh doanh mới - khởi nghiệp sáng tạo tại các quốc gia, các nghiên cứu quốc tế sớm quan tâm tới các yếu tố tác động tới thành công hay thất bại của một startup, trong đó đặc biệt là tài chính.

Nghiên cứu của OECD (2004) đã chỉ ra rằng sự không chắc chắn và thông tin bất đối xứng đặc trưng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa sáng tạo được khuếch đại khiến cho các doanh nghiệp này khó khăn hơn trong việc tiếp cận tài chính thông qua các phương tiện truyền thống. Điều này đã dẫn đến một sự gia tăng của các chương trình của chính phủ để thu hẹp khoảng cách tài chính mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa sáng tạo phải đối mặt.

Do đó, các nghiên cứu đã đi tìm kiếm nguồn tài chính mới chấp nhận rủi ro như đầu tư mạo hiểm, đầu tư thiên thần,... và đặt ra câu hỏi liệu rằng nguồn tài chính đó có tác động tích cực đến sự phát triển, hiệu suất và sự sống còn của các doanh nghiệp mà họ tài trợ hay không.

Vì là loại hình doanh nghiệp liên quan tới đổi mới, sáng tạo với độ rủi ro nhiều nên vốn đầu tư mạo hiểm (*Venture capital*) là một giải pháp quan trọng. Thực tế, ngay từ nửa sau của thế kỉ XX, trên thế giới đã có nhiều bài phân tích về vai trò của các quỹ đầu tư mạo hiểm, đặc biệt là đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ. Năm 1999, tác giả Paul A. Gompers và Josh Lerner đã xuất bản cuốn “*The venture capital cycle*” (tạm dịch: *Chu kì đầu tư mạo hiểm*). Cũng vào năm này, Michael Lewis đã công bố tác phẩm của mình với tựa đề “*The new new thing: A Silicon Valley Story*” (tạm dịch: *Câu chuyện cực mới về Thung lũng Silicon*),... Đến tận thời điểm hiện nay, vẫn có rất nhiều cuốn sách về đầu tư mạo hiểm nói chung và đầu tư mạo hiểm cho khoa học và công nghệ nói riêng được xuất bản. OECD (1997) đã chỉ ra và phân tích vai trò của vốn đầu tư mạo hiểm trong vòng đời của doanh nghiệp (bắt đầu – phát triển và trưởng thành), nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Các chương trình đầu tư mạo hiểm của chính phủ được thiết kế để giúp các doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn đầu phát triển. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hầu hết các doanh nghiệp khởi nghiệp cần hỗ trợ và đầu tư tài chính ở giai đoạn đầu tiên. Các hình thức của đầu tư mạo hiểm có thể là: Đầu tư mạo hiểm trực tiếp: các khoản đầu tư vốn của chính phủ (*Government equity investments*) và các khoản cho vay từ chính phủ (*Government loans*) và Khuyến khích tài chính: hỗ trợ thuế (*Tax incentives*), bảo lãnh khoản vay (*Loan guarantees*), bảo lãnh vốn (*Equity guarantees*). Nghiên cứu cũng dẫn chứng nhiều chương trình đầu tư mạo hiểm thực tế của các quốc gia OECD trong những năm 1990.

Gil Avnimelech và Morris Teubal (2004) trong nghiên cứu về thành công của các cụm công nghệ cao của Israel đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò của vốn đầu tư mạo hiểm và doanh nghiệp khởi nghiệp trong đổi mới công nghệ và vai trò của vốn

đầu tư mạo hiểm để hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp vượt qua các rào cản. Nghiên cứu đã chỉ ra và phân tích các tác động của đầu tư mạo hiểm đối với sự phát triển thần kỳ của doanh nghiệp khởi nghiệp ở Israel những năm 1990, đáng lưu ý là các chương trình như Inbal (1991) và Yozma (1992) cung cấp đầu tư mạo hiểm dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, trẻ (*young Israel high tech startups*) kéo dài từ 1993 tới 1997. Trong nghiên cứu tiếp theo (Gil Avnimelech và Morris Teubal, 2006), các tác giả tiếp tục trình bày về kinh nghiệm thành công của “quốc gia khởi nghiệp” Israel với sự phân tích vòng đời của các kiểu đầu tư mạo hiểm dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp tại quốc gia này. Đặc biệt, nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt – chính là nguyên nhân thành công và thất bại của hai chương trình đầu tư mạo hiểm của Israel là *Inbal* (chương trình thất bại) và *Yozma* (chương trình thành công).

The World Bank (2010) trong công trình nghiên cứu *Innovation Policy: A Guide for Developing Countries* đã đề cập tới vai trò của các nguồn vốn đầu tư mạo hiểm đối với các startup và chỉ dẫn loại đầu tư này như một trong những yếu tố quan trọng mà các quốc gia đang phát triển phải đặc biệt quan tâm nếu muốn phát triển cộng đồng khởi nghiệp mang tính đổi mới, sáng tạo.

Thập kỷ qua đã chứng kiến sự phát triển nhanh chóng và sâu sắc của các loại hình tài trợ cho các công ty mới thành lập tại Hoa Kỳ và trên toàn thế giới. Đặc biệt, chúng ta đã thấy một vai trò ngày càng tăng của các nhóm thiên thần và nhiều lựa chọn tài trợ “cá nhân” khác dành cho các startup, chẳng hạn như siêu thiên thần hoặc các nguồn tài trợ từ công chúng khác (Josh Lerner và đồng nghiệp, 2015). Nghiên cứu cũng đã chứng minh được về bản chất và thực tiễn rằng các nhà đầu tư thiên thần nâng cao kết quả và hiệu suất của các doanh nghiệp khởi nghiệp họ đầu tư vào. Thậm chí nhiều hơn là cung cấp kinh phí cho các doanh nghiệp, đầu tư mạo hiểm đã trở thành một tổ chức trung tâm trong một số cụm doanh nghiệp sáng tạo, năng động nhất trên thế giới. Trong hai thập kỷ qua, đầu tư vốn mạo hiểm đã khuếch tán mang tầm quốc tế, cho tới hiện nay có 35 hiệp hội đầu tư mạo hiểm quốc gia (Martin Kenney và đồng nghiệp).

Bên cạnh đó, nhiều các nghiên cứu đã cố gắng phân tích các loại đầu tư tài chính theo vòng đời phát triển của các startup để mở rộng hơn các hình thức gọi vốn phù hợp. Theo Cvijanović, Marović và Sruk (2008) tài chính cho sự phát triển của các startup có thể được thể hiện theo từng giai đoạn của quá trình phát triển. Các tác giả chia thành 5 giai đoạn, cụ thể là: 1. *Thử nghiệm hay Môi*, 2. *Khởi nghiệp*, 3. *Mở rộng*, 4. *Tái đầu tư* và 5. *Bán ra - Mua cổ phần của công ty*. Trong giai đoạn thử nghiệm, các startup thường sử dụng tài chính của bản thân hoặc tài chính từ gia đình

hay bạn bè. Trong giai đoạn đầu của phát triển, các nguồn tài chính khả thi có thể tới từ: các nguồn vay ngân hàng (*loans*), các thiên thần kinh doanh (*business angels*) và các nguồn đầu tư mạo hiểm (*venture capital funds*). Trong giai đoạn mở rộng, các nguồn tài chính thường là đầu tư mạo hiểm và nguồn vay. Ở giai đoạn bán ra, các cổ phần tư nhân đóng một vai trò quan trọng.

Nghiên cứu “*Analysis of financing sources for startup companies*” của Marina Kláčmer Čalopa, Jelena Horvat, Maja Lalić (2014) đã phân tích các vòng đời của doanh nghiệp khởi nghiệp và các loại hình đầu tư tài chính dành cho loại doanh nghiệp này. Theo các tác giả, các phương thức truyền thống đối với tài chính của doanh nghiệp khởi nghiệp là: *Bank loans - Các khoản vay ngân hàng; 3F (Friends, Family and Fools) - Bạn bè, gia đình và những người khờ dại; Seed investments - Các đầu tư vốn môi; Business angels - Các thiên thần kinh doanh; Venture Capital investments - Các đầu tư mạo hiểm.*

Nghiên cứu cũng chỉ ra các phương thức hiện đại đối với tài chính của doanh nghiệp khởi nghiệp ở Mỹ hiện nay như: *Y Combinator, TechStars; CRV QuickStart - Charles River Ventures QuickStart; Seedcamp; Start-up bootcamp; Fundable.*

Trong khi đó, các nghiên cứu ở Việt Nam về vấn đề này mới chỉ xuất hiện gần đây, hầu hết tập trung làm rõ các rào cản trong việc hình thành các nguồn tài chính và khó khăn trong tiếp cận các nguồn tài chính của startup nhưng đáng lưu ý là chưa có nghiên cứu nào đi sâu phân tích và đưa giải pháp cụ thể cho vấn đề này.

Các nghiên cứu của Vũ Cao Đàm (2003), Vũ Cao Đàm, Nguyễn Thanh Hà (2008) đã chỉ ra rằng hệ thống tín dụng thông thường không thể thúc đẩy đổi mới công nghệ khi mà khả năng thành công về kỹ thuật và thương mại còn chưa rõ ràng, do đó tồn tại một nhu cầu lớn về nguồn vốn cho thị trường công nghệ đó là Quỹ đầu tư mạo hiểm. Các nghiên cứu này cũng chỉ ra các khó khăn trong hình thành loại quỹ này ở Việt Nam hiện nay.

Các nghiên cứu về rào cản đối với khởi nghiệp ở Việt Nam đều có đề cập tới 1 rào cản đó là “thiếu vốn” (Nguyễn Hùng (2016), Minh Giảng (2016), Ngọc Quang (2016), Nghiên cứu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2017),...).

Một số nghiên cứu khác như đề tài nghiên cứu cấp bộ của Phan Hoàng Lan (2017), nghiên cứu *Khởi nghiệp sáng tạo* của Bộ KH&CN (2018) đã bước đầu đề cập tới kinh nghiệm quốc tế trong tháo gỡ bài toán tài chính của startup và đề xuất hướng giải pháp cho Việt Nam.



## **2. Thực trạng gọi vốn và vướng mắc pháp lý trong gọi vốn hiện nay của startup ở Việt Nam**

### **2.1. Thực trạng gọi vốn của startup ở Việt Nam**

Đa phần các startup Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình khởi nghiệp, khám phá khách hàng và kiểm chứng mô hình kinh doanh. Thị trường vốn đầu tư thiên thần và vốn đầu tư mạo hiểm đã phát triển không ngừng trong những năm qua ở Việt Nam, trong khi Chính phủ cũng đã liên tục có những hỗ trợ về pháp lý, thể chế.

Đánh giá về hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam của GEM<sup>87</sup> qua các năm cho thấy, trong 12 chỉ số, chỉ số tài chính cho kinh doanh là chỉ số đạt điểm số khá thấp. Năm 2017, chỉ số này của Việt Nam đạt 2,27/5 - chỉ số thấp thứ 4. Tuy nhiên, chỉ số này đã được cải thiện nhiều so với năm 2015. Năm 2015, chỉ số tài chính cho kinh doanh của Việt Nam đạt 2,12/5 điểm, là chỉ số thấp thứ hai, chỉ cao hơn chỉ số về giáo dục kinh doanh ở bậc phổ thông.

Thực tế hiện nay ở Việt Nam, các startup có 4 kênh gọi vốn chính: *đầu tư mạo hiểm, đầu tư thiên thần, gọi vốn cộng đồng và thông qua các hỗ trợ uơm tạo (vườn uơm/tổ chức thúc đẩy kinh doanh)*.

#### **2.2.1. Đầu tư mạo hiểm**

Theo thống kê từ Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN (Bộ KH&CN) hiện có khoảng 40 Quỹ Đầu tư mạo hiểm đã và đang hoạt động tại Việt Nam, tăng khoảng 30% so với năm 2016 (Văn phòng Đề án 844). Trong đó, *hầu hết các nhà đầu tư mạo hiểm hiện nay ở Việt Nam là các nhà đầu tư nước ngoài*. Các quỹ ngoại điển hình là IDG Ventures Vietnam, Cyber Agent, Mekong Capital, DFJ Vina Capital, ESP Capital, Innovatube. Bên cạnh đó, trong hai năm 2016, 2017, nhiều Quỹ Đầu tư mạo hiểm nội địa cũng được thành lập và tham gia vào thị trường đầu tư mạo hiểm như SeedCom, FPT Ventures, CMC Innovation Fund, VPBank Startup, VIISA, ESP, VSV, 500 Startups Vietnam... Một số ngân hàng, công ty lớn như Vietcombank, BIDV, VPBank, VietA bank, Tổng công ty dầu khí thì có một số Công ty quản lý Quỹ để quản lý các quỹ. Tuy nhiên họ hầu hết không đầu tư từ giai đoạn đầu và không đầu tư nhỏ mà đầu tư vào những dự án thường vài trăm ngàn đô.

*Số lượng vốn đầu tư của nhà đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp ở Việt Nam chưa nhiều*. Các Quỹ như IDG, Mekong, Vina đại diện cho làn sóng đầu tư thứ nhất, xuất hiện tại Việt Nam từ trước năm 2007. Các Quỹ CyberAgent, 500 Startups, Golden Gate Ventures, SBI Holdings là đại diện cho làn sóng thứ hai và đang tích

---

<sup>87</sup> GEM viết tắt của Global Entrepreneurship Monitor, là nghiên cứu Chỉ số khởi nghiệp toàn cầu, bắt đầu triển khai từ năm 1999. Sau 17 năm triển khai, GEM đã thu hút được khoảng 100 quốc gia tham dự và trở thành nghiên cứu có quy mô lớn nhất về khởi nghiệp trên toàn cầu. Năm 2017 là năm thứ năm liên tiếp Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đại diện cho Việt Nam tham gia nghiên cứu GEM

cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam. Riêng trong năm 2015, nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước đã nhận được hàng triệu USD từ các nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể, tháng 3/2015, Cốc Cốc - một công ty khởi nghiệp của 3 lập trình viên Việt Nam đã nhận được khoản đầu tư 14 triệu USD từ tập đoàn truyền thông Hubert Burda (Đức). Trong đó, Hubert Burda đầu tư 10 triệu USD, số còn lại đến từ các nhà đầu tư khác, trong đó có cả các nhà quản lý cao cấp của Burda với tư cách cá nhân. Kafe Group vào tháng 10/2015 công bố được Cassia Investments – một quỹ đầu tư Hồng Kông rót vốn 5,5 triệu USD với mục đích mở rộng thị trường. Quỹ CyberAgent (Nhật Bản) mới đây cũng rót thêm tiền vào Công ty cổ phần VeXeRe - một dự án startup trong lĩnh vực công nghệ vận hành hệ thống đặt vé xe khách trực tuyến. Tuy không công bố chi tiết số tiền đầu tư, song CyberAgent là tên tuổi khá quen thuộc ở Việt Nam khi đã có nhiều khoản đầu tư cho các công ty trong giai đoạn mới hình thành như Tiki, NCT - đơn vị sở hữu website nghe nhạc trực tuyến Nhaccuatui.com... Tuy nhiên, có một thực tế là bình quân mỗi năm chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp Việt Nam nhận được đầu tư từ những quỹ này, một con số khá khiêm tốn so với khoảng 300 doanh nghiệp được đầu tư mỗi năm tại các thị trường như Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc... Đặc biệt, cũng chưa có Quỹ nào thành lập pháp nhân tại Việt Nam, mà vẫn thông qua văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc là một bộ phận của công ty quản lý (như FPT Ventures chỉ là 1 bộ phận của Công ty FPT).

*Ngoài vấn đề số lượng ít ỏi, chất lượng các dự án đầu tư khởi nghiệp cũng chưa cao, đòi hỏi vòng đầu tư dài hơi.* Theo ông Nguyễn Lâm Trung Anh của IDG Ventures Vietnam, thời gian trung bình để doanh nghiệp khởi nghiệp đạt được thành công ở Việt Nam là 6,6 năm, trong khi ở Mỹ trung bình các doanh nghiệp chỉ cần 3-4 năm. Nguyên nhân của tình trạng này là các doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam thường trong tình trạng cô lập, thiếu đối thủ lành mạnh, do đó thiếu chất xúc tác để có thể khai phá thị trường và phát triển mạnh mẽ, ông lý giải<sup>88</sup>. Tuy nhiên, theo nhận định của TS. Trần Quang Vinh, Giám đốc điều hành Quỹ Pinehill kiêm cố vấn cho Chính phủ Mỹ về đầu tư hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, nhược điểm cơ bản của các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam là thiếu kinh nghiệm và những kỹ năng cơ bản để chuyển hóa một cách hiệu quả các ý tưởng đổi mới sáng tạo thành sản phẩm, dịch vụ đưa ra thị trường. Ở các nước phát triển, các doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm hơn về đầu tư, nên vòng đầu tư - từ ý tưởng đến khởi nghiệp, gọi vốn đầu tư mạo hiểm, rồi chuyển sang các giai đoạn tiếp theo trong đầu tư mạo hiểm trước khi làm IPO – có thể được tăng tốc rút ngắn. Còn ở Việt Nam, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần có thêm những bước đệm để được huấn luyện, bồi dưỡng kinh nghiệm và

---

<sup>88</sup> <http://tiasang.com.vn/-khoi-nghiep/nha-dau-tu-thien-than-mat-xich-thiet-yeu-cua-thi-truong-dau-tu-mao-hiem-7400>

các kỹ năng tối thiểu về kinh doanh, quản trị, tiếp thị,... Do những hạn chế trên đây nên các doanh nhân khởi nghiệp Việt Nam đạt được thành công lần đầu ở tuổi đời khá muộn, trung bình là 28,5 tuổi (tuổi đời trung bình của doanh nhân khởi nghiệp thành công lần đầu ở Mỹ là 23), ông Nguyễn Lâm Trung Anh cho biết. Những trường hợp thành công ở lứa tuổi 20-22 như Nguyễn Xuân Tài (Naiscorp) hay Nguyễn Hòa Bình (PeaceSoft) là vô cùng hiếm hoi<sup>89</sup>.

Dù còn nhiều mặt hạn chế, thị trường đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam đang dần hình thành và bắt nhịp với xu hướng chung của thế giới, thể hiện qua thành công của một số nhà đầu tư trong nước và quốc tế vào các doanh nghiệp khởi nghiệp, điển hình như các doanh nghiệp VNG (Vinagame), Vatgia, VMG Media, v.v được định giá vài chục, thậm chí hàng trăm triệu USD.

Tuy nhiên, *loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp mang lại thành công cho nhà đầu tư mạo hiểm chủ yếu vẫn liên quan tới công nghệ thông tin*, do đặc thù số vốn bỏ ra ban đầu không cần nhiều trong khi tiềm năng gia tăng giá trị doanh nghiệp trong tương lai nếu thành công là rất cao. Còn với những doanh nghiệp khởi nghiệp thuộc các ngành công nghệ quan trọng khác, ví dụ như công nghệ sinh học hay dược liệu, việc thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư mạo hiểm là một thách thức không nhỏ, do số vốn phải đầu tư ban đầu tương đối cao (để mua sắm nhà xưởng, phòng thí nghiệm, thiết bị, v.v.), và tiềm năng lợi nhuận không đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư.

### 2.2.2. Đầu tư thiên thần

Ở Việt Nam cũng đã bắt đầu hình thành một số mạng lưới đầu tư thiên thần. Ví dụ như VIC Impact có khoảng 10 nhà đầu tư là doanh nhân khởi nghiệp thành công và một số nhà đầu tư chuyên nghiệp, Hatch! Angel network là mạng lưới nhà đầu tư do tổ chức Hatch hỗ trợ khởi nghiệp hình thành, hay iAngel là mạng lưới đầu tư thiên thần mới được hình thành, dựa trên thành viên chính là các thành viên của Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Hà Nội (HanoiBA). Mạng lưới nhà đầu tư thiên thần Việt Nam - iAngel Network (được ký kết tại Hà Nội sáng 23.4.2017), với 80 thành viên trên cả nước. Tính tới nay, mạng lưới xây dựng và thực hiện chương trình “Tăng tốc khởi nghiệp iAngel” cho 50 startup và tạo cơ hội cho dự án tham gia chương trình Shark Tank Việt Nam - gameshow về khởi nghiệp nổi tiếng thế giới<sup>90</sup>.

Vốn từ các nhà đầu tư thiên thần khá hạn chế trong những năm trước do nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam vẫn chưa nhìn nhận đầu tư startup là một mô hình đầu tư có thể tạo ra lợi nhuận. Tuy nhiên, trong năm 2017, lần đầu tiên hệ sinh thái khởi

<sup>89</sup> <http://tiasang.com.vn/-khoi-nghiep/nha-dau-tu-thien-than-mat-xich-thiet-yeu-cua-thi-truong-dau-tu-mao-hiem-7400>

<sup>90</sup> <http://startup.vnexpress.net/tin-tuc/xu-huong/viet-nam-phat-trien-mang-luoi-nha-dau-tu-thien-than-3574533.html>

ngiệp Việt Nam ghi nhận số lượng đáng kể nhà đầu tư thiên thần nội. Hoạt động của các nhà đầu tư thiên thần ở Việt Nam đã bắt đầu có tính hệ thống, chuyên nghiệp hơn, thông qua việc kết nối, hình thành một số câu lạc bộ, mạng lưới đầu tư cho khởi nghiệp. Một số điển hình có thể kể đến như VIC Impact, Hatch! Angel Network, iAngel Vietnam hay Angel4us.

Chương trình Shark Tank- Thương vụ bạc tỷ cũng chốt được 22 vụ đầu tư vào các startup giai đoạn đầu với tổng vốn đầu tư khoảng 100 tỷ đồng. Thống kê của Topica Founder Institute cho thấy, số lượng thương vụ khởi nghiệp được đầu tư tăng lên đáng kể qua các năm. Năm 2017, có 92 thương vụ nhận được đầu tư với tổng vốn 291 triệu USD (khoảng 6.500 tỷ đồng). Trong đó, các nhà đầu tư thiên thần và các Quỹ Đầu tư mạo hiểm nội địa đóng góp 49 thương vụ, tương đương với 46 triệu USD.



Nguồn: Topica Founder Institute, 2018

### 2.2.3. Gọi vốn cộng đồng

Người khởi nghiệp có thể tìm kiếm nguồn hỗ trợ về tài chính từ cộng đồng thông qua một nền tảng website dành cho crowdfunding (gọi vốn từ cộng đồng). Tới nay, hơn 400 website gọi vốn từ cộng đồng đang hoạt động trên toàn thế giới. Crowdfunding đang càng ngày càng chứng tỏ sức hút của mình trong giới đầu tư và đem về nhiều quyền lợi cho startup. Tại Việt Nam, crowdfunding đang du nhập ngày càng mạnh mẽ thông qua nhiều dự án, trong đó có những dự án nổi tiếng như dự án xây trường tiểu học cho trẻ em HMông ở Sapa hay dự án làm phim âm nhạc mang tên Saigon Yo! (Saigon Electric)... Theo đánh giá, Việt Nam là một thị trường trẻ, năng động và đầy hứa hẹn với sự bùng nổ của internet và di động<sup>91</sup>.

<sup>91</sup> <http://www.misa.com.vn/tin-tuc/chi-tiet/newsid/40224/Goi-von-cong-dong---Hinh-thuc-moi-me-o-Viet-Nam>

Một số nền tảng gọi vốn cộng đồng đã và đang phát huy mạnh mẽ trong gọi vốn cho khởi nghiệp ở Việt Nam như: *Indiegogo* (được thành lập từ 2007), *KickStater* (được thành lập từ 2009), *Betado.com (IG9.vn)* (được thành lập từ 2013), *FundStart.vn* (được thành lập từ 2015).

#### 2.2.4. Hỗ trợ từ ươm tạo

Giai đoạn 2012-2016 chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể về cả số lượng và chất lượng của các cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

Về các đơn vị ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, thống kê<sup>92</sup> cho thấy rằng, hiện nay ở Việt Nam có hơn 20 vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trong đó có 07 vườn ươm trực thuộc các cơ quan Nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp (Vườn ươm doanh nghiệp chế biến và đóng gói thực phẩm Hà Nội- HBI, Vườn ươm doanh nghiệp CNC Hoà Lạc, Vườn ươm doanh nghiệp CNC HCM, Vườn ươm doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao TP HCM, Vườn ươm Đà Nẵng (DNES), Trung tâm Hỗ trợ Thanh Niên Khởi nghiệp (BSSC) và Vườn ươm công nghệ của Becamex TIC); 03 vườn ươm thuộc các trường Đại học (Vườn ươm Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, thuộc ĐH Bách Khoa TP HCM (HCMUT-TBI), Trung tâm ươm tạo Doanh nghiệp công nghệ, ĐH Quốc gia TP HCM và Vườn ươm doanh nghiệp BK – Holdings, thuộc ĐH Bách Khoa, Hà Nội) cùng với 11 vườn ươm còn lại do các tổ chức tư nhân hoặc nước ngoài thành lập (5 Desire, Hatch! Program, Topica Founder Institute, v.v.). Trên thực tế, hầu hết các vườn ươm truyền thống đều hỗ trợ doanh nghiệp dưới hình thức các dịch vụ công. Tuy nhiên, vì số lượng chưa nhiều và thời gian hoạt động ngắn (nhiều nhất là khoảng 5 năm) nên các vườn ươm này chưa chứng tỏ được hiệu quả rõ rệt đối với nền kinh tế - xã hội của quốc gia. Bên cạnh đó, do các vườn ươm chủ yếu trực thuộc trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan Nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp, nên hoạt động hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN mới chỉ hạn chế ở việc cung cấp không gian làm việc, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm để nghiên cứu và thử nghiệm sản phẩm hay công nghệ, chứ chưa thể đưa ra những hỗ trợ sâu hơn về tài chính, tư vấn kinh doanh; hoạt động của các vườn ươm không tập trung vào việc kết nối đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ mà chú trọng hơn vào công tác ươm tạo công nghệ.

Những năm gần đây, sự xuất hiện của các tổ chức thúc đẩy kinh doanh (Business Accelerator – BA), đặc biệt trong khu vực tư nhân, là mô hình mới nhưng cũng đã chứng minh được hiệu quả cộng đồng khởi nghiệp ở Việt Nam. Trong số 07 tổ chức thúc đẩy kinh doanh hiện nay, có tới 06 tổ chức thuộc tư nhân hoặc khu vực

---

<sup>92</sup> Số liệu thống kê của Greek time, nghiên cứu của BIPP và của Cục Phát triển Thị trường và doanh nghiệp KH&CN

nước ngoài đang hoạt động rất hiệu quả trong việc đem đến những hỗ trợ toàn diện và tập trung hơn cho doanh nghiệp khởi nghiệp (Topica Founder Institute, Tổ chức thúc đẩy kinh doanh Việt Nam (VIISA) thuộc Tập đoàn FPT Việt Nam, Chương trình thúc đẩy Doanh nghiệp (IBA Vietnam), v.v.). Những hỗ trợ này không chỉ dừng lại ở cung cấp không gian làm việc chung, cơ sở vật chất kỹ thuật mà còn chú trọng đào tạo kỹ năng kinh doanh, cung cấp các chương trình cố vấn và kết nối được đầu tư cho rất nhiều startups tiềm năng. Ngoài ra, do các khóa huấn luyện khởi nghiệp của các tổ chức thúc đẩy kinh doanh chỉ diễn ra tập trung trong thời gian ngắn (thông thường từ 3-4 tháng) nên các doanh nghiệp được lựa chọn tham gia thường không chỉ cần có một ý tưởng tốt mà còn cần chứng tỏ tiềm năng tăng trưởng đột phá trong tương lai.

### **2.3. Các rào cản pháp lý trong gọi vốn của startup ở Việt Nam**

#### **2.3.1. Rào cản pháp lý đối với các nhà đầu tư khởi nghiệp**

Như trên chỉ ra, thực tế ở Việt Nam dạtôn tại các hình thức đầu tư cơ bản cho loại hình doanh nghiệp này như đầu tư thiên thần, đầu tư mạo hiểm, gọi vốn cộng đồng và các chương trình hỗ trợ tài chính thông qua ương tạo, tuy nhiên, số lượng và chất lượng đầu tư cho startup chưa được phát huy tối đa hiệu quả do một số hạn chế trong chính sách đối với đầu tư cho khởi nghiệp có thể thấy như sau:

#### **➤ Rào cản pháp lý và thiếu chính sách thu hút đặc thù**

Các rào cản về mặt pháp lý được các nhà đầu tư đánh giá là điểm hạn chế lớn nhất trong hoạt động đầu tư của họ<sup>93</sup>. Bên cạnh đó, Việt Nam đang thiếu các chính sách đặc thù để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư cho khởi nghiệp ở Việt Nam. Cụ thể là:

- Môi trường pháp lý chưa thực sự thông thoáng, thuận lợi cho việc đầu tư mạo hiểm
- Các thủ tục hành chính cho việc chứng nhận đầu tư cho các khoản đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam còn rườm rà, có thể phù hợp với các khoản đầu tư FDI lớn nhưng chưa thực sự phù hợp với tính chất của các khoản đầu tư mạo hiểm một vài trăm ngàn đô đến một vài triệu đô.
- Chưa có chính sách thuế khuyến khích đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm cả khuyến khích đầu tư cho cá nhân và các quỹ đầu tư mạo hiểm.
- Các trung gian gọi vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp như trung gian gọi vốn cộng đồng, quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo vẫn chưa được công nhận trong các văn bản pháp luật.

---

<sup>93</sup> Tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu một số nhà đầu tư

○ Chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ nào liên quan tới việc thoái vốn của các nhà đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp. Thị trường chứng khoán của Việt Nam và thị trường tài chính nói chung ở Việt Nam chưa phát triển, do đó việc huy động vốn và thoái vốn còn khó khăn.

Có thể thấy, cho tới nay, hoạt động “đầu tư mạo hiểm” chưa từng được định nghĩa trên các văn bản pháp luật của Việt Nam, cũng chưa có cơ chế quản lý, khuyến khích phát triển các “quỹ đầu tư mạo hiểm”, “tổ chức đầu tư mạo hiểm”, “cá nhân đầu tư mạo hiểm”. Đối với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm trong nước, các trung gian thu hút vốn đầu tư, họ rất cần được công nhận, có điều kiện thành lập và hoạt động một cách dễ dàng. Cụ thể, ở Việt Nam chưa có các quy định về việc thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân mà chỉ có quy định về việc thành lập các quỹ đầu tư chứng khoán, với các điều kiện rất ngặt nghèo mà các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp khó có thể đạt được<sup>94</sup>.

*Thực tế là Việt Nam mới chỉ có một số quy định về ưu đãi thuế đối với người tham gia đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ. Với quan điểm coi trọng phát triển KH&CN, các quy định trong chính sách của Việt Nam đều dành ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư để phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao. Tại Khoản 2, Điều 24, Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 “khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao, thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao tại Việt Nam” và Tại khoản 3 của Điều này cũng quy định: “các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế”; Tại Điều 25 của Luật Công nghệ cao quy định việc thành lập các Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia và trong Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 cũng khuyến khích tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước thành lập quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong các Điều 59, 62, 63.*

*Tuy nhiên, cho tới thời điểm này, ở Việt Nam vẫn chưa ban hành chính thức được bất cứ văn bản nào quy định về việc thành lập và vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo.*

*Nghị định 99 năm 2003 của Chính phủ về Quy chế khu công nghệ cao cũng mới chỉ đề cập chung đến định nghĩa và chức năng của quỹ đầu tư mạo hiểm song lại*

---

<sup>94</sup> Theo quy định của nhiều nước trên thế giới, điều kiện thành lập và hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp thường thấp hơn rất nhiều so với các quỹ đầu tư chứng khoán (ví dụ, về vốn tối thiểu, số lượng thành viên tham gia quỹ, các quy định về giấy tờ, báo cáo)

thiếu đi những quy định cơ bản về cấu trúc pháp lý hay ưu đãi mà các nhà đầu tư khi thiết lập quỹ mạo hiểm tại Việt Nam. Chính điều này đã dẫn đến trường hợp của IDG khi phải lựa chọn hình thức quỹ lấy vốn nước ngoài đầu tư cho Việt Nam thay vì quỹ được thiết lập tại chính Việt Nam<sup>95</sup>. Bên cạnh đó, trong Luật Công nghệ cao năm 2008, tại Điều 25 đã có quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia bao gồm định nghĩa, nguồn vốn, đối tượng đầu tư của quỹ và cơ chế thi hành, tuy nhiên đến tận thời điểm này nhà nước vẫn chưa ban hành bất cứ văn bản nào về việc thành lập quỹ.

Theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2014 đã giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Thông tư hướng dẫn thành lập, hoạt động và tổ chức quản lý và hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam, tuy nhiên, hiện nay Bộ mới trình được dự thảo thông tư này (từ 2016). Dự thảo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo do Bộ Kế hoạch Đầu tư soạn thảo đưa ra khái niệm “*Đầu tư mạo hiểm vào đối tượng khởi nghiệp sáng tạo là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của các đối tượng khởi nghiệp sáng tạo nhằm thành lập doanh nghiệp hoặc tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp chưa có lợi nhuận trước thuế*” (Điều 2.3.) và Nhà đầu tư thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm phải thực hiện thủ tục đăng ký thành lập quỹ (Điều 3.2). Do mới chỉ là dự thảo nên các khái niệm cũng như quy định về việc hình thành, hoạt động quỹ đầu tư mạo hiểm chưa tạo thành hành lang pháp lý bảo đảm nguồn vốn mà nhà đầu tư bỏ ra để thúc đẩy hoạt động đầu tư này dành cho khởi nghiệp sáng tạo phát triển. Luật Chứng khoán của Việt Nam cũng chưa đề cập đến việc phát triển loại hình doanh nghiệp khởi sự này, chưa có tính thanh khoản cao và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Chính vì các lý do nêu trên, đến nay vẫn chưa có các quỹ đầu tư mạo hiểm được thành lập tại Việt Nam, kể cả các quỹ đầu tư của nước ngoài cũng thành lập quỹ tại các thiên đường thuế và chỉ thành lập văn phòng đại diện ở Việt Nam. Các luật về thuế của Việt Nam cũng chưa khuyến khích hoạt động đầu tư mạo hiểm. Ví dụ, do Việt Nam chưa có thuế thu nhập thặng dư, nên đối với nhà đầu tư cá nhân đầu tư cho khởi nghiệp, khi thoái vốn, họ sẽ bị thu thuế rất cao cho khoản đầu tư có lời và không được tính theo phương pháp bù trừ cho các đầu tư lỗ. Trong khi đó, do tính chất của hoạt động đầu tư mạo hiểm, tỷ lệ thất bại cao hơn nhiều so với tỷ lệ thành công (chỉ khoảng 3-10%)<sup>96</sup>.

---

<sup>95</sup> Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, *Đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam: Những khó khăn, tiềm năng và giải pháp phát triển*, <http://nistpass.gov.vn:81/tin-chien-luoc-chinh-sach/1313-dau-tu-mao-hiem-o-viet-nam-nhung-kho-khan-tiem-nang-va-giai-phap-phat-trien.html>

<sup>96</sup> Theo tham khảo từ các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài



Trong khi các nước trên thế giới và trong khu vực đã và đang có khá nhiều chính sách mới cũng như chương trình hỗ trợ quy mô lớn để phát triển hoạt động đầu tư mạo hiểm<sup>97</sup>, hiện tại, Việt Nam chưa có chương trình, đề án nào ở quy mô quốc gia để xây dựng, phát triển hoạt động và các tổ chức đầu tư mạo hiểm nói trên. Năm 2014, sau 2 năm nghiên cứu, Bộ KH&CN đã tư vấn và hỗ trợ thành lập Quỹ khởi nghiệp doanh nghiệp KH&CN (VSF) - là quỹ xã hội hóa nội địa đầu tiên ở Việt Nam. Tuy nhiên, cần lưu ý, đây không phải là quỹ đầu tư mạo hiểm mà là một *quỹ xã hội phi lợi nhuận*. Chức năng cơ bản của Quỹ là sử dụng nguồn vốn của Quỹ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tài trợ, khuyến khích tổ chức, nhà khoa học, cá nhân là công dân Việt Nam khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ, sản xuất - kinh doanh, phát triển kinh tế trên nền tảng ứng dụng, phát triển, đổi mới khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, do thủ tục thành lập và cấp phép hoạt động cho Quỹ còn nhiều trở ngại nên mất quá nhiều thời gian đưa Quỹ vào hoạt động, bên cạnh đó, do các vướng mắc pháp lý đã nêu ở trên, Quỹ chỉ có thể hoạt động một cách dè dặt.

Lần đầu tiên trong hệ thống văn bản pháp luật mới nhất của Việt Nam có quy định về **Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo** tại Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017. Điều 18 của Luật này quy định về Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo như sau:

*“1. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.*

*2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:*

*a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;*

*b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.*

*3. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập*

---

<sup>97</sup> Ví dụ, Israel từ những năm 1990 đã thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm Yozma với một phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối ứng với các quỹ đầu tư mạo hiểm của tư nhân để cung cấp hơn 3 tỷ USD vốn đầu tư cho hàng trăm doanh nghiệp khởi nghiệp tại nước này. Hoa Kỳ, quốc gia được coi là cái nôi của rất nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp đã thành công vẫn không ngừng hoàn thiện các chính sách để hỗ trợ khởi nghiệp. Năm 2012, Hoa Kỳ thông qua đạo luật JOBS Act để công nhận và khuyến khích việc thành lập các quỹ đầu tư gọi vốn tại cộng đồng, đồng thời đưa ra hàng loạt các chính sách hỗ trợ đào tạo, tập huấn, tư vấn cho khởi nghiệp. Tại Singapore, nhà nước sẵn sàng đối ứng vốn theo tỉ lệ 1:1 đối với các quỹ đầu tư mạo hiểm, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh và cả các nhà đầu tư cá nhân từ trong nước và nước ngoài để đầu tư và hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;

c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp”.

Tuy nhiên, loại hình Quỹ này bị giới hạn khi chỉ dành đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo (được quy định tại Luật này) và ràng buộc bởi quy định về thành lập Quỹ<sup>98</sup>:

“1. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, do tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập trên cơ sở Điều lệ quỹ. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác.

2. Tài sản góp vốn có thể bằng Đồng Việt Nam, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Nhà đầu tư không được sử dụng vốn vay để góp vốn thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

3. Danh Mục và hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo bao gồm:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư không quá 50% vốn Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo sau khi nhận đầu tư.

4. Toàn bộ số vốn góp và tài sản của các nhà đầu tư tại quỹ phải được hạch toán độc lập với công ty thực hiện quản lý quỹ.

5. Các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ tự thỏa thuận về thẩm quyền quyết định danh Mục đầu tư và nội dung này phải được quy định tại Điều lệ quỹ và hợp đồng với công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có).”

<sup>98</sup> Điều 5, Nghị định 38/2018/NĐ-CP

Quy định trên của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có thể được xem như là quy định manh nha về loại hình *Gọi vốn từ cộng đồng (Crowdfunding)*. Tuy nhiên, đây không phải là quỹ theo Luật chứng khoán, cũng không phải tổ chức tín dụng theo Luật các tổ chức tín dụng và chưa từng được nhắc đến trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam<sup>99</sup>. Do đó, các trang về crowdfunding mới xuất hiện ở Việt Nam như Fundy, Yeah1 vẫn loay hoay tìm mô hình hoạt động phù hợp để phù hợp với quy định của pháp luật; nền tảng gọi vốn cộng đồng Ig9.vn ra mắt năm 2013 cũng đã không còn hoạt động<sup>100</sup>. Nếu được cụ thể hóa hơn các quy định về loại hình gọi vốn này sẽ đưa tới hành lang pháp lý thuyết phục hơn để tăng vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.

➤ ***Không có cơ chế phát huy vai trò của đầu tư Nhà nước cho startup***

Các đầu tư cho startup hiện nay chủ yếu từ các nhà đầu tư nước ngoài. Các đầu tư từ Nhà nước cho startup chưa nhiều, chủ yếu thông qua các chương trình ươm tạo, khởi sự kinh doanh với nguồn vốn ít ỏi. Chính phủ nước Việt Nam cũng đã thành lập một số quỹ liên quan đến KH&CN bao gồm: *Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ khởi nghiệp doanh nghiệp KH&CN*. Tuy nhiên, các quỹ này đều chưa mang tính chất đầu tư mạo hiểm. Điều này có thể tạm lý giải vì *chưa có chính sách để Nhà nước chưa tham gia góp vốn hay đầu tư cho khởi nghiệp*. Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 định nghĩa: “*Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.*”, trong khi đó, việc đầu tư mạo hiểm mang đặc trưng rủi ro, vì thế không thể dự toán một cách chính xác được những khoản đầu tư mạo hiểm được, mà ngân sách nhà nước lại chỉ chi cho những hoạt động KH&CN có thể dự toán được. Quy định của Bộ luật hình sự về “*tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước*”, “*tội lập quỹ trái phép*”, “*tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” và các quy định về “*bảo toàn và gia tăng giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp*” tại Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp cũng trở thành rào cản vô hình cho việc nhà nước đầu tư vào việc ươm tạo và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp. Do vậy, việc hình thành quỹ đặc thù của Nhà nước đầu tư cho khởi nghiệp là gần như không thể theo các quy định hiện hành.

---

<sup>99</sup> Tại Hoa Kỳ, năm 2012, Đạo luật JOBS Act đã được ban hành để công nhận các hình thức của mô hình gọi vốn từ cộng đồng này, đặc biệt là gọi vốn dưới dạng cổ phần

<sup>100</sup> Qua phỏng vấn với các sáng lập viên, nhà đầu tư cho các trang crowdfunding nói trên

### 2.3.2. Rào cản pháp lý đối với startup

Các chính sách đầu tư dành cho đối tượng khởi nghiệp được quy định trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam hiện nay chủ yếu mới tập trung vào doanh nghiệp khởi nghiệp (với các điều kiện cụ thể của từng chính sách), chưa có chính sách nào dành cho các đối tượng khởi nghiệp khác (trong giai đoạn tiền ươm tạo). Ví dụ các chính sách dành cho học sinh, sinh viên vay vốn để khởi nghiệp - một dạng vay tín chấp bằng các ý tưởng sáng tạo. Do đó, ***điểm hạn chế lớn nhất trong thực tiễn chính sách đầu tư cho khởi nghiệp hiện nay ở Việt Nam là các đối tượng khởi nghiệp khó nhận được các tài trợ một cách trực tiếp trong giai đoạn đầu khởi sự kinh doanh. Các rào cản, phức tạp trong thủ tục chứng minh để nhận được khoản tài trợ/đầu tư làm giảm hiệu quả trong hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp.***

Với quan điểm cho rằng doanh nghiệp khởi nghiệp là một loại hình doanh nghiệp KH&CN nhỏ và vừa nên các quy định tài chính cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp KH&CN đều có tác động tới sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp. Các chính sách tài trợ tại Việt Nam hiện nay thường được áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên công nghệ.

Đối với chính sách tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáng lưu ý có Nghị định 56, trong đó tập trung vào các vấn đề đào tạo khởi sự kinh doanh, hỗ trợ kỹ thuật và bảo lãnh tính dụng, cấp vốn thông qua *Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Tuy nhiên, Nghị định không đưa ra được bất cứ điều khoản nào dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo mà quy định chung đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, duy chỉ có Điều 14 của Nghị định này nhắc tới “giai đoạn khởi sự” của doanh nghiệp nhỏ và vừa được “*Nhà nước khuyến khích thành lập vườn ươm doanh nghiệp để thực hiện hỗ trợ có thời hạn doanh nghiệp trong giai đoạn khởi sự theo quy trình và có hệ thống thông qua việc cung cấp cho các doanh nghiệp được ươm tạo không gian, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh các nguồn lực cần thiết nhằm giúp các doanh nghiệp hiện thực hóa, thương mại hóa các ý tưởng kinh doanh và công nghệ*”.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 đã cụ thể hóa hơn các hình thức hỗ trợ, trong đó có hỗ trợ về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, trong đó đáng lưu ý là ngoài quy định về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất, lần đầu tiên có quy định về hình thành Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dưới góc độ là một loại hình doanh nghiệp KH&CN có thể hưởng các ưu đãi tài chính thông qua các ưu đãi đối với đổi mới công nghệ. Các ưu đãi này cũng chủ yếu về thuế đối với các doanh nghiệp trực tiếp có các hoạt động đổi mới công nghệ.

Ngày 3 tháng 7 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động *Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia* tại Quyết định số 1051/QĐ-TTg. Quỹ có tên giao dịch quốc tế “*National Technology Innovation Fund*” (viết tắt là NATIF), là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyên giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ. Vốn điều lệ của Quỹ là một nghìn tỷ đồng do ngân sách nhà nước về hoạt động khoa học, công nghệ cấp. Quỹ được cấp vốn bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ. Một trong các phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ là cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vốn vay (đối với các nhiệm vụ, dự án chuyên giao công nghệ được khuyến khích quy định tại Điều 9 của Luật Chuyển giao công nghệ; phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN; ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; v.v... Định mức và danh mục dự án được vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vốn vay do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. *Tuy nhiên, do vướng phải các rào cản pháp lý về chi ngân sách nhà nước nên thực tế chức năng “cho vay” hiện nay của Quỹ không có khả năng thực hiện. Hiện nay, Quỹ này hỗ trợ tài chính chủ yếu dưới hình thức tài trợ cho các hoạt động R&D, chuyên giao công nghệ, các dự án nâng cấp công nghệ.*

Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, trong đó có chỉ định những ngành được ưu đãi đầu tư, trong đó có các ngành công nghệ cao, công nghệ thông tin và các ngành công nghiệp hỗ trợ. Ngoài ra, Nghị quyết 41/NQ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tại Việt Nam quy định về việc giảm 50% thuế thu nhập cá nhân cho nhân lực công nghệ cao làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Đề án quốc gia 844 hiện đang tài trợ cho các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp như vườn ươm, tổ chức gia tốc kinh doanh,... để phát triển khả năng cũng như tổ chức đào tạo và hoạt động tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, Đề án 844 vẫn chưa thể cung cấp kinh phí cho khởi nghiệp trực tiếp. Chương trình Đối tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam – Phần Lan, Giai đoạn 2 (IPP2)<sup>101</sup> hiện là chương trình duy nhất của chính phủ hiện có thể tài trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là những người trong giai đoạn chứng minh – khái niệm (*the proof-of-concept stage*).

*Tuy nhiên, một thực tế không thể phủ nhận rằng đang có những chuyển biến theo hướng tích cực trong chính sách đầu tư cho khởi nghiệp ở Việt Nam. Cụ thể là: năm 2017 đánh dấu mốc có những đột phá trong chính sách đầu tư khởi nghiệp tại*

<sup>101</sup> <http://ipp.vn/gioi-thieu/>

các địa phương. Sở KH&CN Tp. Hồ Chí Minh đã vận hành *Chương trình hỗ trợ dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo SpeedUp 2017* – chương trình hỗ trợ một phần kinh phí cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các cơ sở ươm tạo với mức hỗ trợ tối đa cho mỗi dự án lên đến 2 tỷ đồng, theo đó, đến nay, từ 112 hồ sơ đăng ký đã có 14 dự án khởi nghiệp trên cả nước được cam kết hỗ trợ từ chương trình với tổng mức hỗ trợ gần 12 tỷ đồng. Trong số này, có 1 startup tự do và 13 startup đến từ các vườn ươm khác nhau; hoạt động trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, nông nghiệp<sup>102</sup>...

### 1. Một số so sánh về chính sách tài chính cho startup giữa Việt Nam và quốc tế

Sau khi nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia như Hoa Kỳ, Israel, Đức, Hàn Quốc, Singapore, Ấn Độ, Đài Loan, tác giả rút ra một số điểm khác biệt trong chính sách tài chính cho startup giữa Việt Nam và các quốc gia như sau:

<p><b>Chính phủ trực tiếp đầu tư/tài trợ/bảo lãnh tín dụng</b></p> <p>Ví dụ: Chương trình <i>US Small Business Investment Company (SBIC)</i> và <i>Small Business Innovation Research (SBIR)</i> của Hoa Kỳ, Quỹ đầu tư mạo hiểm <i>Yozma</i> của Chính phủ Israel, Chương trình “<i>EXIST - Business Start-up Grants</i>” và “<i>EXIST - Transfer of Research</i>” của Đức, Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ (<i>KOTEC</i>) Hàn Quốc, Quỹ đầu tư mạo hiểm cho doanh nghiệp khởi nghiệp mới (<i>Early Stage Venture Fund</i>) của Singapore, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp (thông qua Công ty tín thác bảo lãnh tín dụng quốc gia (<i>National Credit Guarantee Trust Company (NCGTC)</i>) của Ấn Độ, Chính phủ Đài Loan tham gia đầu tư mạo hiểm cho các đối tượng khởi nghiệp thông qua Hội đồng Phát triển Quốc gia Đài Loan (<i>Taiwan’s National Development Council</i>)</p>	<p><b>Các quy định pháp lý hiện hành không cho phép hình thành quỹ đặc thù của Nhà nước đầu tư cho khởi nghiệp hay cho phép các quỹ hiện của Nhà nước thực thi chức năng “cho vay”</b></p> <p>Ví dụ: các quy định của Luật hình sự, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp</p>
<p><b>Chính phủ đối ứng vốn nhằm khuyến khích cùng đầu tư từ tư nhân</b></p> <p>Ví dụ: Chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng cung cấp 2 tỷ đô la Mỹ để làm vốn đối ứng với các quỹ đầu tư</p>	<p><b>Chính phủ chưa có chính sách đối ứng vốn trong thúc đẩy khởi nghiệp</b></p>

<sup>102</sup> <http://khoinghiepsangtao.vn/tin-tuc/speedup-dau-an-dot-pha-cua-so-khcn-tp-hcm-cung-cong-dong-khoi-nghiep/>

<p>và nhà đầu tư tư nhân khi đầu tư cho các doanh nhân/doanh nghiệp khởi nghiệp; <i>Quỹ Nghiên cứu Quốc gia Singapore (National Research Foundation - NRF) của Singapore</i> đối ứng theo tỷ lệ 1:1 hoặc 6:1</p>	
<p><b>Đa dạng các hình thức miễn trừ thuế và ưu đãi thuế áp dụng cho cả doanh nghiệp khởi nghiệp lẫn các nhà đầu tư cho khởi nghiệp</b></p> <p>Ví dụ: Chính phủ Liên bang Hoa Kỳ sẽ giảm thuế cho khởi nghiệp với 17 cách thức khác nhau, trong đó đáng lưu ý là giảm thuế trên thặng dư vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp; Singapore miễn hoàn toàn hoàn toàn thuế cho doanh nghiệp mới thành lập, với \$100,000 thu nhập chịu thuế đầu tiên và giảm 50% thuế doanh nghiệp hiện hành với \$200,000 thu nhập chịu thuế tiếp theo; Ấn Độ: Miễn thuế trên thặng dư vốn; Miễn thuế cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong 3 năm; Miễn thuế ưu đãi đầu tư trên giá thị trường hợp lý</p>	<p>Chủ yếu là miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất, thuế thu nhập cá nhân đối với các cá nhân đầu tư/có hoạt động đổi mới công nghệ và doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (kèm quy định cụ thể về lĩnh vực hỗ trợ)</p>
<p><b>Phát triển hành lang pháp lý và tạo thuận lợi cho đầu tư mạo hiểm phát triển</b></p> <p>Ví dụ: Luật Hợp tác Tài chính Công nghệ Hàn Quốc (Korea Technology Finance Cooperation Act) của Hàn Quốc</p>	<p>Chưa ban hành chính thức được bất cứ văn bản nào quy định về việc thành lập và vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo</p>
<p><b>Phát triển các hình thức gọi vốn phi truyền thống</b> như gọi vốn từ cộng đồng (<i>crowdfunding</i>)</p> <p>Ví dụ: đạo luật <i>Thúc đẩy khởi nghiệp (Jumpstart Our Business Startup Act – JOBS Act)</i> của Hoa Kỳ chính thức chấp nhận hình và miễn thuế cho hình thức đầu tư gọi vốn từ cộng đồng</p>	<p>Chưa có quy định mang tính pháp lý cho các hình thức gọi vốn phi truyền thống như gọi vốn từ cộng đồng (<i>crowdfunding</i>)</p>

### 3. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Về cơ bản, ở Việt Nam đã tồn tại các hình thức đầu tư cơ bản cho loại hình doanh nghiệp này như đầu tư thiên thần, đầu tư mạo hiểm, gọi vốn cộng đồng và các chương trình hỗ trợ tài chính thông qua ươm tạo. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng đầu tư cho startup chưa được phát huy tối đa hiệu quả. Qua phân tích, tác giả đưa ra hai khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả gọi vốn cho các startup ở Việt Nam hiện nay như sau:

### **3.1. Tháo gỡ các rào cản pháp lý nhằm thu hút đầu tư cho khởi nghiệp**

Môi trường pháp lý thuận lợi được coi là nền tảng cho việc phát triển doanh nghiệp và đầu tư mạo hiểm cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Nhà nước cần thường xuyên rà soát, tháo gỡ vướng mắc để các văn bản pháp luật trở nên phù hợp hơn, đáp ứng được nhu cầu cập nhật đối với xu hướng phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp. Để có thêm các nguồn vốn đầu tư cho khởi nghiệp, chính sách tài chính thúc đẩy hoạt động này cần đưa ra được các quy định cụ thể về một số loại hình gọi vốn khác như gọi vốn từ cộng đồng, ưu đãi cho các nhà đầu tư khởi nghiệp, thu hút vốn đầu tư nước ngoài,... Ví dụ: việc pháp luật cho phép tính thuế thu nhập thặng dư (capital gain tax) đối với các nhà đầu tư thiên thần và giảm thiểu thủ tục hành chính đối với việc thành lập sàn đầu tư cộng đồng so với thủ tục gọi vốn trên thị trường chứng khoán sẽ giúp đẩy mạnh đầu tư mạo hiểm từ cộng đồng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, ưu đãi về tài chính dành riêng cho đối tượng khởi nghiệp chưa được hình thành cụ thể trong các chính sách của chính phủ. Để giải quyết việc này, các nhà hoạch định chính sách cần xem xét lại tiêu chí xác định doanh nghiệp khởi nghiệp, phân biệt doanh nghiệp khởi nghiệp với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phân biệt doanh nghiệp khởi nghiệp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó có chính sách tài chính đặc thù như chính sách thuế cho loại hình doanh nghiệp này.

### **3.2. Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc giải quyết khuyến khích của thị trường và hỗ trợ các startup**

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa với khu vực tư nhân trong đầu tư cho khởi nghiệp (*Sự kết hợp này giúp giảm thiểu rủi ro đối với ngân sách của Chính phủ, đồng thời cho phép mở rộng nguồn vốn của quốc gia cho khởi nghiệp để nắm bắt các cơ hội kinh doanh*) là một trong ba yếu tố chính tạo thành công cho các quốc gia có hoạt động khởi nghiệp sáng tạo phát triển mạnh. Hiện nay, Việt Nam đã hình thành được các nguồn vốn dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp, chủ yếu là một số quỹ đầu tư mạo hiểm và nhà đầu tư thiên thần nước ngoài và tạo thành được một mạng lưới (network) các nhà đầu tư. Tuy nhiên, rõ ràng rằng, Việt Nam chưa phát huy được vai trò của nhà nước trong đầu tư cho khởi nghiệp. Trong khi nhiều quốc gia, nhà nước đóng vai trò là một nhà đầu tư lớn (*chính phủ được xếp ngang hàng trong hệ sinh thái*) thì ở Việt Nam, nhà nước chưa thể đầu tư được cho khởi nghiệp vì một số lý do liên quan tới cơ chế tài chính (*nhà nước không được xếp ngang hàng mà được xếp ở trên – top – đóng vai trò là người kích hoạt hệ sinh thái*). Các rào cản này được các chuyên gia chỉ ra bởi nguyên nhân chính là Nguyên tắc *Bảo toàn vốn* (không chấp nhận rủi ro) trong chi ngân sách nhà nước. Do đó, khi đặt câu



hỏi “có nên hay không nên thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm của nhà nước”, tồn tại hai luồng quan điểm trái ngược. Một số chuyên gia cho rằng nên hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm của nhà nước như mô hình Israel, tuy nhiên một số chuyên gia khác lại “e ngại” vì không khả thi trước cơ chế tài chính như hiện nay của Việt Nam hay “khó” do thiếu ngân sách (Tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu chuyên gia của tác giả). Các quy định về các quỹ từ ngân sách Nhà nước như hiện nay cũng không thể “giải ngân được” nếu không thay đổi cơ chế tài chính. Chính vì vậy, các nhà hoạch định chính sách cần xác định Nhà nước muốn hay không muốn tham gia vào đầu tư cho khởi nghiệp để tư vấn ban hành những quy định và hướng dẫn cụ thể dành riêng cho đối tượng này (cơ chế tài chính chấp nhận rủi ro). Có thể phát huy vai trò của Nhà nước trong việc giải quyết các khiếm khuyết của thị trường tài chính dành cho khởi nghiệp thông qua một số điểm lưu ý:

- *Thứ nhất, Nhà nước chung tay chia sẻ những rủi ro trong hoạt động đầu tư mạo hiểm:* rủi ro đối với ngân hàng có thể được chia sẻ thông qua hoạt động bảo lãnh công nghệ trong tín dụng; rủi ro đối với các nhà đầu tư có thể được chia sẻ khi nhà nước đối ứng với vốn đầu tư của các quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư thiên thần,... Để làm được như vậy, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ Luật hình sự, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để đảm bảo hoạt động đầu tư của Nhà nước vào doanh nghiệp khởi nghiệp được hiệu quả.

- *Thứ hai, Nhà nước tham gia vào hoạt động đầu tư mạo hiểm cho các lĩnh vực KH&CN có thể mang lại nhiều lợi ích cho xã hội và kinh tế quốc gia* như công nghệ sinh học, vật liệu mới, nông nghiệp sạch,... mà các nhà đầu tư tư nhân chưa mấy “mặn mà” (Thực tế hiện nay, không chỉ các quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc các nhà đầu tư thiên thần mà các cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh tư nhân cũng đang chỉ tập trung vào lĩnh vực thông tin và truyền thông (ICT) mà chưa hề đi vào các lĩnh vực KH&CN khác).

- *Thứ ba, Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khởi nghiệp trong giai đoạn đầu.* Đối với giai đoạn đầu khởi nghiệp khi đối tượng khởi nghiệp mới chỉ có ý tưởng công nghệ chứ chưa thực sự có nguồn thu, doanh nghiệp sẽ rất khó gọi được vốn đầu tư từ các quỹ. Do đó, Nhà nước cần hỗ trợ đầu tư cho đối tượng khởi nghiệp trong giai đoạn đầu như vậy (early stage), có thể bằng cách trực tiếp đầu tư hoặc đối ứng đầu tư với các nhà đầu tư thiên thần và các quỹ đầu tư cho giai đoạn đầu. Giai đoạn phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp càng sớm, tỷ lệ đối ứng của Nhà nước càng cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Avidor, Jonathan (2011), *Building an Innovation Economy: Public Policy Lessons from Israel*, Northwestern Law & Econ Research Paper (May). [http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=1856603](http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1856603)
2. Ban quản lý dự án BIPP (2014), *Báo cáo tổng hợp điều tra, đánh giá hiện trạng, nhu cầu ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tiềm năng và đề xuất một số giải pháp thực hiện*
3. Chính phủ Andhra Pradesh, Ấn Độ (2014), *Chính sách “Đổi mới và Khởi nghiệp” của Andhra Pradesh giai đoạn 2014-2020*
4. Cvijanović V., Marović M., & Sruck, B. (2008), *Financiranje malih i srednjih poduzeća*, Binoza Press.
5. Darrell M. West và Jack Karsten (2015), *Start-Up Chile: A “start-up for start-ups” in Chilecon Valley*, <https://www.brookings.edu/blog/techtank/2015/08/19/start-up-chile-a-start-up-for-start-ups-in-chilecon-valley/>
6. Vũ Cao Đàm (2003), “Quỹ đầu tư mạo hiểm - Một nguồn vốn cho thị trường công nghệ”, *Tạp chí Hoạt động khoa học* (1), tr. 56, 63.
7. Vũ Cao Đàm, Nguyễn Thanh Hà (2008), “Đầu tư mạo hiểm”, *Tạp chí Hoạt động khoa học* (1), tr. 19-21.
8. Gil Avnimelech và Morris Teubal (2004), “Venture capital – Startup Co-evolution and the emergence & development of Israel’s new high tech cluster”, *Economics of Innovation and New Technology* Vol. 13 (1), pp. 33-60.
9. Gil Avnimelech và Morris Teubal (2006), “Creating venture capital industries that co-evolve with high tech: Insights from an extended industry life cycle perspective of the Israeli experience”, *Research Policy* Vol. 35 (10), pp. 1477-1498
10. Marianne Kulicke (2013), *15 Years of EXIST "University-based start-up programmes", Development of the EXIST funding programme between 1998 and 2013, The EXIST funding approach – University-based start-up programmes, Initial situation prior to the EXIST competition – entrepreneurs from universities*
11. Minh Giảng (2016), *Còn nhiều rào cản để khởi nghiệp*, <http://tuoitre.vn/tin/nhip-song-tre/20160618/con-nhieu-rao-can-de-khoi-nghiep/1120423.html>
12. Josh Lerner, Antoinette Schoar, Stanislav Sokolinski và Karen Wilson (2015), *The Globalisation of Angel Investments*, Bruegel Working Paper 2015/09
13. Nguyễn Hùng (2016), *Doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ mãi "chậm lớn" nếu vẫn gặp nhiều rào cản*, <http://dantri.com.vn/suc-manh-so/doanh-nghiep-khoi-nghiep-se-mai-cham-lon-neu-van-gap-nhieu-rao-can-20160122072651417.htm>

14. Marina Klačmer Čalopa, Jelena Horvat, Maja Lalić (2014), “Analysis of financing sources for startup companies”, *Management* Vol. 19 (2), pp. 19-44.
15. Martin Kenney, Kyonghee Han và Shoko Tanaka, *The globalization of venture capital: the cases of Taiwan and Japan*, <http://hcd.ucdavis.edu/>
16. OECD (1997), *Government venture capital for technology-based firms*, Paris
17. OECD (2004b), *Financing innovative SMEs in a global economy*, Paris.
18. Phan Hoàng Lan (2017), *Báo cáo tổng hợp “Nghiên cứu xây dựng chương trình quốc gia hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp”*, Đề tài cấp Bộ Khoa học và Công nghệ
19. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2016), *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2015/16 (GEM 2015/16)*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
20. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2017), *GEM 2017*
21. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2017), *Báo cáo Nghiên cứu: Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Kinh nghiệm quốc tế - Đề xuất giải pháp cho Việt Nam*, [http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/startup\\_fnf17.pdf](http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/startup_fnf17.pdf)
22. Ngọc Quang (2016), *Gỡ rào cản để doanh nghiệp khởi nghiệp*, <http://daidoanket.vn/tham-vanphan-bien/go-rao-can-de-doanh-nghiep-khoi-nghiep/112748>
23. Senor, D., & Singer, S. (2011), *Start-up Nation: The story of Israel’s Economic Miracle (Quốc gia khởi nghiệp*, Trí Vương dịch, Nhà xuất bản Thế giới, 2013)
24. TAN Chiew Seng Sean (2015), *Start-up Ecosystem in Singapore*
25. Wang, W. B., Hung, Y. C., & Wang, C. C. (2013). University-Industry Business Incubators in Taiwan. *Open Journal of Business and Management*
26. The World Bank (2010), *Innovation Policy: A Guide for Developing Countries*, The World Bank, Washington D.C.
27. Website:  
 FoundersanFounders.com  
<https://www.tekes.fi/en/funding/startup/>  
<https://startup.sme.gov.tw/funding-sources/>  
<https://startupindia.gov.in/>  
<https://www.finnvera.fi/eng/>  
<https://vigo.fi/>  
<http://tiasang.com.vn/-khoi-nghiep/nha-dau-tu-thien-than-mat-xich-thiet-yeu-cua-thi-truong-dau-tu-mao-hiem-7400>

<http://startup.vnexpress.net/tin-tuc/xu-huong/viet-nam-phat-trien-mang-luoi-nha-dau-tu-thien-than-3574533.html>

<http://www.misa.com.vn/tin-tuc/chi-tiet/newsid/40224/Goi-von-cong-dong---Hinh-thuc-moi-me-o-Viet-Nam>

### **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

ThS.NCS. Hoàng Thị Hải Yến

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: [yenvict@gmail.com](mailto:yenvict@gmail.com)

Mobile: 0983 266 135

# NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ TRONG VIỆC GÓP VỐN KHỞI NGHIỆP BẰNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

**PGS.TS. Trần Văn Hải**

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

## **Tóm tắt**

*Trong hoạt động khoa học và công nghệ, các tổ chức nghiên cứu và triển khai (R&D) chỉ có chức năng nghiên cứu để tạo ra công nghệ, việc đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất/kinh doanh, việc thương mại hóa công nghệ là nhiệm vụ của doanh nghiệp khởi nghiệp (Startup) hoặc doanh nghiệp vệ tinh (Spin-off).*

*Để vận hành Startup, Spin-off cần sự góp vốn (trong đó có góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ) từ các nhà đầu tư thiên thần, đầu tư mạo hiểm, mang tính rủi ro cao, vì kết quả nghiên cứu chưa khẳng định được giá trị thương mại.*

*Bài viết phân tích những vướng mắc pháp lý trong việc góp vốn khởi nghiệp bằng quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và bí mật kinh doanh, đồng thời đề xuất giải pháp để khắc phục chúng.*

**Từ khóa:** *Góp vốn, Quyền sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp*

*Capital Contribution, Intellectual Property Rights, Startup*

## **1. Mở đầu**

Trong Báo cáo về sở hữu trí tuệ (SHTT) thế giới năm 2017 với chủ đề “Vốn vô hình trong chuỗi giá trị toàn cầu” (*Intangible Capital in Global Value Chains*), Tổ chức SHTT Thế giới (WIPO) nhận định tổng giá trị của vốn vô hình (*Intangible capital*) đã lớn hơn tổng giá trị của vốn hữu hình (*Tangible capital*) trong tổng giá trị vốn của các doanh nghiệp. WIPO (2017.1) đã đưa ra số liệu vốn vô hình của các doanh nghiệp thuộc 19 ngành sản xuất đã tăng từ 27,8% (năm 2000) lên 75% (năm 2014), chiếm tới 5,9 nghìn tỷ USD vào năm 2014. Trong các đối tượng của quyền SHTT thì sáng chế có vai trò rất lớn đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, theo WIPO (2017.2), trong năm 2016 đã có tổng cộng 3,1 triệu đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế (patent) trên toàn thế giới, trong đó riêng Trung Quốc đã có 1,3 triệu đơn. Với sự gia tăng về số lượng đơn sáng chế, thì tỷ trọng vốn vô hình (trong đó có quyền sở hữu trí tuệ) trên tổng số vốn của doanh nghiệp được đánh giá là quan trọng đối với sự phát triển của mỗi doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp khởi nghiệp (*Starup*).

Có nhiều cách góp vốn vào hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp, bài viết này khảo sát việc góp vốn bằng quyền SHTT vào hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp.

## 2. Các khái niệm được sử dụng

### 2.1. Góp vốn

Theo Khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014, *Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.*

Theo Sullivan, A., Steven M. Sheffrin (2003), khi tiếp cận ở góc độ kinh tế học, tài sản là một khái niệm được dùng để chỉ nguồn tài nguyên kinh tế (*Economic Resource*) dù thể hiện ở dạng hữu hình hay dạng vô hình mà có thể được sở hữu hoặc kiểm soát để tạo ra giá trị dương tính về kinh tế (*Positive Economic Value*) đều được coi là một tài sản. Một cách đơn giản, có thể nói tài sản đại diện cho giá trị của quyền sở hữu có thể được chuyển đổi thành tiền mặt (mặc dù tiền mặt chính nó cũng được coi là một tài sản).

Điều 105 Bộ Luật Dân sự 2015 định nghĩa: “*Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản, tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai*”. Như vậy, đối tượng được coi là tài sản không chỉ những vật có thực mới được gọi là tài sản mà cả những vật được hình thành trong tương lai cũng được gọi là tài sản. Cần phải nêu chi tiết này, vì có thể góp vốn vào hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp là sáng chế trong giai đoạn đang thẩm định hình thức và thẩm định nội dung đơn, mà chưa được bảo hộ (chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế).

Khi dựa vào đặc tính cấu tạo của vật chất, người ta phân loại tài sản thành tài sản hữu hình (*Tangible Asset*) và tài sản vô hình (*Intangible Asset*).

Theo Downes J., Goodman J. E. (2003), tài sản vô hình (*Intangible Asset*) là thuật ngữ được dùng để chỉ tài nguyên phi vật thể (*Non-Physical Resources*) và có giá trị cho người sở hữu nó, vì nắm được lợi thế trên thị trường, ví dụ uy tín (*Goodwill*) của doanh nghiệp, quyền tác giả, nhãn hiệu, bằng độc quyền sáng chế, chương trình máy tính, trái phiếu và cổ phiếu (*Bonds and Stocks*).

Tài sản vô hình được chia thành:

- Tài sản vô hình không xác định, ví dụ uy tín của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quan hệ khách hàng,...

- Tài sản vô hình xác định, ví dụ các kết quả nghiên cứu trong hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN), như tác phẩm khoa học, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu... Những đối tượng này hợp thành những đối tượng của quyền SHTT.

Từ những phân tích trên, thuật ngữ góp vốn trong bài viết được hiểu là:

- Là việc góp tài sản được thể hiện bằng quyền SHTT để tạo thành vốn điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc góp vốn bằng quyền SHTT nêu trên bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

## **2.2. Quyền SHTT**

Khoản 1 điều 4 Luật SHTT quy định: “*Quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng*”.

Giới hạn thuật ngữ quyền SHTT trong bài viết thể hiện qua các đối tượng:

### **2.2.1. Sáng chế được cấp patent và còn hiệu lực bảo hộ**

Khoản 12 điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ định nghĩa: “*Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên*”.

Trong định nghĩa vừa nêu thì thuật ngữ “*giải pháp kỹ thuật*” là đối tượng của sáng chế, như vậy các giải pháp khác (ví dụ: giải pháp quản lý nguồn nhân lực, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hành chính...) không phải là đối tượng của sáng chế. Giải pháp kỹ thuật có thể tồn tại ở dạng sản phẩm (sản phẩm có thể tồn tại ở dạng vật thể hoặc chất thể) hoặc quy trình.

Sáng chế được cấp bằng độc quyền sáng chế nếu nó đạt đủ 3 điều kiện: tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Trong bài viết này, thuật ngữ patent dùng để chỉ bằng độc quyền sáng chế.

Patent có hiệu lực bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam trong thời hạn 20 năm tính từ thời điểm nộp đơn hợp lệ.

Như vậy, một câu hỏi được đặt ra: sáng chế do người nước ngoài là chủ sở hữu, nhưng không được Cục SHTT Việt Nam cấp patent thì chủ sở hữu sáng chế có được quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp không?

### **2.2.2. Bí mật kinh doanh**

Khoản 23 Điều 4 Luật SHTT định nghĩa: *Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.*

Thuật ngữ bí mật kinh doanh được hiểu bao gồm kết quả nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học nông nghiệp, khoa học y, dược, với điều kiện:

- Không đủ điều kiện bảo hộ sáng chế, hoặc đủ điều kiện nhưng chủ sở hữu không đăng ký bảo hộ sáng chế;

- Có đăng ký bảo hộ nhưng không được cấp patent. Thông tin về đối tượng này đã được thể hiện trong bản mô tả sáng chế, nhưng không được bộc lộ công khai.

Như vậy, thuật ngữ quyền SHTT được sử dụng trong bài viết này được giới hạn chỉ bao gồm các đối tượng được phân tích trong mục 2.2.1. và mục 2.2.2. nêu trên. Trong một số trường hợp, bài viết sử dụng thuật ngữ công nghệ (chỉ các đối tượng vừa nêu) để thay thế thuật ngữ quyền SHTT. Cũng cần lưu ý thêm, ý tưởng kinh doanh không thuộc đối tượng nghiên cứu của bài viết này.

### 2.3. Startup và Spin-off

Trong hoạt động KH&CN, các tổ chức nghiên cứu và triển khai (R&D) có chức năng nghiên cứu ứng dụng để tạo ra công nghệ, việc đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất/kinh doanh, việc chuyển giao công nghệ, trong đó có phát triển công nghệ (*technology development*) là độc lập với giai đoạn nghiên cứu và triển khai (R&D), mặc dù cả hai cụm từ này đều có thành tố “development”.<sup>103</sup>

Trong giai đoạn R&D, sau bước nghiên cứu là bước triển khai thực nghiệm (*Technological Experimental Development*)<sup>104</sup> gọi tắt là triển khai. Theo Vũ Cao Đàm (2007), ở bước triển khai mới chỉ là tạo mẫu (*prototype*), làm *pilot* để tạo quy trình công nghệ, sản xuất thử ở *série 0*. Như vậy, ở bước này công nghệ chưa hoàn thiện, do đó nếu có sự chuyển giao công nghệ ở giai đoạn này thì có thể gặp rủi ro rất cao, nhất là cho bên nhận chuyển giao, vì công nghệ chưa khẳng định được giá trị thương mại.

Vì lý do đó, cần phải khẳng định giá trị thương mại của công nghệ. Thông thường việc thương mại hóa công nghệ được tiến hành bởi doanh nghiệp khởi nghiệp (*Startup*) hoặc doanh nghiệp vệ tinh (*Spin-off*)

#### 2.3.1. Doanh nghiệp khởi nghiệp (*Startup*)

Luật Doanh nghiệp 2014 không quy định về doanh nghiệp khởi nghiệp, chỉ thấy Khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 quy định: *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.*

<sup>103</sup> Cripps David et al., (1999), *University research: technology transfer and commercialisation practices*, Canberra AusInfo. ISBN 0642239193 đã viết: “Invention + Commercialisation = Innovation”, “R&D + Technology Development + Commercialisation = Technological Innovation”.

<sup>104</sup> Xin tham khảo thêm: UNESCO (1980), *Manual for Statistics on Scientific and Technological Activities*, Paris, pp.15



Thông thường các tổ chức R&D thuộc trường đại học, viện nghiên cứu... có năng lực tài chính yếu, không đủ chi phí để thương mại hóa công nghệ. Việc thương mại hóa công nghệ được tiến hành qua Startup. Đặc điểm rõ rệt nhất: tổ chức R&D không là chủ sở hữu Startup.

Để Startup hoạt động cần gọi góp vốn đầu tư từ các tổ chức/cá nhân khác.

### 2.3.2. Doanh nghiệp vệ tinh (*Spin-off*)

Trong kinh tế học công nghệ có thuật ngữ công nghệ nội sinh (*Endogenous Technology*), theo Romer, P. M. (1994), công nghệ nội sinh hay còn gọi là công nghệ tự tạo là công nghệ được tạo nên trong phạm vi một quốc gia, công nghệ nội sinh còn được hiểu theo nghĩa khác, đó là công nghệ được sáng tạo trong nội bộ một doanh nghiệp, một tổ chức R&D có đủ khả năng tự thương mại hóa công nghệ thông qua doanh nghiệp vệ tinh (*Spin-off*). Khác biệt với Startup, tổ chức R&D là chủ sở hữu Spin-off.

USPTO (2015) đã thống kê 300 doanh nghiệp sở hữu patent nhiều nhất trên thế giới, sau đây là 10 doanh nghiệp hàng đầu trong số 300 doanh nghiệp này:

TT	Doanh nghiệp	Xuất xứ	Số lượng patent
1	International Business Machines Corp.	USA	7.440
2	Samsung Electronics Co., Ltd.	Korea	5.059
3	Canon K.K.	Japan	4.239
4	Qualcomm, Inc.	USA	3.209
5	Google, Inc.	USA	3.195
6	Toshiba Corp.	Japan	2.793
7	General Electric Co.	USA	2.629
8	Intel Corp.	USA	2.625
9	Microsoft Corp.	USA	2.471
10	Sony Corp.	Japan	2.448

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ tài liệu của USPTO (2015)*

Như vậy, những doanh nghiệp trên không cần sử dụng startup khi thương mại hóa sáng chế, mà họ sử dụng spin-off do chính họ là chủ sở hữu và vận hành.

Ví dụ khác, UQ Holdings Pty Ltd, UniQuest Pty Ltd, IMBcom Pty Ltd, JKTech Pty Ltd... thuộc University of Queensland, Australia có năng lực tài chính mạnh, các doanh nghiệp vệ tinh này không chỉ đầu tư cho các tổ chức R&D thuộc

University of Queensland mà còn có các đối tác là các doanh nghiệp vệ tinh thuộc các trường đại học khác như University of Melbourne, the University of New South Wales and Westscheme... để thương mại hóa công nghệ.

Trong thực tế, các tổ chức R&D đặt trong trường đại học, viện nghiên cứu hoặc trong doanh nghiệp có năng lực tài chính yếu vẫn thành lập doanh nghiệp vệ tinh (*spin-off*) do chính mình là chủ sở hữu và kêu gọi góp vốn từ các tổ chức/cá nhân khác để thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Trần Văn Hải (2016) đã thống kê các spin-off thuộc trường đại học được hình thành từ thập niên 90:

- Công ty TNHH Bách khoa thuộc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Công ty TNHH In Kinh tế thuộc Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Đại học Công nghiệp thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên;
- Công ty TNHH Cơ điện Bách khoa, Công ty TNHH Xây dựng Bách khoa, Công ty TNHH Xây dựng Đại học Đà Nẵng thuộc Đại học Đà Nẵng;
- Công ty TNHH Nông sản Nông dược thuộc Trường Đại học Cần Thơ;
- Công ty TNHH Giao thông Vận tải, Công ty TNHH đường bộ, Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Á châu thuộc Trường Đại học Giao thông Vận tải;
- Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc HAAI thuộc Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- ...

Các spin-off được hình thành từ viện nghiên cứu, ví dụ:

- Ngày 28/8/1996, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 2365/QĐ-TCCB thành lập Công ty Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP) trên cơ sở chuyển đổi Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Phụ gia - Dầu mỏ (Viện Hoá học Công nghiệp) thành doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Hoá chất Việt Nam.

- Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học thuộc Viện KH&CN Việt Nam, có thể coi đây là doanh nghiệp spin-off thí điểm tách ra từ viện nghiên cứu;

- Công ty vắc xin và sinh phẩm số 1 thuộc Viện vệ sinh dịch tễ trung ương (được xem như doanh nghiệp chuyển thành spin-off tách ra từ viện nghiên cứu)

- Từ phân viện nghiên cứu thiết kế máy công cụ (1973), Viện máy công cụ và dụng cụ (1979) tới Viện nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy và dụng cụ công nghiệp (gọi tắt là Viện máy và dụng cụ công nghiệp - 1993). Từ năm 1991, Viện được chuyển về Tổng công ty máy và thiết bị công nghiệp, là đơn vị sự nghiệp, thành viên của Tổng công ty, chuyển sang cơ chế tự hạch toán kinh tế;

- ...

Các spin-off trên được hình thành từ các tổ chức R&D do Nhà nước là chủ sở hữu, bởi vậy việc đầu tư mạo hiểm vào một tổ chức thuộc sở hữu nhà nước có thể phát sinh mâu thuẫn, bài viết xin phân tích ở đoạn sau.

#### **2.4. Nhà đầu tư (Investor)**

Theo Trần Công Yên - Chủ biên (2012), nhà đầu tư có thể là một doanh nghiệp, một tổ chức/cá nhân có tiềm lực tài chính, có khả năng đầu tư vào những dự án khởi nghiệp và kỳ vọng thu lợi nhuận khi dự án khởi nghiệp đó thành công trong tương lai.

Có 2 dạng đầu tư:

- *Nhà đầu tư thiên thần (Angel Investor)*: với số vốn nhỏ, thường là tài sản cá nhân đầu tư vào những doanh nghiệp trong giai đoạn đầu tiên, phát triển công nghệ thành sản phẩm/dịch vụ cụ thể.

- *Nhà đầu tư mạo hiểm (Venture Capitalist)*

Theo Ante, Spencer E. (2008), vốn mạo hiểm (*Venture capital*) là một loại vốn cổ phần tư nhân (*private equity*), là một hình thức tài trợ được cung cấp bởi các công ty hoặc quỹ cho các công ty nhỏ, ở giai đoạn đầu, mới nổi và được coi là có tiềm năng tăng trưởng cao, hoặc đã chứng minh sự tăng trưởng cao.

Tại Việt Nam, có một số quỹ đầu tư mạo hiểm, trong đó có 10 quỹ nổi tiếng như: 1. Dragon Capital; 2. Mekong Capital; 3. IDG Venture; 4. Vina Capital Foundation (VCF); 5. CyberAgent Ventures (CAV); 6. DFJ VinaCapital; 7. Kusto Việt Nam; 8. Prosperous Vietnam Investment (PVNI); 9. FPT Ventures; 10. Golden Gate Venture.

### **3. Những vấn đề pháp lý đặt ra**

#### **3.1. Đầu tư mạo hiểm vào doanh nghiệp khởi nghiệp**

Khi phân tích vốn mạo hiểm tại Hoa Kỳ và Châu Âu, Guillermo de la Dehesa (2002) cho biết đầu tư mạo hiểm là khoản đầu tư của tư nhân mang tính rủi ro cao vào các công ty không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, trái ngược với đầu tư vốn vào các công ty được giao dịch công khai.

Như vậy, từ định nghĩa của Ante, Spencer E. (2008) và định nghĩa này đều coi vốn mạo hiểm là vốn tư nhân.

Khoản 2 Điều 25 Luật Công nghệ cao 2006 quy định: *Nguồn tài chính hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia bao gồm: a) Vốn điều lệ của Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia được hình thành từ ngân sách nhà nước và được bổ sung từ ngân sách nhà nước trong quá trình hoạt động.*

Qua đó, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã quy định quỹ đầu tư mạo hiểm do Nhà nước thành lập từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó một phần được hình thành và bổ sung từ ngân sách nhà nước.

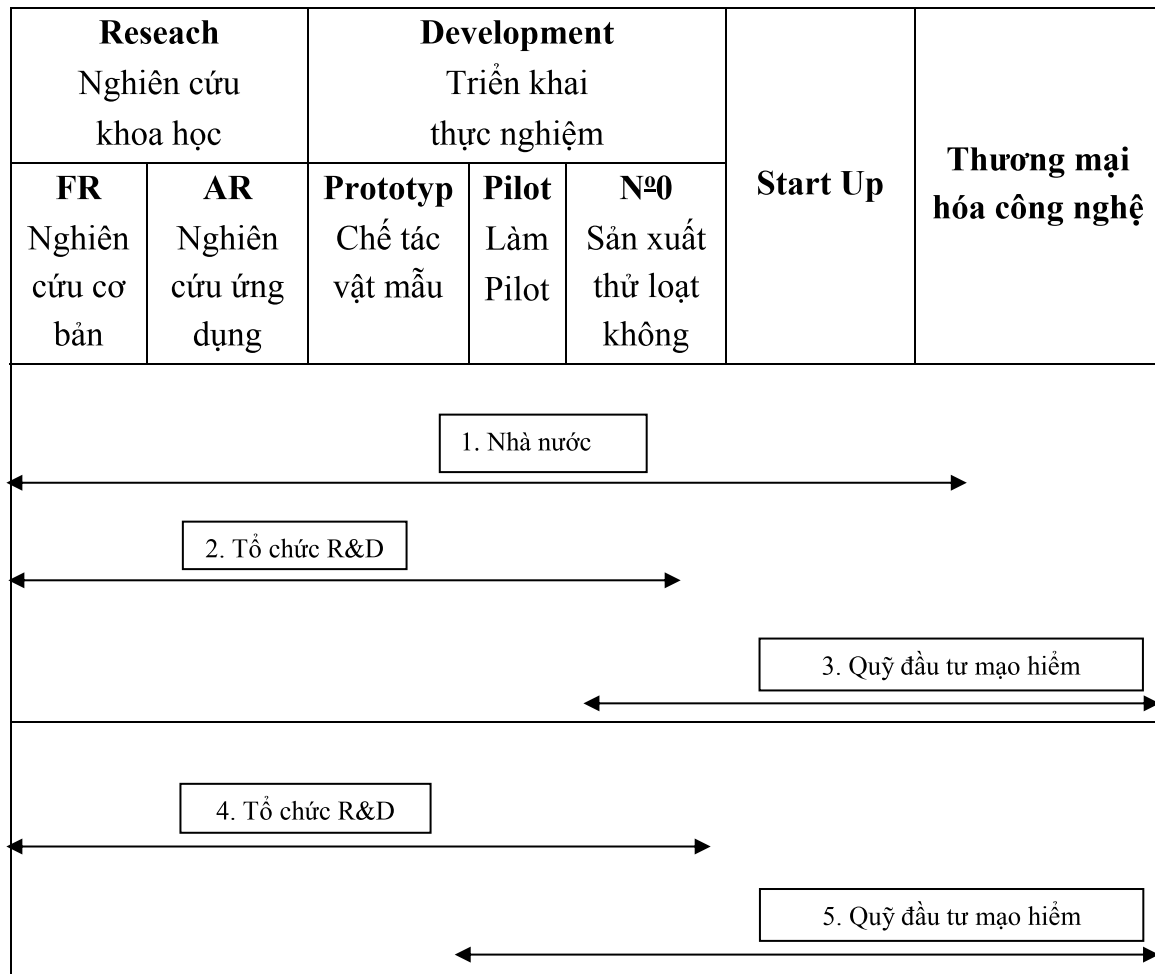
Khoản 14 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước định nghĩa: *Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.*

Từ định nghĩa này, cho thấy khó có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào lại có thể dự toán được các khoản đầu tư mạo hiểm. Ngân sách nhà nước chỉ chi cho nghiên cứu khoa học trong phạm vi có thể dự toán được. Vì lẽ này, thông lệ quốc tế chỉ lấy vốn tư nhân để đầu tư mạo hiểm.

Như vậy, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao được hình thành từ ngân sách nhà nước là trái với thông lệ quốc tế về hoạt động tài chính, việc này thể hiện tư duy cũ: “Nhà nước làm KH&CN”, chứ không phải tư duy mới: “Nhà nước quản lý KH&CN”.

Do đó, nên nghiên cứu để bỏ quy định quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao được hình thành từ ngân sách nhà nước.

Mô hình góp vốn từ đầu tư mạo hiểm cho hoạt động của Startup, Spin-off trong các tổ chức R&D cần được tổ chức theo cách loại bỏ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (thể hiện trong ô số 1), cụ thể như sau:



Nguồn: Trần Văn Hải (2016)

### **3.2. Góp vốn khởi nghiệp bằng sáng chế của nước ngoài**

Công ước Paris 1883 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp quy định nguyên tắc bảo hộ độc lập đối với sáng chế, có nghĩa là quốc gia nào cấp patent cho sáng chế thì patent chỉ có hiệu lực bảo hộ trên lãnh thổ quốc gia đó. Ví dụ năm 2014 Cơ quan sáng chế và nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO) cấp patent số US 8658833 B2 cho quy trình chế biến tỏi (*Garlic processing*), Cục SHTT Việt Nam không cấp patent cho sáng chế này, có nghĩa là nó không được bảo hộ tại Việt Nam.

Khoản 2 Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: *Quyền SHTT được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền SHTT khác theo quy định của pháp luật về SHTT. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng các tài sản đó để góp vốn.*

Như vậy, giả định rằng một doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến tinh dầu tỏi, nhưng chủ sở hữu patent số US 8658833 B2 không thể góp vốn đầu tư vì không thỏa mãn cụm từ đã gạch chân trong quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2014.

### **3.3. Góp vốn khởi nghiệp bằng sáng chế dạng vô hình**

Như đã phân tích, sáng chế là một giải pháp kỹ thuật có thể tồn tại:

- Dạng hữu hình: vật thể, chất thể;
- Dạng vô hình: quy trình/phương pháp.

Khi góp vốn bằng sáng chế dạng quy trình/phương pháp thì chỉ bao gồm các thông tin về nó, mà các thông tin này lại được bộc lộ công khai trong bản mô tả sáng chế đáp ứng điều kiện: *“Bộc lộ đầy đủ và rõ ràng bản chất của sáng chế đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó”*.

Trong thực tế, rất có thể một sáng chế chỉ được vận hành kèm theo bí quyết công nghệ (know-how), nhưng chính bí quyết công nghệ cũng tồn tại ở dạng vô hình và không thể hiện trong bản mô tả sáng chế bởi vậy nó là chi tiết kèm theo sáng chế nhưng lại không được bảo hộ.

Trạng thái ngược lại của góp vốn đầu tư khởi nghiệp là rút vốn, rút vốn là sáng chế dạng quy trình/phương pháp trong trường hợp vừa phân tích là vô nghĩa.

Từ đó, khi góp vốn đầu tư khởi nghiệp bằng sáng chế dạng quy trình/phương pháp thì rủi ro pháp lý cao hơn so với việc góp vốn đầu tư khởi nghiệp bằng sáng chế dạng hữu hình.

### **3.4. Góp vốn khởi nghiệp bằng chương trình máy tính được cấp patent**

Theo quy định tại Điều 22 Luật SHTT chương trình máy tính được bảo hộ như một tác phẩm văn học, nhưng Cục SHTT (2010) quy định: “*Mặc dù chương trình máy tính thuộc danh mục các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế nhưng nếu đối tượng yêu cầu bảo hộ có đặc tính kỹ thuật và thực sự là một giải pháp kỹ thuật, nhằm giải quyết một vấn đề kỹ thuật bằng một phương tiện kỹ thuật để tạo ra một hiệu quả kỹ thuật thì nó có thể được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế.*” Cụm từ gạch chân với hàm ý rằng chương trình máy tính được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế khi nó liên kết với một cấu trúc hữu hình.

Nhưng trong thực tế, USPTO đã cấp patent cho chương trình máy tính khi nó không liên kết với một cấu trúc hữu hình. Có thể dẫn chứng:

- Patent số US8195953 (B1) cho “Chương trình máy tính được gắn liền với phần mềm bảo vệ độc hại” (*Computer program with built-in malware protection*);

- Patent số US8196206 (B1) cho “Trình duyệt hệ thống mạng, phương pháp, sản phẩm chương trình máy tính để quét dữ liệu cho nội dung không mong muốn và các trang web liên quan không mong muốn” (*Network browser system, method, and computer program product for scanning data for unwanted content and associated unwanted sites*).

Nói cách khác, thông lệ quốc tế đã có việc cấp patent cho chương trình máy tính ngay cả trong trường hợp nó tồn tại ở dạng vô hình.

Rủi ro trong trường hợp này còn cao hơn như đã phân tích ở mục 3.3. Mặt khác, nếu Cục SHTT Việt Nam không cấp patent cho sáng chế này thì chủ sở hữu sáng chế lại không thể góp vốn đầu tư vì không thỏa mãn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2014.

Giải pháp cho trường hợp này: nên coi chương trình máy tính được bảo hộ quyền tác giả theo quy định tại Điều 22 Luật SHTT, khi đó nó được bảo hộ theo nguyên tắc tự động. Việc góp vốn đầu tư đã thỏa mãn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2014.

## **4. Kết luận**

Bài tham luận đã phân tích những vấn đề pháp lý trong việc góp vốn khởi nghiệp bằng quyền SHTT với các đối tượng là sáng chế và bí mật kinh doanh, có những vướng mắc pháp lý đã được đề xuất giải pháp khắc phục, tuy nhiên có vướng mắc chưa thể khắc phục, như việc góp vốn khởi nghiệp bằng sáng chế do nước ngoài cấp patent, nhưng không được Cục SHTT bảo hộ vì không thỏa mãn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2014.

Vướng mắc này cần tiếp tục được nghiên cứu để tìm giải pháp khắc phục..

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ante, Spencer E. (2008), *Creative Capital: Georges Doriot and the Birth of Venture Capital*, Cambridge, MA: Harvard Business School Press, ISBN 1-4221-0122-3.
2. Baran A., Zhumabaeva A. (2018), “Intellectual property management in startups - problematic issues”, *Engineering Management in Production and Services*, (10), 2, 2018
3. Cripps David et al., (1999), *University research: technology transfer and commercialisation practices*, Canberra AusInfo. ISBN 0642239193
4. Cục SHTT (2010) *Quy chế thẩm định đơn đăng ký sáng chế* (Ban hành kèm theo Quyết định số 487/QĐ-SHTT ngày 31/3/2010 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ).
5. Vũ Cao Đàm (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
6. Downes J., Goodman J. E. (2003), *Dictionary of Finance & Investment Terms*, Barron's Financial Guides, 2003
7. Guillermo de la Dehesa (2002), *Venture Capital in The United States And Europe*, Published by Group of Thirty, Washington, DC
8. Trần Văn Hải (2016), *Nghiên cứu kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động chuyển giao công nghệ của Australia, đề xuất mô hình tổ chức và hoạt động chuyển giao công nghệ phù hợp cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Đề tài Nghị định thư hợp tác với Australia.
9. Trần Văn Nam (2009), “Góp vốn bằng tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Nhịp cầu tri thức*, (11)/2009
10. Romer, P. M. (1994), The Origins of Endogenous Growth, *The Journal of Economic Perspectives*. 8 (1), p. 3–22
11. Sullivan, Arthur, Steven M. Sheffrin (2003). *Economics: Principles in action*. Upper Saddle River, New Jersey: Pearson Prentice Hall. p. 272. ISBN 0-13-063085-3.
12. UNESCO (1980), *Manual for Statistics on Scientific and Technological Activities*, Paris, pp.15
13. USPTO (2015), *Top 300 Organizations Granted U.S. Patents in 2015*.

14. WIPO (2017.1), *World Intellectual Property Report 2017 Intangible Capital in Global Value Chains*, ISBN: 978-92-805-2895-4

15. WIPO (2017.2), *World Intellectual Property Indicators 2017*. Geneva, Switzerland

16. Trần Công Yên – Chủ biên (2012), *Những kiến thức cơ bản về đổi mới*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

### **THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ**

PGS TS Trần Văn Hải; Khoa Khoa học Quản lý;

Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn;

Đại học Quốc gia Hà Nội

Mobile: 0903 211 972

Email: tranhailinhvn@yahoo.com



# NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN VỐN GÓP GIỮA STARTUP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

**PGS.TS. Doãn Hồng Nhung**

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội*

**ThS. Phạm Thanh Nga**<sup>105</sup>

## **Tóm tắt:**

*Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp (Startup) vấn đề gọi vốn từ các nhà đầu tư trong giai đoạn ban đầu rất quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, sau khi doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và kinh doanh, vấn đề phân chia quyền lợi giữa nhà đầu tư và sáng lập viên của các Startup gặp nhiều trở ngại và vấn đề pháp lý có thể dẫn tới những tranh chấp và xung đột như: tư cách pháp lý các bên, quyền sở hữu và điều hành, tiến độ giải ngân, chống pha loãng đầu tư, thứ tự ưu tiên thoái vốn, định giá vào từng thời điểm, cam kết sáng lập viên, giới hạn quyền của nhà đầu tư, quyền tiếp cận thông tin, sở hữu trí tuệ, bảo mật thông tin, ... Trong bài viết này, tác giả sẽ phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến công ty khởi nghiệp và nhà đầu tư, phân tích một số casestudy thực tế liên quan. Sau khi phân tích những mặt hạn chế và bất cập pháp lý hiện hành, tác giả sẽ đưa ra những giải pháp để hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý cho vấn đề này.*

**Từ khóa:** *Startup; nhà đầu tư; vốn; vấn đề; giải pháp*

## **1. Nghiên cứu tổng quan**

### **1.1. Doanh nghiệp khởi nghiệp**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ 2017: “Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.”

Như vậy, doanh nghiệp khởi nghiệp là doanh nghiệp mới được thành lập với quy mô nhỏ để thực hiện những mô hình, ý tưởng kinh doanh mới, thường là để khai thác những tài sản trí tuệ, những phát minh mới trong công nghệ. Đây thường là những doanh nghiệp tiềm năng và có khả năng phát triển nhanh và mạnh trong thời gian rất ngắn.

Theo tác giả Bill Aulet trong cuốn Kinh điển về khởi nghiệp, doanh nhân khởi nghiệp là những người tạo lập nên một ngành kinh doanh mới, chưa từng có trước đó. Hiện nay trên thế giới có hai loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp:

---

<sup>105</sup> Hòa giải viên (Adhoc) thuộc danh sách Hòa giải viên đăng ký tại Sở Tư pháp Hà Nội

- **Khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ** (SME – Small and Medium Enterprises). Loại hình doanh nghiệp này thường do một người sáng lập để phục vụ thị trường địa phương và sẽ trở thành một doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong phạm vi địa phương đó. Doanh nghiệp được tổ chức trong một nhóm nhỏ, có quan hệ mật thiết với nhau, có thể là một doanh nghiệp gia đình, nơi việc kiểm soát chặt chẽ doanh nghiệp là rất quan trọng. Về cơ bản, loại hình doanh nghiệp này không cần kêu gọi nhiều vốn. Khi đầu tư vốn vào các doanh nghiệp SME này thì nhanh chóng có được kết quả là tăng thêm doanh thu và tạo ra nhiều việc làm hơn. Doanh nghiệp SME này thường là các doanh nghiệp dịch vụ hoặc bán lẻ các sản phẩm của công ty khác. Yếu tố chính để phân biệt với các loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp khác là họ tập trung vào các thị trường địa phương.

- **Khởi nghiệp doanh nghiệp sáng chế đột phá** (IDE – Innovation Driven Enterprises). Doanh nghiệp loại này có nhiều rủi ro hơn và cũng nhiều tham vọng hơn. Người khởi nghiệp IDE khao khát vươn xa hơn thị trường địa phương tới thị trường toàn cầu hoặc ít nhất là trong khu vực. Những doanh nhân này thường làm việc theo nhóm để xây dựng doanh nghiệp dựa trên công nghệ, quy trình, mô hình kinh doanh, hoặc sáng kiến mới tạo ra cho họ một lợi thế cạnh tranh đáng kể so với công ty hiện có. Họ quan tâm đến việc tạo ra của cải và giá trị hơn là việc kiểm soát công ty và thường bán cổ phần công ty để theo đuổi kế hoạch phát triển đầy tham vọng của mình. Doanh nghiệp IDE này ban đầu phát triển chậm chạp hơn so với SME nhưng lại sẽ đạt được tăng trưởng theo cấp số nhân khi họ đã thu hút được khách hàng (trường hợp của Facebook, Google, Apple hay Uber). Để đạt được tham vọng của mình, những công ty này phải lớn mạnh và trưởng thành nhanh chóng để phục vụ thị trường toàn cầu.

## 1.2. Nhà đầu tư

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.<sup>106</sup>

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 38/2018/NĐ-CP:

- Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi tắt là đầu tư khởi nghiệp sáng tạo) là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo chưa phải là công ty đại chúng.

- Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để thực hiện đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

<sup>106</sup>Điều 18 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017

- Vốn góp của quỹ là tổng giá trị tài sản do các nhà đầu tư đã góp vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

- Công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là công ty được thành lập theo pháp luật về doanh nghiệp, có ngành, nghề quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Về Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, Nghị định nêu rõ: Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, do tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập trên cơ sở điều lệ quỹ. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác.

Tài sản góp vốn có thể bằng Đồng Việt Nam, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Nhà đầu tư không được sử dụng vốn vay để góp vốn thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Ngoài các Quỹ đầu tư thì các nhà đầu tư cá nhân có thể đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp. Trên thế giới, những nhà đầu tư cá nhân này thường được gọi là Nhà đầu tư thiên thần – Angel Investors. Nhà đầu tư thiên thần được hiểu là các nhà đầu tư cá nhân thực hiện việc đầu tư ban đầu cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Bên cạnh Quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư thiên thần đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay.

### ***1.3. Mối quan hệ giữa Startup và Nhà đầu tư***

Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi tắt là đầu tư khởi nghiệp sáng tạo) là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ Phần, Phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo chưa phải là công ty đại chúng.<sup>107</sup>

Theo quy định của Nghị định 38/2018/NĐ-CP thì Nhà đầu tư có thể tiến hành hoạt động đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua các hình thức sau:

- Góp vốn thành lập, mua cổ Phần, Phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

- Thành lập, góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo để thực hiện đầu tư.

Hiện nay, thông thường, khi các nhà đầu tư tiến hành đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ yêu cầu doanh nghiệp đầu tư chấp nhận nhà đầu tư như một thành viên góp vốn/cổ đông của doanh nghiệp này với phần vốn góp ban đầu chiếm khoảng 10% vốn điều lệ doanh nghiệp. Tùy thỏa thuận giữa sáng lập viên (Founder) của Startup và Nhà đầu tư mà phần vốn góp này có tỉ lệ bao nhiêu và thay đổi như thế nào sau khi công ty đi vào hoạt động, lớn mạnh và kêu gọi vốn đầu tư mới từ các nhà đầu tư khác. Thông thường, trong hợp đồng góp vốn, nhà đầu tư thường yêu cầu có điều khoản về chống pha loãng để bảo toàn tỉ lệ phần trăm sở hữu phần vốn

<sup>107</sup>Khoản 1 Điều 2 Nghị định 38/2018/NĐ-CP

góp của mình tại doanh nghiệp khởi nghiệp khi doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp nhận thêm nhiều vốn góp từ các nhà đầu tư mới khi đã phát triển, mở rộng quy mô trong tương lai.

## **2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **2.1. Một số vấn đề liên quan đến quan hệ giữa Startup và Nhà đầu tư**

Trường hợp thất bại của The KAfe và Đào Chi Anh sau khi gọi vốn 5 triệu USD từ nhà đầu tư là bài học tài chính điển hình cho các start-up khi gọi vốn. Sự thất bại này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đầu tiên có thể kể đến là việc lựa chọn nhà đầu tư không phù hợp. Có những nhà đầu tư gọi là Nhà đầu tư cá mập (Sharks), chỉ có mục tiêu thâm tóm chứ không có mục tiêu đồng hành. Họ đến để chiếm quyền và với mục tiêu kiếm lời ngắn hạn từ việc kiểm soát công ty và bán công ty chứ không hướng tới đầu tư dài hạn. Nhiều nhà đầu tư tài chính nhắm đến mục tiêu này. Vì thế, thứ tự ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư nên là Đối tác cùng ngành hay Quỹ đầu tư cùng ngành hay Quỹ đầu tư tài chính. Hiện nay, trên thực tế, có những doanh nghiệp Việt Nam nhận đầu tư với số tiền lên đến hàng triệu đô, nhưng đồng thời cũng nhận về sản phẩm mới từ đối tác, công nghệ mới từ đối tác, hỗ trợ quản trị, chuyên gia từ đối tác để phát triển thị trường Việt Nam. Đó sẽ là mục tiêu hướng tới. Trong khi đó, bản chất của quỹ đầu tư tài chính là họ sẽ có thời hạn đầu tư và áp lực thoái vốn từ chính cổ đông của quỹ, nên thời gian các quỹ này đầu tư vào Startup sẽ ngắn hạn hơn nhiều. Thứ hai, nhiều Startup thiếu kinh nghiệm, hoặc không cẩn trọng trong đàm phán điều khoản nhận đầu tư nên đã gây ra những tranh chấp về sở hữu và quản lý doanh nghiệp khởi nghiệp. Đây chính là điểm mấu chốt trong thương vụ thất bại của The KAfe. Nhận tiền đầu tư sẽ kèm theo hàng loạt các điều kiện của nhà đầu tư, nhất là họ sẽ đưa ra yêu cầu kiểm soát hoàn toàn về tài chính. Trong khi đó, các sáng lập viên - Founders lại thường không giỏi về vấn đề này. Nhà đầu tư sẽ áp đặt các chỉ tiêu mang tính thâm tóm, và nếu Founders không đạt được chỉ tiêu, thì họ sẽ nâng tỷ lệ sở hữu và thâm tóm công ty. Các start-up thường không xây dựng cho mình chiến lược tài chính chủ động ngay từ đầu, nên khi khát tiền, họ sẽ chấp nhận một cách mù quáng mọi yêu cầu của nhà đầu tư. Ngoài ra, họ cũng sẽ thường quên đàm phán một gói Incentive (lợi tức, gồm cả lương và thưởng) cho các Founders. Gói Incentive là bình thường trong mọi thương vụ, nhưng các nhà đầu tư thường cố tình bỏ qua vấn đề này, còn start-up thì không biết để yêu cầu đàm phán. Thứ ba, vì là doanh nghiệp khởi nghiệp nên các công ty Startup thường thiếu hoặc chưa xây dựng được một cơ chế quản trị công ty quy chuẩn. Thậm chí, nhiều sáng lập viên của start-up còn chưa hiểu thế nào là quản trị công ty. Cơ chế quản trị công ty không ổn sẽ gây ra mâu thuẫn giữa người điều hành với nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư tài chính thuần túy. Khi xảy ra mâu thuẫn, các cơ chế không rõ ràng đã khiến mâu thuẫn trầm trọng hơn. Và

như trường hợp The KAfe, người sáng lập Đào Chi Anh đã phải rời khỏi công ty chỉ trong thời gian ngắn ngay sau khi nhận vốn, khiến công ty sụp đổ. Nguyên nhân thứ tư, các Founders của Startups không xây dựng được kế hoạch kinh doanh khả thi sau gọi vốn. Kế hoạch kinh doanh không hoàn chỉnh hoặc không hợp lý, thậm chí không có kế hoạch kinh doanh, phát triển công ty một cách bài bản, chi tiết, có khả năng thực thi là vấn đề rất nghiêm trọng đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp. Đặc biệt, đối với các startup chỉ có một Founder. Khi chỉ có một mình làm chủ, sáng lập viên của Startup có thể làm bất kỳ thứ gì anh ta muốn. Nhưng khi có nhiều hơn các sáng lập viên, họ cần phải đảm bảo lợi ích của tất cả. Khi đó, một kế hoạch kinh doanh chi tiết và khả thi và từ đó các bên sẽ dựa vào đó mà thực hiện và sẽ giúp đáp ứng được lợi ích, hoặc ít nhất lấy đó làm căn cứ “đồng cam cộng khổ”. Ngược lại, nếu không có những kế hoạch kinh doanh và quản trị công ty hợp lý thì rất dễ đến mâu thuẫn giữa các Founders và Nhà đầu tư. Ngoài ra, các Founders cần hiểu rõ bản chất và mục đích của việc nhà đầu tư rót vốn vào để có thái độ làm việc nghiêm túc, không ngừng học hỏi và hoàn thiện sản phẩm, phát triển công ty, không coi đó là nguồn tài trợ ODA không hoàn lại vì khi Nhà đầu tư cảm thấy lợi ích của họ bị ảnh hưởng, và họ sẽ hành động. Lúc này cơ chế quản trị không tốt sẽ dẫn tới ngõ cụt cho các bên. Ngoài ra, việc thiếu khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của các Startup. Nhiều Founders sau khi nhận vốn cần nhận thức đúng đắn về khả năng và thực tế của doanh nghiệp để có những kế hoạch kinh doanh và vận hành nó hiệu quả hàng ngày. Công ty phải được thiết kế và vận hành tinh gọn. Chính những hiệu quả ban đầu này sẽ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp xây dựng được thương hiệu của mình. Bên cạnh đó, việc không quản lý tài chính và dòng tiền tốt cũng là một nguyên nhân dẫn đến thất bại của Startup. Ví dụ, vấn đề về thuế: Trước đây bán F&B, toàn khách lẻ nên khai thuế thấp. Giờ đây, phải khai đủ doanh thu, chi phí thuế tăng vọt lên. Founders thấy thu được bao nhiêu thì chi hết bấy nhiêu, chưa thấy lợi ích đâu, chỉ thấy quy mô to thì việc nhiều và hiệu quả thấp. Dòng tiền tự dừng chạy hỗn loạn, không biết quản lý ra sao cho hiệu quả. Không những vậy, có những Founders thậm chí không đọc được báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động. Sau khi quy mô to, thiếu tiền do hiệu quả xuống thấp, founders lại tính đến chuyện gọi vốn lần tiếp theo. Lúc này, lợi ích của nhà đầu tư sẽ bị ảnh hưởng dẫn tới xảy ra mâu thuẫn. Vì thế, startup cần một chiến lược tài chính tốt và thực thi chiến lược tài chính một cách hiệu quả. “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”. Các startup phải biết rõ tính pháp lý của những tài sản mà mình chuẩn bị nắm giữ, được sở hữu đến đâu, tỷ lệ sở hữu như thế nào, các quy định được lưu trong sổ cổ đông hay văn bản pháp lý, giấy phép và điều lệ. Startup phải quy định và hiểu rõ nội bộ của mình, đây là cách bảo vệ tốt nhất trước khi tham gia vào cuộc chơi với các nhà đầu

tư. Một trong những cách nhanh nhất để phát triển nguồn lực là tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân. Những người sáng lập nên rõ ràng ngay từ đầu về các điều khoản hợp tác, phương thức hợp tác. Có như vậy mới có thể giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh hoặc khi công ty phát triển trong tương lai.

Hiện nay, có rất nhiều người (Founder) hợp tác kinh doanh mà không thành lập doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ, cho đến khi có nhà đầu tư rót vốn mới quan tâm đến việc hình thành pháp nhân. Dưới góc độ pháp lý, những giao kết đơn giản dưới hình thức thỏa thuận dân sự giữa các sáng lập viên rất dễ dẫn đến những tranh chấp về sau. Các tranh chấp giữa sáng lập viên và nhà đầu tư thường xuất hiện khi dự án đã ổn định, mang lại doanh thu cao, do các bên không kiểm soát các vấn đề ngay từ đầu. Để tránh tình trạng này, các thành viên sáng lập cần có những thỏa thuận cổ đông hay thỏa thuận thành viên rõ ràng ngay khi thành lập doanh nghiệp và đưa vào điều lệ công ty. Ngoài ra, nghĩa vụ thuế được căn cứ trên ba nguyên tắc: chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn. Việc tiếp nhận những khoản vốn đầu tư lớn nhưng không tuân thủ quá trình kê khai, báo cáo, đóng thuế có thể đưa startup vào những rủi ro không đáng có, gây thiệt hại và bị cơ quan nhà nước xử lý. Liên quan đến pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ, các ý tưởng về sản phẩm, dịch vụ độc đáo và khác biệt cần phải được đăng ký bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ngay khi triển khai dự án hoặc ngay sau khi thành lập doanh nghiệp. Về lộ trình nhận vốn đầu tư, cần phải được lên kế hoạch, thương thảo ngay từ đầu, quy định rất rõ về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư và sáng lập viên của Startup. Cũng cần hiểu rõ nhà đầu tư của mình để biết nguồn tiền đầu tư là hợp pháp, tránh để không bị trở thành nơi rửa tiền cho những nguồn tài chính bất hợp pháp. Các dự án startup Việt Nam hiện tại thường có quy mô nhỏ hơn so với khu vực và thế giới. Họ thường chấp thuận các cơ chế cấp vốn mà nhà đầu tư đề xuất. Trong trường hợp startup chỉ là nhóm cá nhân hoặc cá nhân (không thành lập doanh nghiệp), việc đầu tư theo cơ chế góp vốn và phân chia lợi ích theo quy định của Bộ luật Dân sự. Nếu theo cơ chế hình thành doanh nghiệp thì nhà đầu tư mua phần vốn góp hoặc cổ phần theo Luật Doanh nghiệp, nếu vốn đầu tư từ nước ngoài thì theo cơ chế của Luật Đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro, nguyên tắc chung là những gì chưa rõ thì nên thuê chuyên gia tư vấn. Chuyên gia ở đây không nhất thiết phải là luật sư mà có thể là những cố vấn chiến lược về vốn, những người có kinh nghiệm. Những cố vấn, luật sư, chuyên gia đều là nguồn hỗ trợ tốt, giúp startup có được sự phát triển bền vững và thiết lập cuộc chơi công bằng hơn với nhà đầu tư.

## ***2.2. Hình thức Gợi vốn cộng đồng - Crowdfunding***

Crowdfunding là một thuật ngữ không hề xa lạ với cộng đồng khởi nghiệp quốc tế. Giải thích đơn giản, crowdfunding là một hình thức nhận vốn từ cộng đồng,

cụ thể là cộng đồng mạng chung tay góp vốn để hiện thực hóa một ý tưởng hoặc một sản phẩm mới. Để khuyến khích đóng góp, chủ dự án tặng cho người ủng hộ những món quà lưu niệm hoặc ưu đãi khi mua sản phẩm. Phần tiền ủng hộ (pledge) thực chất có thể xem là tiền đặt mua sản phẩm trước khi sản phẩm ra đời. Vì mua trước và rằng tồn tại rủi ro không nhận được sản phẩm, tiền đặt mua thường thấp hơn giá thị trường từ 30% – 50%.

Lợi ích đầu tiên khi gọi vốn cộng đồng phải kể đến đối với doanh nghiệp là vốn. Đây là lý do vì sao hình thức này thu hút nhiều dự án khởi nghiệp tham gia đến vậy, đặc biệt là những công ty chưa có điều kiện tiếp xúc với nguồn vốn đa dạng, chưa có kinh nghiệm kinh doanh hay chưa đủ khả năng để gọi vốn từ nhà đầu tư hoặc ngân hàng. Với crowdfunding, người gọi vốn chỉ cần thuyết phục được cộng đồng mạng mở hầu bao. Dần dần, số người ủng hộ tăng lên, doanh nghiệp thu về lượng tiền lớn đến bất ngờ, đủ để phát triển và cho ra đời sản phẩm mình hứa hẹn.

Lợi thế thứ hai của hình thức gọi vốn cộng đồng là việc khảo sát thị trường. Những ý tưởng sản phẩm của công ty khởi nghiệp thường là những sản phẩm chưa từng xuất hiện trên thị trường hoặc có những tính năng độc đáo. Vậy làm sao biết được sản phẩm này, tính năng kia sẽ được thị trường đón nhận? Sẽ rất tốn kém và lãng phí nếu phải đầu tư một khoản tiền lớn để phát triển sản phẩm mà không chắc rằng thị trường có đón nhận chúng hay không. Với việc gọi vốn cộng đồng, thì kết quả và phản ứng thị trường là căn cứ chính xác nhất về tiềm năng sản phẩm. Người tiêu dùng có thể trả lời không chính xác phiếu thăm dò thị trường, nhưng khi họ có thể mạnh dạn bỏ tiền ra để mua một sản phẩm chưa ra đời, sản phẩm đó chắc chắn phải hấp dẫn một mức độ nhất định và đảm bảo được mức độ thành công khi nó ra đời.

Bên cạnh những ưu điểm thì hình thức gọi vốn cộng đồng cũng gặp phải những trở ngại và rủi ro như: không có gì đảm bảo rằng sau khi gọi vốn, chủ dự án sẽ cho ra đời sản phẩm và đưa đến tay cộng đồng như đã hứa. Hình thức gọi vốn cộng đồng cho đến nay vẫn theo hướng tự phát, nhà nước cũng chưa có bất kỳ hình thức quản lý hay kiểm soát nào đối với các doanh nghiệp và dự án kêu gọi vốn bằng hình thức này. Và cũng có lẽ vì vậy, mà đến thời điểm này, Mỹ là nơi gọi vốn cộng đồng phát triển mạnh mẽ nhất do suy nghĩ cởi mở, mức độ chấp nhận rủi ro cao, và sự yêu thích sản phẩm ý tưởng mới của cộng đồng mạng.

Ở Việt Nam, một công ty hoàn toàn có thể tham gia gọi vốn bình đẳng như những công ty khác trên thế giới do tính mở của mạng gọi vốn cộng đồng thế giới (như IndieGoGo, Kickstarter). Những sản phẩm mới lạ, không nhất thiết chỉ trong lĩnh vực công nghệ, mà có thể trong lĩnh vực nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ, thậm chí nông sản, thực phẩm... có thể tiếp cận không chỉ nguồn vốn cộng đồng trong nước

mà còn có thể áp dụng cách kêu gọi đầu tư rộng rãi hơn đến với người tiêu dùng trên thế giới về sự xuất hiện của mình.

### ***2.3. Những quy định của pháp luật hiện nay ở Việt Nam về việc góp vốn của Nhà đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp Startup***

Doanh nghiệp khởi nghiệp ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, luật doanh nghiệp thì sẽ được hưởng những ưu đãi và thuận lợi hơn cũng như sự hỗ trợ từ nhà nước và xã hội theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nghị định 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đã cụ thể hóa mô hình đầu tư và hỗ trợ đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay, bước đầu hình thành và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho mô hình hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng như mối quan hệ giữa các sáng lập viên của Startup với các nhà đầu tư, hạn chế rủi ro cho các nhà đầu tư cũng như bảo vệ quyền và lợi ích của các sáng lập viên của Startup. Theo đó, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

- Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;

- Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) *Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;*

b) *Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;*

c) *Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực*



*hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.*

Nghị định 38/2018/NĐ-CP hướng dẫn khá chi tiết về cách thức vận hành và hoạt động của các quỹ. Danh mục và hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo bao gồm: Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật; đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo sau khi nhận đầu tư.

Toàn bộ số vốn góp và tài sản của các nhà đầu tư tại quỹ phải được hạch toán độc lập với công ty thực hiện quản lý quỹ; các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ tự thỏa thuận về thẩm quyền quyết định danh mục đầu tư và nội dung này phải được quy định tại điều lệ quỹ và hợp đồng với công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có).

Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức quản lý theo một trong các mô hình sau: Đại hội nhà đầu tư, công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ hoặc Giám đốc quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ và Giám đốc quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Các nhà đầu tư của quỹ có thể thành lập hoặc thuê công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Công ty thực hiện quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thành lập quỹ và thông báo bổ sung ngành, nghề quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp khi thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Hoạt động quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Nghị định này thực hiện theo điều lệ của quỹ, các hợp đồng ký kết với quỹ (nếu có) và không chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật về chứng khoán.

Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập tại công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Việc tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tuân thủ các quy định sau: điều lệ quỹ có quy định việc tăng, giảm vốn góp của quỹ; việc tăng, giảm vốn góp của quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư quỹ thông qua.

Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau: kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ; Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ; công ty thực hiện quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty thực hiện quản lý quỹ thay thế trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện.

Cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được quy định như sau:

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương có chức năng đầu tư tài chính để thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Trường hợp tổ chức tài chính nhà nước của địa phương tổ chức và hoạt động theo mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thì việc giao nhiệm vụ và hỗ trợ vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải đáp ứng quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật ngân sách nhà nước.

Trường hợp tổ chức tài chính nhà nước của địa phương tổ chức và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp thì việc bổ sung vốn điều lệ phải đáp ứng quy định tại Điều 4, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Nguyên tắc đầu tư khởi nghiệp sáng tạo của tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu khi thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Thông tin về hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo sử dụng ngân sách địa phương phải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện.

Tổ chức tài chính nhà nước của địa phương lựa chọn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cùng đầu tư đảm bảo tối thiểu các điều kiện sau: Có cam kết cùng với tổ chức tài chính nhà nước của địa phương đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; tối thiểu 1 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; có khả năng tự trang trải chi phí khi tham gia thực hiện đầu tư; các điều kiện khác (nếu có).

Hàng năm, tổ chức tài chính nhà nước của địa phương tiến hành đánh giá, điều chỉnh và công bố danh sách các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn trên cổng thông tin điện tử của tổ chức tài chính nhà nước của địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **3. Kết luận và Đề xuất**

Khởi nghiệp kinh doanh là một xu thế mới của thời đại trên toàn thế giới, phù hợp với nhiều đối tượng, đặc biệt là thanh niên. Vì là doanh nghiệp khởi nghiệp nên luôn cần vốn từ các nhà đầu tư. Vì vậy, việc xây dựng một khung pháp lý điều chỉnh quan hệ giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp khởi nghiệp là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Nhìn chung hiện nay hệ thống pháp luật Việt Nam về đầu tư và kinh doanh đã khá hoàn thiện, chỉ cần có những quy định riêng bổ sung để hướng dẫn chi tiết hơn cho những nhà đầu tư khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp.

Đối với các một doanh nghiệp khởi nghiệp, trước khi quyết định tiếp nhận vốn đầu tư từ nhà đầu tư cần tiến hành thẩm định nhà đầu tư kỹ. Cần thẩm định nhà đầu tư rất kỹ về năng lực tài chính, uy tín... kể cả điều tra dân sự về nhà đầu tư, người đại diện và thể hiện các cam kết của nhà đầu tư bằng văn bản cụ thể. Khi ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư, cần có những điều khoản quy định về hợp tác đầu tư rõ ràng, chi tiết từng điều khoản hợp đồng khi đàm phán. Trong thỏa thuận đầu tư cần quy định rõ giới hạn quyền sở hữu, điều hành của nhà đầu tư và sáng lập viên của Startup. Trong đó cần dự liệu quyền sở hữu và điều hành sau khi nhận vốn cho từng giai đoạn phát triển, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản sở hữu trí tuệ được hình thành trong giai đoạn đầu của doanh nghiệp Startup. Các thỏa thuận này được ký kết bằng văn bản trước khi nhận vốn và thỏa thuận rõ về quyền tài sản này sau khi nhận vốn. Startup cũng cần cẩn trọng trong việc công bố thông tin. Công bố rộng rãi thông tin với truyền thông để tránh rắc rối về thuế, đối thủ cạnh tranh, chủ nợ... Trong thỏa thuận hợp tác đầu tư cũng cần định rõ các khoản chi phí, thỏa thuận rõ về số vốn được nhận, đó là số vốn mà những người sáng lập nhận hay vốn để kinh doanh; các khoản chi phí như thuế, phí môi giới, luật sư ... bên nào phải chịu hay trích từ số vốn đầu tư. Các bên cần biết rõ các quy định về tài chính doanh nghiệp, việc chuyển tiền ra vào tài khoản, đóng thuế, vốn của nhà đầu tư... cần thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, các bên cũng cần có những quy định về thoái vốn của nhà đầu tư khởi doanh nghiệp Startup. Các bên cần thỏa thuận về việc thoái vốn ngay tại giai đoạn đàm phán, các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng. Các bên cần có những quy định rõ ràng về các nghĩa vụ của các bên nếu có rủi ro khi thoái vốn.

Để tránh những rủi ro hay tranh chấp, các bên cần thỏa thuận thống nhất ngay từ giai đoạn đàm phán đến khi có xung đột hoặc thoái vốn, kể cả khi chấm dứt đầu tư và chấm dứt hợp tác thì vẫn bảo vệ uy tín cho nhau.

Trong quá trình hợp tác đầu tư giữa Nhà đầu tư và Doanh nghiệp khởi nghiệp cần chuẩn hóa các hồ sơ, thủ tục pháp lý. Các giai đoạn trước-trong-sau khi nhận vốn đầu tư cần phải rõ ràng và chuẩn hóa bằng văn bản pháp lý, bao gồm hồ sơ pháp lý với cơ quan chức năng và nội bộ doanh nghiệp.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017
2. Nghị định 38/2018/NĐ-CP và Nghị định 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ

3. <https://startupwheel.funding.vn>
4. <https://khoinghiiep.thuvienphapluat.vn/>
5. Kinh điển về khởi nghiệp, Billaluet, NXB Lao động, 2016
6. Quản lí tài chính cá nhân và khởi nghiệp, NXB Khoa học kỹ thuật, 2018

#### **THÔNG TIN LIÊN HỆ TÁC GIẢ:**

**1. ThS. Phạm Thanh Nga** – Hòa giải viên Thương mại, sở Tư pháp Hà Nội

Email: [pham.nga.hlu@gmail.com](mailto:pham.nga.hlu@gmail.com) | Điện thoại: 0984-898-185

**2. PGS.TS. Doãn Hồng Nhung** – Giảng viên Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: [doanhongnhungvnu@gmail.com](mailto:doanhongnhungvnu@gmail.com) | Điện thoại: 091-969-8585

# NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC STARTUP VIỆT

*TS. Trần Thị Thanh Huyền*

*Học viện Ngân hàng*

## **Tóm tắt:**

*Việt Nam hiện nằm trong top 20 nền kinh tế có tinh thần khởi nghiệp dẫn đầu tuy nhiên cũng là một trong số 20 quốc gia với khả năng thấp nhất trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh (theo Global Entrepreneurship Network). Trong số khoảng 3000 startup hiện nay của Việt Nam, chỉ có 3% là thực sự thành công còn 80% không thể tồn tại quá 2 năm. Có nhiều nguyên nhân gây ra hiện tượng trên tuy nhiên việc thiếu vốn là một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu. So với các hình thức hỗ trợ vốn khác, các quỹ đầu tư không chỉ cung cấp vốn mà còn có thể trợ giúp các startup trên nhiều phương diện. Mặc dù vậy, mức độ góp vốn của các quỹ đầu tư vào startup Việt hiện nay vẫn thấp hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực. Làm thế nào để nâng cao vai trò của các quỹ đầu tư qua đó góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển bền vững của các startup tại Việt Nam là điều cần thiết. Bên cạnh phần giới thiệu trong đó tìm hiểu một số vấn đề liên quan đến startup và các quỹ đầu tư, bài viết tập trung làm rõ vai trò của quỹ đầu tư đối với startup Việt, phân tích những vấn đề đặt ra, đưa ra kết luận và một số đề xuất.*

**Từ khóa:** *quỹ đầu tư, startup, khởi nghiệp, Việt Nam*

## **1. Phần giới thiệu**

Trong vài năm trở lại đây, startup là một cụm từ được nhắc đến khá thường xuyên tuy nhiên vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau khi bàn luận về khái niệm này. Theo Investopedia, startup là một công ty đang ở thời kỳ đầu của quá trình hoạt động. Một số từ điển cho rằng startup là những công ty mới thành lập, tuy nhiên không ghi cụ thể mới thành lập được bao lâu. Điều này gây ra sự hiểu lầm và khiến nhiều người quan niệm rằng startup có tuổi đời khoảng 1-2 năm. Paul Graham, người sáng lập Y-Combinator (một quỹ đầu tư mạo hiểm chỉ chuyên đầu tư cho các ý tưởng mới) nhận định rằng một công ty 5 năm tuổi cũng có thể là một startup. Từ đó, có thể thấy rằng, thời gian không phải là thước đo xác định xem một công ty có phải là startup hay không. Theo quan điểm CEO của Warby Parker<sup>108</sup>, startup thường cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong những điều kiện không chắc chắn nhất. Các startup được thiết kế cho những tình huống không thể mô hình hóa và độ rủi ro không nhất thiết phải lớn

---

<sup>108</sup>Warby Parker được thành lập năm 2010, là một startup “kỳ lân”, với giá trị ước tính hơn 1 tỷ USD, hiện đang sở hữu 75 cửa hàng bán lẻ kính mắt thời trang giá rẻ, với hơn 1.000 nhân viên.

nhưng chưa tính toán được. Bên cạnh việc có tiềm năng tăng trưởng, các startup cũng thường mang đặc điểm đổi mới sáng tạo vì các doanh nghiệp này thường có xu hướng phát triển hoặc hướng tới tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới cho thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa có nhiều thành tựu và thành công nên nhà đầu tư khó có thể hiểu rõ và định giá doanh nghiệp (Holstein, 2015). Sau một khoảng thời gian hoạt động, một startup có thể được mua lại bởi một công ty lớn hơn, có nhiều hơn một văn phòng, đạt mức doanh thu lớn hơn 20 triệu USD, có hơn 80 người lao động hoặc ban quản trị có nhiều hơn 5 người, đặc biệt có lợi nhuận thì công ty đó thường được coi là đã “tốt nghiệp” startup<sup>109</sup>.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành bại của một startup là khả năng tiếp cận nguồn vốn (Kotsch, 2017; Thiel & Masters, 2014).

Trong từng giai đoạn phát triển<sup>110</sup>, doanh nghiệp có nhu cầu về vốn và mô hình huy động vốn khác nhau. Vì startup được xem là loại hình doanh nghiệp rủi ro và khó tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng nên thường phải tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nguồn vốn khác, bao gồm:

*Thứ nhất, các chương trình khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp hay doanh nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp.* Đây là hình thức hỗ trợ khởi nghiệp được thành lập bởi các tổ chức chính phủ, các trường đại học, các doanh nghiệp lớn... Các mô hình này cung cấp vốn vay với lãi suất ưu đãi, cung cấp cơ sở vật chất, hạ tầng sản xuất, công nghệ, kỹ thuật, các khóa học về kinh doanh hoặc hệ thống tư vấn pháp luật miễn phí với chi phí ưu đãi.

*Thứ hai, nhà đầu tư thiên thần.* Các nhà đầu tư thiên thần thường tham gia vào dự án theo hình thức cấp vốn một lần nhằm giúp startup vượt qua những khó khăn trong giai đoạn đầu. Nhà đầu tư thiên thần khác với gọi vốn cộng đồng ở chỗ họ cần phải thấy được năng lực của người sáng lập và tiềm năng của dự án thông qua sản phẩm mẫu hay các mô hình thử nghiệm của sản phẩm. Vì vậy, nhà đầu tư thiên thần thường tham gia góp vốn nhiều nhất vào các giai đoạn hoàn thiện định hình sản phẩm/dịch vụ và số vốn đóng góp được sử dụng để điều tra thị trường, tìm kiếm khách hàng gia nhập thị trường (giai đoạn gọi vốn hạt giống).

*Thứ ba, gọi vốn cộng đồng.* Gọi vốn cộng đồng là hình thức tài trợ vốn cho dự án thông qua sự đóng góp của một số lượng lớn những người tham gia thông qua một website hoặc các mạng xã hội. Thông thường, người khởi xướng sẽ nêu ra ý tưởng/dự án của mình trên các diễn đàn và kêu gọi góp vốn. Tuy số tiền của mỗi nhà đầu tư nhỏ nhưng số lượng rất lớn nhà đầu tư tham gia sẽ tạo cơ hội cho các startup huy

<sup>109</sup><http://cafef.vn/chua-chac-nhieu-nguoi-da-hieu-dung-startup-la-gi-2016083117563055.chn>

<sup>110</sup>Kể từ khi thành lập, vòng đời của một doanh nghiệp khởi nghiệp trải qua 5 giai đoạn: Khởi nghiệp, xây dựng, phát triển, trưởng thành và sau trưởng thành.

động được số tiền cần thiết để sản xuất sản phẩm mẫu đầu tiên hay dùng để trang trải các chi phí ban đầu.

*Thứ tư, các quỹ đầu tư.* Quỹ đầu tư là một dạng doanh nghiệp đặc biệt bởi không dùng vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh mà để đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp vào doanh nghiệp khác. Có nhiều loại quỹ đầu tư như quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư hỗn hợp... tuy nhiên đối với môi trường khởi nghiệp, người ta chỉ nhắc đến quỹ đầu tư mạo hiểm (gọi chung là quỹ đầu tư). Đây là những nhà đầu tư chuyên nghiệp đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu và phải chịu trách nhiệm trước các khoản đầu tư. Quỹ đầu tư có những tiêu chí cao hơn, tham gia muộn hơn và số tiền đầu tư cũng lớn hơn nhiều so với các nhà đầu tư thiên thần và gọi vốn cộng đồng. Các quỹ đầu tư tham gia đầu tư sau khi dự án đã khởi chạy được một thời gian, có sản phẩm, thị trường và mô hình kinh doanh được định hình, cần đến nguồn vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh<sup>111</sup>.

Trong số các nguồn cung cấp vốn cho startup, các quỹ đầu tư đóng vai trò quan trọng. Các quỹ đầu tư không chỉ giúp startup giải quyết vấn đề vốn mà còn có thể đem đến cho startup những hỗ trợ và cơ hội to lớn mà không nguồn gọi vốn nào có thể mang lại. Các hỗ trợ và cơ hội này bao gồm:

(i) Hỗ trợ tư vấn chiến lược và chiến thuật trong kinh doanh: Các quỹ đầu tư khi xem xét một startup thường huy động những chuyên gia hàng đầu am hiểu lĩnh vực kinh doanh của startup đó, và nếu startup được lựa chọn, tất nhiên họ có thể học tập vô số kinh nghiệm quý báu từ các chuyên gia này cũng như được các chuyên gia tư vấn xây dựng chiến lược hiệu quả nhất.

(ii) Hỗ trợ vận hành kinh doanh: Các quỹ đầu tư bao giờ cũng là cánh tay nối dài của các công ty lớn, và khi đầu tư, các quỹ có thể huy động nguồn lực to lớn từ các công ty đó hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của startup.

(iii) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu: Thông thường khi một quỹ đầu tư vào startup, bao giờ cũng cất cử nhân sự tham gia tư vấn và hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bởi đây là điểm yếu của hầu hết các startup.

(iv) Cơ hội tiếp cận được nguồn nhân sự tài năng của công ty mẹ: Không phải tất cả nhân viên và quản lý đều tham gia tư vấn hay biết đến hoạt động của startup, tuy nhiên ở bất cứ khâu nào, khi startup cần đều có thể tìm kiếm sự hỗ trợ và lời khuyên từ các nhân sự dày dặn kinh nghiệm trong công ty mẹ, chủ quản của quỹ đầu tư.

(v) Cơ hội bán hàng cho công ty mẹ: Khi quỹ đầu tư rót vốn vào startup cũng xác định hỗ trợ cả đầu ra và công ty mẹ sẽ trở thành nguồn khách hàng tiềm năng nhất dễ dàng thử nghiệm sử dụng sản phẩm của startup.

---

<sup>111</sup><http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/huy-dong-von-cho-doanh-nghiep-khoi-nghiep-tai-viet-nam-138297.html>

(vi) Cơ hội tiếp cận được kênh phân phối và nguồn khách hàng có sẵn: Đây là một trong những lợi ích to lớn nhất, bởi với các startup việc tự mình xây dựng nguồn khách hàng không hề và kênh phân phối hiệu quả là vô cùng khó khăn. Tận dụng được những nhân tố này từ công mẹ, khả năng thành công đã lớn hơn rất nhiều.

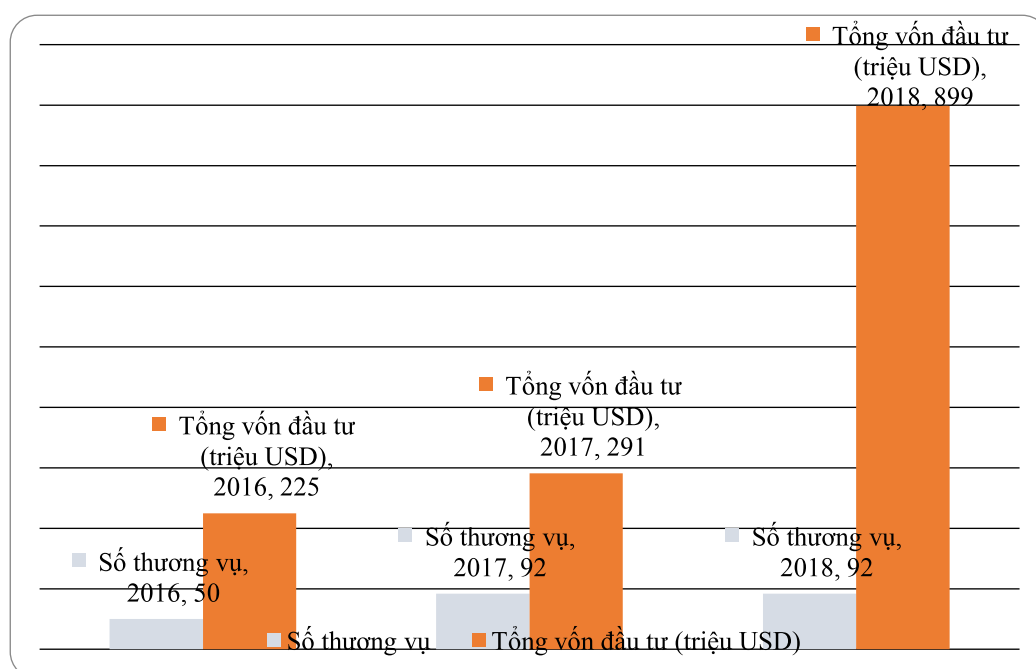
(viii) Bên cạnh đó, các quỹ đầu tư còn có thể giới thiệu đối tác cho startup, hỗ trợ khi tình hình công ty gặp khó khăn, giúp công ty vươn ra thị trường toàn cầu nhờ tiềm lực sẵn có, hoặc đơn giản là tạo nên nhiều giá trị vô hình về mặt thương hiệu cho startup<sup>112</sup>.

Như vậy, không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn, các quỹ đầu tư còn hỗ trợ startup dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 2. Vai trò của quỹ đầu tư đối với startup Việt

Số lượng startup của Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng trong hơn 6 năm trở lại đây, từ con số khoảng dưới 400 năm 2012 tăng lên gấp hơn 4 lần vào năm 2015 (1.800 startup) và con số tính đến cuối năm 2017 là khoảng 3.000 (Topica Founder Institute, 2018). Một số doanh nghiệp đã thành công ngoài lãnh thổ Việt Nam và vươn ra thị trường toàn cầu.

Theo Báo cáo thường niên về tình hình đầu tư vào startup Việt năm 2018 của Topica Founder Institute (TFI), trong năm 2018 các startup Việt đã nhận được 889 triệu USD đầu tư, gấp 3 lần so với năm 2017 và gấp 4,4 lần năm 2016.



Nguồn: Topica Founder Institute

**Biểu đồ 1: Tình hình đầu tư vào các startup Việt Nam**

<sup>112</sup><http://khoinghiepsangtao.vn/phan-tich/quy-dau-tu-voi-startup-khong-chi-la-noi-cap-von-phan-1/>



Trong số 92 thương vụ đầu tư của năm 2018, riêng 10 giao dịch hàng đầu đã có tổng vốn đầu tư là 734 triệu USD, chiếm 83% tổng giá trị thỏa thuận, như Yeah1 (100 triệu USD), Sendo (51 triệu USD), Topica (50 triệu USD) và 7 thương vụ khác đều có giá trị trên 30 triệu USD mỗi thương vụ.

Năm lĩnh vực startup thu hút nhiều vốn đầu tư nhất trong năm 2018 là Fintech, E-commerce, TravelTech, Logistics và Edtech. Trong đó, Fintech (tài chính công nghệ) quay lại vị trí dẫn đầu về thu hút vốn đầu tư trong năm 2018 với 8 thương vụ, tổng giá trị 117 triệu USD. E-commerce (thương mại điện tử) đứng vị trí thứ hai với 5 thương vụ (so với 21 thương vụ vào năm 2017) có tổng giá trị đầu tư là 104 triệu USD. TravelTech (du lịch trên nền tảng công nghệ) vươn lên vị trí thứ ba với 8 thương vụ có tổng giá trị 64 triệu USD của Vntrip, Luxstay, Atadi, Vleisure và vài thương vụ không tiết lộ khác. Trong khi đó, lĩnh vực logistics và lĩnh vực Edtech (giáo dục trên nền tảng công nghệ) thu hút 3-4 thương vụ, giá trị hơn 50 triệu USD<sup>113</sup>.

Trong nửa đầu năm 2019, có khoảng 5,9 tỷ USD đã được đầu tư vào các startup Đông Nam Á, trong đó, Việt Nam chiếm khoảng 17% (so với mức 5% của năm 2018) – đứng thứ ba, sau Indonesia ở mức 48% và Singapore ở mức 25%. Tổng số vốn đầu tư vào start up Việt Nam trong nửa đầu năm 2019 đã đạt 246 triệu USD với tất cả 56 giao dịch (Theo nghiên cứu của công ty đầu tư mạo hiểm ESP Capital và Cento Ventures của Singapore)

Các thương vụ lớn đầu tư vào các startup Việt chủ yếu đến từ các nhà đầu tư nước ngoài, trong khi mức đầu tư của các nhà đầu tư trong nước vẫn còn khá e dè. Tính đến cuối năm 2018, số lượng giao dịch của các nhà đầu tư quốc tế đã chiếm tới hơn 1/3 tổng khối lượng giao dịch. Các khoản đầu tư lớn nhất cho các startup Việt hầu hết đến từ các nhà đầu tư quốc tế với giá trị đầu tư gấp hơn 5 lần so với các nguồn đầu tư trong nước<sup>114</sup>.

Phần lớn các quỹ đầu tư mạo hiểm hoạt động tại Việt Nam đều thuộc sở hữu nước ngoài và không đăng ký tại Việt Nam. Một vài tên tuổi lớn có thể kể đến là IDG Ventures (với số vốn 100 triệu USD từ Mỹ), DFJ Vinacapital (30 triệu USD từ Mỹ và Việt Nam) hay CyberAgent Ventures (với số vốn 50 triệu USD từ Nhật Bản để đầu tư tại khu vực Đông Nam Á) (theo Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2018).

Gần đây, Topica Founder Institute và Quỹ đầu tư mạo hiểm Insignia Ventures Partners đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư. Cụ thể, lần đầu tiên tại Đông Nam Á, tất cả startup tốt nghiệp TFI sẽ được đầu tư 50.000 USD từ Insignia Ventures Partners (tối thiểu 500.000 USD mỗi khóa). Đây cũng là lần đầu tiên ở Việt Nam, một Quỹ đầu tư mạo hiểm sẵn sàng cam kết đầu tư một nguồn vốn cố định hàng năm cho các dự án startup mà không

<sup>113</sup><http://cafef.vn/nha-dau-tu-nuoc-ngoai-tap-nap-rot-von-va-o-startup-viet-nam-co-tiem-nang-tro-thanh-he-sinh-thai-khoi-nghiep-hang-dau-dong-nam-a-20190903174811828.chn>

<sup>114</sup> <https://vtv.vn/kinh-te/nguon-ho-tro-cac-du-an-start-up-chu-yeu-den-tu-cac-nha-dau-tu-quoc-te-20180911081954331.htm>

cần xem xét hay đánh giá khả năng thành công của dự án<sup>115</sup>. Startup chỉ cần đạt điều kiện duy nhất là tốt nghiệp chương trình huấn luyện khởi nghiệp TFI<sup>116</sup>.

Tại diễn đàn Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam 2019 (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức 10/6/2019), đã có 18 quỹ đầu tư ngoại ký cam kết rót vốn 425 triệu USD (tương đương 10.000 tỷ đồng) trong 3 năm tới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trong đó, quỹ đầu tư DT&I Hàn Quốc quyết định đầu tư cho startup Propzy số tiền 1,4 triệu USD; Quỹ VinaCap sẽ ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với 2 quỹ của Hàn Quốc để đánh dấu việc quỹ này dự kiến sẽ đầu tư 100 triệu USD cho các startup tại Việt Nam trong vòng 3 năm tới; hay Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) công bố quỹ trị giá 3 tỉ euro dành cho các startup Việt Nam...<sup>117</sup>

Như vậy, có thể khẳng định, các quỹ đầu tư, đặc biệt là các quỹ đầu tư ngoại đã, đang và sẽ đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của các startup Việt, thể hiện qua số lượng các thương vụ, đặc biệt số vốn đầu tư tăng liên tục qua các năm. Quỹ đầu tư thực sự là đối tác hữu ích giúp các startup vốn có ý tưởng tốt, có nhiều tiềm năng phát triển có thể tăng tốc và đạt được thành công trên thương trường.

### 3. Những vấn đề đặt ra

Mặc dù số lượng các quỹ đầu tư (trong nước và nước ngoài) tại Việt Nam gia tăng nhanh chóng trong vài năm gần đây tuy nhiên các startup Việt vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư. Một hiện tượng cũng đáng lưu tâm nữa là sau khi gọi vốn thành công, nhiều startup không tiếp tục trụ lại được lâu trên thị trường. Việt Nam nằm trong top 20 nền kinh tế có tinh thần khởi nghiệp dẫn đầu tuy nhiên cũng là một trong số 20 quốc gia với khả năng thấp nhất trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh (Theo số liệu thống kê của GEN - Global Entrepreneurship Network). Trong số 3000 startup của Việt Nam, chỉ có 3% là thực sự thành công còn 80% là không thể tồn tại quá 2 năm (Viettonkin consulting, 2019).

Những vấn đề tồn tại nêu trên của startup Việt bắt nguồn từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Nguyên nhân từ phía các startup: Do chưa có sự chuẩn bị kỹ càng trong việc triển khai hoạt động huy động vốn, nên các startup không thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và không trình bày được những giá trị và tiềm năng của dự án kinh doanh trong tương lai. Hơn nữa, năng lực nội tại của nhiều startup còn yếu (thiếu vốn,

<sup>115</sup><http://kinhtedothi.vn/dien-dan-quy-dau-tu-khoi-nghiep-sang-tao-viet-nam-2019-ho-tro-giai-quyet-kho-khan-cho-du-an-khoi-nghiep-345230.html>

<sup>116</sup> Ông Yinglan Tan – Nhà sáng lập Quỹ đầu tư mạo hiểm Insignia Ventures Partners đánh giá cao thị trường startup của Việt Nam vì cho rằng đây là một thị trường sôi động và đầy tiềm năng. Nếu được đầu tư phù hợp, startup Việt có thể tạo nên sự đột phá và thành công. Insignia Ventures Partners rất quan tâm và luôn mong muốn đóng góp cho sự phát triển này.

<sup>117</sup><https://tuoitre.vn/hang-loat-quy-dau-tu-ngoai-cam-ket-rot-10000-ti-dong-cho-startup-viet-20190610132104279.htm>

thiếu kỹ năng và kinh nghiệm, thiếu thông tin để tiếp cận các nguồn hỗ trợ từ chính phủ; thương hiệu chưa được nhiều người biết đến), trong khi đó các nhà sáng lập startup lại chưa tập trung đến tính thực tiễn của kế hoạch kinh doanh, còn chú trọng quá nhiều đến ý tưởng. Sau khi được các quỹ đầu tư rót vốn, nếu startup không đủ khả năng để đứng vững và tăng trưởng thì sớm muộn cũng sẽ bị đào thải. The Kafe là một ví dụ điển hình. Từ một dự án khởi nghiệp được vinh danh với ý tưởng khá sáng tạo và đã huy động thành công 5,5 triệu USD, the Kafe phải dừng triển khai trong tiếc nuối của nhà sáng lập do đội ngũ quản trị của dự án đã không kịp thời điều tiết và đề ra định hướng hoạt động phù hợp.

Bên cạnh nguyên nhân từ bản thân các startup, hệ thống chính sách, môi trường vĩ mô của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, cản trở việc các quỹ đầu tư rót vốn và đóng góp cho sự phát triển của các startup. Cụ thể:

Theo quy định, hiện tại, có ba loại quỹ được quy định tại Việt Nam, bao gồm: quỹ từ ngân sách nhà nước, quỹ phi lợi nhuận và quỹ chứng khoán. Đối với những nhà đầu tư muốn đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua tổ chức, họ chỉ có thể đầu tư qua quỹ chứng khoán. Tuy nhiên, yêu cầu để thành lập các quỹ như vậy khá chặt chẽ, ví dụ, mỗi quỹ cần có: (i) Tối thiểu 50 tỷ VND vốn góp (xấp xỉ 2,2 triệu USD); (ii) Giám đốc, các phó giám đốc và quản lý quỹ phải có chứng chỉ quản lý quỹ và ít nhất 05 năm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, hoặc tại các bộ phận tài chính, kế toán hoặc đầu tư của các doanh nghiệp khác.

Chính phủ đã thông qua Nghị định Đầu tư mạo hiểm về xây dựng và vận hành các quỹ đầu tư mạo hiểm. Theo Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ được thông qua vào năm 2017, Chính phủ cũng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thuế để áp dụng cho các nhà đầu tư mạo hiểm và kế hoạch đầu tư chung giữa chính quyền địa phương và các đối tác đầu tư tư nhân. Tuy nhiên, xét đến những yêu cầu khắt khe về việc sử dụng nguồn vốn chính phủ để đầu tư vào các công ty tư nhân, việc lập ra một kế hoạch theo yêu cầu trên gặp nhiều khó khăn. Cụ thể, theo Luật quản lý đầu tư chính phủ tại các doanh nghiệp, người quản lý cổ phần nhà nước tại các công ty tư nhân phải chịu trách nhiệm cho phần thất thoát hàng năm của các công ty này, tới mức độ người đó có thể bị phạt tù. Điều này đi ngược lại với bản chất mạo hiểm của việc đầu tư vào các doanh nghiệp startup, từ đó làm nhụt chí các nhà quản lý quỹ của Chính phủ trong việc đầu tư quỹ chính phủ vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Bộ Khoa học và Công nghệ

Việt Nam chưa hình thành được một hệ sinh thái khởi nghiệp đồng bộ, nhất quán, hoạt động có hiệu quả, bao gồm nhà sáng lập, mạng lưới các nhà đầu tư, các cố vấn, các nhà tư vấn, các nhà cung cấp dịch vụ, kênh huy động vốn... Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp chủ yếu được thực hiện qua các chương trình riêng lẻ với các mục tiêu, tiêu chí rất khác nhau, thiếu hoạt động gắn kết, chia sẻ, hỗ trợ giữa các thành

phần tham gia hệ sinh thái. Điều này dẫn đến tình trạng các startup ngại tiếp xúc với cơ quan hỗ trợ và nhà đầu tư<sup>118</sup>.

Do sức ép bảo toàn vốn nên các quỹ đầu tư quốc tế không dám mạo hiểm rót vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp mà chỉ đầu tư một cách nhỏ giọt. Một trong những chiến lược thoái vốn phổ biến của các quỹ đầu tư là chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) tuy nhiên trong bối cảnh thị trường vốn ở Việt Nam chưa phát triển thì đây là một nhân tố hạn chế lượng vốn đầu tư của các quỹ đầu tư (Grant Thornton, 2019).

#### **4. Kết luận và một số đề xuất**

Nhờ có sự hỗ trợ của các quỹ đầu tư, cộng đồng startup Việt đã lớn mạnh qua các năm. Tuy nhiên, nguồn vốn rót vào các startup của Việt Nam vẫn còn khá thấp so với một số quốc gia trong khu vực như Indonesia và Singapore. Như đã biết, các quỹ đầu tư không chỉ cung cấp vốn mà còn hỗ trợ rất lớn cho các startup. Do đó, nếu huy động được nhiều vốn hơn nữa từ các quỹ đầu tư, các startup Việt sẽ còn tận dụng được nhiều thế mạnh và cơ hội do các quỹ này mang lại.

Trên cơ sở những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân đã được phân tích, có thể đưa ra một số đề xuất sau:

*Thứ nhất, cần tiếp tục nâng cao nội lực của đội ngũ startup Việt.*

Để huy động vốn thành công, bản thân người làm công tác quản trị trong các startup cần chuẩn bị kỹ càng ngay từ khâu đầu tiên. Chuẩn bị kỹ càng và có hệ thống sẽ giúp startup nắm bắt được các cơ hội huy động vốn. Các nhà đầu tư chỉ quyết định đầu tư vào startup nếu họ thấy được tiềm năng phát triển. Các chuyên gia đều cho rằng, hầu hết các quỹ đầu tư mạo hiểm có nguồn vốn lớn, có kinh nghiệm và đều ở nước ngoài, do đó, các startup ngoài khát khao khởi nghiệp cần có những định hướng đúng đắn hướng tới những sáng tạo mà cả thế giới có thể ứng dụng.

Startup cần xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong vòng 3-5 năm cũng như có kế hoạch tài chính rõ ràng để hỗ trợ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kế hoạch cần cụ thể, thực tế, không đầu tư dàn trải. Hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp phải đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng.

Bên cạnh kế hoạch kinh doanh, sản phẩm, ý tưởng kinh doanh, startup cần xây dựng kế hoạch tài chính, dự báo dòng tiền, định giá doanh nghiệp. Kế hoạch tài chính phải có sức thuyết phục để chứng minh được cơ sở của các giả định có trong mô hình. Kế hoạch này phải xây dựng theo nhiều kịch bản khác nhau. Bởi vì, kế hoạch tài chính tốt sẽ là cơ sở để định giá doanh nghiệp dựa trên các phương pháp định giá hợp lý.

---

<sup>118</sup><http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/huy-dong-von-cho-doanh-nghiep-khoi-nghiep-tai-viet-nam-138297.html>

Sau khi startup gọi vốn thành công từ các quỹ đầu tư, cần điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm tranh thủ tối đa sự hỗ trợ kỹ thuật của nhà đầu tư như định vị chiến lược, kiến thức tài chính, cơ hội mở rộng thị trường... Trong quá trình điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, startup cần từng bước lên kế hoạch gọi vốn vòng 2. Trường hợp mức lợi nhuận kỳ vọng khó đạt được để chia cho nhà đầu tư theo thỏa thuận ban đầu, startup cần có thương lượng và trao đổi với nhà đầu tư để thống nhất phương án điều chỉnh kịp thời.

*Thứ hai, tăng cường quảng bá, giới thiệu các startup tiêu biểu của Việt Nam ra quốc tế.* Việc tổ chức các diễn đàn, hội thảo cấp quốc gia, quốc tế liên quan đến khởi nghiệp như Diễn đàn khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức thường niên là cần thiết bởi đó là cơ hội để quảng bá và phát huy nhận thức, tinh thần về khởi nghiệp sáng tạo đến cộng đồng. Thông qua các diễn đàn, các startup tiêu biểu của Việt Nam có cơ hội triển lãm các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp công nghệ, quảng bá hình ảnh đến các nhà đầu tư quốc tế, giúp họ hiểu và nhìn nhận rõ nét hơn về startup Việt Nam, từ đó góp phần kết nối các nguồn lực trong nước, quốc tế nhằm thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp và dẫn dắt hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đang nở rộ ở Việt Nam.

*Thứ ba, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp vững mạnh.* Một hệ sinh thái khởi nghiệp vững mạnh đòi hỏi sự cộng tác của nhiều phía, bao gồm doanh nhân, doanh nghiệp, nhà nghiên cứu, chính phủ và những quỹ đầu tư mạo hiểm. Cùng với sự tạo điều kiện về chính sách của Chính phủ, các hoạt động hỗ trợ của bộ ngành thì vai trò của các doanh nghiệp lớn đối với startup rất quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp. Họ có thể hỗ trợ các startup về vốn, công nghệ, sau đó là kết nối vào chuỗi sản xuất, cùng vươn ra thị trường thế giới nếu các dự án khởi nghiệp thành công. Trong khi startup là nhân tố thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo trong những doanh nghiệp lớn, thì doanh nghiệp lớn có vai trò hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các startup. Có thể thấy những nguyên nhân hàng đầu dẫn tới thất bại của startup chủ yếu do thiếu kinh nghiệm. Do đó, startup cần kết hợp với các thành phần khác của hệ sinh thái, trong đó các doanh nghiệp lớn là thành phần vô cùng quan trọng. Để xây dựng được một hệ sinh thái khởi nghiệp vững mạnh, bên cạnh vai trò quan trọng của các doanh nghiệp lớn, việc tạo dựng lòng tin lẫn nhau giữa các startup và doanh nghiệp lớn được đánh giá là một điều kiện cũng không kém phần quan trọng.

*Thứ tư, chú trọng kết nối giữa hệ sinh thái khởi nghiệp trong nước và quốc tế.* Cần có cơ chế chính sách tăng cường thiết lập các hoạt động chung, kết nối kiều bào, tri thức Việt Nam ở nước ngoài với doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước, qua đó trao đổi, học hỏi và nâng cao chất lượng hệ sinh thái khởi nghiệp nước ta. Mặt khác, các công ty/dự án khởi nghiệp trong nước nên sớm định hướng mục tiêu phát triển thị trường quốc tế (Go Global), thay đổi cách tiếp cận của đại đa số các startup hiện nay vốn chủ yếu phát triển sản phẩm và tìm kiếm khách

hàng, nguồn thu... từ thị trường trong nước. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng một công thông tin nhằm kết nối thông tin trong nước và ngoài nước về khởi nghiệp là cần thiết để giúp startup, nhà đầu tư kết nối với nhau, qua đó giúp các startup có thể tiếp cận được các nguồn vốn.

*Thứ năm, có chính sách ưu đãi, thu hút các quỹ đầu tư, trong đó chú trọng các quỹ đầu tư nước ngoài.* Kinh nghiệm của thế giới cho thấy, startup thành công đều có sự đứng sau của các quỹ đầu tư mạo hiểm. Do vậy, cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp là yêu cầu cấp bách, từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp của Việt Nam. Việc tiếp nhận vốn và thoái vốn, bên cạnh vấn đề lợi nhuận, là điều mà các quỹ đầu tư quan tâm tuy nhiên lại đang gặp trở ngại do quy trình quản lý ngoại hối chặt chẽ và thị trường vốn chưa phát triển. Giải pháp cho vấn đề này cần được kết hợp một cách đồng bộ các chính sách vĩ mô bao gồm tiến tới tự do hóa tài khoản vốn, đảm bảo sự linh hoạt của tỷ giá hối đoái và sự độc lập của chính sách tiền tệ./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2018), *Cơ chế tài chính hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo: Kinh nghiệm của IPP2, các mô hình quốc tế và khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tài liệu thảo luận chính sách.

Grant Thornton (2019), *Triển vọng đầu tư tư nhân Việt Nam 2019: Tạo lập và dẫn đầu xu hướng*

Holstein, A. (2015), *Hệ sinh thái khởi nghiệp công nghệ tại Pittsburgh: Tác động kinh tế và nghiên cứu điển hình*, Hội nghị nghiên cứu kinh doanh quốc tế lần thứ 31, (tháng 7), 1-15.

Kotsch, C. (2017), *Nhân tố nào quyết định sự thành bại của doanh nghiệp khởi nghiệp. Phân tích hệ sinh thái khởi nghiệp tại Hungary, Đức và Hoa Kỳ (ấn bản lần 1)*, Hamburg: Diplomica Verlag.

Thiel, P. A., & Masters, B. (2014), *Từ không tới một: một vài ghi chép về doanh nghiệp khởi nghiệp hay cách xây dựng tương lai*, New York: Crown Publishing Group. <https://doi.org/10.1017/CBO9781107415324.004>

Topica Founder Institute (2018), *Khởi nghiệp Việt Nam 2017*.

Viettonkin consulting (2019), *Startup market research report*

### THÔNG TIN TÁC GIẢ:

TS. Trần Thị Thanh Huyền

ĐVCT: Học viện Ngân hàng

Email: huyenttt@hvn.edu.vn

SĐT: 098 383 0104

# TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC STARTUP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*TS. Bùi Thanh Tuấn*

*Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, Bộ Công an*

*ThS. Nguyễn Cảnh Dương*

*Học viện Quốc tế, Bộ Công an*

## **Tóm tắt**

*Sau hơn 10 năm gia nhập WTO, hiện nay Việt Nam tham gia hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, đã đem lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup). Vì vậy, nghiên cứu, đánh giá về việc thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là cần thiết, từ đó, bài viết bước đầu đưa ra một số giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, góp phần tạo ra động lực phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam thời gian tới.*

**Từ khóa:** *Vốn đầu tư; khởi nghiệp; sáng tạo.*

## **TO BOOST INVESTMENT FOR START-UPS IN VIETNAM**

### **Summary:**

*After joining the WTO for more than 10 years, Vietnam has now participated in a series of new generation free trade agreements (FTAs), which have created numerous opportunities but also posed many difficulties and challenges for Vietnamese businesses, especially startups. Thus, it is very important to carry out effective researches and evaluations on the investment attraction for Vietnam's startup. Based on the findings, the journal will recommend some of viable solutions to boost investment for Vietnamese energized startup, making a contribution to creating a rapid and sustainable drive for Vietnam's economy in the coming time.*

**Keywords:** *Capital investment; Startup; creation.*

## **1. Giới thiệu**

Doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là cơ sở tạo nên lực lượng doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh, góp phần để một số quốc gia phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Việc thu hút vốn để khởi nghiệp đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thường rất khó khăn do đặc

điểm, tính chất cũng như các nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, làm ảnh hưởng rất lớn đối với sự tồn tại, phát triển của loại hình doanh nghiệp này. Theo đó, nghiên cứu đưa ra những nét khái quát nhất việc thu hút vốn cho sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đánh giá sơ nét về thực trạng ở Việt Nam và đưa ra giải pháp nhằm thúc đẩy việc thu hút vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhất là ở giai đoạn đầu khởi nghiệp.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và những thách thức, rủi ro, nhất là sự thiếu hụt nguồn vốn***

Bước đầu có thể hiểu, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện ý tưởng mới, thực hiện kết quả nghiên cứu; có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên việc triệt để sử dụng, khai thác kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý mới hay mô hình kinh doanh mới để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hay tạo sản phẩm mới. Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường có sự liên kết chặt chẽ với nhau để hỗ trợ nhau về công nghệ, thị trường và nguồn vốn; đồng thời có sự liên kết giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với các cơ quan tổ chức khác nhau từ Chính phủ đến trường đại học, viện nghiên cứu, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ kinh doanh, vườn ươm, công viên nghiên cứu, mạng lưới tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp...

Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường hoạt động dựa trên mô hình kinh doanh có thể “lập lại hoặc mở rộng nhanh chóng”, hoặc còn gọi là “có tiềm năng tăng trưởng nhanh” về quy mô người dùng, khách hàng hoặc doanh thu, lợi nhuận. Với những doanh nghiệp thành công, quy mô của doanh nghiệp sẽ được mở rộng, dần trở thành các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia, đóng góp vào tăng trưởng nhanh và bền vững của bất cứ nền kinh tế nào. Do đó, tạo môi trường thuận lợi, trong đó có thu hút vốn đầu tư cho sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là con đường để một quốc gia phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

So với doanh nghiệp truyền thống doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có nhiều rủi ro hơn và dễ phá sản ở ngay giai đoạn đầu khởi nghiệp. Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo luôn thiếu nguồn lực, chủ yếu là nguồn vốn đầu tư, vì thị trường mục tiêu của họ lớn; việc phát triển sản phẩm đòi hỏi nhiều thử nghiệm và tái triển khai các kết quả nghiên cứu. Cũng do thiếu vốn là chủ yếu, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường gặp khó khăn trong tìm kiếm mặt bằng kinh doanh, mua sắm cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới cũng như quảng bá, thương mại hóa sản phẩm. Theo thống kê, đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thì khoảng 90% doanh nghiệp này sẽ thất bại trong ba năm đầu, sau khi hoàn thành nghiên cứu về công nghệ và có những sản phẩm demo (thử nghiệm),



do không đủ vốn để tiếp tục phát triển sản phẩm hoàn chỉnh đưa ra thị trường. Các startup rất khó gọi vốn vì không có tài sản đảm bảo, chưa có sản phẩm... Trong khi đó, các chính sách tín dụng khó tiếp cận do hầu hết các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ban đầu đều có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, nguồn vốn nội sinh ít, tài sản để thế chấp vay ngân hàng hầu như không có. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường có rủi ro cao nên các kênh huy động vốn truyền thống qua các ngân hàng thương mại rất khó khăn. Hơn nữa, trong giao dịch đầu tư, các nhà đầu tư thường có ít thông tin về triển vọng thị trường và các rủi ro của sản phẩm liên quan, về năng lực của các sáng lập viên... của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo so với các dự án kinh doanh thông thường. Điều này dẫn tới việc các nhà đầu tư thường không muốn đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hoặc đầu tư ít hơn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để hạn chế các rủi ro phát sinh từ những yếu tố không lường trước được do không có thông tin. Do đó, vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường bắt đầu từ cá nhân của người sáng lập, hoặc đóng góp từ gia đình và bạn bè, một số trường hợp thì gọi vốn từ cộng đồng (crowdfunding). Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đều phải thu hút, gọi vốn từ các Nhà đầu tư thiên thần (angel investors) và Quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture Capital), nên sự tồn tại, phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường phụ thuộc rất lớn các nhà đầu tư, quỹ đầu tư.

## ***2.2. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam và sự thu hút vốn đầu tư khởi nghiệp***

Cùng với xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam đã bắt đầu từ hơn 10 năm nay, với việc hình thành một số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực thương mại điện tử, dạy học trực tuyến... Theo đó, cùng với quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp và mạng lưới nhà đầu tư cho công ty khởi nghiệp (bao gồm các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài) cũng hình thành và phát triển, hoạt động ngày càng hiệu quả, trong đó, nổi bật là vai trò của các cố vấn khởi nghiệp (vốn có từ lâu ở nước ngoài), hoạt động ngày càng chuyên nghiệp ở Việt Nam. Chính phủ Việt Nam xác định, doanh nghiệp trong đó gồm cả doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là đối tượng quan trọng của nền kinh tế, là động lực cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Việt Nam đang nỗ lực phấn đấu đạt mốc 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020 - điều không hề dễ dàng đòi hỏi sự quyết tâm mạnh mẽ từ phía Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, trước hết là sự hỗ trợ nguồn vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Ngày 18/5/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844), với mục tiêu hỗ trợ cho các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong đó có các doanh

nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gọi được vốn thành công từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập với tổng giá trị hàng nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, các cơ quan chức năng đã nghiên cứu, xây dựng hành lang pháp lý cho cả hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và hoạt động đầu tư, hỗ trợ cho khởi nghiệp sáng tạo như Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và các văn bản hướng dẫn liên quan về việc đăng ký, thành lập, hoạt động, ưu đãi thuế của quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, quy định về các hoạt động hỗ trợ từ phía nhà nước cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...

Theo đó, hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia ở Việt Nam đã có sự gia tăng cả về chất và lượng; số lượng và chất lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ngày càng tăng trong cả nước. Theo thống kê của tạp chí Echelon (Singapore) Việt Nam hiện có khoảng hơn 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (phần đông doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là trong lĩnh vực công nghệ thông tin và có công nghệ mới); gần 70 khu không gian làm việc chung; khoảng 50 cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh, đã hình thành thêm một số quỹ đầu tư mạo hiểm như Quỹ đầu tư mạo hiểm của Tập đoàn Vingroup, Startup Viet Partner... Nhiều vườn ươm tiêu biểu đã được hình thành như Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc, Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Vườn ươm Đà Nẵng (DNES), Trung tâm Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp (BSSC), Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ thông tin đổi mới sáng tạo Hà Nội... Theo đó, trong số các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đã có nhiều doanh nghiệp có những thành công ban đầu, dần có kinh nghiệm trong các dự án lớn, phát triển cả trong và ngoài nước. Thống kê theo lĩnh vực được đầu tư kinh doanh, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam hiện nay đang tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech), thương mại điện tử và công nghệ giáo dục (edtech).

Sự gia tăng về chất và lượng của hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia ở Việt Nam phần nào phản ánh qua hoạt động đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong thời gian qua; trong đó số lượng vốn đầu tư cho các startup đã có sự phát triển liên tục, nhất là ở những năm gần đây, năm 2016 là 205 triệu USD, tăng 46% so với năm 2015 (137 triệu USD) [3]; năm 2018 đạt 890 triệu USD (gấp 3 lần so với năm 2017). Nguồn đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam chủ yếu đến từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tập đoàn lớn, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh và nhà đầu tư cá nhân (hay còn gọi là “nhà đầu tư thiên thần”). Nhìn chung, việc huy động vốn, kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đang ngày càng diễn ra sôi động ở Việt Nam.

Sự phát triển trên cho thấy, hệ sinh thái, môi trường khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam có sức hút mạnh mẽ với các nhà đầu tư trong nước, khu vực và trên thế giới, hiện có khoảng hơn 40 quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam. Các “gã khổng

lò” khởi nghiệp sáng tạo thế giới đều lần lượt tham gia hoặc đang nghiên cứu để tham gia vào thị trường Việt Nam. Năm 2016 - 2017 cũng chứng kiến sự tham gia của nhiều tập đoàn của Việt Nam trong việc đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như Quỹ đầu tư của FPT (FPT Ventures), Quỹ đầu tư của Viettel (Viettel Ventures), Quỹ sáng tạo CMC... Thời gian gần đây, hoạt động của các nhà đầu tư thiên thần ở Việt Nam đã bắt đầu có tính hệ thống hơn thông qua việc kết nối, hình thành một số câu lạc bộ, mạng lưới đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như VIC Impact, iAngel hay VCNetwork.co.

Thời gian gần đây, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã có sự hỗ trợ lớn từ các tổ chức thúc đẩy kinh doanh - đào tạo, huấn luyện, phát triển mô hình kinh doanh, gọi vốn đầu tư cho giai đoạn đầu và có thể tham gia đầu tư với các khoản đầu tư nhỏ từ một vài chục ngàn USD. Tiêu biểu là các tổ chức: Vietnam Silicon Valley Accelerator (VSVA) được hỗ trợ bởi Bộ Khoa học và Công nghệ; CLAS - Expara Vietnam Accelerator được đầu tư bởi Microsoft Việt Nam và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Đông Nam Á Expara; Quỹ tăng tốc khởi nghiệp Việt Nam (VIISA) vừa là quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn đầu, vừa là tổ chức thúc đẩy kinh doanh với 4 nhà đầu tư chính là FPT, Dragon Capital Group, Tập đoàn Hanwha (Hàn Quốc) và Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV...

Tuy nhiên, vốn đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam còn rất hạn chế do gặp nhiều khó khăn và trở ngại, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thời gian qua, như:

- Nguồn vốn đầu tư mạo hiểm cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong những năm qua không ổn định, thiếu bền vững và phụ thuộc vào nguồn tài trợ nước ngoài. Tuy nhiên, nguồn vốn thu hút từ nước ngoài để đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam vẫn tương đối khiêm tốn so với khu vực và trên thế giới. Theo Tech in Asia<sup>3</sup>, năm 2017, khu vực Đông Nam Á đã thu hút 7,86 tỷ USD đầu tư vào khởi nghiệp, nhưng số vốn đầu tư Việt Nam thu hút được chiếm tỷ phần rất nhỏ, chưa đến 5%.

- Trong số các quỹ nước ngoài, chỉ một số ít có văn phòng đại diện tại Việt Nam do những khó khăn về môi trường thể chế, chính sách đầu tư. Nếu khắc phục những hạn chế từ hành lang pháp lý, các nhà đầu tư mạo hiểm nước ngoài sẽ không lựa chọn Việt Nam mà thay vào đó là các nước khác ở khu vực Đông Nam Á hoặc các Startup trong nước có thể sẽ ra nước ngoài, như Singapore - nơi có môi trường thể chế, chính sách thuận lợi để khởi nghiệp.

- Khung pháp lý và chính sách cho việc đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước vẫn còn gặp nhiều rào cản về mặt cơ chế, chính sách, như chưa có văn bản pháp luật hay chưa có một luật riêng dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong đó

làm rõ tính pháp lý của “đầu tư mạo hiểm” cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, để quy hoạt động đầu tư này gây thất thoát cho ngân sách nhà nước. Hiện các văn bản quy phạm pháp luật vẫn giữ quan điểm quy trách nhiệm “bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp” cho tất cả các loại hình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Do vậy, không người đại diện vốn nhà nước nào muốn đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bởi tính rủi ro, thua lỗ, có thể dễ dàng bị quy trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ Luật Hình sự. Hoạt động hỗ trợ tài chính cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chỉ có thể được thể hiện ở các chương trình, dự án của Chính phủ cũng như những khoản ODA từ nước ngoài, mà chưa có sự đầu tư, hỗ trợ bền vững cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng thấp, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa kém hiệu quả. Chính sách thuế hiện hành theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp theo địa bàn, lĩnh vực nên chỉ có doanh nghiệp nào đáp ứng được các điều kiện ưu đãi thì sẽ được hưởng các ưu đãi tương ứng. Do đó, nếu doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không thực hiện kinh doanh tại các địa bàn ưu đãi thuế, không đáp ứng được các tiêu chuẩn trong các lĩnh vực khuyến khích đầu tư hiện hành thì cũng không được hỗ trợ về thuế. Trong khi đó các startup thường có rất ít các kinh nghiệm trong thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới gia nhập thị trường, nhất là đối với vấn đề tài chính (tiêu chuẩn kế toán, hóa đơn, kê khai thuế, ưu đãi thuế)... [3].

### ***2.3. Giải pháp góp phần thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam thời gian tới***

Thời gian tới, để bắt nhịp với sự chuyển biến nhanh chóng của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, cũng như khắc phục những hạn chế, vượt qua những trở ngại nhằm tiếp tục tạo môi trường phát triển hơn nữa cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhất là việc thu hút các nguồn vốn đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cần tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, pháp lý thuận lợi cho việc thu hút nguồn tài chính bảo đảm các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trụ vững trong giai đoạn đầu khởi nghiệp. Trước hết, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, thiết lập hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được khơi thông dòng vốn để hỗ trợ họ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Cần có các chính sách mới, với những quy định cụ thể để khuyến khích sự gia tăng tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng. Theo đó, phải xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý cho cả hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và hoạt động đầu tư, hỗ trợ cho khởi nghiệp sáng tạo, nhất là để thực hiện chính sách, làm cho việc thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư thiên thần đạt được hiệu quả như mong muốn. Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý tạo môi

trường, cơ chế thuận lợi cho sự hoạt động của các nhà đầu tư, quỹ đầu tư nước ngoài để lựa chọn Việt Nam như là sự lựa chọn tối ưu để sinh lời nguồn vốn của họ.

*Thứ hai*, xây dựng cơ chế kết hợp tài chính từ các ngân hàng với tài chính từ các quỹ đầu tư mạo hiểm có phần góp vốn từ ngân sách nhà nước; hay thành lập các quỹ hỗ trợ thuộc sở hữu của Nhà nước cho giai đoạn đầu khởi nghiệp, vì giai đoạn này mang tính rủi ro cao, các nhà đầu tư bên ngoài ít đầu tư. Nghiên cứu xây dựng Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo mô hình hợp tác công - tư nhằm mục đích kêu gọi vốn đầu tư, tài trợ từ các thành phần xã hội cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng. Quỹ đầu tư này sẽ được đăng ký hoạt động theo mô hình Công ty đầu tư tài chính và ủy thác đầu tư. Phần lợi nhuận tạo ra từ nguồn đầu tư của Nhà nước và các nhà tài trợ sẽ được sử dụng để tái đầu tư cho hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng như đầu tư trực tiếp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Thúc đẩy vườn ươm doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, tăng tính độc lập và tự chủ tài chính cho các vườn ươm. Phát triển các cơ sở hỗ trợ bằng việc ưu đãi vốn, mặt bằng, cơ sở hạ tầng, thuế, công nghệ cho các vườn ươm, khu làm việc chung. Các mô hình vườn ươm doanh nghiệp cung cấp vốn vay với lãi suất ưu đãi, vốn tài trợ cho các dự án tham gia; đồng thời, cung cấp cơ sở vật chất, hạ tầng sản xuất, công nghệ, kỹ thuật, các khóa học về kinh doanh hoặc hệ thống tư vấn pháp luật miễn phí hay với chi phí ưu đãi.

*Thứ ba*, phát triển thêm các kênh huy động vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp, chú trọng huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán. Trong đó, tập trung nghiên cứu và triển khai sàn giao dịch chứng khoán dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo huy động vốn trực tiếp từ xã hội. Thị trường này sẽ cung cấp cơ hội cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thể tiếp cận các nguồn vốn với những tiêu chuẩn đặt ra ở mức thấp hơn. Tuy nhiên, cần thận trọng với cách thức huy động vốn từ thị trường này, vì trên thế giới, việc huy động vốn ban đầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường không thực hiện qua thị trường chứng khoán, do có tính rủi ro cao. Đa phần các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động bằng nguồn vốn tự có, vốn được tài trợ bởi các quỹ đầu tư mạo hiểm. Sau thời gian phát triển đủ mạnh, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mới niêm yết trên thị trường chứng khoán và huy động vốn của công chúng thông qua thị trường này.

*Thứ tư*, phát triển thị trường dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực tài chính, quản lý, công nghệ, luật pháp... Tại các nước có nền công nghiệp đầu tư vốn mạo hiểm phát triển, quá trình gia tăng giá trị tài sản của nhà đầu tư mạo hiểm trong các đối tác được tài trợ không thể thiếu vai trò của các nhà tư vấn. Hơn nữa hoạt động tư vấn phát triển sẽ tạo ra mạng lưới thông tin hiệu quả giúp các nhà đầu tư hạn chế được rủi ro và có thể dự báo hợp lý về xu hướng phát triển trong các lĩnh vực công

nghe mới. Đặc biệt, thị trường dịch vụ tư vấn sẽ hỗ trợ tích cực cho các startup trong thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới gia nhập thị trường, nhất là đối với vấn đề tài chính.

*Thứ năm*, xây dựng các biện pháp hỗ trợ mang tính miễn trừ, tài trợ bên cạnh biện pháp trợ cấp nhằm cân bằng tài chính, tạo ra nguồn lực dài hạn tiến đến hỗ trợ bền vững cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nhà nước hỗ trợ startup thông qua việc giảm các nghĩa vụ về tài chính phải nộp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, giảm các mức đóng góp cho bảo hiểm xã hội... Miễn thuế thu nhập từ 3 - 5 năm đầu kể từ khi thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sau đó áp dụng mức thuế suất ưu đãi thấp hơn mức thuế suất phổ thông hiện hành đang áp dụng đối doanh nghiệp nhỏ và vừa./.

### **3. Kết luận**

Nghiên cứu đã xác định những nét khái quát về thu hút nguồn vốn, đánh giá, nhận xét về thực trạng nguồn vốn cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, từ đó, đề ra các giải pháp nhằm thu hút vốn cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đây là vấn đề cần thiết phục vụ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng doanh nghiệp, góp phần tạo thêm nội dung, động lực mới cho công cuộc đổi mới đất nước và thực hiện thành công đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (số 04/2017/QH14).
2. Chính phủ (2016), *Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*.
3. Trung tâm WTO và Hội nhập - Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, *Báo cáo Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*, Hà Nội.
4. Huy Thắng (Thực hiện) (2019), *Diễn đàn Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo - cơ hội quy tụ lan tỏa*, truy cập ngày 22 tháng 9 năm 2019, từ <<http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Dien-dan-Quy-dau-tu-khoi-nghiep-sang-tao-co-hoi-quy-tu-lan-toa/367889.vgp>>.
5. Hoàng Thị Hồng (2018), *Huy động vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam*, truy cập ngày 20 tháng 9 năm 2019, từ <<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/huy-dong-von-cho-doanh-nghiep-khoi-nghiep-tai-viet-nam-138297.html>>.
6. Võ Trí Thành (2015), *Tư duy mới về phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới*, sách tham khảo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2017), *Báo cáo Kinh tế thế giới và Việt Nam 2016 - 2017*, Hà Nội.

8. *Việt Nam cần có khái niệm 'cờ' khởi nghiệp*, truy cập ngày 21 tháng 9 năm 2019, từ <<https://vnexpress.net/so-hoa/viet-nam-can-co-khai-niem-co-khoi-nghiep-3917242-tong-thuat.html>>.

## **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

### **TS. Bùi Thanh Tuấn**

Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, Bộ Công an.

Số điện thoại: 0912.378.381

e-mail: [tbttthanhtuan@mail.com](mailto:tbttthanhtuan@mail.com)

### **ThS. Nguyễn Cảnh Dương**

Học viện Quốc tế, Bộ Công an)

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG BỨC TRANH CHUNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CÁC NỀN KINH TẾ ASEAN

*ThS. Trần Thị Lan Phương*

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

## **Tóm tắt:**

*Bài viết đánh giá mức độ phát triển thị trường chứng khoán (TTCK) của một số nền kinh tế ASEAN nói chung và TTCK Việt Nam nói riêng giai đoạn 2008-2017. Thông qua tổng hợp số liệu của World Bank và thực hiện phương pháp so sánh, tác giả đưa ra các nhận định về vị trí của TTCK Việt Nam trong khu vực dựa trên các tiêu chí, gồm: số lượng doanh nghiệp niêm yết, tổng mức vốn hóa thị trường, tổng mức vốn hóa thị trường/GDP, tốc độ luân chuyển của cổ phiếu*

## **Abstract:**

*This article reviews the level of securities market development of some ASEAN economies in general and the Vietnam stock market in particular period 2008-2017. Through the World Bank's aggregate number and implementation methodology, the author gives a view on the position of Vietnam stock market in the region based on the criteria, including: number of listed enterprises, total market capitalization, total market capitalization/GDP, stock rotation speed*

***Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, quốc gia ASEAN, doanh nghiệp niêm yết*

## **Quy mô thị trường**

Bảng 1 cho thấy, trong số 6 quốc gia thuộc khối ASEAN, hai TTCK Thái Lan và Singapore có quy mô lớn nhất. Xét chỉ tiêu vốn hóa thị trường của các doanh nghiệp niêm yết, tính đến cuối năm 2017, Singapore công bố số liệu đạt xấp xỉ 800.000 triệuUSD, tiếp theo là TTCK Indonesia và Thái Lan với mức vốn hóa thị trường gần ngang bằng nhau, khoảng 550.000 triệuUSD. Việt Nam là nước có vốn hóa thị trường thấp nhất trong số các quốc gia được phân tích. Tuy nhiên, nếu nhìn vào chỉ tiêu tổng vốn hóa thị trường chia cho GDP, con số này của Việt Nam cao hơn Indonesia. Điều đáng chú ý, mức GDP tăng cao của Indonesia trong năm 2017 có thể là nguyên nhân khiến cho chỉ số vốn hóa thị trường/GDP của nước này thấp nhất trong các quốc gia được nghiên cứu, mặc dù vốn hóa thị trường năm 2017 của Indonesia đứng thứ 3 trong các nước khu vực ASEAN, chỉ sau Thái Lan và Singapore.



**Bảng 1: Một số thông tin TTCK của một số quốc gia ASEAN năm 2017**

Nước	Vốn hóa thị trường của các công ty niêm yết (triệu USD)	Tổng vốn hóa thị trường/GDP (%)	Tổng giá trị cổ phiếu giao dịch/GDP (%)	Tổng giá trị cổ phiếu giao dịch (triệu USD)	Tốc độ luân chuyển của cổ phiếu được giao dịch
<b>Việt Nam</b>	115.464	51,59	17,0	38.059	33,0
<b>Singapore</b>	787.255	243,04	67,8	219.611	27,9
<b>Malaysia</b>	455.772	144,82	43,7	137.419	30,1
<b>Indonesia</b>	520.686	51,27	9,1	92.513	17,8
<b>Thái Lan</b>	548.795	120,53	74,6	339.528	61,9
<b>Philippines</b>	290.401	92,60	10,8	33.804	11,6

*Nguồn: World Bank Indicators, truy cập ngày 03/05/2019*

Số liệu Bảng 1 cũng cho biết, TTCK Việt Nam năm 2017 có quy mô vốn hóa thị trường và tổng giá trị cổ phiếu giao dịch ở mức gần thấp nhất trong các TTCK tại khu vực ASEAN, song nếu xét tổng vốn hóa thị trường/GDP và tỷ lệ tổng giá trị cổ phiếu giao dịch/GDP, thì chỉ đứng sau Singapore và Thái Lan. Trên thực tế, TTCK Việt Nam trải qua gần hai thập niên đi vào hoạt động đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn phát triển ở mức dưới tiềm năng. Nhu cầu tăng trưởng phát triển kinh tế mạnh mẽ trong vài năm trở lại đây, nhất là khi Việt Nam chính thức tham gia vào Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU(EVFTA) đòi hỏi khối lượng vốn khổng lồ từ thị trường tài chính nói chung và TTCK nói riêng.

Đáng chú ý, mặc dù Singapore dẫn đầu mọi chỉ số (ngoại trừ tổng giá trị cổ phiếu giao dịch chỉ xếp sau Thái Lan ở mức 339.528 triệuUSD), nhưng xét về tốc độ luân chuyển của cổ phiếu lại ở mức gần thấp nhất. Tốc độ luân chuyển của cổ phiếu cho biết thời gian trung bình của giao dịch cổ phiếu. Con số này càng cao, thì tốc độ để một cổ phiếu được giao dịch thành công càng nhanh. Xét về bản chất, chỉ tiêu này khá giống với cách hiểu về mức độ thanh khoản của thị trường. Do đó, ta có thể nhận định rằng, Singapore là nước có mức vốn hóa thị trường từ thị trường sơ cấp đạt cao nhất, nhưng chưa hẳn đã có thị trường thứ cấp năng động nhất. Nếu xem xét góc độ này, có lẽ Việt Nam với nền kinh tế có độ mở cao, lại đang trong giai đoạn bắt đầu bước vào nhiều tiến trình hội nhập, nên có tốc độ luân chuyển cổ phiếu năm 2017 đạt 33,0. Đây là mức khá cao, chỉ sau Thái Lan (61,9). Tiến trình cổ phần hóa mạnh mẽ các doanh nghiệp nhà nước và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong thập niên

vừa qua là nguyên nhân lớn khiến cho TTCK Việt Nam trở nên năng động hơn và có cơ hội thực hiện đúng vai trò của TTCK trong các kênh dẫn vốn của thị trường tài chính. Việc Nhà nước thoái vốn tại nhiều doanh nghiệp đã đẩy áp lực huy động nguồn vốn đến với toàn bộ thị trường, góp phần tạo ra môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, qua đó gián tiếp tăng tính thanh khoản của thị trường thứ cấp, do cổ phiếu hấp dẫn hơn trên giác độ nhà đầu tư.

### *Số lượng doanh nghiệp niêm yết*

Quy mô tăng trưởng về số lượng các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK các nước khu vực ASEAN được trình bày ở Bảng 2. Tại thời điểm năm 2008, số lượng các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam rất ít ỏi, chỉ đạt 338 doanh nghiệp. Con số này thấp hơn nhiều so với “con rồng Đông Nam Á” Singapore với 455 doanh nghiệp và chỉ bằng khoảng 1/3 TTCK Malaysia (972 doanh nghiệp). Tuy nhiên, chỉ sau một thập niên, hai Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (HNX và HOSE) đã có tổng cộng 805 mã cổ phiếu giao dịch với mức tăng trưởng 136%. Xét về tốc độ tăng trưởng số lượng các doanh nghiệp niêm yết trong nhóm các nước ASEAN, thì đây là con số tăng trưởng cao nhất. Điều này hoàn toàn dễ hiểu khi tăng trưởng kinh tế Việt Nam 10 năm qua ghi nhận nhiều dấu mốc đáng kinh ngạc cả về quy mô cũng như chất lượng. Mặc dù số lượng doanh nghiệp niêm yết liên tục trong giai đoạn 10 năm là không nhiều (chỉ khoảng 300 trong tổng số hơn 800 doanh nghiệp), song số lượng doanh nghiệp đăng ký niêm yết mới luôn tăng với tốc độ đáng kể. Điều đó phần nào cho thấy nhu cầu huy động nguồn vốn lớn phục vụ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh đến từ các doanh nghiệp, qua đó cũng trực tiếp phản ánh nhu cầu vươn mình mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam.

**Bảng 2: Số lượng các công ty niêm yết trên TTCK của một số nước ASEAN**

(Đơn vị: công ty)

Nước	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Việt Nam</b>	338	453	642	694	704	678	670	684	696	805
<b>Singapore</b>	455	459	461	462	472	479	484	483	479	483
<b>Malaysia</b>	972	952	948	932	911	900	895	892	890	890
<b>Indonesia</b>	396	398	420	440	459	483	506	521	537	566
<b>Thái Lan</b>	525	535	541	545	558	584	613	639	656	688
<b>Philippines</b>	244	246	251	251	252	254	260	262	262	264

*Nguồn: World Bank Indicators, truy cập ngày 03/05/2019*

Trong giai đoạn 2008-2017, Malaysia là quốc gia duy nhất có số lượng các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK suy giảm. Nếu như cách đây 10 năm, TTCK Malaysia có gần 1.000 doanh nghiệp niêm yết, thì đến 2017, con số này là 890 doanh nghiệp.

### *Mức độ vốn hóa thị trường và tỷ số vốn hóa thị trường/GDP*

Bảng 3 và 4 cung cấp số liệu về mức vốn hóa thị trường, cả về số tuyệt đối và vốn hóa thị trường/GDP của 6 quốc gia trong khu vực ASEAN giai đoạn 10 năm (2008 đến 2017). Số liệu cho thấy, Việt Nam là quốc gia có mức vốn hóa thị trường thấp nhất trong 6 quốc gia được nghiên cứu. Tuy nhiên, xét về tốc độ tăng trưởng của vốn hóa thị trường, thì TTCK Việt Nam đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất (từ 9.480 triệu USD năm 2008 lên 151.464 triệu USD năm 2017). Đặc biệt, nếu nhìn toàn bộ biến động qua 10 năm, thì bước nhảy vọt mạnh nhất được nhận diện từ năm 2016 bước sang năm 2017 (từ 66.395 triệu USD năm 2016 đến 151.464 triệu USD năm 2017, tương đương gần 300%). Theo nhận định chủ quan của tác giả, có được kết quả này một phần do hệ quả từ các tác động tích cực của việc Việt Nam tổ chức thành công Diễn đàn Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) trong năm 2016 và triển vọng khi Việt Nam trở thành thành viên quan trọng trong các hợp tác kinh tế song phương và đa phương trên phương diện toàn cầu. Không thể phủ nhận rằng, những sự kiện trên đã nâng cao vị thế nền kinh tế Việt Nam trong con mắt nhiều nhà đầu tư trong khu vực và thế giới. Thực tế này kéo theo một nguồn vốn khổng lồ cam kết đầu tư vào Việt Nam và gián tiếp làm tăng nhu cầu huy động vốn của các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.

**Bảng 3: Vốn hóa thị trường các công ty niêm yết tại một số nước ASEAN từ năm 2008 đến 2017**

(Đơn vị: triệuUSD)

Nước	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Việt Nam</b>	9.480	26.525	30.115	21.574	32.552	40.061	46.067	51.876	66.395	115.464
<b>Singapore</b>	264.974	481.246	647.226	598.272	765.077	744.413	752.831	639.955	640.427	787.255
<b>Malaysia</b>	189.239	289.219	408.689	395.623	466.587	500.387	459.004	382.976	359.788	455.772
<b>Indonesia</b>	98.760	214.941	360.388	390.106	428.222	346.673	422.127	353.270	425.767	520.686
<b>Thái Lan</b>	103.128	176.956	277.731	268.488	389.756	354.366	430.426	348.798	432.956	548.795
<b>Philippines</b>	52.030	86.349	157.320	165.066	229.316	217.320	261.840	238.819	239.738	290.401

*Nguồn: World Bank Indicators, truy cập ngày 03/05/2019*

**Bảng 4: Vốn hóa thị trường/GDP tại một số nước ASEAN từ năm 2008 đến 2017**

(Đơn vị: % GDP)

Nước	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Việt Nam</b>	9,56	25,02	19,31	15,91	20,89	23,39	24,74	26,84	32,34	51,59
<b>Singapore</b>	137,84	250,11	273,75	216,79	263,2	244,5	241,64	210,44	206,74	243,04
<b>Malaysia</b>	81,98	142,99	160,26	132,78	148,38	154,78	135,77	129,1	121,24	144,82
<b>Indonesia</b>	19,35	39,83	47,72	43,68	46,65	37,99	47,38	41,03	45,68	51,27
<b>Thái Lan</b>	35,39	62,81	81,42	72,40	98,03	84,30	105,66	86,89	105,14	120,53
<b>Philippines</b>	29,86	51,29	78,82	73,64	91,69	79,94	92	81,57	78,63	92,60

*Nguồn: World Bank Indicators và tính toán của tác giả*

Năm 2011 là năm duy nhất ghi nhận mức suy giảm của mức vốn hóa thị trường trên TTCK Việt Nam. Mức giảm sút này do tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu khởi phát tại Mỹ năm 2008 và phải mất một độ trễ nhất định đến khi nền kinh tế Việt Nam hứng chịu những ảnh hưởng từ nó. Thực tế cho thấy, giai đoạn 2008-2009, khi cuộc khủng hoảng đã thực sự nổ ra, thì lại là năm TTCK Việt Nam phát triển ở mức bùng nổ nhất, tuy rằng mức độ phát triển này được nhiều chuyên gia kinh tế tài chính đánh giá là chưa phản ánh đúng bản chất tăng trưởng của các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam.

Quan sát trên Bảng 3, Singapore luôn duy trì vị trí số 1 khu vực Đông Nam Á ở mức vốn hóa thị trường của TTCK. Tính riêng năm 2017, TTCK Singapore đạt mức vốn hóa thị trường 787.255 triệuUSD, gấp gần 5 lần so với con số được báo cáo tại Việt Nam. Vị trí số 2 và 3 lần lượt thuộc về TTCK Thái Lan và Indonesia, với 548.795 và 520.686 triệuUSD tương ứng. Thứ bậc xếp hạng này hầu như không thay đổi nhiều trong giai đoạn 10 năm (2008-2017). Trong các quốc gia được xem xét, Việt Nam đạt mức tăng trưởng vốn hóa thị trường nhanh nhất, gấp gần 10 lần. Tiếp sau đó là TTCK Indonesia (từ 98.760 triệuUSD năm 2008 đến 520.686 triệuUSD, tương đương khoảng 5 lần).

Tương tự như mức vốn hóa thị trường, tỷ số vốn hóa thị trường/GDP tại TTCK Việt Nam cũng đạt tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn nghiên cứu, từ 9,56% năm 2008 đến 51,59% năm 2017, tương ứng mức tăng gần 6 lần (Bảng 4). Tiêu chí vốn hóa thị trường/GDP có nhiều điểm tương đồng với mức vốn hóa thị trường các năm 2010-2011 khi chứng kiến sự sụt giảm ở những năm này, bởi, như đã phân tích ở trên, đây là giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bắt đầu bị tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Không chỉ riêng Việt Nam, mà chỉ tiêu vốn hóa thị trường/GDP của các quốc gia khác cũng có mức giảm tương tự. Ngoại trừ giai đoạn này, các năm khác đều cho thấy số liệu năm sau cao hơn năm trước.

Quan sát bức tranh tổng thể, TTCK tại các quốc gia đều có những biến động tăng giảm cả về vốn hóa thị trường và vốn hóa thị trường/GDP, nhưng xu hướng chung vẫn thể hiện đà tăng trưởng qua các năm nghiên cứu.

#### *Giá trị giao dịch cổ phiếu*

Giá trị giao dịch cổ phiếu và tỷ lệ giá trị giao dịch cổ phiếu/GDP được thể hiện qua Bảng 5 và 6. Cũng tương tự như nhận định từ Bảng 3, TTCK Việt Nam mặc dù khởi đầu với mức giá trị giao dịch cổ phiếu thấp nhất trong khu vực, nhưng có tốc độ tăng trưởng lớn nhất (từ 7.057 triệu USD năm 2008 lên 38.059 triệu USD năm 2017, tăng gần 6 lần). 2011 là năm duy nhất trong giai đoạn mà giá trị giao dịch cổ phiếu trên TTCK giảm sút. Singapore tuy là quốc gia có giá trị giao dịch cổ phiếu ở mức rất cao, vượt xa so với các quốc gia khác, song tính đến cuối năm 2017, chỉ tiêu này

lại thể hiện suy giảm (từ 253.028 triệu USD năm 2008 xuống 219.611 triệu USD năm 2017). Trong giai đoạn nghiên cứu, Singapore và Thái Lan liên tục chiếm lĩnh vị trí số 1 và số 2 về giá trị giao dịch của cổ phiếu trên TTCK trong các năm từ 2008 đến 2012; từ năm 2013 đến 2017, vị trí đứng đầu thuộc về Thái Lan. Điều đáng chú ý, ngoại trừ Philippines, TTCK tại các quốc gia còn lại đều có hai chỉ tiêu này giảm sút trong giai đoạn 2010-2012. Giai đoạn này không chỉ chứng kiến chiều đi xuống của một số chỉ báo nền kinh tế ở khu vực Đông Nam Á, mà còn trên cả phạm vi toàn cầu. Cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra vào năm 2008 đã có những tác động lan truyền tiêu cực đến các khu vực khác nhau trên bản đồ kinh tế thế giới. Ngoài ra, cần nhìn nhận rằng, châu Á nói chung và khu vực kinh tế ASEAN nói riêng bị đánh giá chịu nhiều ảnh hưởng, do hầu hết các quốc gia trong khu vực đều có nền kinh tế đang phát triển, nên độ nhạy cảm với các biến động từ môi trường bên ngoài lớn.

**Bảng 5: Giá trị giao dịch cổ phiếu tại một số nước ASEAN từ năm 2008 đến 2017**

(Đơn vị: triệuUSD)

Nước	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Việt Nam</b>	7.057	22.670	19.143	7.491	-	10.409	21.801	18.664	22.271	38.059
<b>Singapore</b>	253.028	253.832	305.796	253.771	274.686	278.735	200.606	198.030	188.052	219.611
<b>Malaysia</b>	82.321	80.838	114.789	130.317	123.657	142.164	142.651	111.481	98.285	137.419
<b>Indonesia</b>	75.849	86.073	104.452	105.475	91.929	98.857	90.721	75.045	90.406	92.513
<b>Thái Lan</b>	106.057	126.621	222.431	215.271	238.851	349.911	310.639	271.316	324.998	339.528
<b>Philippines</b>	12.368	14.319	22.249	27.366	35.684	44.588	42.213	38.418	35.851	33.804

*Nguồn: World Bank Indicators, truy cập ngày 03/05/2019*

**Bảng 6: Giá trị giao dịch cổ phiếu/GDP tại một số nước ASEAN từ năm 2008 đến 2017**

(Đơn vị: % GDP)

Nước	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Việt Nam</b>	7,1	21,4	16,5	5,5		6,1	11,7	9,7	10,8	17,0
<b>Singapore</b>	131,6	131,9	129,3	99,5	89,7	91,6	64,4	65,1	60,7	67,8
<b>Malaysia</b>	35,7	40,0	45,0	43,7	39,3	44,0	42,2	37,6	33,1	43,7
<b>Indonesia</b>	14,9	16,0	13,8	11,8	10,8	10,2	8,7	8,7	9,7	9,1
<b>Thái Lan</b>	36,4	44,9	65,2	58,1	60,1	60,1	76,3	67,6	78,9	74,6
<b>Philippines</b>	7,1	8,5	11,1	12,2	14,3	16,4	14,8	13,1	11,8	10,8

*Nguồn: World Bank Indicators, truy cập ngày 03/05/2019*

Qua phân tích các số liệu từ TTCK kết hợp với số liệu từ Bảng 1, trong giai đoạn nghiên cứu, năm 2017 là năm mà TTCK đạt mức cao ở cả ba chỉ tiêu: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, giá trị cổ phiếu giao dịch và giá trị cổ phiếu giao dịch/GDP. Điều này cho thấy biến động của các chỉ số khá cân bằng trong năm 2017. Có thể nói đây là năm mà nền kinh tế Việt Nam đón nhận nhiều dấu hiệu tích cực, trong đó phải kể đến dư âm của việc tổ chức thành công Diễn đàn APEC và những bước tiến trong các cuộc hội đàm để gia nhập CPTPP và EVFTA. Tốc độ tăng trưởng GDP và giá trị cổ phiếu giao dịch của TTCK đạt cao nhất trong năm 2017 cũng góp phần xác nhận mối quan hệ nhất định tồn tại giữa tăng trưởng của nền kinh tế và sự phát triển của TTCK. Mối quan hệ này luôn được kỳ vọng cùng chiều là một trong các tín hiệu cho tăng trưởng bền vững. Theo góc độ phân tích lý thuyết này, thì năm 2009 là một trường hợp cần được xem xét chi tiết hơn, bởi GDP năm này đạt thấp nhất trong 10 năm ở mức 5,39% (Bảng 1), trong khi giá trị cổ phiếu giao dịch/GDP lại đạt cao nhất ở mức 21,4% (Bảng 6). Điều này khá phù hợp về mặt toán học khi số liệu cho thấy, giá trị cổ phiếu giao dịch của TTCK năm 2009 đạt mức rất cao (22.670 triệuUSD và chỉ xếp sau năm 2017). Tuy nhiên, phân tích về góc độ kinh tế chỉ ra sự phát triển không tương xứng giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế và TTCK. Thực tế đã chứng minh 2009 là năm TTCK bùng nổ mạnh mẽ nhất, nhưng sự bứt phá này không phản ánh các mục tiêu tăng trưởng dài hạn và không có chức năng dự báo được các rủi ro ngắn hạn. Nhận định này được minh chứng khi ngay sau đó 1-2 năm, TTCK bắt đầu rơi vào chu kỳ giảm điểm, số lượng các giao dịch cổ phiếu trở nên vắng bóng trên thị trường. Điển hình năm 2012, TTCK Việt Nam đã gần như rơi vào khủng hoảng, trong khi số liệu về GDP cũng ở mức thấp tương tự, kéo theo tỷ số giá trị cổ phiếu giao dịch/GDP ở mức thấp nhất trong giai đoạn nghiên cứu.

Nếu đặt TTCK trong tương quan với các quốc gia trong khu vực mà điển hình là Singapore, nơi TTCK có tuổi đời gần bằng TTCK Việt Nam sẽ thấy thị trường chúng ta còn rất nhỏ bé. Sở Giao dịch chứng khoán Singapore (SGX) là nơi đầu tiên tại châu Á thực hiện tích hợp cả chứng khoán và các công cụ phái sinh được cổ phần hóa trong giao dịch. Đây đồng thời cũng là sở giao dịch đại chúng thứ 2 tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ước tính khoảng 40% số doanh nghiệp niêm yết trên SGX là các doanh nghiệp nước ngoài và khoảng 90% số trái phiếu niêm yết cũng đến từ các doanh nghiệp ngoài Singapore. Trong các quốc gia thuộc khối ASEAN, TTCK Singapore được xem là kênh kết nối với phần còn lại của châu Á và châu Âu. Đây cũng chính là lý do khiến nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam có tham vọng được niêm yết trên SGX, vì được kỳ vọng là con đường nhanh nhất để các doanh nghiệp trong nước mở rộng phạm vi huy động vốn quốc tế. Số liệu Bảng 5 và 6 cho thấy, giá trị cổ phiếu giao dịch trên SGX hầu như không

có biến động mạnh từ 2008 đến 2017, nhưng chỉ số giá trị cổ phiếu giao dịch/GDP có xu hướng giảm qua giai đoạn này. Qua đó chỉ ra tốc độ tăng trưởng GDP của Singapore khá ổn định và tăng dần qua các năm.

#### *Tốc độ luân chuyển cổ phiếu*

Số liệu về tốc độ luân chuyển cổ phiếu tại TTCK các nước ASEAN được trình bày tại Bảng 7 cho biết, tốc độ luân chuyển cổ phiếu giảm xuống là xu hướng chủ đạo ở tất cả các quốc gia. Tính chung cho các năm, Thái Lan là nước có tốc độ luân chuyển cổ phiếu cao nhất. Xét riêng năm 2017, chỉ số này của TTCK Việt Nam đứng thứ 2 khu vực ở mức 33% và chỉ xếp sau Thái Lan. Singapore tuy có khởi đầu vào năm 2008 ở mức rất cao (95,5%), nhưng lại giảm xuống mức gần như thấp nhất trong khu vực (27,9%) sau 10 năm. Nhìn chung, tốc độ luân chuyển cổ phiếu tại TTCK Việt Nam ở mức trung bình trong khu vực ASEAN.

**Bảng 7: Tốc độ luân chuyển cổ phiếu của một số nước ASEAN**

(Đơn vị:%)

Nước	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Việt Nam</b>	74,4	85,5	63,6	34,7	34,7	26,0	47,3	36,0	39,1	33,0
<b>Singapore</b>	95,5	52,7	47,2	45,9	34,1	37,4	26,6	30,9	31,9	27,9
<b>Malaysia</b>	43,5	28,0	28,1	32,9	26,5	28,4	31,1	29,1	27,0	30,1
<b>Indonesia</b>	76,8	40,0	29,0	27,0	21,5	28,5	21,5	21,2	21,2	17,8
<b>Thái Lan</b>	102,8	71,6	80,1	80,2	61,3	98,7	72,2	77,8	80,9	61,9
<b>Philippines</b>	23,8	16,6	14,1	16,6	15,6	20,5	16,1	16,1	14,5	11,6

*Nguồn: World Bank Indicators, truy cập ngày 03/05/2019*

#### **Kết luận**

Với những phân tích nêu trên, tác giả đưa ra kết luận rằng, TTCK Việt Nam trong giai đoạn 2008-2017 đã tăng trưởng nhanh và lớn mạnh về mọi mặt, ngày càng chứng tỏ tầm quan trọng trong quá trình luân chuyển vốn thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy vậy, so sánh với TTCK các quốc gia khu vực ASEAN, TTCK Việt Nam vẫn còn giữ một vị trí tương đối khiêm tốn và mức độ phát triển hiện tại vẫn chưa phản ánh hết tiềm năng và kỳ vọng của thị trường. Hy vọng rằng, trong thời gian tới, khi các biện pháp hỗ trợ từ Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng phát huy tác dụng, TTCK Việt Nam sẽ vươn mình mạnh mẽ hơn và trở thành điểm đến của nhà đầu tư trong nước cũng như quốc tế./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xuân Mai, Thu Hằng (2018). *Việt Nam soán ngôi Singapore trên TTCK?*, truy cập từ <https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/viet-nam-soan-ngoi-singapore-tren-thi-truong-chung-khoan-20180729212227739.htm>
2. Thu Thảo (2018). *Singapore là TTCK thể hiện tốt nhất châu Á*, truy cập từ <https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/singapore-la-thi-truong-chung-khoan-the-hien-tot-nhat-chau-a-958727.html>
3. World Bank (2019). *World Bank Indicators*, access to <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?view=chart>

## THÔNG TIN TÁC GIẢ

ThS. Trần Thị Lan Phương  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
Email: [phuongttl@neu.edu.vn](mailto:phuongttl@neu.edu.vn)



# VAI TRÒ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG NHU CẦU KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*Nguyễn Hồng Quý*

*Trường Đại học FPT*

## **Tóm tắt**

*Khởi nghiệp là vấn đề hiện đang nhận được sự quan tâm rất lớn của Chính phủ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Chính vì thế, Chính phủ đã đề ra mục tiêu quốc gia khởi nghiệp. Để thực hiện được mục tiêu này, thanh niên, đặc biệt là sinh viên, những người được đào tạo bài bản tại các trường đại học phải là lực lượng nòng cốt. Để đảm bảo thực hiện sứ mệnh này, việc trang bị kiến thức, kỹ năng phục vụ khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên là một nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học. Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như nghiên cứu lý thuyết, phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi... để nêu lên vai trò của trường đại học đối với đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu quốc gia khởi nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị đối với các trường đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động khởi nghiệp.*

**Từ khóa:** *Trường đại học; Khởi nghiệp kinh doanh; Nguồn nhân lực khởi nghiệp*

## **Abstract**

*Startup is an issue that being received the Vietnamese government's attention in economic intergration background and in the Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0). Thus, the Government advanced the target that is national startup. For carrying out the target, the young people, especially the students who are educated well in universities are cadre. Like this, startup is one of Vietnamese students' recent missions. To guarantee to advance this mission, providing necessary knowledge, skills for the students' startup in an important function of universities. With the methods of theoretical studying, survey...the paper shows the roles of universities about providing qualitative human resource for the target that is national startup in this period. The paper also offers some recommendations for universities to educate qualitative human resource for startup.*

**Keywords:** *Universities; Startup; Human resources for startup*

## 1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp có thể được hiểu là việc bắt đầu một hoạt động kinh doanh nói chung và thành lập một doanh nghiệp nói riêng. Đối với mỗi quốc gia, nguồn thu ngân sách chủ yếu là từ thuế, trong đó phần lớn là thuế do các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh khác nộp. Chính vì vậy hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động khởi nghiệp kinh doanh nói riêng luôn được khuyến khích ở các quốc gia.

Bên cạnh đó, tỷ lệ tham gia khởi nghiệp ở các quốc gia đang phát triển có xu hướng cao hơn ở các quốc gia phát triển. Điều này xuất phát từ một số lý do chính sau đây:

*Thứ nhất*, ở các quốc gia phát triển, có nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn tại các tập đoàn lớn, thu hút lao động hơn là hoạt động khởi nghiệp. Ngược lại, tại các quốc gia đang phát triển, ít cơ hội việc làm hấp dẫn hơn nên thúc đẩy người dân tham gia hoạt động khởi nghiệp;

*Thứ hai*, khả năng cạnh tranh ở các quốc gia đang phát triển cao hơn so với các quốc gia phát triển do thị trường tại các quốc gia phát triển gần như đã được thiết lập trật tự. Vì thế cơ hội khởi nghiệp thành công ở các quốc gia đang phát triển cao hơn, dẫn đến hoạt động này thu hút người dân tham gia hơn.

**Bảng 1: Tỷ lệ dân số từ 18 đến 64 tuổi khởi nghiệp tại một số quốc gia**

Quốc gia	Tỷ lệ dân số khởi nghiệp kinh doanh (%)
Argentina	14,2
Brazil	17,5
Pháp	5,8
Đức	4,2
Peru	27,2
Nga	3,9
Thổ Nhĩ Kỳ	8,6
Anh	6,4
Hoa Kỳ	7,6

(Nguồn: D. Kelly, N. Bosma, J.E. Amoros, *Global Entrepreneurship Monitor 2010; Global Project (Babson College and Universidad del Desarrollo, 2012)*) [1]

Xuất phát từ nhận thức này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 đã đề ra mục tiêu, đến năm 2020 xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh,

phát triển bền vững, cả nước có ít nhất một triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp quy mô lớn, nguồn lực mạnh (Nghị quyết 35/NQ-CP) [2]. Đây có thể coi là mục tiêu xây dựng quốc gia khởi nghiệp của Việt Nam. Chính sách khuyến khích của Chính phủ đã tạo ra hệ sinh thái tốt cho hoạt động khởi nghiệp. Thực tế cho thấy, ở Việt Nam những năm gần đây cho thấy số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng lên hàng năm với tốc độ tăng trưởng khá cao.

**Bảng 2: Thống kê số lượng doanh nghiệp thành lập mới ở Việt Nam trong giai đoạn 2014 – 2018**

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Số doanh nghiệp thành lập mới	74.842	94.754	110.100	126.859	131.275
	Tốc độ tăng trưởng liên hoàn (%)		126,61	116,20	115,22	103,48
2	Tổng số vốn đăng ký (Tỷ đồng)	432.286	601.519	891.094	1.295.911	1.478.101
	Tốc độ tăng trưởng liên hoàn (%)		139,15	148,14	145,43	114,06

(Nguồn: Tổng hợp, phân tích từ số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) [3]

Để thực hiện mục tiêu quốc gia khởi nghiệp này, các trường đại học, với sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội, trong đó có một lực lượng lớn tham gia hoạt động khởi nghiệp nắm giữ vai trò quan trọng.

## **2. Những yêu cầu đối với nguồn nhân lực khởi nghiệp trong giai đoạn hiện nay**

Để thực hiện mục tiêu quốc gia khởi nghiệp, điều quan trọng hàng đầu là yếu tố con người. Đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0, khi mà môi trường kinh doanh, trong đó có môi trường công nghệ biến động khôn lường, nguồn nhân lực khởi nghiệp cần phải đảm bảo những yêu cầu khắt khe. Nguồn nhân lực khởi nghiệp được chia thành hai bộ phận: Đội ngũ khởi nghiệp và đội ngũ hỗ trợ khởi nghiệp.

### *Thứ nhất, yêu cầu đối với đội ngũ hỗ trợ khởi nghiệp*

Đây là đội ngũ nhân viên, người lao động làm việc trong các doanh nghiệp khởi nghiệp, hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp thành công. Đối với lực lượng này, cần đảm bảo một số yêu cầu như: Có sức khỏe cả về thể chất và tinh thần; có trình độ chuyên môn vững chắc, đặc biệt là các kiến thức về khởi nghiệp và quản trị doanh nghiệp khởi nghiệp. Bên cạnh đó, đội ngũ này cũng cần nắm bắt được các kiến thức xã hội để đáp ứng yêu cầu công việc; Nắm bắt tốt những kiến thức về khoa học công nghệ để đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với mục tiêu kết nối toàn cầu.

### *Thứ hai, yêu cầu đối với đội ngũ khởi nghiệp*

Đây là lực lượng trực tiếp hình thành và thực thi các ý tưởng khởi nghiệp. Hoạt động khởi nghiệp có thành công hay không, chủ yếu dựa vào lực lượng này. Chính

vì thế, ngoài những yêu cầu đối với đội ngũ hỗ trợ khởi nghiệp, đội ngũ khởi nghiệp cần đảm bảo thêm các yêu cầu sau:

Lực lượng này cần nhanh nhạy với thời cuộc để kịp thời nắm bắt và tận dụng các cơ hội mà môi trường kinh doanh đem lại. Điều này càng quan trọng trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 và thời kỳ hội nhập quốc tế, khi mà môi trường kinh doanh luôn luôn biến động khôn lường;

Một điều vô cùng quan trọng đối với đội ngũ khởi nghiệp là biết chấp nhận rủi ro. Đây cũng có thể coi là tố chất đặc trưng để phân biệt giữa những người khởi nghiệp và những người nhân viên làm công ăn lương. Họ phải biết chấp nhận rủi ro để dấn thân vào kinh doanh bởi hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động khởi nghiệp nói riêng là vô cùng khó khăn và tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Do đó đội ngũ khởi nghiệp cần phải có hoặc được đào tạo để có phẩm chất này.

Để thực hiện mục tiêu quốc gia khởi nghiệp không ai khác, phải chính là lực lượng thanh niên với sức trẻ và hoài bão. Lực lượng này chủ yếu phải đến từ các trường đại học, bởi tại đó họ được đào tạo bài bản, rèn luyện để thực hiện hoạt động nghề nghiệp nói chung và hoạt động khởi nghiệp nói riêng. Vì thế, có thể nói, các trường đại học có vai trò vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia khởi nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

### **3. Vai trò của trường đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu khởi nghiệp hiện nay**

Để bổ sung thêm những căn cứ cho việc khẳng định vai trò của trường đại học đối với đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp trong giai đoạn hiện nay, tác giả đề tài này đã thực hiện một cuộc khảo sát nhỏ về đánh giá vai trò của trường đại học với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp (hình thức khảo sát online) đối với 19 cá nhân tốt nghiệp các trường đại học: Trường Đại học Ngân hàng, Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật, Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật. Kết quả khảo sát thu được như sau:

**Bảng 3: Tổng hợp trả lời một số câu hỏi khảo sát**

TT	Câu hỏi	Tỷ lệ trả lời	
		Có	Không
1	Trường đại học có ảnh hưởng đến ý tưởng khởi nghiệp của Anh/Chị hay không?	57,89	42,11
2	Trường đại học có khích lệ tinh thần khởi nghiệp của Anh/Chị hay không?	68,42	31,58
3	Kiến thức và kỹ năng được đào tạo ở trường đại học có giúp ích cho hoạt động khởi nghiệp và hoạt động kinh doanh của Anh/Chị hay không?	79,85	21,05

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

**Bảng 4: Tổng hợp đánh giá của các cá nhân khởi nghiệp về vai trò của trường đại học đối với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên**

Câu hỏi	Nội dung	Tỷ lệ
Những hoạt động nào kích lệ tinh thần khởi nghiệp của Anh/Chị?	Các cuộc thi, sân chơi khởi nghiệp	31,25
	Nội dung khởi nghiệp được lồng ghép vào nội dung các môn học	18,75
	Tấm gương khởi nghiệp của cựu sinh viên	43,75
	Tấm gương khởi nghiệp của giảng viên	6,25
Kiến thức, kỹ năng được đào tạo ở trường đại học giúp được gì cho Anh/Chị?	Nền tảng tư duy	10,53
	Phản ứng với môi trường kinh doanh	10,53
	Thực hiện công việc tác nghiệp	57,89
	Thực hiện quản trị doanh nghiệp	21,05
Vai trò khác của trường đại học	Tạo lập và phát triển các mối quan hệ	64,29
	Giúp kết nối với các doanh nghiệp	28,57
	Tìm kiếm khách hàng từ trường đại học	7,15

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

Từ những nhận định, phân tích ở trên, cùng với kết quả khảo sát, có thể thấy, trường đại học có vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Vai trò đó được thể hiện ở một số điểm như sau:

*Thứ nhất*, trường đại học, với chức năng đào tạo, sẽ cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện hoạt động khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo đổi mới đáp ứng mục tiêu khởi nghiệp quốc gia trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0. Với chương trình đào tạo, các chương trình ngoại khóa, thực tập, thực hành..., trường đại học phải trang bị cho sinh viên đủ kiến thức, kỹ năng để đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội nói chung (trong đó có một phần lao động hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh, tức là đáp ứng yêu cầu nhân lực của các doanh nghiệp khởi nghiệp) và để thực hiện hoạt động khởi nghiệp nói riêng (đào tạo ra đội ngũ khởi nghiệp). Đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0, việc cung cấp những tri thức liên quan đến công nghệ hiện đại cho sinh viên là hết sức cần thiết.

Theo khảo sát của các chuyên gia Israel, doanh nghiệp khởi nghiệp của TP.Hồ Chí Minh được chia thành 3 loại hình: Doanh nghiệp khởi nghiệp thông thường; Doanh nghiệp khởi nghiệp trên nền tảng kỹ thuật số (Digital SMB); Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đổi mới, trong đó đa phần doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay

là loại hình thứ hai (Digital SMB) (Nguyễn Thị Hương, 2018 [4]). Như vậy hoạt động khởi nghiệp hiện nay ở TP.Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung đang theo đúng xu thế của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Các trường đại học cần nhận thức được điều này để có các giải pháp đáp ứng nhu cầu xã hội.

*Thứ hai*, trường đại học có vai trò trong việc khích lệ tinh thần khởi nghiệp. Tinh thần khởi nghiệp là yếu tố cốt lõi tạo ra sự thành công không chỉ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp mà nó còn cần trong suốt quá trình hoạt động của mọi doanh nghiệp. Trường đại học thông qua các hoạt động của mình để khơi dậy được tinh thần khởi nghiệp, niềm đam mê đối với khởi nghiệp, và đặc biệt là dám chấp nhận rủi ro. Đây là những phẩm chất rất quan trọng đối với những người khởi nghiệp.

*Thứ ba*, trường đại học cũng là nơi hình thành và vun đắp các ý tưởng khởi nghiệp. Trường đại học với các hoạt động của các trung tâm dạng như “vườn ươm khởi nghiệp”, phát động các cuộc thi hình thành ý tưởng khởi nghiệp hay xây dựng nội dung các môn học khởi nghiệp theo hướng khuyến khích phát triển các ý tưởng khởi nghiệp... chính là nơi hình thành và vun đắp cho các ý tưởng khởi nghiệp. Những ý tưởng tốt, được góp ý hoàn thiện hay thậm chí là được đầu tư phát triển chính là nguồn rất tốt để hình thành và xây dựng các hoạt động khởi nghiệp của sinh viên ngay khi đang học tập tại trường hoặc sau khi tốt nghiệp.

*Thứ tư*, với chức năng phụng sự cộng đồng (thông qua gắn kết và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp), trường đại học và cá nhân các giảng viên của trường sẽ kết nối được với doanh nghiệp, tạo dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp. Các mối quan hệ này sẽ giúp các trường tạo ra nơi thực tập cho các “doanh nhân tương lai”, cùng với các doanh nghiệp đào tạo đội ngũ khởi nghiệp cho xã hội. Sinh viên có thể tham gia các doanh nghiệp khởi nghiệp theo các hình thức như tình nguyện viên, thực tập sinh, thậm chí là sáng lập viên; qua đó giúp sinh viên tăng cường rèn luyện kỹ năng, tinh thần khởi nghiệp và tư duy đổi mới sáng tạo.

Có ba giai đoạn chính của quá trình khởi nghiệp là: Hình thành ý tưởng, phát triển sản phẩm và tăng trưởng. Trường đại học đóng vai trò quan trọng trong cả ba giai đoạn này:

*Giai đoạn 1*, trường đại học, cụ thể là các giảng viên, các bộ phận chức năng đóng vai trò truyền cảm hứng, giúp hình thành ý tưởng khởi nghiệp;

*Giai đoạn 2*, trường đại học cung cấp các kiến thức cần thiết liên quan đến kinh doanh, quản trị doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng;

*Giai đoạn 3*, trường đại học cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp khởi nghiệp.

Với việc trực tiếp cung cấp kiến thức trong chương trình đào tạo hoặc tạo ra các sân chơi, nơi thực tập, thực hành... trường đại học đã góp phần quan trọng trong việc tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp, trong đó có một bộ phận sinh viên, thông qua các hoạt động học tập, thực tập... tại trường đã hình thành lên ý định khởi nghiệp, tạo nền tảng quan trọng cho hoạt động khởi nghiệp ngay khi còn là sinh viên hoặc sau khi tốt nghiệp.

#### 4. Một số khuyến nghị

Ngoài những kết quả trên, tác giả tiến hành khảo sát còn thu được một số nhận định khác về vai trò cũng như đề xuất của các nhân khởi nghiệp đối với trường đại học:

Câu hỏi	Nội dung	Tỷ lệ
Ý tưởng kinh doanh của Anh/Chị được hình thành từ những hoạt động nào của trường đại học?	Hoạt động tham quan thực tế	53,33
	Hoạt động NCKH của bản thân	20,00
	Nội dung các môn học	13,33
	Từ những thiếu sót của sinh viên ở trường đại học	6,67
	Từ hoạt động làm việc nhóm	6,67
Theo Anh/Chị, trường đại học cần làm những gì để đào tạo các kỹ năng khởi nghiệp và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp của sinh viên?	Kết nối với doanh nghiệp	55,56
	Nội dung các môn học lồng ghép các kiến thức về khởi nghiệp	16,67
	Tạo ra các sân chơi về khởi nghiệp	16,67
	Tạo ra các lớp học về khởi nghiệp	5,56
	Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên khởi nghiệp thành công	5,56

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

Để đảm bảo vai trò vô cùng quan trọng ở trên, đồng thời xuất phát từ kết quả khảo sát, tác giả đề xuất một số khuyến nghị các trường đại học cần thực hiện trong giai đoạn hiện nay như sau:

*Thứ nhất*, tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của lãnh đạo, cán bộ giảng viên và sinh viên của các trường về hoạt động khởi nghiệp. Bằng các hoạt động như mời các chuyên gia, các doanh nhân nói chuyện về khởi nghiệp, nêu gương những người khởi nghiệp thành công (đặc biệt là sinh viên, cựu sinh viên của trường), phát động các cuộc thi về khởi nghiệp... để khơi dậy và nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho giảng viên và sinh viên.

*Thứ hai*, trên cơ sở những hiểu biết đúng đắn về khởi nghiệp kinh doanh, những yêu cầu cần thiết đối với khởi nghiệp kinh doanh, thiết kế chương trình đào tạo phù hợp, cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng cho sinh viên đáp ứng được yêu cầu xã hội, đồng thời có đủ năng lực để thực hiện hoạt động khởi nghiệp. Chương trình đào tạo cũng phải khơi dậy được đam mê khởi nghiệp cho sinh viên.

*Thứ ba*, trường đại học cần thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của giảng viên và sinh viên. Đặc biệt cần hỗ trợ giảng viên, sinh viên khởi nghiệp bằng cách thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học của mình. Điều này góp phần quan trọng trong việc phối hợp tốt ba chức năng của trường đại học là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phụng sự cộng đồng. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu kinh nghiệm về xây dựng mô hình “vườn ươm khởi nghiệp”, “trung tâm ươm tạo” của các trường đại học ở các nước phát triển đã thành công với các mô hình này để xây dựng những mô hình tương tự phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ tư*, trường đại học cần kết nối với các trường đại học khác trong và ngoài nước, kết nối với các doanh nghiệp để thực hiện các liên kết, hỗ trợ, kêu gọi đầu tư phục vụ cho việc phát triển các hoạt động khởi nghiệp của giảng viên, sinh viên trong trường.

## **5. Kết luận**

Khởi nghiệp kinh doanh là hoạt động luôn nhận được sự khuyến khích của các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với mong muốn bứt phá thành một quốc gia phát triển, Chính phủ Việt Nam đã đề ra mục tiêu quốc gia khởi nghiệp.

Để thực hiện thành công mục tiêu này, trường đại học đóng góp một vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp. Bài viết này đã chỉ ra một số yêu cầu đối với nguồn nhân lực khởi nghiệp; cùng với việc thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi đối với các cá nhân đã tốt nghiệp đại học và đang thực hiện hoạt động khởi nghiệp, bài viết đã phân tích, làm rõ vai trò của trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia khởi nghiệp nói chung và việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp nói riêng và đề xuất một số khuyến nghị đối với các trường đại học.

Bài viết sử dụng một số dữ liệu thống kê, kết quả nghiên cứu của các công trình trước đó và thực hiện một cuộc khảo sát nhỏ để làm cơ sở cho các nhận định. Tuy nhiên, quy mô khảo sát của nghiên cứu này còn hạn chế, cần được mở rộng hơn để đảm bảo các nhận định thực sự khách quan hơn nữa. Nó cũng là hướng đề tác giả tiếp tục nghiên cứu trong tương lai./.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2016), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[2] Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

[3] “Số doanh nghiệp thành lập mới ở Việt Nam lại có một năm “phá đỉnh””, VnEconomy ngày 03/01/2019. Nguồn: <http://vneconomy.vn/so-doanh-nghiep-thanh-lap-moi-tai-viet-nam-lai-co-mot-nam-pha-dinh-20190102194243287.htm>.

[4] Nguyễn Thị Hường (2018), “*Startup trong các trường đại học ở Việt Nam – Kinh nghiệm từ một số nước trên thế giới*”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia với chủ đề “Khởi sự kinh doanh của sinh viên khối Kinh tế – QTKD và Trường Đại học Tài chính – QTKD”*, tr.22-38 (ISBN: 978-604-946-403-4).

[5] Ngô Thị Thanh Tiên, Cao Quốc Việt (2016), “*Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên*”, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP. HCM*, Số 50/2016, tr.56-65.

[6] Lý Phương Duyên, Đỗ Văn Hải (2018), “*Phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp: Cơ hội cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam*”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia với chủ đề “Khởi sự kinh doanh của sinh viên khối Kinh tế – QTKD và Trường Đại học Tài chính – QTKD”*, tr.39-46 (ISBN: 978-604-946-403-4).

### THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Hồng Quý

Trường Đại học FPT

Điện thoại: 0834. 413431 – Email: quynh6@fe.edu.vn

Địa chỉ: 391A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

# HỖ TRỢ VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP HIỆN NAY

*ThS.NCS. Lâm Thị Thu Huyền*

*Khoa Luật, Đại học Kinh tế Quốc dân*

## **Tóm tắt**

*Trong quá trình khởi nghiệp của doanh nghiệp thì nền tảng pháp luật đóng một vai trò quan trọng. Một doanh nghiệp mới sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro nếu không có sự hiểu biết về kiến thức pháp lý nhất định. Bắt đầu từ phát triển ý tưởng thành mô hình kinh doanh, tới thủ tục pháp lý về thành lập doanh nghiệp và đưa vào hoạt động, sau đó là tiếp cận các nguồn vốn, quản trị rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động, giải quyết tranh chấp lao động... Để hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp vượt qua rào cản pháp lý bài viết sẽ tập trung làm rõ các vấn đề về điều kiện và thủ tục thành lập doanh nghiệp cũng như đưa ra thực trạng và giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp khởi nghiệp.*

**Từ khóa:** *Thủ tục thành lập, thách thức, giải pháp, hỗ trợ pháp lý*

## **SUPPORT FOR BUSINESS ESTABLISHMENT PROCEDURES FOR THE START-UP BUSINESSES TODAY**

*In the process of starting a business, the legal background plays an important role. A new business will face many risks if there is no knowledge of certain legal knowledge. Starting from developing ideas into a business model, to legal procedures for establishing a business and putting it into operation, then accessing capital sources, managing legal risks during the operation process, resolving labor disputes ... To support startups overcome legal barriers, the article will focus on clarifying issues on conditions and procedures for establishing businesses as well as provide the challenges and solutions needed to improve the effectiveness of legal support for startups.*

**Keywords:** *Establishment procedures, challenges, solutions, legal support*

## **Đặt vấn đề**

Vấn đề hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay đã trở nên quen thuộc và không thể thiếu đối với cộng đồng doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp tham gia thị trường thì rất nhiều rủi ro pháp lý doanh nghiệp sẽ có thể gặp phải. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là nhằm định hướng, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành

pháp luật, giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển dựa trên một nền tảng pháp lý ổn định, chắc chắn, bền vững, lâu dài. Theo đó, các doanh nghiệp được hỗ trợ một cách hoàn toàn công bằng, không phân biệt đối xử. Việc được biết các thông tin pháp lý, các kiến thức pháp luật về kinh doanh đối với doanh nghiệp là rất cần thiết. Chính phủ đã ký Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với mục tiêu xác định rõ cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp... giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển dựa trên một nền tảng pháp lý ổn định, chắc chắn, bền vững, lâu dài. Mới đây, ngày 12/6/2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã chính thức được Quốc hội thông qua. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một luật riêng về vấn đề này. Với thực trạng của doanh nghiệp về hiểu biết pháp luật liên quan tới thủ tục đăng ký doanh nghiệp còn chưa cao, bài viết mong muốn trao đổi về vấn đề này từ đó đưa ra hạn chế của hoạt động hỗ trợ pháp lý cũng như giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong thời gian tới.

## **1. Những vấn đề pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp**

### ***1.1. Điều kiện thành lập doanh nghiệp***

*Thứ nhất là điều kiện về tài sản*

Theo Khoản 29 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 qui định: Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần. Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp.

Riêng doanh nghiệp tư nhân không có vốn điều lệ mà chỉ có vốn đầu tư. Tại Khoản 1 Điều 184 Luật doanh nghiệp 2014: Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự đăng ký. Chủ doanh nghiệp tư nhân có nghĩa vụ đăng ký chính xác tổng số vốn đầu tư, trong đó nêu rõ số vốn bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng và các tài sản khác; đối với vốn bằng tài sản khác còn phải ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản. Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Mức độ tài sản khi thành lập doanh nghiệp phụ thuộc vào khả năng của chủ doanh nghiệp trừ trường hợp nhà nước qui định mức vốn pháp định- đây là mức vốn tối thiểu phải có để thành lập doanh nghiệp đối với một số ngành

ngành lĩnh vực. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam. Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

#### *Thứ hai là điều kiện về tên doanh nghiệp*

Doanh nghiệp bắt buộc phải có tên chính thức là tên Tiếng Việt, ngoài ra có tên nước ngoài và tên viết tắt. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Theo Khoản 1 Điều 38 Luật doanh nghiệp 2014 qui định tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây: Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân; Tên riêng: Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

Ngoài ra tên doanh nghiệp còn loại trừ trường hợp bị cấm đặt tên như: đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký; sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó; sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

### *Thứ ba là điều kiện về ngành nghề kinh doanh*

Theo Luật đầu tư 2014 ngành nghề đầu tư kinh doanh ở Việt Nam chia thành những nhóm chủ yếu sau: ngành nghề bị cấm đầu tư kinh doanh; ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành nghề kinh doanh được khuyến khích.

Nhóm thứ nhất là ngành nghề bị cấm đầu tư kinh doanh. Sở dĩ nhóm này bị cấm vì chúng có thể gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa đạo đức thuần phong mỹ tục sức khỏe của nhân dân làm hủy hoại tài nguyên phá hoại môi trường. Qui định tại Điều 6 Luật doanh nghiệp 2014 là các hoạt động đầu tư kinh doanh bị cấm như: kinh doanh ma túy, mua bán mô bộ phận người, hoạt động kinh doanh liên quan tới sinh sản vô tính trên người...

Nhóm thứ hai là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Điều kiện được áp dụng theo một trong các hình thức sau: giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chứng chỉ hành nghề, vốn pháp định, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp... Các ngành nghề này được qui định tại phụ lục 4 của Luật đầu tư 2014 với 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì chủ đầu tư chưa phải nộp ngay các giấy tờ điều kiện này, nhưng nhất thiết phải nộp trước khi hoạt động kinh doanh.

Nhóm thứ ba là ngành nghề kinh doanh được khuyến khích. Đó là những lĩnh vực cần được ưu tiên và dành những ưu đãi đầu tư được qui định tại Điều 16 Luật đầu tư 2014 chẳng hạn như: sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, thu gom xử lý tái chế chất thải, đầu tư trung tâm lão khoa chăm sóc người khuyết tật, trẻ mồ côi... Khi đăng ký kinh doanh các ngành nghề này chủ đầu tư được ưu đãi về các mặt sau: áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư; miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất...

### *Thứ tư là điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp*

Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh. Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Ngoài ra tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014 qui định tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

#### *Thứ năm là điều kiện về số lượng thành viên của doanh nghiệp*

Chủ đầu tư được tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp, tuy nhiên pháp luật có quy định về số lượng thành viên tối thiểu, tối đa hoặc cả hai đối với mỗi loại doanh nghiệp. Chính vì vậy đây sẽ là vấn đề cần thiết suy tính khi bắt đầu muốn thành lập doanh nghiệp. Có loại hình chỉ quy định số lượng thành viên tối thiểu ví dụ như công ty cổ phần với số thành viên ít nhất là ba, cũng có loại hình vừa quy định tối thiểu vừa quy định tối đa như công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có số thành viên từ hai tới dưới năm mươi thành viên. Thêm nữa có loại hình doanh nghiệp cho phép thành viên bắt buộc là cá nhân như doanh nghiệp tư nhân, nhưng cũng có thể là cá nhân hoặc tổ chức như công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Mỗi loại hình doanh nghiệp lại có thể mạnh riêng phụ thuộc vào tiêu chí của nhà đầu tư muốn thành lập doanh nghiệp. Khi đã quyết định chọn loại hình phù hợp thì đồng nghĩa với việc tổ chức quản lý cũng phải tương ứng theo qui định của pháp luật.

#### **1.2. Trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp**

Thứ nhất là: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Người thành lập doanh nghiệp được ký các loại hợp đồng phục vụ

cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp được thành lập thì doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác. Trường hợp doanh nghiệp không được đăng ký thành lập thì người ký kết hợp đồng chịu trách nhiệm hoặc người thành lập doanh nghiệp liên đới chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó.

Thứ hai là: Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã ngắn gọn hơn nhiều do không ghi phần ngành nghề kinh doanh tạo điều kiện cho doanh nghiệp thay đổi bổ sung ngành nghề thuận tiện thì mục này sẽ được quản lý trên cổng thông tin dữ liệu của doanh nghiệp đó. Mỗi doanh nghiệp sẽ được cấp mã số doanh nghiệp là dãy số được tạo bởi hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, được cấp cho doanh nghiệp khi thành lập và được ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mã số doanh nghiệp được dùng để thực hiện các nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác. Mỗi doanh nghiệp có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho doanh nghiệp khác. Khi doanh nghiệp muốn thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ phải làm thủ tục đăng ký hoặc thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền. Để tránh việc doanh nghiệp phải đi tới các cơ quan nhà nước liên quan công bố thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh thì pháp luật qui định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh phải gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đó cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội; định kỳ gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cùng cấp, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Thứ ba là: sau khi đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ làm thủ tục khắc con dấu. Theo pháp luật hiện hành, doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong giai đoạn này người góp vốn vào doanh nghiệp cam kết góp vốn phải thực góp vốn thông qua

thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản của mình vào doanh nghiệp. Qui định mới rút ngắn thời hạn là 90 ngày thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp. Duy nhất đối với chủ doanh nghiệp tư nhân thì không phải làm thủ tục này.

## **2. Thực trạng hỗ trợ pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay**

Một là: *Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn chưa hiệu quả và mang tính hình thức*, có sự trùng lặp các hoạt động hỗ trợ pháp lý giữa các bộ với nhau, giữa các đơn vị trong cùng một bộ; kinh phí còn dàn trải, chưa tập trung. Đã có nhiều hoạt động cụ thể như: tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, về công tác tư vấn pháp luật; tổ chức hội thảo, tọa đàm, hội nghị đối thoại về các chuyên đề pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp nhưng hiệu quả của công tác hỗ trợ pháp lý cũng chỉ ở mức khá và trung bình. Các cơ quan quản lý nhà nước dù có sự quan tâm đến doanh nghiệp nhưng vẫn còn nhiều khó khăn trong phương thức để phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật cho doanh nghiệp; nhiều thắc mắc của doanh nghiệp về nội dung các quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật chưa được các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải đáp kịp thời khiến cho việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp càng gặp nhiều khó khăn hơn.

Hai là: *Doanh nghiệp chưa chú ý tới việc tìm hiểu và thực hiện pháp luật*. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc cập nhật kiến thức pháp luật kinh doanh, coi nhẹ yếu tố pháp lý trong kinh doanh nên không dành thời gian cho cán bộ đi tham gia các chương trình bồi dưỡng. Một lý do lớn nhất mà các doanh nghiệp không tham gia các lớp bồi dưỡng là các doanh nghiệp thường không lo phòng tránh rủi ro trong kinh doanh mà có quan điểm là chỉ đến khi sự việc pháp lý xảy ra sẽ thuê luật sư hoặc nhờ vả các mối quan hệ để giải quyết vụ việc. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa biết cách khai thác hiệu quả các thông tin pháp luật vì hiện tại hệ thống pháp luật của chúng ta đặc biệt pháp luật về kinh tế, thương mại vừa nhiều, vừa chồng chéo và bất cập.

Ba là: *Hệ thống pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn mỏng và chưa hoàn thiện*. Khái niệm “doanh nghiệp khởi nghiệp” mặc dù được sử dụng khá phổ biến trong xã hội nhưng chưa được giải thích, quy định, hướng dẫn trong các văn



bản pháp luật hiện hành dẫn đến nhận thức về khái niệm này chưa thống nhất. Hiện nay cũng chưa có văn bản nào quy định riêng về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp, mà chủ yếu triển khai theo Nghị định 66/2008/NĐ - CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung. Do vậy công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp thường được tổ chức theo hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và nội dung chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa thực sự bám sát nhu cầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp.

*Tóm lại*, nguyên nhân chính của tình trạng này là ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý của nhiều người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp còn khó khăn về nguồn lực để tiếp cận với thông tin pháp lý và tư vấn pháp luật, hoạt động hỗ trợ của các hiệp hội doanh nghiệp còn nhiều bất cập, chông chéo, thiếu hiệu quả; các cơ quan quản lý nhà nước chưa thi hành tốt nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức triển khai thực hiện pháp luật cho doanh nghiệp, nhiều văn bản được ban hành cùng thời điểm nhưng không nhất quán, chông chéo cũng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Chất lượng thông tin mà doanh nghiệp có được chưa đầy đủ, kịp thời và độ tin cậy cao. Đa số các trang thông tin cho doanh nghiệp cung cấp các thông tin chung chung, lạc hậu, thiếu các thông tin phục vụ thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp...

### **3. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp**

Thứ nhất, *tăng cường hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*. Các Bộ cần có các hoạt động tư vấn, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp bằng nhiều hình thức: bằng văn bản, qua mạng điện tử, điện thoại, trong đó, quy định thời hạn tư vấn cụ thể, phân cấp thẩm quyền thực hiện tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa một cách cụ thể để cơ quan chức năng và doanh nghiệp dễ thực hiện. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh mới cho doanh nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho cán bộ pháp chế các doanh nghiệp. Cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức đại diện doanh nghiệp và các đoàn luật sư, liên đoàn luật sư để cử ra các luật sư có nhiều kinh nghiệm tư vấn doanh nghiệp khởi nghiệp, trợ giúp họ trong các tình huống cụ thể và tổ chức đào tạo, giới thiệu các văn bản pháp luật mới. Triển khai hoạt động thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, ưu tiên các địa phương có địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các hình thức tư vấn trực tiếp mang lại hiệu quả cao, thiết thực cho doanh nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ nguồn lực để xây dựng các đầu mối thực hiện mạng lưới cộng tác viên tư vấn pháp luật, bao gồm: xây dựng kế hoạch và tổ chức vận động Luật gia, Luật sư, Tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia mạng lưới; tổ chức và duy trì hoạt động của mạng lưới; tập huấn bồi dưỡng cộng tác viên tham gia mạng lưới. Phát triển Trang

thông tin điện tử chính thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do Chương trình 585 chủ trì thực hiện nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời, toàn diện thông tin pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các Bộ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, định kỳ cập nhật tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật có liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình quản lý và phối hợp với các tổ chức đại diện của doanh nghiệp thực hiện việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp. Đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các Hiệp hội và hội, là các tổ chức bảo vệ quyền và lợi ích của các hội viên, các hội cần chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước để thực hiện việc bồi dưỡng và phổ biến pháp luật.

Bên cạnh đó cần nâng cao năng lực, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các sở, ban, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tại các địa phương để thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; biên soạn các bản tin, sổ tay, tài liệu về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Hỗ trợ báo cáo viên, hỗ trợ công tác tổ chức hội nghị, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cho cơ quan, tổ chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Thứ hai, *doanh nghiệp cần chú trọng hơn nữa đến công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật* cũng cố kiện toàn tổ chức pháp chế, đội ngũ cán bộ pháp chế của doanh nghiệp; cần chủ động tìm hiểu pháp luật, coi trọng ý nghĩa của pháp luật ngay cả khi chưa xảy ra rủi ro, chú trọng nghiên cứu, khai thác nhiều kênh thông tin nhằm cập nhật những văn bản pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp kịp thời, nhằm hạn chế tối đa rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp mình; phát huy và sử dụng có hiệu quả quyền được tư vấn pháp luật trước khi thực hiện các hoạt động kinh doanh... Có như vậy các doanh nghiệp mới có thể phòng ngừa, chủ động trong các hoạt động kinh doanh của mình, nhất là trong điều kiện kinh tế hội nhập như hiện nay.

Thứ ba, *hoàn thiện hệ thống pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*. Cần nhanh chóng nghiên cứu ban hành Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để quy định chi tiết Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, đảm bảo khung pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động và cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp từ phía Nhà nước. Trong đó, đổi mới các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, kinh phí phục vụ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ do Ngân sách nhà nước cấp, có sự huy động của các nguồn lực xã hội; quy định các căn cứ để xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, như: nhu cầu hỗ trợ pháp lý

của doanh nghiệp trong từng thời kỳ, tại các vùng, ngành, lĩnh vực...; đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Từ đó tăng cường chất lượng hoạt động thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập, nhất là hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh trong nước và các cam kết quốc tế tác động trực tiếp đến doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật, chủ động hội nhập quốc tế của doanh nghiệp thông qua hoạt động.

#### **4. Kết luận**

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, doanh nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế – xã hội của đất nước. Vì vậy, để tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp thì hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp càng trở lên cấp thiết. Đây là những vấn đề pháp lý rất cần được Nhà nước đặc biệt quan tâm hỗ trợ, bởi bản thân doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp như ở Việt Nam khó có thể tự mình thực hiện được và nhất là trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay, doanh nghiệp cần hơn hết là sự hỗ trợ về mặt pháp lý từ Nhà nước để tăng cường năng lực cạnh tranh của mình. Các giải pháp bài viết đưa ra nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bên cạnh sự khuyến khích của cơ quan nhà nước thì bản thân doanh nghiệp cũng cần nỗ lực trong việc thay đổi nhận thức về tầm quan trọng của kiến thức pháp lý.

#### **5. Tài liệu tham khảo**

1. Giáo trình pháp luật kinh tế, 2017, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân
2. Luận giải về luật doanh nghiệp 2014, 2016, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật Hà Nội
3. <http://tuoitrebtp.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=40&l=Traodoinghiencuu>
4. <http://tiasang.com.vn/-doi-moi-sang-tao/Ho-tro-phap-ly-cho-startup-Chinh-sach-tot-nhung-khong-de-thuc-hien-12894>
5. <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/596/4585/mot-so-van-de-kho-khan--vuong-mac-trong-linh-vuc-dang-ky-kinh-doanh-va-cac-giai-phap--kien-nghi-trong-thoi-gian-toi.aspx>
6. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2017-09-08/nang-cao-hieu-qua-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiiep-47555.aspx>

7. <https://khoinghiep.org.vn/thuc-trang-khoi-nghiep-o-viet-nam-hien-nay-de-xuat-va-kien-nghi-15411.html>

8. Quốc hội, 2014, Luật doanh nghiệp

9. Quốc hội, 2014, Luật đầu tư

10. Quốc hội, 2017, Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ

11. Nghị định 66 /2008/ NĐ – CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

### **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

Ths.NCS. Lâm Thị Thu Huyền

Khoa Luật, Đại học Kinh tế quốc dân

Email: [huyenlth@neu.edu.vn](mailto:huyenlth@neu.edu.vn)

Mobile: 0978 661 069

# HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LÝ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

*TS. Trần Trung Vỹ*

*Trường Đại học Hạ Long*

## **Tóm tắt**

*Nhiều năm trở lại đây, vấn đề hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển đã và đang trở thành một ưu tiên quan trọng ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Bài viết phân tích thực trạng các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam hiện nay và đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khu vực doanh nghiệp này phát triển. Với đặc điểm của các hoạt động hỗ trợ nói chung và hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng đã và đang triển khai tại Việt Nam, phạm vi bài viết giới hạn đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy mô nhỏ và vừa.*

**Từ khóa:** *hoàn thiện, hệ thống pháp lý, khởi nghiệp, hỗ trợ, doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp*

## **COMPLETE LEGAL SYSTEM SUPPORTING START-UP ENTERPRISES**

### **Abstracts**

*In recent years, the issue of supporting start-up development has become an important priority in many countries, including Vietnam. This article analyzes the current situation of mechanisms to support startups in Vietnam and proposes some policy suggestions to complete the legal system to support the development of this business sector. With the characteristics of support activities in general and support for startups in particular, which have been implemented in Vietnam, the scope of the article is limited to small and medium-sized start-up enterprises.*

**Keywords:** *improvement, legal system, startup, support, entrepreneurship, start-up enterprises*

### **Đặt vấn đề**

Hoàn thiện hệ thống pháp lý luôn là vấn đề đi đầu trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, dân sự. Đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp – một hoạt động kinh tế - xã hội đặc thù, tiềm tàng rủi ro, chứa đựng nhiều giá trị gợi mở, lại càng cần thiết có một hành lang pháp lý hoàn chỉnh.

Các chủ thể của quan hệ pháp luật này bước vào con đường khởi nghiệp – hỗ trợ khởi nghiệp đều được an toàn trong những giới hạn nhất định mà luật pháp dự liệu.

## **1. Tổng quan về hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp tại Việt Nam**

Hệ thống pháp lý hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp được đề cập chính thức tại các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam từ năm 2016 và vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Trên thực tế, các quy định liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đã xuất hiện từ những năm đầu 2010, khi Nghị định về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Chính phủ (Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009) được ban hành.

Tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, mô hình vườn ươm doanh nghiệp, một trong những hình thức hỗ trợ kinh doanh trong hệ sinh thái khởi nghiệp được chính thức thừa nhận và là tổ chức có chức năng hỗ trợ các Doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có các doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua việc sử dụng không gian ươm tạo để hỗ trợ các doanh nghiệp.

Hệ thống pháp luật về hỗ trợ khởi nghiệp này bao gồm 02 loại hình:

Các văn bản pháp luật chính thức ở cấp độ luật và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Các cơ chế, chính sách cụ thể (văn bản điều hành: Quyết định và Đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền địa phương).

### ***Quy định pháp luật***

Các văn bản, quy định pháp luật về hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp mới được xây dựng và ban hành trong một vài năm gần đây tại Việt Nam. Các văn bản và quy định pháp luật này thường đưa ra các định hướng hỗ trợ cả Doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nếu một doanh nghiệp khởi nghiệp đăng ký kinh doanh để được công nhận là một Doanh nghiệp nhỏ và vừa thì có thể thuộc đối tượng thụ hưởng tất cả các hình thức hỗ trợ theo quy định của luật và văn bản hướng dẫn. Các văn bản pháp luật chính thức bao gồm:

Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 04/2017/QH14), được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV (tháng 6/2017) và có hiệu lực từ 01/01/2018. Tại khoản 2 Điều 3 của Luật này đã định nghĩa “Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (đối tượng được hỗ trợ theo Luật) là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh”.

Các quy định về hỗ trợ đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được quy định tại Điều 17 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm 2 điều kiện để nhận hỗ trợ:

(i) Có thời hạn không quá 5 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

(ii) Chưa chào bán chứng khoán ra công chúng.

Cũng theo quy định tại Điều 17, có 5 hình thức hỗ trợ đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo gồm:

(i) Hỗ trợ ứng dụng, chuyên giao công nghệ; hỗ trợ trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

(ii) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng;

(iii) Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

(iv) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

(v) Cơ chế cấp bù lãi suất đối với khoản vay của Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thông qua các tổ chức tín dụng.

Sau khi Luật được ban hành, để hướng dẫn cụ thể một số quy định của Luật, trong đó có quy định về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, các cơ quan liên quan đã và đang triển khai xây dựng 04 Nghị định hướng dẫn. Hiện nay, đã có 3 Nghị định được ban hành:

- Nghị định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 34/2018/NĐ-CP).

- Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 39/2018/NĐ-CP).

- Nghị định quy định chi tiết về đầu tư cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (số 38/2018/NĐ-CP).

Trong các văn bản hướng dẫn trên, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đã quy định cụ thể vấn đề đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư vào Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Các nội dung được quy định tại Nghị định này tạo khung pháp luật cơ bản cho hoạt động trong thời gian tới.

### ***Các cơ chế, chính sách***

Trong thời gian qua, một số cơ chế, chính sách, đã được Thủ tướng Chính phủ và các chính quyền địa phương liên quan ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định liên quan đến hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, cụ thể:

- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”. Đây là văn bản chính sách đầu tiên, bao quát nhất và là nền tảng về chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp của Việt Nam. Đề án được xây dựng và chủ trì triển khai thực hiện bởi Bộ Khoa học và Công nghệ, có phạm vi bao trùm toàn quốc.

- Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 7/02/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2017 và Quyết định số 3362/QĐ-BKHCN ban hành quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”. Theo Quyết định này, có 12 dự án và 03 đề tài cụ thể sẽ được triển khai với mục tiêu: Nâng cao năng lực cho các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, liên kết các hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Bên cạnh đó, còn các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các Quyết định, Kế hoạch, Chương trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Phần lớn các văn bản này được ban hành trong năm 2017. Tính tới tháng 10/2017, đã có 22 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản chính sách về vấn đề này.

Ngoài ra, còn một số đề án khác mà Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn có liên quan tới khởi nghiệp. Các đề án này không có liên hệ nào với Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” và mục tiêu đặt ra là tăng hiểu biết và hỗ trợ để các nhóm đối tượng liên quan khởi sự kinh doanh. Tuy nhiên, do tính bao trùm về phạm vi, các hỗ trợ trong các đề án này cũng có thể được sử dụng một phần cho khởi nghiệp sáng tạo. Cụ thể:

- Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”: (Đề án do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì).

- Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025”.



## 2. Một số nhóm biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Các văn bản pháp luật hiện hành đã nêu rõ các nhóm biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nhóm các hỗ trợ dành riêng cho doanh nghiệp khởi nghiệp (05 biện pháp) gồm:

- Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới.
- Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ.
- Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa.
- Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

Nhóm các hỗ trợ chung cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có các doanh nghiệp khởi nghiệp đáp ứng điều kiện (3 nhóm):

- Hỗ trợ thông tin cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Hỗ trợ tư vấn cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh; Hỗ trợ đào tạo nghề; Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm hỗ trợ cho các hộ kinh doanh chuyển sang Doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm:

- Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp .
- Trình tự, thủ tục đăng ký tư vấn, hướng dẫn miễn phí.
- Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp .
- Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu.
- Hỗ trợ lệ phí môn bài.
- Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán.

Nhóm hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị gồm:

- Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt.
- Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh.
- Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường.
- Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng.

### **3. Đánh giá hệ thống pháp lý và chính sách hỗ trợ khởi nghiệp**

#### ***Về quy định và chính sách hỗ trợ đối với khởi nghiệp:***

Nhìn chung, các quy định pháp luật và chính sách hỗ trợ khởi nghiệp tại Việt Nam còn thiếu đồng bộ, cụ thể và vẫn tồn tại nhiều xung đột, mâu thuẫn. Các quy định chủ yếu còn mang tính chung chung như hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, tham gia mua sắm, cung ứng dịch vụ công, hỗ trợ đào tạo... Phần lớn các chính sách này có phạm vi đối tượng rộng, dàn trải với đối tượng được hỗ trợ là gần như toàn bộ các Doanh nghiệp nhỏ và vừa mà chưa có sự định hướng riêng cho nhóm đối tượng đặc thù, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Mặc dù khi cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn để triển khai hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn các địa phương đã rõ ràng hơn, song phần lớn các quy định, hướng dẫn vẫn chưa đảm bảo được yêu cầu về tính cụ thể, đặc biệt là đối với việc thu hẹp, tập trung vào các nhóm đối tượng nhất định. Không ít trường hợp, các quy định, hướng dẫn của các địa phương chỉ đơn thuần là lựa chọn và nhắc lại một số nội dung của Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Đề án ban hành theo Quyết định số 844/QĐ-TTg gần như là văn bản duy nhất đặt ra các mục tiêu cụ thể mang tính định lượng về phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp với các mục tiêu ngắn hạn và trung hạn. Tuy nhiên, tương tự như phần lớn các đề án khác, các mục tiêu này chỉ mang tính định hướng, không ràng buộc trách nhiệm đối với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào, cũng không có biện pháp xử lý nào trong trường hợp không đạt được mục tiêu.

Bên cạnh đó, mặc dù hệ thống quy định và chính sách đã và đang ngày càng được hoàn thiện, nhiều nội dung cần hướng dẫn để cụ thể vẫn chưa có, dẫn đến tình trạng khó triển khai các quy định và chính sách trên thực tế.

#### ***Về các biện pháp hỗ trợ***

Nhìn chung, các văn bản chính sách về khởi nghiệp đều nhắc đến các biện pháp hỗ trợ thuộc 09 nhóm chính. Về phạm vi, có những nội dung chỉ đề cập trong Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” do là vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của trung ương (ví dụ các vấn đề về ưu đãi thuế), có những vấn đề về chi tiết mang tính thủ tục, thường chỉ nêu trong chính sách của các địa phương (ví dụ cải cách hành chính, tư vấn hỗ trợ về thủ tục). Về nội dung, các nhóm hỗ trợ được đề cập trong Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” cũng như ở các địa phương tương tự với các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp mà nhiều nước đang áp dụng, bao gồm cả các nước được đánh giá là có hệ sinh thái hiệu quả cho doanh nghiệp khởi nghiệp như: Ấn Độ, Malaysia, Singapore, Hàn Quốc.

## ***Về tính khả thi và hiệu quả hoạt động hỗ trợ***

Về cơ bản, hệ thống quy định và chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đang dần được hoàn thiện, tuy nhiên tính khả thi của các quy định và chính sách này còn rất hạn chế. Cụ thể:

- Về định mức hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã được quy định khá rõ trong các nghị định, tuy nhiên hai vấn đề ảnh hưởng tới tính khả thi của các chính sách hỗ trợ tài chính, đầu tư là: Tiêu chí lựa chọn và sự phối hợp của các cơ quan nhà nước vẫn còn rất hạn chế.

- Mặc dù Công thông tin quốc gia về khởi nghiệp đã chính thức ra đời nhưng các nội dung, thông tin và tính liên kết đến các công thông tin liên quan còn hạn chế. Vẫn thiếu các thông tin liên quan để kết nối các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và các nhà khởi nghiệp. Một số hoạt động như TechFest 2017 đã được triển khai và đạt được một số kết quả nhất định, tuy nhiên các hỗ trợ thực chất cho doanh nghiệp khởi nghiệp còn ít, vì hạn chế về kinh phí.

- Hướng dẫn cụ thể về hỗ trợ kinh phí cho hoạt động khởi nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước chưa được ban hành, vì vậy các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp từ các quỹ có nguồn gốc ngân sách gần như chưa thể triển khai.

- Các bộ, ban, ngành, tổ chức liên quan được giao nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng năm và 5 năm trên cơ sở Đề án cũng chưa cụ thể về hoạt động triển khai.

- Ở cấp địa phương, việc triển khai trên thực tế mới ở bước đầu, chưa thể đánh giá được kết quả. Đó là chưa kể tới, một số địa phương kế hoạch triển khai khá sơ sài, nhắc lại các hoạt động của Đề án là chủ yếu, không có biện pháp cụ thể. Ở cả hai cấp trung ương và địa phương, việc thực thi các văn bản chính sách không có giá trị bắt buộc từ góc độ pháp luật như thế này thường sẽ phụ thuộc vào quyết tâm của đơn vị chủ trì và sự tích cực, chủ động, nhiệt tình và năng lực của các đơn vị thừa hành. Kinh nghiệm từ nhiều Đề án khác cho thấy, hiệu quả thực tế của các chính sách này rất khác biệt ở các địa phương khác nhau.

Nhìn chung, quy định, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và việc triển khai các quy định, chính sách này hiện đang có những bất cập, hạn chế sau:

- Các quy định và chính sách hiện nay còn thiếu, chưa đồng bộ và còn những mâu thuẫn; Thiếu các quy định liên quan đến khung pháp lý cho hoạt động của các tổ chức hỗ trợ tài chính cho hoạt động khởi nghiệp, đó là quỹ đầu tư mạo hiểm và đầu tư “thiên thần”.

- Về cơ bản, các cơ quan nhà nước có liên quan chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thực tiễn hoạt động khởi nghiệp, nhất là về nhận thức, kỹ năng của cán bộ, khả năng đánh giá, giám sát.

- Hoạt động trợ giúp đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng vẫn chưa phát huy được tác dụng, còn chông chéo và phân tán, chưa có trọng tâm, trọng điểm. Tỷ lệ tiếp cận nguồn vốn tín dụng thấp, quỹ bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kém hiệu quả.

- Hỗ trợ từ phía cơ quan nhà nước cho khởi nghiệp còn hạn chế và dàn trải, chông chéo, kém hiệu quả. Trong khi đó, thực tế cho thấy, phần lớn các hoạt động hỗ trợ từ khu vực tư nhân đem lại hiệu quả tốt đối với cả hai phía là người hỗ trợ và doanh nghiệp khởi nghiệp mặc dù khung pháp luật cho hoạt động này vẫn còn thiếu và nhiều bất cập.

- Một số hạn chế từ phía các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng được tiếp nhận các hỗ trợ, ví dụ như kỹ năng quản trị, điều hành kinh doanh, xúc tiến, quảng bá phát triển. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng kém phát triển, thủ tục hành chính rườm rà cũng là những rào cản cho sự phát triển của hoạt động khởi nghiệp.

- Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trong ban hành cơ chế, chính sách và quá trình triển khai thực hiện hỗ trợ đối với hoạt động khởi nghiệp bao gồm:

- Năng lực của các cơ quan soạn thảo, tư vấn các quy định và chính sách còn hạn chế dẫn đến nhiều văn bản pháp luật và chính sách được ban hành thiếu tính khoa học, chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng và thiếu tính khả thi (chưa tạo điều kiện để lựa chọn đúng đối tượng hỗ trợ như mục tiêu đề ra).

- Thiếu sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình dự thảo, xây dựng quy định và chính sách, đặc biệt là các đối tượng trực tiếp như các doanh nghiệp khởi sự, các hiệp hội, các nhà đầu tư.

- Thiếu sự giám sát, đánh giá đối với các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đặc biệt là từ các nguồn của Nhà nước.

- Thiếu thông tin, thiếu chuẩn bị của nhiều nhà khởi nghiệp để nắm bắt, tiếp nhận các cơ hội, ưu đãi từ chính sách.

#### **4. Gợi ý chính sách**

Trước làn sóng khởi nghiệp và sáng tạo, Chính phủ Việt Nam rất nỗ lực xây dựng hệ thống pháp lý nhằm hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Tuy vậy, hệ thống mới chỉ bước đầu được hình thành và còn có nhiều dư địa để phát triển.

*Nghị định số 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đã quy định cụ thể vấn đề đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư vào Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.*

Ngoài ra, thực tiễn Việt Nam cũng cho thấy, không phải các thương vụ đầu tư khởi nghiệp lớn nhất đến từ hỗ trợ của Nhà nước mà là từ các nhà đầu tư tư nhân hoặc nước ngoài. Tuy nhiên, hệ thống chính sách hỗ trợ đầu tư khởi nghiệp dường như bỏ

qua sự tồn tại của các nguồn đầu tư này. Hiện Việt Nam còn thiếu hành lang pháp lý cho các tổ chức tài chính tư nhân, như các nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

Để cải thiện và nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà hoạch định chính sách có thể tham khảo một số khuyến nghị sau:

- Chính phủ cần cải thiện hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp chính thức một cách bài bản hơn nhằm khắc phục tất cả các hạn chế đã nêu. Vấn đề chính cần giải quyết ngay là phân cấp thực hiện chính sách một cách cụ thể, rõ ràng hơn. Ví dụ, chính quyền địa phương chỉ thực hiện các hỗ trợ phi tài chính, như thủ tục kinh doanh, thông tin, đăng ký doanh nghiệp. Tất cả các hỗ trợ khác về đầu tư, tài chính, thuế, có thể phân cho một cơ quan chuyên biệt cấp trung ương để áp dụng với doanh nghiệp khởi nghiệp toàn quốc. Cơ quan này có thể là một đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Nếu thực hiện theo cơ chế này thì có thể tăng cường tính hiệu lực, tập trung và giảm bớt chi phí thực thi của các chính sách.

Về cách thức hỗ trợ, Chính phủ nên đặt ra những điều kiện, tiêu chí chọn lọc phù hợp với biện pháp hỗ trợ. Ví dụ như với những loại hình hỗ trợ thông tin, tư vấn thì điều kiện dễ dàng hơn. Những loại hình hỗ trợ tài chính, đầu tư thì điều kiện cần chặt chẽ, kết hợp giám sát đầy đủ.

Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD (2007, 2010), Chính phủ cần tạo một hành lang pháp lý để khuyến khích chính khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào khởi nghiệp sáng tạo. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các nước đều có nhiều chính sách ưu đãi dành cho các cá nhân đầu tư cho khởi nghiệp, nhằm thu hút các nhà đầu tư tham gia và làm sôi động thị trường đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Ưu đãi giảm thuế thu nhập cá nhân là một trong những biện pháp phổ biến nhất để khuyến khích cá nhân đầu tư. Ngoài ra, cần khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo niêm yết trên các sàn chứng khoán như sàn cho doanh nghiệp mới để huy động vốn thị trường.

Một số nước lại có hình thức, Nhà nước đối ứng đầu tư với nhà đầu tư “thiên thần” nhằm giảm tỷ lệ rủi ro cho nhà đầu tư, đồng thời, tăng nguồn vốn mạo hiểm cho các doanh nghiệp khởi nghiệp ở giai đoạn đầu. Ngoài ra, Chính phủ cũng tạo điều kiện để phát triển các kênh trung gian gọi vốn cộng đồng để nhà đầu tư thiên thần có thể tiếp cận nguồn thông tin khởi nghiệp một cách nhanh chóng, rõ ràng, minh bạch hơn.

## **5. Kết luận**

Trong bối cảnh khởi nghiệp sáng tạo là một xu hướng tất yếu của sự phát triển thì hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp để trở thành một công việc có sự ưu tiên quan trọng, doanh nghiệp nhỏ và vừa khi khởi nghiệp sáng tạo cần nhìn nhận tổng quát về hệ thống pháp lý hỗ trợ cho mình khởi nghiệp tại Việt

Nam; thấy rõ một cách có hệ thống các cơ chế, chính sách cũng như các nhóm biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mà nhà nước Việt Nam đã đưa ra khi điều chỉnh vấn đề này. Chúng tôi đã nỗ lực đưa ra sự đánh giá khách quan về hệ thống pháp lý và chính sách hỗ trợ khởi nghiệp hiện hành. Chúng tôi phát hiện được những bất cập, hạn chế trong các quy định, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, có phân tích các nguyên nhân, đề từ đó, chúng tôi có những kết luận và gợi ý chính sách, đồng thời một số khuyến nghị cũng được đưa ra, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến chia sẻ, đóng góp của các nhà khoa học, các quý vị!

## **6. Danh mục tài liệu tham khảo**

1. Luật số 04/2017/QH14 Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
2. Nghị định số 34/2018/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
3. Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
4. Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;
5. VCCI (2016), “Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2015/2016: Chủ đề năm: hoạt động kinh doanh xã hội”;
6. VCCI (2017), “Báo cáo nghiên cứu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Kinh nghiệm quốc tế - Đề xuất giải pháp cho Việt Nam”;
7. GIZ (2012), “Start-up promotion instruments in OECD countries and their application in developing countries”;
8. Global Entrepreneurship Monitor, GEM 2015-2016 Global Report, 2016;
9. OECD (2007), OECD Framework for the Evaluation of SME and Entrepreneurship Policies and Programmes, Paris: OECD;
10. OECD (2009), Evaluation of Programmes Concerning Education for Entrepreneurship, report by the OECD Working Party on SMEs and Entrepreneurship, Paris: OECD;
11. OECD (2010), SMEs, Entrepreneurship and Innovation, Paris: OECD.

## **THÔNG TIN LIÊN HỆ**

TS. Trần Trung Vỹ

Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Hạ Long

Email: kttrantrungvy@gmail.com

ĐT:0913.508.571

# NHỮNG BẤT CẬP CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN

*TS. Dương Nguyệt Nga*

*Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Ngô Trọng Thế*

*Học viên Cao học, Luật Kinh tế, K26*

## **Tóm tắt**

*Đầu tư là một trong những yếu tố quan trọng phát triển kinh tế của một quốc gia. Từ sau khi đất nước thực hiện đổi mới, nền kinh tế nước ta dần hồi phục, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế và có những bước phát triển vượt bậc.*

*Luật Đầu tư 2014 kế thừa một số quy định của Luật Đầu tư 2005 và đưa ra một số quy định mới tạo ra một bước đột phá mạnh mẽ trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật chính sách về thủ tục đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch với thủ tục đầu tư đơn giản, thuận lợi và nhanh chóng hơn cho các nhà đầu tư. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực pháp luật về thủ tục đầu tư của Việt Nam còn một số hạn chế, bất cập. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thủ tục đầu tư của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN trong bối cảnh thực thi các cam kết quốc tế ở nước ta có ý nghĩa quan trọng đặc biệt cả về mặt lý luận và thực tiễn.*

**Từ khóa:** *thủ tục đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, đăng ký đầu tư*

## **1. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về cấp giấy chứng nhận đầu tư ở Việt Nam**

### **1.1. Chủ thể thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

#### **Cơ quan quản lý nhà nước về cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

Cơ quan quản lý nhà nước tham gia quan hệ pháp luật về thủ tục đầu tư tại Việt Nam với tư cách đại diện quyền lực nhà nước để quản lý và kiểm soát. Ở Việt Nam cơ quan quản lý hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được tổ chức theo ngành dọc thống nhất từ trung ương đến địa phương.

*Tại trung ương:* Thẩm quyền được phân công cho Bộ kế hoạch và đầu tư, làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý đối với hoạt động đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục đầu tư.

*Tại địa phương:* Theo Luật Đầu tư 2014 và Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định cơ quan tiếp nhận, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được giao cho Sở kế hoạch và đầu tư và Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

### ***Chủ thể đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư***

Luật Đầu tư 2014 quy định cụ thể các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, theo đó nhà đầu tư nước ngoài khi có dự án đầu tư tại Việt Nam bắt buộc thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

*Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam [5].*

Ngoài ra các tổ chức kinh tế trong nước có dự án đầu tư tại Việt Nam nhưng có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Đối với công ty hợp danh có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài thì khi có dự án đầu tư bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có đặc điểm như trên và nắm giữ 51% vốn điều lệ tại tổ chức kinh tế thì cũng phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT.

Trường hợp nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án thuộc trường hợp phải có chấp thuận chủ trương đầu tư thì vẫn phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT.

Ngoài những chủ thể bắt buộc trên thì đối với các nhà đầu tư khác nếu có nhu cầu xin cấp GCNĐKĐT vẫn có thể thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT như đối với các nhà đầu tư đó.

### ***Các chủ thể có liên quan khác***

Dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định. Như vậy dự án là một hệ thống các chuỗi công việc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, chu trình của một dự án bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau nhưng thường bao gồm 3 giai đoạn chính: giai đoạn xác định, nghiên cứu và lập dự án; giai đoạn triển khai thực hiện dự án; giai đoạn khai thác dự án. Trong các giai đoạn đó thì giai đoạn triển khai thực hiện dự án gồm nhiều thủ tục hành chính nhất, nội dung giai đoạn này bao gồm: Xin giao hoặc thuê đất theo quy định của Nhà nước (nếu có xây dựng); Thẩm định thiết kế công trình; Xin giấy phép xây dựng và giấy phép khai thác tài nguyên (nếu có xây dựng)...Có thể thấy đối với một dự án đầu tư xin cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì ngoài các chủ thể trên, còn có một số chủ thể khác tham gia vào quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như: Cơ quan quản lý đất đai, môi trường; cơ quan thuế, cơ quan quản lý xây dựng; Cơ quan thanh tra...các Cơ quan



này cùng phối hợp cho ý kiến thuộc phạm vi quản lý của mình đối với dự án đầu tư đó đến đầu mỗi tiếp nhận, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

## **1.2. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

Cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư [5]. Theo Luật Đầu tư 2014, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được giao cho các cơ quan sau:

### **Thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Sở Kế hoạch và Đầu tư có thẩm quyền tiếp nhận xử lý, điều chỉnh thông tin, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư sau:

+ Dự án đầu tư không nằm trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu chế xuất.

+ Dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và dự án đầu tư thuộc khu công nghiệp, các khu chế xuất, khu công nghệ cao tại các khu vực, địa phương chưa thành lập Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tại địa phương nơi nhà đầu tư đặt hoặc dự kiến đặt trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành để thực hiện dự án đầu tư tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư sau đây:

+ Dự án đầu tư được thực hiện trên địa bàn nhiều tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Dự án đầu tư thực hiện đồng thời ở trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

### **Thẩm quyền của Ban quản lý KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế**

Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, gồm:

- Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

- Dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Ngoài ra Luật Đầu tư 2014 có quy định rõ ràng về loại dự án và cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư tương ứng với từng dự án này theo Điều 30, 31, 32 Luật Đầu tư 2014.

### ***1.3. Trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***

#### ***Chuẩn bị hồ sơ***

Đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư chỉ cần chuẩn bị 01 bộ hồ sơ gốc. Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì nhà đầu tư chuẩn bị như sau: 04 bộ hồ sơ với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, 08 bộ hồ sơ với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ, 21 bộ đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc)

Về cơ bản bộ hồ sơ xin cấp GCNĐKĐT bao gồm:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;
- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;
- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;
- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;
- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;
- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

Tuy nhiên, tùy vào loại dự án đầu tư thì ngoài những giấy tờ, tài liệu liệt kê trên, nhà đầu tư còn phải chuẩn bị các hồ sơ khác kèm theo. Đối với dự án thuộc diện

quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ và Quốc hội thì còn bổ sung thêm các hồ sơ sau: Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. Riêng với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của quốc hội có thêm: đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có)

### ***Nộp hồ sơ***

Tùy thuộc vào dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp GCNĐKĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư hay Ban Quản lý khu kinh tế, khu chế xuất...mà NĐT nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký có thẩm quyền đó.

Đối với các dự án đầu tư không nằm trong diện thuộc quyết định chủ trương đầu tư sau khi nhận hồ sơ của nhà đầu tư 15 ngày Cơ quan đăng ký đầu tư cấp GCNĐKĐT cho Nhà đầu tư; Với những dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung sau:

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất;

- Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

- Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

- Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

- Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư).

Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Sau khi lấy ý kiến thẩm định xong thì Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện các bước để trình quyết định chủ trương đầu tư tương ứng với từng loại quyết định chủ trương đầu tư.

Thủ tục thực hiện quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ và Quốc hội trải qua nhiều giai đoạn thẩm định hơn, cụ thể:

- Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Chính Phủ, UBND cấp tỉnh phải xem xét và có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung sau:

+ Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (nếu có).

- Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội thì CQĐKĐT gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ KH&ĐT để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước. Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình của Chính phủ; Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; Tài liệu khác có liên quan. Cơ quan được Quốc hội giao chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; Sự cần thiết thực hiện dự án; Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có). Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án; Tên, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn, thời hạn thực hiện dự án; Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án; trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Công nghệ áp dụng; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) và thời hạn hiệu lực của Nghị quyết về chủ trương đầu tư.

Sau khi nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư Cơ quan đăng ký đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Nhà đầu tư.

Mặc dù dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, tuy nhiên dự án đầu tư đó được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê

duyệt thì sau khi CQĐKĐT lấy ý kiến thăm định đề cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư không cần phải trình xin quyết định chủ trương đầu tư.

## ***2. Những bất cập của pháp luật Việt Nam về thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư***

Thực tế cho thấy, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Bảo vệ môi trường và một số luật chuyên ngành khác... cũng điều chỉnh hoạt động đầu tư với phạm vi và mức độ khác nhau, nhưng chưa có sự phân định rõ ràng về phạm vi điều chỉnh, dẫn đến khó khăn trong việc phân định hoạt động đầu tư được điều chỉnh theo quy định của Luật Đầu tư và hoạt động đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật nêu trên. Mặc dù đã có nhiều cải cách theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhưng một số quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp còn thiếu cụ thể, chưa thật sự bảo đảm tính khả thi, cụ thể là:

- Luật Đầu tư chưa quy định cụ thể về khái niệm, mục đích, giá trị pháp lý, phạm vi áp dụng của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư phù hợp với từng hình thức đầu tư và nguồn vốn sử dụng, đồng thời chưa phân định rõ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư với thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tương ứng của Luật Đất đai và Luật Đấu thầu. Luật cũng chưa có quy định hợp lý về phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh.

- Quy định của Luật Đầu tư về hình thức đầu tư, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thủ tục góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và thủ tục triển khai dự án đầu tư (như điều chỉnh, tạm ngừng, giãn tiến độ, chấm dứt dự án đầu tư...) còn một số nội dung thiếu cụ thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Luật Đầu tư chưa làm rõ mục đích, giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; hình thức đầu tư ra nước ngoài chưa thật sự phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam; hồ sơ, trình tự quyết định đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước chưa được quy định thống nhất giữa Luật Đầu tư và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Quy định của Luật Doanh nghiệp về việc áp dụng luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục thành lập doanh nghiệp dẫn đến phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh

nghiệp, chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi có yêu cầu thay đổi hoạt động kinh doanh. Một số quy định về quản trị doanh nghiệp còn thiếu linh hoạt.

- Luật Đầu tư 2014 điều chỉnh hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Luật Đầu tư 2014 ra đời là một bước tiến quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế, quốc tế của Việt Nam, mở rộng quyền tự do kinh doanh cho doanh nghiệp, thủ tục đầu tư được cải cách tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư. Với phạm vi điều chỉnh rộng và vai trò quan trọng nên có thể xem Luật Đầu tư giữ vị trí là đạo luật “gốc” điều chỉnh chung cho hoạt động đầu tư.

Sau khi Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực, một số đạo luật chuyên ngành khác được ban hành hoặc sửa đổi. Do cùng điều chỉnh hoạt động đầu tư nhưng giữa các văn bản luật lại không có phân định rõ ràng phạm vi, đối tượng điều chỉnh. Đặc biệt đối với những hoạt động đầu tư được xem là đặc thù thì luật áp dụng là luật nào. Thí dụ: Trong quá trình hình thành dự án, Luật Đầu tư 2014 yêu cầu nhà đầu tư phải nộp “Đề xuất dự án đầu tư trong đó có nội dung về địa điểm đầu tư”. Tức là Nhà đầu tư phải có địa điểm đầu tư trước khi thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư. Thế nhưng, Luật Xây dựng 2014 tại Điều 46 lại nêu rõ cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng có trách nhiệm giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khi có yêu cầu. Còn tại Luật Nhà ở 2014 ở lại nêu rõ, Hồ sơ thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư yêu cầu phải có “Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan cấp phép có thẩm quyền phê duyệt và nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư”.

Thêm nữa, tại Luật Đầu tư 2014 quy định thủ tục quyết định chủ trương đầu tư không yêu cầu NĐT phải nộp quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường. Trong khi đó, tại Luật Bảo vệ môi trường 2014 lại yêu cầu phải có quyết định này làm căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Cụ thể, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục xin quyết định phê duyệt báo cáo tác động môi trường trước khi thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư [5].

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn rườm rà. Theo báo cáo của Bộ KH&ĐT, sau khi rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý và hiệu quả của các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với 243 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư. Kết quả rà soát cho thấy, trong số 5.826 điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với 243 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư thì có đến 2.833 điều kiện hiện đang được quy

định tại các văn bản được ban hành không đúng thẩm quyền, bao gồm cả các văn bản được ban hành trước và sau khi Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành [6].

Điều này dẫn đến tình trạng trong quá trình thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT lại phát sinh nhiều giấy phép con. Mặc dù Luật Đầu tư đã quy định rất cụ thể trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT nhưng các Bộ vẫn tiếp tục ban hành thêm những thông tư hướng dẫn trái thẩm quyền hoặc hết hiệu lực nhưng vẫn đang được áp dụng.

### **3. Một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về cấp giấy chứng nhận đầu tư.**

#### ***3.1. Đơn giản hóa các trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.***

Giảm thời gian xem xét, thẩm định hồ sơ cấp GCNĐKĐT. Để thực hiện được điều đó thì phải cắt giảm thời gian ở từng giai đoạn, nhất là giai đoạn lấy ý kiến thẩm định. Muốn vậy trước hết phải chuẩn hóa thủ tục cấp GCNĐKĐT, cụ thể:

**Thứ nhất**, Luật Đầu tư phải là đạo luật “gốc” quy định trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT. Nếu các văn bản quy phạm pháp luật có sự chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột thì căn cứ vào Luật đầu tư mà thực hiện. Chẳng hạn: Luật giáo dục đại học yêu cầu cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải có giấy chứng nhận đầu tư. Điều này hoàn toàn mâu thuẫn với quy định về trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT. Nên ở đây sẽ áp dụng các quy định của Luật đầu tư vào trường hợp “cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài” nhưng số vốn đáp ứng các điều kiện quy định của Luật đầu tư thì phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT. Ngoài ra còn có trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật cũng có sự mâu thuẫn về hồ sơ cấp GCNĐKĐT. Nếu mỗi cơ quan, các Bộ tùy nghi quy định hồ sơ, điều này làm khó nhà đầu tư khi không biết phải tuân theo yêu cầu của cơ quan nào. Vì vậy Luật đầu tư điều chỉnh các hoạt động đầu tư kinh doanh thì cứ hoạt động nào là đầu tư kinh doanh thì sẽ chịu sự điều chỉnh chung của Luật đầu tư. Như vậy CQĐKĐT, cơ quan liên quan và nhà đầu tư sẽ gỡ được nút thắt này, đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí cho nhà đầu tư.

**Thứ hai**, rà soát triệt để lại các trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT hiện hành. Từ đó xem các thủ tục nào có sự trùng lặp, thủ tục nào bắt buộc, thủ tục nào tùy nghi, trình tự nào không thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật. Để có cơ sở đánh giá và văn bản hướng dẫn cụ thể. Ví dụ: thủ tục “báo cáo đánh giá tác động của môi trường” thiết nghĩ là cần thiết trong hồ sơ cấp GCNĐKĐT. Để có cơ sở xin ý kiến của cơ quan môi trường về tác động của dự án đến môi trường như thế nào. Trên cơ sở đó cơ quan quản lý nhà nước có những biện pháp phù hợp.

#### ***3.2. Sự phối hợp giữa Cơ quan đăng ký đầu tư với các cơ quan có liên quan***

Để có cơ chế phối hợp nhịp nhàng thì giữa cơ quan đăng ký đầu tư với các cơ quan có liên quan xây dựng và ban hành quy chế phối hợp trong công tác lấy ý kiến

thẩm định dự án đầu tư để cấp GCNĐKĐT. Quy chế phối hợp phải quy định những vấn đề chủ yếu sau:

-Hiện nay, Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan vẫn còn có sự mâu thuẫn. Vì vậy giữa các cơ quan phải đưa ra những mâu thuẫn đó cùng nhau bàn bạc và xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ. Trên ý kiến chỉ đạo đó đưa vào quy chế phối hợp giữa các cơ quan.

- Thời gian cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời cho cơ quan đăng ký đầu tư. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan. Chế tài xử lý vi phạm.

### ***3.3. Chuẩn hóa quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***

Trên cơ sở đơn giản hóa các trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT dần dần đi đến việc chuẩn hóa trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Đó là cụ thể hóa điều kiện thực hiện, hồ sơ, trình tự thực hiện và kết quả thực hiện. Hiện nay, các địa phương hầu như tuân thủ quy định trình tự cấp GCNĐKĐT của Luật Đầu tư 2014. Tuy nhiên có sự nhập nhằng ở “địa điểm đầu tư” được Nhà đầu tư thực hiện ở giai đoạn nào? Trước khi lập hồ sơ hay sau khi lấy ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng. Vì vậy Luật đầu tư phải cụ thể hóa từng trình tự, thủ tục thực hiện cấp GCNĐKĐT. Bổ sung các quy định thẩm quyền cấp GCNĐKĐT phù hợp với thực tế tại các cụm công nghiệp và bổ sung trong danh mục hồ sơ cấp GCNĐKĐT.

Cùng với đó là giải pháp liên quan đến công khai, minh bạch thủ tục cấp GCNĐKĐT, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật trong trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT. Đó là biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, tạo ra một sân chơi bình đẳng, tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

Thiết lập duy trì đầu mối cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và xúc tiến đầu tư theo hướng thiết lập cổng thông tin quốc gia tập trung nhằm tạo thuận lợi tối đa và giảm thiểu chi phí cho việc tiếp cận thông tin, tìm kiếm cơ hội đầu tư và đối tác tại Việt Nam. Tránh tình trạng công thông tin giữa địa phương và chính phủ không thống nhất, khó quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực, các lợi thế cạnh tranh.

Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật đầu tư 2014 theo hướng: Bổ sung dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển vào diện chấp thuận chủ trương đầu tư để thống nhất với Luật Đất đai. Phân cấp cho UBND cấp huyện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án do hộ gia đình, cá nhân thực hiện để thống nhất với thẩm quyền quản lý đất đai của UBND cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai.



Sửa đổi khoản 8 Điều 33 về nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh để thống nhất với khái niệm chấp thuận chủ trương đầu tư được bổ sung tại Khoản 15a Điều 3 Luật này.

Sửa đổi các Điều 34 và 35 theo hướng quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan trực tiếp tiếp nhận, tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội để đơn giản hóa thủ tục, xóa bỏ sự trùng lặp về quy trình thẩm định chủ trương đầu tư giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Cơ quan đăng ký đầu tư.

#### ***3.4. Phát huy sáng kiến về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký đầu tư***

Thường xuyên phát động, tổ chức các cuộc thi viết “tìm kiếm sáng kiến về cải cách thủ tục cấp GCNĐKĐT”. Đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến tới đông đảo người dân thông qua các kênh thông tin đại chúng: cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình... Những sáng kiến hay, ứng dụng thực tế cao nên được cơ quan đăng ký đầu tư áp dụng thống nhất thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở và đô thị để tránh trùng lặp về thẩm quyền, thủ tục quyết định/chấp thuận đầu tư dự án nhà ở, đô thị theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật nhà ở, đô thị hiệu quả. Tuy nhiên sáng kiến đó phải tuân thủ Hiến pháp.

#### ***3.5. Loại bỏ một số dự án đầu tư thuộc diện phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư.***

Bao gồm dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên, các dự án mà điều kiện đầu tư, kinh doanh đã được quy định cụ thể tại điều ước quốc tế và pháp luật có liên quan như dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài; Bổ sung quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư của một số nước tháng 03 năm 2014*, Hà Nội.

3. Chính phủ (2015), *Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư*, Hà Nội.
4. Hoàng Phê (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam – Viện ngôn ngữ học – Nxb Đà Nẵng.
5. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư ngày 8 tháng 12 năm 2014*, Hà Nội.
6. Quốc hội (2016), *Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư 2014*, Hà Nội.
7. Quốc hội (2014), *Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014*, Hà Nội.
8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Báo cáo rà soát, xây dựng Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư, kinh doanh*,
9. Nguyễn Mạnh Hiền (2016), *Hội thảo "Luật sửa đổi, bổ sung các luật về đầu tư, kinh doanh"*, <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/90-6490-go-kho-trong-thuc-thi-luat-dau-tu-kinh-doanh-de-doanh-nghiep-phat-trien-.html>, cập nhật ngày 11/8/2016.
10. A world bank group flagship report (2016), *Doing business 2016 date 27/10/2015*.
11. Micheal A. Mc Pherson, Carl. Liedhohm (1996), *"Determinants of small and micro enterprise registration : Results from survey in Niger and Swaziland"*, World Development.

## THÔNG TIN CÁC TÁC GIẢ

### **TS Dương Nguyệt Nga**

Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân- Hà Nội

e-mail: ngadn71@gmail.com

điện thoại: 0947171842

### **Đồng tác giả: Ngô Trọng Thế**

Lớp Luật Kinh tế 26 Thái Bình

Cơ quan công tác Công an tỉnh Thái Bình

Điện thoại 0975582910

# KHUNG PHÁP LÝ VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHO KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

*ThS. Trần Thị Nguyệt*

*Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

## **Tóm tắt**

*Đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo cũng cần và có khung pháp lý và các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh này cần phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật. Bài viết này đề cập đến các quy định pháp luật về quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; cơ cấu tổ chức của quỹ này; vấn đề tăng hoặc giảm vốn góp của quỹ; việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ; cách phân chia lợi nhuận từ ở quỹ và vấn đề giải thể quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo này.*

**Từ khóa:** *Khung pháp lý; quỹ đầu tư; khởi nghiệp; khởi nghiệp sáng tạo.*

## **LEGAL FRAMEWORK ON INVESTMENT FUNDS FOR START-UP**

### **Abstracts:**

*Investment in startups is also needed and has a legal framework and the entities conducting this business need to strictly comply with the provisions of the law. This article deals with the law provisions on creative startup fund; organizational structure of this fund; problems of increasing or decreasing the contributed capital of the fund; an extension of the operation duration of the fund; how to divide the profit from the fund and dissolve the investment fund for this creative startup.*

**Keywords:** *Legal framework; investment funds; starting a business; creative start-up.*

### **I. Mở đầu**

Đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo là đầu tư cho các mô hình kinh doanh mới. Việc lập quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam là việc xây dựng thị trường vốn chuyên biệt cho những mô hình kinh doanh mới này. Những mô hình kinh doanh mới có khả năng nhân rộng phải là những mô hình tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới hoặc phương thức mới. Bản chất của mô hình mới này không dựa trên giá rẻ mà phải dựa trên tài sản trí tuệ, công nghệ mới, được khẳng định tính mới, tính sáng tạo và khả năng áp dụng công nghệ. Tính rủi ro cao khiến cho các quỹ đầu tư cho các dự án này

luôn phải đối mặt với nhiều thách thức có tính tồn vong. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, ngày 11/3/2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Theo đó, khung pháp lý về quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo đã được hình thành, tạo hành lang và sự an ổn cho các chủ đầu tư.

## **1. Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là gì**

**Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo** là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, chưa phải là công ty đại chúng.

**Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo** là quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để thực hiện đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

**Vốn góp của quỹ** là tổng giá trị tài sản do các nhà đầu tư đã góp vào quỹ đầu tư đã góp vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

**Công ty thực hiện quản lý quỹ** đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là công ty được thành lập theo pháp luật về doanh nghiệp, có ngành, nghề quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

*Các nhà đầu tư, đầu tư cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo theo các hình thức sau đây:*

- Góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

- Thành lập, góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo để thực hiện việc đầu tư.

Đối với doanh nghiệp đăng ký thành lập theo Luật doanh nghiệp có quyền thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Khi thực hiện hoạt động đầu tư này, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc bổ sung ngành, nghề đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 2. Sự cần thiết và mục đích thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

### *Sự cần thiết của việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*

Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (còn gọi là start-up), đã và đang khẳng định tiềm năng phát triển với vai trò quan trọng trong thời gian gần đây. Những câu chuyện khởi nghiệp nổi tiếng trên thế giới như Apple, Facebook hay Uber đã minh chứng Startup đang thay đổi thế giới và tạo ra giá trị kinh tế khổng lồ. Xu hướng toàn cầu cũng như yêu cầu thực tiễn về phát triển kinh tế xã hội của nước ta cho thấy tăng trưởng kinh tế không thể dựa vào những lợi thế cũ như tài nguyên thiên nhiên và lao động vốn đang bị mai một dần rẻ mà cần phải dựa trên đổi mới sáng tạo. Chính lực lượng các start-up là một trong những động lực mới của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, thúc đẩy nền kinh tế quốc gia phát triển tự chủ và bền vững.

Theo thông lệ quốc tế thì start-up là các cá nhân; nhóm cá nhân; tổ chức; doanh nghiệp đang trong quá trình hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh và hình thành mô hình kinh doanh có giá trị gia tăng cao, có khả năng tăng trưởng nhanh thông qua ứng dụng các thành tựu nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, quản lý để nâng cao hiệu quả kinh tế, năng suất, chất lượng hoặc giá trị của sản phẩm.

Để có thể khởi nghiệp thành công thì vấn đề vốn luôn là điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ một Start-up nào. Tuy nhiên, với bản chất rủi ro lớn của các Start-up thì các kênh huy động vốn truyền thống như vay vốn ngân hàng hầu như là không thể, vì vậy việc gọi vốn đầu tư cho start-up là rất quan trọng. Đầu tư mạo hiểm vào start-up chính là cung cấp nguồn lực để nuôi dưỡng thành công các ý tưởng đổi mới sáng tạo. Trên thế giới, thị trường đầu tư mạo hiểm cho Start-up đã phát triển từ nhiều năm trước và rất sôi động, tuy nhiên ở nước ta, hoạt động này mới bắt đầu nổi lên từ vài năm gần đây.

Trước đây, số lượng các quỹ đầu tư trong và ngoài nước cho khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam rất ít. Các quỹ ngoại như CyberAgent, 500 Startups, Golden Gate Ventures... hiện chỉ mở văn phòng đại diện tại Việt Nam. Một số quỹ đầu tư của các ngân hàng, công ty lớn như Vietcombank, BIDV, VPBank, VietA bank, Tổng công ty dầu khí có hoạt động đầu tư cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quỹ này hầu hết không đầu tư từ giai đoạn đầu và ***không đầu tư nhỏ mà chỉ đầu tư vào những dự án có quy mô thường vài trăm ngàn đô***. Ví dụ Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF) là Công ty liên doanh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Tập đoàn đầu tư đa quốc gia

Franklin Templeton Investments (FTI). Công ty đang quản lý hai quỹ mở là Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF (VCBF-TBF) và Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF. Các quỹ này đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và các trái phiếu Chính phủ Việt Nam. Do đó, hầu như không đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo. Việc thành lập và hoạt động của các quỹ này theo quy định của Luật Chứng khoán. Trong số các quỹ nội địa thì hiện tại mới có quỹ FPT Venture là đang tích cực thực hiện đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp.

Trung bình mỗi năm chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam nhận được đầu tư từ những quỹ đầu tư này. Trong khi đó nhu cầu về vốn của các start-up là rất lớn, thực tế là nhiều start-up Việt Nam đã thành lập công ty ở nước ngoài như ở Hong Kong hoặc Singapore... để có thể gọi vốn được thuận lợi hơn. Hiện nay, tại thị trường trong nước phần lớn các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam huy động vốn từ các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức chuyên đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp ở giai đoạn rất sớm, khi doanh nghiệp chưa có lợi nhuận; thậm chí đầu tư vào các cá nhân/ nhóm cá nhân chưa thành lập doanh nghiệp mà mới chỉ đang phát triển sản phẩm, dịch vụ (gọi là nhà đầu tư thiên thần).

Các nhà đầu tư thiên thần thực hiện hoạt động đầu tư mạo hiểm của mình chủ yếu dựa trên thông tin cũng như kinh nghiệm đánh giá tiềm năng của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và xu hướng thị trường trong và ngoài nước. Các cá nhân tin tưởng và cùng nhau đầu tư **khoảng 5.000-50.000 USD** thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khởi nghiệp, có vai trò như một cổ đông; hoặc đầu tư vào các nhóm cá nhân có ý tưởng khởi nghiệp để phát triển ý tưởng, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và hưởng tỉ lệ cổ phần trong doanh nghiệp khởi nghiệp theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

Qua khảo sát thực tiễn cho thấy hiện có nhiều nhà đầu tư tư nhân/đầu tư thiên thần có nhu cầu góp vốn hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo tuy nhiên để thành lập một quỹ đầu tư như mô hình quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán thì các điều kiện thành lập quá cao, khắt khe mà các nhà đầu tư quy mô nhỏ không thể đáp ứng. Thí dụ như: đối với quỹ đại chúng, một trong số các điều kiện thành lập là yêu cầu phải có ít nhất 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua chứng chỉ quỹ và tổng giá trị chứng chỉ quỹ đã bán đạt ít nhất là 50 tỷ đồng (điểm 1, Điều 90, Luật Chứng khoán); đối với quỹ thành viên: vốn thực góp tối thiểu là 50 tỷ đồng và có tối đa 30 thành viên góp vốn là pháp nhân; vốn tối thiểu để được thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán là 50 tỷ đồng (Điều 96, Luật Chứng khoán).

Hơn nữa, xét về bản chất thì đầu tư mạo hiểm cho Start-up không giống với đầu tư chứng khoán. Đối tượng đầu tư trong chứng khoán thường là các công ty đã

và đang hoạt động, có sản phẩm/hàng hóa trên thị trường, đã có doanh thu và thậm chí đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Trong khi đó, Start-up có thể là các cá nhân/nhóm cá nhân có ý tưởng sáng tạo đang trong quá trình hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh và hình thành mô hình kinh doanh tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có khả năng tăng trưởng nhanh. Do đó, nếu áp dụng quy định của Luật Chứng khoán cho quỹ đầu tư mạo hiểm khởi nghiệp sáng tạo sẽ không phù hợp và không khuyến khích các nhà đầu tư cùng nhau góp vốn thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm cho Start-up.

Nói tóm lại, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần được hỗ trợ vì những lợi ích mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mang lại cho nền kinh tế và vì những đặc điểm vốn có của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Cụ thể như sau:

- Đặc điểm nổi bật của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là tính sáng tạo trong mô hình kinh doanh. Nhờ tính sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tạo ra những giá trị mới cho xã hội, tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho xã hội, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở ra một mô hình kinh doanh mới cho nền kinh tế. Học giả John R. Dearie (2017) đã chỉ ra rằng, nhờ tính sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã có đóng góp rất lớn đến sự tăng trưởng kinh tế Mỹ những năm 1950. Tính sáng tạo này rất cần được khuyến khích để mở ra những hướng phát triển mới cho nền kinh tế.

- Như đã phân tích, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo luôn gắn với công nghệ, hoặc là sản phẩm công nghệ, hoặc là sử dụng phổ biến công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong bối cảnh xã hội loài người đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc thúc đẩy phát triển những DN gắn với công nghệ là một đòi hỏi tất yếu.

- Mặc dù có tiềm năng đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế, song lại có những trở ngại lớn cho sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Trở ngại đầu tiên, cũng giống như mọi sự bắt đầu khác, là vốn đầu tư. Trong mọi hoạt động kinh doanh, đều cần đến vốn đầu tư, song doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần một lượng vốn lớn do đặc điểm kinh doanh gắn với công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới. Trở ngại thứ hai, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thành lập từ một ý tưởng kinh doanh sáng tạo – một ý tưởng mới chưa từng có tiền lệ – bởi vậy, nó mới ở dạng tiềm năng, cần đầu tư thêm nhiều chất xám và công sức để hoàn thiện và hiện thực hóa ý tưởng đó. Tiếp đó, cũng do tính mới, tính sáng tạo nên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn, cần có sự hỗ trợ để vượt qua những rủi ro này.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không thể đi một mình. Phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cần ba trụ cột chính. Thứ nhất là nâng cao

năng lực, nhận thức, đặc biệt từ phía các địa phương và các trường đại học. Thứ hai, cần nâng cao truyền thông để tạo ra văn hóa khởi nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp, có nghĩa dám chịu, dám làm, dám đứng lên và bắt đầu lại sau thất bại. Thứ ba là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không nên một mình và phải liên kết. Trong hệ sinh thái thì Viện nghiên cứu, Trường đại học và tổ chức cá nhân, doanh nhân là như nhau. Vì vậy, cần học hỏi lẫn nhau về các bước đi phù hợp...

Ngoài ra, bên cạnh con người, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần có nguồn lực về tài chính, dù ít hay nhiều vẫn nên có “bà đỡ” ban đầu từ phía chính sách của địa phương để kích thích khu vực tư nhân tham gia với nhà nước hỗ trợ cho khởi nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thông qua việc khơi thông dòng vốn đầu tư mạo hiểm vào các Start-up cũng như những bất cập trong quy định pháp lý phân tích ở trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Đây là khung pháp lý rất cần thiết và tạo điều kiện hình thành sân chơi chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư mạo hiểm. Từ đó thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ khu vực tư nhân cho khởi nghiệp sáng tạo.

### ***Mục đích và yêu cầu của việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Không phải mọi doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đều được hỗ trợ. Đồng thời, hỗ trợ không có nghĩa Nhà nước đem cho doanh nghiệp bao nhiêu tiền, mà là tạo cơ hội, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ một phần chi phí khi thực hiện hoạt động cụ thể nào đó. Mức độ hỗ trợ cũng khác nhau, trong đó, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ nhiều nhất. Khi khởi nghiệp, với nguồn vốn hạn chế, khả năng kết nối đối tác chưa tốt, trong khi có rất nhiều thứ cần phải đầu tư nên việc tận dụng các hỗ trợ từ chính sách sẽ giúp công ty thuận lợi hơn trong những ngày đầu hoạt động. Các chính phủ đang có xu hướng khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh sáng tạo, tiếp cận với thế giới công nghệ, vươn mình đuổi theo công cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay. Với hỗ trợ từ phía chính phủ và 21 ngày chính bản thân mỗi doanh nghiệp cần nắm bắt cơ hội, mạnh dạn dấn thân và khởi nghiệp thực hiện ước mơ của mình.

### **3. Khái quát về quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo**

Nghị định 38 hướng dẫn về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đã được Chính phủ ban hành ngày 11/3/2018 hướng dẫn về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư



cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp nhận đầu tư từ tổ chức tài chính nhà nước của địa phương là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các tiêu chí:

- Doanh nghiệp đó hoạt động trong các lĩnh vực mà địa phương ưu tiên phát triển;
- Doanh nghiệp đó phải được ít nhất một trong các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo lựa chọn để đầu tư.

Định kỳ hàng quý, tổ chức tài chính nhà nước của địa phương cập nhật, công bố danh sách các doanh nghiệp nhận đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh.

Khoản vốn đầu tư từ tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương cho một doanh nghiệp nhận đầu tư không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp đó đã huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cùng đầu tư.

Thời hạn đầu tư từ ngân sách địa phương tối đa là 5 năm kể từ thời điểm đầu tư.

Như vậy, theo Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Căn cứ vào các điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương có chức năng đầu tư tài chính để thực hiện đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Quỹ đầu tư khởi nghiệp không có tư cách pháp nhân, do tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập. Quỹ đầu tư khởi nghiệp không được quyền góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp khác. Quỹ đầu tư hoạt động có thời hạn theo quy định tại điều lệ quỹ.

Tài sản góp vốn để thành lập quỹ bao gồm: Đồng Việt Nam, vàng, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tài sản có thể định giá được bằng đồng Việt Nam. Nhà đầu tư không được sử dụng vốn vay để góp vốn thành lập quỹ khởi nghiệp sáng tạo.

Những danh mục và hoạt động đầu tư của quỹ bao gồm:

- Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại;
- Đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi nhận đầu tư.

Toàn bộ số vốn góp và tài sản của các nhà đầu tư tại quỹ được hạch toán độc lập với công ty quản lý quỹ.

#### **4. Cơ cấu tổ chức của quỹ đầu tư khởi nghiệp**

Quỹ đầu tư khởi nghiệp có thể tổ chức theo một trong những mô hình sau đây:

- Đại hội nhà đầu tư và Công ty quản lý quỹ;

- Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ hoặc Giám đốc quỹ, Công ty quản lý quỹ;
- Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ và Giám đốc quỹ, Công ty quản lý quỹ.

### ***Công ty quản lý quỹ***

Các nhà đầu tư có thể thành lập hoặc thuê công ty quản lý quỹ.

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện thủ tục thành lập quỹ;
- Thông báo bổ sung ngành, nghề quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khi thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;
- Báo cáo thông tin định kỳ cho Ban đại diện quỹ, Giám đốc quỹ, trừ trường hợp điều lệ có quy định khác;
- Thông báo về việc tăng, giảm vốn góp của quỹ;
- Thông báo gia hạn thời gian hoạt động của quỹ;
- Thực hiện thủ tục giải thể quỹ.

### ***Đại hội nhà đầu tư***

Đại hội nhà đầu tư bao gồm tất cả những nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ và là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ.

Đại hội nhà đầu tư quyết định những vấn đề sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng với công ty quản lý quỹ (nếu có);
- Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay thế công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Giám đốc quỹ;
- Giải thể quỹ; tăng, giảm vốn góp của quỹ; gia hạn thời hạn hoạt động của quỹ;
- Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ gây thiệt hại cho quỹ;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ.

### ***Ban đại diện quỹ, Giám đốc quỹ***

Ban đại diện quỹ, Giám đốc quỹ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để đại diện cho nhà đầu tư.

Trừ điều lệ quỹ có quy định khác, Ban đại diện quỹ, Giám đốc quỹ có những nhiệm vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp pháp, tuân thủ, hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động của công ty quản lý quỹ;

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo do công ty quản lý quỹ thực hiện;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của công ty thực hiện quản lý quỹ, quản lý rủi ro và cảnh báo cho các nhà đầu tư.

### **5. Tăng, giảm vốn góp của quỹ**

Việc tăng, giảm vốn góp của quỹ phải tuân thủ theo những quy định sau đây:

- Điều lệ của quỹ có quy định về việc tăng, giảm vốn góp;

- Việc tăng, giảm vốn góp của quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Quỹ đầu tư tăng vốn bằng cách huy động vốn từ những nhà đầu tư hiện hữu hoặc những nhà đầu tư mới, trong trường hợp này phải đảm bảo số lượng nhà đầu tư không quá 30 nhà đầu tư.

Trong trường hợp giảm vốn, tài sản phân bổ cho các nhà đầu tư có thể là tiền hoặc tài sản khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc phân bổ một cách công bằng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các nhà đầu tư.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hoàn thành việc tăng, giảm vốn điều lệ, công ty quản lý quỹ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc tăng, giảm vốn điều lệ.

### **6. Gia hạn thời gian hoạt động của quỹ**

Việc gia hạn thời gian hoạt động quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư. Trong thời hạn 15 ngày trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính về việc gia hạn thời hạn hoạt động của quỹ.

### **7. Giải thể quỹ**

Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong những trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động được ghi trong điều lệ quỹ;

- Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước thời hạn ghi trong điều lệ quỹ;

- Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ban quản lý quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn 02 tháng kể từ khi phát sinh sự kiện;

- Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ quỹ.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông quan việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh về việc giải thể quỹ.

## **8. Phân chia lợi tức của quỹ**

Nhà đầu tư được nhận lợi tức theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và phương án phân chia được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Việc chi trả lợi tức phải đảm bảo nguyên tắc:

- Quỹ chỉ được chia lợi tức cho nhà đầu tư khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác;

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi tức quy định tại điều lệ quỹ;

- Mức chi trả do Đại hội nhà đầu tư quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ.

Tối thiểu 15 ngày trước khi phân chia lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ nhà đầu tư đăng ký.

## **II. Kết luận**

Xây dựng thị trường vốn chuyên biệt cho khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam là vấn đề thiết yếu và nan giải. Khung pháp lý cho việc xây dựng môi trường phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt nam hiện được cho là vẫn còn gặp nhiều khó khăn khiến cho các nhà đầu tư e ngại. Việc xây dựng quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, ngoài lợi ích kinh tế và xã hội quan trọng như nó vốn có, cần tuân thủ các quy định pháp luật căn bản, được quy định tập trung trong Nghị định 38/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

### **Danh mục tài liệu tham khảo**

1. Luật Đầu tư;
2. Luật Doanh nghiệp;
3. Nghị định 38/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
4. VnExpress, Startup, 21/5/2019, góc chuyên gia, hành trình khởi nghiệp: “Các chuyên gia đưa hiến kế giúp khởi nghiệp sáng tạo trong thời đại số”.

### **THÔNG TIN LIÊN HỆ**

**Th.S TRẦN THỊ NGUYỆT**

Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: hn.moon@yahoo.com

SĐT: 0912750957

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHUNG PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP VÀ VIỆC HUY ĐỘNG, TIẾP CẬN NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

*Hồ Quang Huy*

*Đoàn Thanh niên Bộ Tư pháp*

## **Tóm tắt**

*Bài viết đi vào phân tích một số vấn đề pháp lý nói chung đối với doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam hiện nay, sau đó đi sâu vào phân tích các khía cạnh pháp lý về huy động, tiếp cận nguồn lực về vốn (những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp khởi nghiệp trong việc tiếp cận nguồn lực này). Bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị để doanh nghiệp khởi nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận hơn với nguồn lực về vốn, từ đó tăng khả năng tồn tại, hoạt động, phát triển trên thị trường.*

**Từ khóa:** *Huy động, tiếp cận nguồn lực về vốn đối với doanh nghiệp khởi nghiệp*

## **I. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đặc biệt là chủ trương thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp như Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến 2020; Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 5 năm 2016 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”... Sự ra đời của các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, đề án trên đã tạo tiền đề và hành lang pháp lý cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, góp phần khuyến khích, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, tạo động lực quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực về chính sách, hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động khởi nghiệp, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên thực tế vẫn còn gặp nhiều vướng mắc liên quan đến pháp luật, nguồn vốn, sở hữu trí tuệ... đặc biệt là tiếp cận, huy động nguồn lực về vốn vẫn còn nhiều hạn chế. Thực tế đó đòi hỏi Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp cần phải có những giải pháp nhằm góp phần tăng cường năng lực tiếp cận, huy động nguồn lực về vốn giúp doanh nghiệp hoạt động, đứng vững trên thị trường.

## **II. Nội dung**

### **1. Khung pháp lý nói chung đối với hoạt động khởi nghiệp**

Năm 2016 được chọn làm năm quốc gia khởi nghiệp, Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách, nhóm giải pháp cụ thể để hỗ trợ các Doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo và thành công. Đó là các chính sách:

- Quyết định số 844/QĐ-TTg ban hành ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” (sau đây gọi là Đề án 844). Đây là văn bản chính sách đầu tiên, bao quát nhất và là nền tảng về chính sách hỗ trợ đối với startup của Việt Nam. Đề án được xây dựng và chủ trì triển khai thực hiện bởi Bộ Khoa học và Công nghệ, có phạm vi bao trùm toàn quốc;

- Quyết định 171/QĐ-BKHCN ngày 7/2/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2017 và Quyết định 3362/QĐ-BKHCN về việc ban hành quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”. Đây là 02 văn bản cấp Bộ nhằm triển khai Đề án hỗ trợ startup thông qua kênh đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia (nhiệm vụ hàng năm) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Các Nghị quyết của các Hội đồng nhân dân tỉnh, các Quyết định, Kế hoạch, Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Phần lớn các văn bản này được ban hành trong năm 2017, thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg. Tính tới 10/2017, đã có 22 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản chính sách về vấn đề này.

- Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”: Đây là Đề án do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, không có liên hệ nào với Đề án 844

- Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025”

Nổi bật nhất trong các chính sách kể trên là Đề án 844 “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung của Đề án nhằm phát triển từng thành phần của hệ sinh thái một cách đồng bộ và phát triển sự liên kết của các thành phần nhằm tạo hệ sinh thái bền vững, trong đó nhấn mạnh những nội dung cần thực hiện gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến khởi nghiệp ĐMST; Khuyến khích ĐMST cho doanh nghiệp khởi nghiệp; Nâng cao nhận thức của cộng đồng thông qua truyền thông và giáo dục cộng đồng về khởi

ng nghiệp ĐMST; Liên kết cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam với cộng đồng khởi nghiệp khu vực và quốc tế; Lựa chọn, hỗ trợ phát triển một số tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật hỗ trợ khởi nghiệp; Cung cấp các thông tin, dịch vụ tập trung cho khởi nghiệp.

Theo đó, Đề án 844 xác định rõ mục tiêu cụ thể và đưa ra chỉ số định lượng về phát triển startup tại Việt Nam:

<b>Loại</b>	<b>Mục tiêu</b>
Pháp luật	Hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
Thông tin	Thiết lập được cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia
Số lượng dự án được hỗ trợ	Giai đoạn đầu (không rõ mốc): 800 dự án Giai đoạn 2 (2025): 2000 dự án
Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ	Giai đoạn đầu (không rõ mốc): 200 doanh nghiệp, trong đó 50 doanh nghiệp gọi vốn thành công, tổng giá trị 1000 tỷ đồng Giai đoạn 2 (2025): 600 doanh nghiệp, trong đó 100 doanh nghiệp gọi vốn thành công, tổng giá trị 2000 tỷ đồng

Đề án 844 cũng đưa ra các biện pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp về cơ sở vật chất, thiết lập mạng lưới hỗ trợ startup, hỗ trợ kinh phí... Đề án 844 được triển khai khá tốt tại các địa phương. Bộ Khoa học và công nghệ cũng ban hành Công văn số 1919/BKH-CN-PTT/TTDN về việc hướng dẫn địa phương triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Đây là đề án đầu tiên có các chính sách quan tâm đến khởi nghiệp tại Việt Nam. Việc Đề án này được thông qua cho thấy vấn đề startup đã nhận được sự quan tâm của Chính phủ, các định hướng và công cụ hỗ trợ cũng đã được nhận diện. Hơn thế nữa, sau khi Đề án được thông qua, một loạt các tỉnh, thành triển khai rầm rộ thông qua các văn bản cấp địa phương như với Đề án này. Đây là điều khá hiếm thấy ở Việt Nam và là dấu hiệu khả quan cho thấy chủ đề startup đang thực sự trở thành mối quan tâm chung, một phong trào kinh tế có triển vọng ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp để hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2017. Chúng tôi nhận thấy các Bộ, ngành, địa phương đã sớm triển khai ban hành văn bản chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu, sửa đổi, bổ sung, ban hành một số các văn bản quy phạm pháp luật mới phù hợp với thực tiễn. Hơn nữa, lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan và tại địa phương cũng tích cực triển khai ban hành các văn bản, chính sách khuyến khích phát triển hệ sinh

thái khởi nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Đặc biệt, thực thi một trong những mục tiêu của Đề án 844 là hoàn thiện các quy định pháp luật, lần đầu tiên chế định về khởi nghiệp được quy định trong Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, có hiệu lực 1/1/2018. Theo Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, các startup đáp ứng các tiêu chí tại Điều 4 của Luật sẽ được hưởng hỗ trợ theo các nhóm sau:

Nhóm 8 hỗ trợ dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- + Hỗ trợ tiếp cận tín dụng, quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- + Hỗ trợ thuế, kế toán;
- + Hỗ trợ mặt bằng sản xuất;
- + Hỗ trợ công nghệ;
- + Hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung;
- + Hỗ trợ mở rộng thị trường;
- + Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý;
- + Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

Nhóm hỗ trợ dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sẽ được hưởng thêm nhiều hỗ trợ nữa từ phía nhà nước:

+ Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

+ Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng;

+ Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

+ Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

+ Cấp bù lãi suất thông qua cá tổ chức tín dụng (theo quyết định của Chính phủ);

+ Hỗ trợ cho đầu tư vào khởi nghiệp sáng tạo.



Như vậy, sự ra đời Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 và các nghị định hướng dẫn thi hành là cần thiết và kịp thời, đáp ứng nhu cầu cần hỗ trợ từ phía Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 đã chỉ định ra các khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là một trong 03 nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa đặc thù trong Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 (bên cạnh nhóm doanh nghiệp chuyên đổi từ hộ kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị). Và trước tốc độ phát triển nền cách mạng công nghiệp 4.0 thì khởi nghiệp sáng tạo xứng đáng nhận được sự quan tâm và các biện pháp hỗ trợ phát triển từ thông tin, thị trường, vốn, đào tạo, cơ sở vật chất... Các biện pháp hỗ trợ trên rất có ý nghĩa với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, từ đó thúc đẩy việc hình thành và phát triển hệ startup mới tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, liên quan đến các quy định pháp luật khác về khởi nghiệp có việc bãi bỏ Điều 292 khởi dự thảo Bộ luật Hình sự năm 2015. Trước đó tại Bộ luật Hình sự 2015, điều khoản này quy định tội danh cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông gây nhiều ý kiến trái chiều trong dư luận. Theo điều luật này, nếu cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ mà không có giấy phép hoặc không đúng nội dung được cấp phép, thu lợi 50-200 triệu đồng hoặc có doanh thu 0,5-2 tỷ đồng sẽ bị phạt tiền 200-500 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm. Bên cạnh kinh doanh vàng trên tài khoản, sàn giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh đa cấp thì hoạt động trung gian thanh toán, trò chơi điện tử trên mạng và các loại dịch vụ khác trên mạng máy tính, mạng viễn thông đều chịu quy định của điều luật này. Điều luật này có thể làm ảnh hưởng lớn đến cộng đồng startup, khiến họ nản sinh tâm lý sẽ ưu tiên chọn những quốc gia khác để khởi nghiệp, gây chảy máu chất xám. Việc bãi bỏ Điều 292 Bộ luật hình sự là phù hợp với xu thế phát triển kinh doanh qua mạng hiện nay.

## **2. Khung pháp lý về huy động và tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp**

Để thực thi Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 hiệu quả, ngày 11/3/2018, Chính Phủ đã ban hành 02 Nghị định hướng dẫn Luật: Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó nội dung đáng chú ý trong 02 Nghị định như sau:

*Thứ nhất, thành lập Quỹ đầu tư dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*

Theo đó, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để thực hiện đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Quỹ đầu tư khởi

nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, được thành lập bởi tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn và không có tư cách pháp nhân. Nhà đầu tư không được sử dụng vốn vay để góp vốn thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác và được đầu tư không quá 50% vốn Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo sau khi nhận đầu tư.

Nghị định đã quy định cụ thể địa vị pháp lý của Quỹ đầu tư, điều lệ, cách thức tổ chức quản lý Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Nghị định đặt ra quy trình thủ tục từ thông báo thành lập Quỹ đầu tư, Đại hội Quỹ đầu tư, giải thể Quỹ, chế độ phân chia lợi tức, chế độ tài chính kế toán.

*Thứ hai, cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*

Theo đó: Căn cứ vào Điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương có chức năng đầu tư tài chính để thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Cụ thể, tổ chức tài chính nhà nước của địa phương cho một doanh nghiệp nhận đầu tư quy định tại Điều 22 Nghị định này không vượt quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp đó huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cùng đầu tư.

Như vậy, Nghị định 38/2018/NĐ-CP đã tạo ra hành lang pháp lý về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo cũng như việc hỗ trợ tài chính từ các tổ chức tài chính nhà nước của địa phương với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

*Thứ ba, quy định chi tiết hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp và vừa khởi nghiệp sáng tạo*

Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết hơn các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Điều 6 và được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo tiêu chí về số lao độnggđj, tổng doanh thu hoặc tổng nguồn vốn.

Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định rõ hơn các phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các mức hỗ trợ cụ thể cũng được quy định trong Nghị định gồm có hỗ trợ về: (i) sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; (ii) thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới; (iii) ứng dụng, chuyển giao công nghệ; (iv) đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa; (v) sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

**Tuy nhiên trên thực tế, doanh nghiệp khởi nghiệp gặp phải rất nhiều rào cản pháp lý trong quá trình huy động vốn, tiếp cận nguồn lực về vốn, cụ thể như:**

**- Rào cản về tiếp cận vốn của tổ chức tín dụng**

Thực tế có nhiều doanh nghiệp lớn, hoạt động ổn định được ưu tiên tiếp cận vốn, nhưng đó lại là điểm khó khăn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với các doanh nghiệp khởi nghiệp, khó khăn không phải là công nghệ lạc hậu, trình độ lao động thấp mà chính ở những yêu cầu thông tin minh bạch, tài sản thế chấp, tỷ lệ vay vốn của các doanh nghiệp này còn rất hạn chế. Các doanh nghiệp khởi nghiệp phần lớn quy mô nhỏ, thậm chí rất nhỏ, chỉ là một nhóm cá nhân tập hợp để xây dựng ý tưởng sáng tạo, vốn chủ sở hữu và năng lực tài chính đều hạn chế, thiếu hoặc không có tài sản bảo đảm, quyền sở hữu đối với tài sản lại có thể không rõ ràng, chưa có sự hợp tác mạnh mẽ từ tổ chức tín dụng để cơ cấu lại hồ sơ xin vay. Chính những điều đó dẫn đến các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo vị mất đi cơ hội tiếp cận vốn kinh doanh tiềm năng.

Thực tế cho thấy, khả năng tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng của các doanh nghiệp chỉ ở mức 30%<sup>119</sup>. Việc tiếp cận vốn cho lần hiện tại đã khó, các lần tiếp cận vốn tiếp theo lại thêm phần khó khăn do khó duy trì tình trạng sử dụng vốn và chứng minh năng lực tài chính cho lần tiếp theo. Việc tiếp cận vốn không ổn định dẫn đến doanh nghiệp tìm kiếm các nguồn vốn phi chính thức với giá cao.

Câu hỏi đặt ra là: Tại sao vậy? Điều này xuất phát từ chính việc thực thi các điều kiện cho vay theo Luật Tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn thi hành và chính từ tâm lý sợ trách nhiệm của bên cấp tín dụng. Việc áp dụng điều kiện cấp tín dụng và năng lực của doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp thể hiện ở những điểm chính:

- Về việc xác định năng lực pháp luật dân sự của doanh nghiệp, năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng. Với các doanh nghiệp khởi nghiệp, người đại diện theo pháp luật của loại hình doanh nghiệp này thường được đánh giá rủi ro ở mức độ cao. Các tổ chức tín dụng thường phân định nhóm khách hàng khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo vào nhóm khách hàng SME (doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ), theo đó đây là nhóm có độ rủi ro cao, cơ chế thẩm định tín dụng và cấp tín dụng thường rất khó khăn so với nhóm khách hàng doanh nghiệp khác.

- Về điều kiện phương án sử dụng vốn khả thi. Điều này được xác định thông qua công tác thẩm định tính khả thi của phương án sử dụng vốn, thể hiện các nội

<sup>119</sup> Xem: Doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn khó tiếp cận tín dụng, <http://vcci.com.vn/doanh-nghiep-nho-va-vua-van-kho-tiep-can-tin-dung>, truy cập ngày 2.4.2018

dung: Tính pháp lý của dự án, phương án; Tổng nguồn vốn cần sử dụng, chi tiết các loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn cần sử dụng; Doanh thu, chi phí, lợi nhuận của phương án sử dụng vốn; Nguồn trả nợ của khách hàng: nguồn thu từ phương án, dự án kinh doanh hoặc các nguồn thu hợp pháp khác của khách hàng đảm bảo khả năng trả nợ; Thị trường sản phẩm... Đối với các chủ thể mới gia nhập thị trường, việc phân tích đánh giá khả năng sử dụng vốn khả thi với những “công thức” cho trước của các tổ chức tín dụng hầu như dẫn đến sự bế tắc về cơ hội vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp bởi lẽ tất cả các yếu tố được xem xét đều ở mức độ “khởi đầu”, không dễ dàng cho việc nhận được nguồn vốn.

- Phân tích, đánh giá về khả năng tài chính của khách hàng. Khách hàng được đánh giá là có khả năng tài chính để trả nợ (trừ khách hàng vay vốn có bảo đảm bằng số dư tiền gửi 100% giá trị nợ cho vay, bao gồm cả gốc và lãi tiền vay), thể hiện qua các tiêu chí cơ bản sau: Kinh doanh có hiệu quả, năm trước liền kề có lãi, trường hợp năm trước liền kề lỗ và/hoặc có lỗ lũy kế thì phải có phương án khắc phục lỗ khả thi và có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn trong thời hạn cam kết. Đối với pháp nhân mới thành lập, chưa có số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá khả năng tài chính của khách hàng thông qua phần vốn thực góp của các thành viên/cổ đông thể hiện trên cân đối kế toán của doanh nghiệp so với vốn điều lệ đã đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư.

Không có nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro tổ chức tín dụng cho vay và các TCTD khác tại thời điểm thẩm định cho vay, trừ trường hợp thuộc đối tượng chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền được tiếp tục cho vay hoặc khách hàng được cho vay tháo gỡ khó khăn quy định.

#### ***- Rào cản về khả năng tiếp cận các quỹ đầu tư rủi ro***

Thực tế hiện nay, doanh nghiệp khởi nghiệp thường sử dụng vốn từ tích lũy mà có, từ người thân, sau đó tiếp cận nguồn vốn của các quỹ đầu tư bên ngoài quan tâm đến lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp. Đây thường là những tổ chức, cá nhân chấp nhận rủi ro, yêu thích công nghệ, có thể đầu tư vào hoạt động công nghệ ngay từ thời điểm chưa hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp, ở giai đoạn xây dựng ý tưởng, tham gia ý kiến, sáng kiến cho hệ sinh thái mà ý tưởng khởi nghiệp hướng tới. Hiện nay, Việt Nam nổi lên như nhóm quốc gia có thị trường đầu tư mạo hiểm hàng đầu châu Á, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào vườn ươm doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, thời gian qua Chính phủ ban hành Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11.3.2018 quy định chi tiết về tiêu chí và thủ tục xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, phương thức và điều kiện được lựa chọn tham gia đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, trước khi có Nghị định 39/2018/NĐ-CP

ngày 11.3.2018 cho đến nay, khi Nghị định đã đi vào cuộc sống thì đây cũng chỉ là nguồn vô cùng hạn chế so với nhu cầu doanh nghiệp. Với 216.859 doanh nghiệp được thành lập mới và nguồn vốn đăng ký 1.295,9 nghìn tỷ trong năm 2017 thì nhu cầu tiếp cận vốn là vô cùng to lớn. Trong khi đó tổng vốn hỗ trợ từ năm 2013<sup>120</sup> là quá khiêm tốn so với nhu cầu doanh nghiệp. Chúng tôi đồng thuận với ý kiến của tác giả Xuân Thân khi cho rằng “thực tế cho thấy nguồn vốn điều lệ 2.000 tỷ của Quỹ là quá eo hẹp đối với nhu cầu hỗ trợ của hơn 500.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ trên phạm vi toàn quốc. Bộ KHĐT cho biết, qua những lần làm việc với các Hiệp hội, doanh nghiệp vừa và nhỏ đều có kiến nghị cần tăng nguồn vốn cho Quỹ để đáp ứng được nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời, theo kinh nghiệm Quốc tế của các nước cho thấy việc mở rộng các phương thức huy động vốn giúp Quỹ chủ động trong thực hiện Kế hoạch hoạt động và đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ.”<sup>121</sup> Nếu chỉ với “Nguồn vốn điều lệ 837,25 tỷ đồng của Quỹ được cấp từ Ngân sách Nhà nước cho năm 2016 đã là vốn môi của Nhà nước cho việc huy động các nguồn tài chính ngoài Nhà nước cùng tham gia hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ”<sup>122</sup>, chúng ta hoàn toàn có thể hình dung được cơ hội hiểm hoi của doanh nghiệp nhỏ và vừa có được nguồn tài chính từ quỹ hỗ trợ tài chính của Nhà nước với lãi suất ưu ái: 5,5% đối với các khoản cho vay ngắn hạn và 7% đối với các khoản cho vay trung và dài hạn<sup>123</sup>. Với nguồn hạn chế, điều kiện và phương thức tiếp cận vốn phức tạp, được trải rộng trên nhiều địa bàn làm cho người đọc hoàn toàn có thể hình dung được sự nguồn hỗ trợ này chỉ dừng lại ở mức độ rất khiêm tốn.

### **3. Một số đề xuất, kiến nghị**

#### ***3.1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận, huy động nguồn lực về vốn***

Về tiếp cận vốn vay: Cần quy định pháp lý về hoạt động của các Quỹ đầu tư thiên thần, Quỹ đầu tư mạo hiểm khác chưa được quy định cụ thể. Các Bộ, ngành trung ương kịp thời sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quỹ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quỹ đầu tư khởi nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng.

Mặc dù pháp luật hiện hành đã có nhiều cơ chế, chính sách và thể hiện bằng việc ban hành các văn bản pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận nguồn vốn. Tuy nhiên việc nhận được khoản tín dụng vẫn không phải là dễ dàng đối với các

---

<sup>120</sup> Năm mà Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ được thành lập và hoạt động theo Quyết định 601/QĐ-TTg/17/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>121</sup> Xem: Xuân Thân, Quỹ Phát triển DNNVV: Tăng nguồn vốn hỗ trợ, đổi phương thức cho vay <https://vov.vn/kinh-te/quy-phat-trien-dnnvv-tang-nguon-von-ho-tro-doi-phuong-thuc-cho-vay-558789.vov>, truy cập ngày 3.8.2018.

<sup>122</sup> Nguồn: <http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=91&idcm=30>, truy cập ngày 20.8.2018

<sup>123</sup> Nguồn: <http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=91&idcm=30>, truy cập ngày 20.8.2018

doanh nghiệp. Vì vậy Ngân hàng Nhà nước cần có sự phối hợp với các bên có liên quan, đặc biệt là các cấp ở địa phương để triển khai đồng bộ chính sách bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### **3.2. Về việc bảo đảm thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận, huy động nguồn lực về vốn**

3.2.1. Tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay trong nước bằng con đường truyền thống: vay vốn của tổ chức tín dụng

Mặc dù pháp luật hiện hành đã có nhiều cơ chế, chính sách và thể hiện bằng việc ban hành các văn bản pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận nguồn vốn. Tuy nhiên việc nhận được khoản tín dụng vẫn không phải là dễ dàng đối với các doanh nghiệp. Vì vậy Ngân hàng Nhà nước cần có sự phối hợp với các bên có liên quan, đặc biệt là các cấp ở địa phương để triển khai đồng bộ chính sách bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Với quy định hiện hành về điều kiện vay vốn tại tổ chức tín dụng, như đã phân tích, khá chung, dường như chỉ mang yếu tố định tính và “thít trách nhiệm của người quyết định cho vay” dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp để được vay vốn. Vì điều kiện không rõ ràng, để tránh trách nhiệm, các tổ chức tín dụng thường quy định “khẩu vị rủi ro” cao để không thực hiện cho vay đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp. Bên cạnh đó, việc chứng minh những điều kiện được ưu đãi theo quy định pháp luật lại không dễ dàng và đáp ứng về yếu tố thời gian. Để giải quyết những vấn đề này, thiết nghĩ Ngân hàng Nhà nước cần quy định rõ điều kiện cấp tín dụng cho nhóm chủ thể mới này. Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30.12.2016 chưa giải quyết được những vấn đề này.

Đi đôi với việc quy định cụ thể điều kiện vay vốn, các cấp có thẩm quyền cũng cần có quan điểm rõ ràng về việc “không hình sự hóa các quan hệ kinh tế” khi không có yếu tố vụ lợi, để tạo chủ động cho cá nhân quyết định tín dụng phục vụ cho nhóm chủ thể khởi nghiệp đang gặp khó khăn tài chính.

Một nội dung nữa cũng có thể cân nhắc điều chỉnh, đó là có quy định ưu đãi hoặc cơ chế tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn để cho vay đối với doanh nghiệp khởi nghiệp với tỷ trọng lớn. Chỉ có cách thức như vậy, cơ hội có vốn mới có khả năng trở thành hiện thực.

Đối với các tổ chức tín dụng. Nguồn vốn chỉ có thể được chuyển giao khi có quyết định cho vay/cấp tín dụng của từng tổ chức tín dụng. Vì vậy, nếu các tổ chức tín dụng đa dạng hóa hơn nữa các sản phẩm cho vay, tạo điều kiện cho nhóm chủ thể doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp thì cơ hội có vốn sẽ cao hơn. Những giả định có thể đặt ra như: tổ chức tín dụng rút ngắn quy trình cấp tín dụng, phát triển hoạt động cho vay khép kín từ khâu cho vay, giám sát sử dụng vốn thông qua kiểm soát dòng tiền của

toàn bộ quá trình (từ khâu thu mua, sơ chế, sản xuất, xuất khẩu và thanh toán...), sẽ là biện pháp giảm bớt rủi ro.

Bên cạnh việc rút gọn quy trình cấp tín dụng, cũng cần sử dụng tối đa thông tin có được về khách hàng vay vốn – doanh nghiệp vừa và nhỏ hay doanh nghiệp khởi nghiệp. Nguồn thông tin tiếp cận quan trọng chính là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu vay vốn. Đây là tài liệu quan trọng để bên cho vay “chăm điểm tín dụng đối với khách hàng”. Để đánh giá chất lượng thông tin, thông qua đó có cơ sở cho việc quyết định cho vay, tổ chức tín dụng thường quan tâm tới dòng tiền, dự báo dòng tiền, tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính<sup>124</sup>. Những yếu tố này có thể giúp cho tổ chức tín dụng quyết định lượng tín dụng sẽ cấp và các điều kiện đi kèm.

3.2.2. Bên cạnh việc Ngân hàng Nhà nước phối hợp cùng với các bộ ngành có liên quan để thực hiện cơ chế bảo lãnh vay vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hay doanh nghiệp khởi nghiệp, cần nhanh chóng thành lập các quỹ đặc biệt của Nhà nước giành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo. Các quỹ có thể đặt ra như Quỹ đầu tư tác động, Quỹ sáng kiến trong giai đoạn đầu, Quỹ đầu tư mạo hiểm theo ngành nghề của Nhà nước. Hoạt động của các quỹ này bên cạnh nguồn vốn “môi” của Nhà nước, cũng có thể áp dụng cơ chế “xã hội hóa” nguồn vốn. Phương thức xã hội hóa có thể cân nhắc thực hiện như gọi vốn cộng đồng, góp vốn của các quỹ đầu tư mạo hiểm.

Với Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp, cần cân nhắc nới rộng giới hạn khoản hỗ trợ tài chính, tránh tình trạng “rải mảnh mảnh”, mục tiêu đầu tư sẽ không đạt được. Thực tế cho thấy, để nhận được nguồn tài chính trực tiếp từ quỹ đầu tư thường rất khó khăn, vì vậy Nhà nước có thể áp dụng đầu tư công (theo địa chỉ và đơn đặt hàng) để hình thành những vườn ươm khởi nghiệp có quy mô lớn.

3.2.3. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đăng ký vốn tại các Quỹ đầu tư khởi nghiệp, nhà đầu tư thiên thần. Có hướng dẫn cụ thể về trình tự thủ tục đăng ký kêu gọi vốn tại các Quỹ. Giảm gánh nặng tài chính, miễn thuế trong giai đoạn khởi nghiệp, cung cấp các dịch vụ liên quan đến thủ tục đăng ký vay vốn, cung cấp phần mềm kế toán...

### ***3.3. Về việc tuân thủ pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận, huy động nguồn lực về vốn***

Các chính sách, biện pháp hỗ trợ về vốn đã được quy định rõ ràng trong Luật và Nghị định, các Quỹ và nhà đầu tư thiên thần hiện nay rất nhiều. Các doanh nghiệp nên chủ động tìm các nguồn huy động vốn, nắm rõ trình tự thủ tục vay vốn và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đảm bảo việc vay vốn được thành công.

<sup>124</sup> Xem: Nguyễn Bích Ngọc, Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa – đối tượng sử dụng và chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính, Tạp chí Khoa học Ngân hàng và đào tạo, số 192 – tháng 5.2018, trang 33

### **III. Kết luận**

Với những nghiên cứu về khung pháp lý nói chung cũng như pháp luật về huy động, tiếp cận nguồn lực về vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam hiện nay, bài viết hi vọng mang đến những gợi ý thiết thực cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong quá trình tiếp cận, huy động các nguồn lực về vốn, làm cơ sở để doanh nghiệp có thể đứng vững trong quá trình xây dựng, vận hành trên thị trường.

### **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

Hồ Quang Huy

Đoàn Thanh niên Bộ Tư pháp

Mobile: 0912 276 642



# CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM

*TS. Nguyễn Thị Phương Linh*

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*TS. Đoàn Xuân Hậu*

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

## **Tóm tắt:**

*Khởi nghiệp sáng tạo đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh cách mạng 4.0. Để thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, Nhà nước đã và đang đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp và cá nhân có ý định khởi nghiệp sáng tạo. Bài viết dưới đây trình bày cơ sở lý luận, thực trạng và kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.*

**Từ khóa:** *khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, chính sách hỗ trợ*

## **1. Cơ sở lý luận về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

### **1.1. Sự cần thiết thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình hình thành và phát triển phải đương đầu với nhiều trở ngại. *Thứ nhất*, là vốn đầu tư. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần một lượng vốn lớn do đặc điểm kinh doanh gắn với công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới. *Thứ hai*, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thành lập từ một ý tưởng kinh doanh sáng tạo – một ý tưởng mới chưa từng có tiền lệ – bởi vậy, nó mới ở dạng tiềm năng, cần đầu tư thêm nhiều chất xám và công sức để hoàn thiện và hiện thực hóa ý tưởng đó. *Thứ ba*, cũng do tính mới, tính sáng tạo nên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn, cần có sự hỗ trợ để vượt qua những rủi ro này.

Phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cần ba trụ cột chính. *Thứ nhất* là nâng cao năng lực, nhận thức, đặc biệt từ phía các địa phương và các trường đại học. *Thứ hai*, cần nâng cao truyền thông để tạo ra văn hóa khởi nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp, có nghĩa dám chịu, dám làm, dám đứng lên và bắt đầu lại sau thất bại. *Thứ ba* là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần phải liên kết với Viện nghiên cứu, Trường đại học và tổ chức cá nhân...

Do đó, các chính sách hỗ trợ sẽ giúp doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vượt qua được các khó khăn của những ngày đầu gia nhập thị trường, phát triển bền vững và đem lại các giá trị hữu ích cho nền kinh tế và xã hội.

## ***1.2. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là quá trình phức tạp chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố như:

### ***1.2.1. Yếu tố môi trường chính trị***

Những biến đổi trong hoàn cảnh chính trị có tác động đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Thành phần trước tiên và cũng quan trọng nhất của một hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đó là chính sách của chính phủ. Điều này không chỉ liên quan đến các lĩnh vực quan hệ trực tiếp với doanh nghiệp khởi nghiệp nhỏ hay tinh thần khởi nghiệp, mà đối với một phạm vi rộng các chính sách liên quan đến hệ thống thuế, các dịch vụ tài chính, viễn thông, giao thông, thị trường lao động, hỗ trợ công nghiệp, giáo dục và đào tạo, cơ sở hạ tầng và y tế. Khi môi trường chính trị ổn định thì chính phủ có xu hướng chú ý đến ban hành và thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của quốc gia.

### ***1.2.2. Yếu tố môi trường kinh tế***

Những thay đổi về điều kiện kinh tế có tác động to lớn đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Một dự án hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải dựa vào những điều kiện kinh tế. Nhà nước có ngân sách dồi dào ưu tiên cho việc thực hiện chính sách hay Nhà nước thắt chặt việc hỗ trợ cho doanh nghiệp. Ví dụ như việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không phải là phương pháp hữu hiệu nhất giúp các doanh nghiệp thoát khỏi tình cảnh bấp bênh, khó khăn lúc mới bắt đầu, nhưng đây lại là một giải pháp tạo động lực, tạo niềm tin cho doanh nghiệp, đồng thời đây cũng chính là trong số những giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu. Việc Nhà nước có những chính sách giảm thuế sẽ giúp doanh nghiệp mới khởi nghiệp rất lớn vì có thể tiết kiệm được chi phí và chuyển dòng vốn sang phục vụ cho công tác đầu tư, đồng thời giảm chi phí trả lãi tiền vay, từ đó giảm giá thành, chi phí sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì những thay đổi của thế giới (bao gồm cả thay đổi chính sách của nhà nước và các tổ chức kinh tế thế giới, các tổ chức khu vực) có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua ảnh hưởng của chúng đến môi trường các nước, đặc biệt đối với những doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sự thay đổi chính sách của các nhà đầu tư, các quỹ đầu tư thiên thần trực tiếp ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng thời điểm cụ thể mà mức độ ảnh hưởng của môi trường kinh tế quốc tế đến chính sách hỗ

trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ khác nhau. Việc thực hiện tốt được chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hay không phụ thuộc rất lớn vào yếu tố môi trường kinh tế của Nhà nước và môi trường kinh tế quốc tế.

### *1.2.3. Yếu tố môi trường xã hội*

Phong trào khởi nghiệp ngày càng sôi nổi và bắt đầu phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Đây là điểm thuận lợi cho chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhanh chóng đi vào đời sống, tạo làn sóng khởi nghiệp mạnh mẽ. Nếu phong trào này thành công, doanh nghiệp khởi nghiệp chính là những đối tượng tạo ra nhiều việc làm, mang lại giá trị gia tăng vượt bậc cho nền kinh tế của mỗi quốc gia.

### *1.2.4. Yếu tố môi trường công nghệ*

Khởi nghiệp sáng tạo, là quá trình khởi nghiệp dựa trên các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa và có khả năng tăng trưởng nhanh. Yếu tố cơ sở hạ tầng công nghệ là nền tảng để các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thành công.

Các vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao là môi trường để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng nổ mạnh mẽ công nghệ chính là phần hồn của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng. Công nghệ sẽ là yếu tố để thực hiện tốt chính sách và làm doanh nghiệp bứt phá vươn tầm thế giới.

### *1.2.5. Chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện chính sách*

Tổ chức bộ máy hành chính chịu trách nhiệm thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện chính sách. Việc tổ chức thực hiện chính sách cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đòi hỏi sự chung tay đồng bộ của các ngành, lĩnh vực ở các cấp. Các mối quan hệ liên chính quyền như được thể hiện ở các chương trình mục tiêu quốc gia, hoặc các mối quan hệ giữa các địa phương như các chương trình của từng tỉnh, vùng có thể ảnh hưởng quan trọng đến việc thực thi chính sách. Vì vậy nếu trong nội bộ chủ thể thực hiện chính sách có sự chòng chéo, mâu thuẫn sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

## ***1.3. Các đặc điểm nội dung của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Các quốc gia thường đưa ra các chương trình hỗ trợ, khuyến khích người dân tham gia khởi nghiệp thông qua các chính sách thúc đẩy thành lập doanh nghiệp, trợ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các đề án hỗ trợ cộng đồng khởi nghiệp với nhiều ưu đãi nhằm tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá

trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

### *1.3.1. Xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia*

Chiến lược khởi nghiệp quốc gia là một chương trình được lên kế hoạch thực hiện trong chuỗi giá trị giúp doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tốt hơn, hiệu quả hơn. Tùy vào thể mạnh riêng, mỗi quốc gia và địa phương chọn cho mình những lĩnh vực ưu tiên phù hợp, sau đó Nhà nước sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động hiệu quả.

### *1.3.2. Tối ưu hóa môi trường pháp lý*

Môi trường pháp lý cần hướng đến nâng cao tinh thần khởi nghiệp của các cá nhân trong xã hội nhằm thực hiện những ý tưởng kinh doanh mới trên cơ sở chấp nhận rủi ro có thể tính toán được. Nội dung chính sách đưa ra các giải pháp tối ưu hóa môi trường pháp lý về khởi nghiệp của một quốc gia, cụ thể: (i) Rà soát các yêu cầu pháp lý khởi nghiệp; (ii) Giảm thiểu rào cản pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp; (iii) Xây dựng niềm tin cho doanh nghiệp khởi nghiệp về môi trường pháp lý; và (iv) Hướng dẫn các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

### *1.3.3. Tăng cường giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển các kỹ năng*

Trọng tâm của kỹ năng khởi nghiệp bao gồm kỹ năng mềm và các năng lực chuyên môn cần có như kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, kế hoạch kinh doanh, năng lực tài chính và kỹ năng quản lý. Chính sách và các chương trình giáo dục khởi nghiệp hiệu quả tập trung vào phát triển năng lực kinh doanh và kỹ năng cần thiết trong các điều kiện công việc cụ thể nhằm nâng cao năng lực khởi nghiệp và phát triển văn hóa khởi nghiệp trong xã hội.

### *1.3.4. Tạo điều kiện trao đổi và đổi mới công nghệ*

Khởi nghiệp và công nghệ luôn hỗ trợ lẫn nhau. Tại các nước đang phát triển, cả hai yếu tố này đều quan trọng tùy vào mức độ phát triển kinh tế, tỷ lệ ứng dụng công nghệ và khả năng đổi mới của doanh nghiệp. Các quốc gia có thể áp dụng các giải pháp như: (i) Hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin và truyền thông cho khu vực tư nhân; (ii) Tăng cường mạng lưới liên kết, cụm công ty, cụm ngành nhằm phổ biến công nghệ và đổi mới; (iii) Xây dựng cầu nối giữa cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, các trường đại học và khu vực tư nhân; và (iv) Hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ cao.

### *1.3.5. Hỗ trợ tiếp cận tài chính*

Các giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp tiếp cận tài chính như: (i) Tăng cường tiếp cận với các dịch vụ tài chính; (ii) Đẩy mạnh tài trợ cho đổi mới công nghệ; (iii) Nâng

cao năng lực cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính để phục vụ khởi nghiệp; và (iv) Cung cấp các chương trình đào tạo về tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

### *1.3.6. Nâng cao nhận thức về khởi nghiệp và thiết lập các cụm liên kết, cụm ngành công nghiệp, các hiệp hội hỗ trợ*

Các quốc gia có thể áp dụng các giải pháp cụ thể như: (i) Nâng cao hiểu biết cộng đồng về giá trị của khởi nghiệp và giải quyết những thành kiến tiêu cực trong nhận thức xã hội, (ii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về các cơ hội khởi nghiệp; và (iii) Khuyến khích các sáng kiến trong khu vực tư nhân và tăng cường mạng lưới giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp.

## **2. Thực trạng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

### ***2.1. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Với tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp, trong những năm qua, Chính phủ đã có rất nhiều chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tùy vào từng trường hợp mà các hỗ trợ liên quan đến thủ tục pháp lý, mặt bằng sản xuất, văn phòng làm việc, công nghệ, đào tạo nhân lực, bảo lãnh tín dụng, tiếp nhận vốn từ các quỹ đầu tư, thị trường tiêu thụ, xúc tiến thương mại, kết nối đối tác, thuế thu nhập doanh nghiệp... Các hỗ trợ này được củng cố thêm trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quốc hội thông qua và có hiệu lực vào ngày 1/1/2018.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách quan trọng, trong đó gần đây là Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020, đặt mục tiêu tới năm 2020 Việt Nam có 1 triệu doanh nghiệp (hiện nay mới có trên 500.000 doanh nghiệp).

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 về việc phê duyệt Đề án “*Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*” hướng tới cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí của Đề án.

Ngoài đề án “*Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*”, Chính phủ còn nhiều các giải pháp, chính sách trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp khác và đã triển khai thường xuyên và rầm rộ các chương trình

hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo như Chương trình Đối tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam - Phần Lan, Dự án đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo thông qua nghiên cứu, khoa học và công nghệ, Dự án xây dựng chính sách đổi mới và phát triển các cơ sở ươm tạo Doanh nghiệp...; và các sự kiện cho khởi nghiệp Techfest, Demoday, HatchFair, Venture Cup, StartupWeekend, Startup Fair Danang...

Các văn bản chính sách cấp trung ương và địa phương, đưa ra các định hướng, mục tiêu và giải pháp cơ bản về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong phạm vi toàn quốc và từng địa phương. Các chính sách này không có giá trị áp dụng bắt buộc (không phải quy phạm pháp luật) nhưng lại tạo cơ sở để thúc đẩy các cơ quan có thẩm quyền triển khai các hoạt động thực tế.

Cụ thể, các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam bao gồm:

- Quyết định số 844/QĐ-TTg ban hành ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (sau đây gọi là Đề án 844). Đây là văn bản chính sách đầu tiên, bao quát nhất và là nền tảng về chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam. Đề án được xây dựng và chủ trì triển khai thực hiện bởi Bộ Khoa học và Công nghệ, có phạm vi bao trùm toàn quốc;

- Quyết định 171/QĐ-BKHCN ngày 7/2/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2017 và Quyết định 3362/QĐ-BKHCN về việc ban hành quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”. Đây là 02 văn bản cấp Bộ nhằm triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua kênh đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia (nhiệm vụ hàng năm) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Các Nghị quyết của các Hội đồng nhân dân tỉnh, các Quyết định, Kế hoạch, Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Phần lớn các văn bản này được ban hành trong năm 2017, thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg. Tính tới 10/2017, đã có 22 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản chính sách về vấn đề này.

- Ngoài ra, còn có một số Đề án khác mà Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn có liên quan tới khởi nghiệp. Các Đề án này không có liên hệ nào với Đề án 844 và mục tiêu đặt ra là tăng hiểu biết và hỗ trợ để các nhóm đối tượng liên quan khởi sự kinh doanh (không nhất thiết gắn với sáng tạo). Tuy nhiên do tính bao trùm về phạm vi, các hỗ trợ trong các Đề án này cũng có thể được sử dụng một phần cho khởi nghiệp sáng tạo:

+ Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”. Đây là Đề án do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, không có liên hệ nào với Đề án 844.

+ Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025”.

Ngoài các chính sách trên, Chính phủ còn nhiều các giải pháp, chính sách trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khác và đã triển khai chúng thường xuyên và rầm rộ các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo như:

Chương trình đối tác đổi mới sáng tạo Việt Nam - Phần Lan, dự án đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo thông qua nghiên cứu, khoa học và công nghệ, Dự án xây dựng chính sách đổi mới và phát triển các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...; và các sự kiện cho khởi nghiệp Techfest, Demoday, HatchFair...

## ***2.2. Các văn bản hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật hỗ trợ về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là một trong các mục tiêu chính sách về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nêu trong Đề án 844. Thực hiện mục tiêu này, chế định về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã lần đầu tiên được hình thành trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật SME), thông qua 6/2017, có hiệu lực từ 1/1/2018.

Hiện các cơ quan liên quan đang triển khai xây dựng 04 Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật này, dự kiến sẽ được thông qua trước ngày 1/1/2018 để có hiệu lực cùng thời điểm với Luật SME. Cụ thể, các Dự thảo Nghị định này bao gồm:

*Thứ nhất*, Nghị định hướng dẫn một số Điều của Luật SME (Nghị định hướng dẫn chung về phần lớn các nội dung căn hướng dẫn trong Luật SME)

*Thứ hai*, Nghị định hướng dẫn về đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

*Thứ ba*, Nghị định hướng dẫn về Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME).

*Thứ tư*, Nghị định hướng dẫn về Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho SME vay vốn tại tổ chức tín dụng

Khác với Đề án 844, các văn bản pháp luật liên quan tới doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hiện nay đều phần lớn không phải là văn bản riêng về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mà là về hỗ trợ SME và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được đề cập tới với tính chất là một nhóm SME đặc thù.

Theo Luật SME, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các tiêu chí liên quan có thể được hưởng hỗ trợ thuộc các nhóm sau:

- Nhóm các hỗ trợ dành riêng cho startup (06 biện pháp):

+ Hỗ trợ ứng dụng, chuyên gia công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

+ Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng;

+ Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

+ Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

+ Cấp bù lãi suất thông qua các tổ chức tín dụng (tùy quyết định của Chính phủ từng thời kỳ)

+ Hỗ trợ cho đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

- Nhóm các hỗ trợ chung cho các SME, trong đó có các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng điều kiện (07 biện pháp)

+ Hỗ trợ tiếp cận tín dụng, Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

+ Hỗ trợ thuế, kế toán

+ Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

+ Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

+ Hỗ trợ mở rộng thị trường

+ Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý

+ Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

### **3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

#### ***3.1. Cải thiện môi trường kinh doanh, gia nhập thị trường cho doanh nghiệp***

Nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là điểm đáng ghi nhận trong thời gian qua. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh đã tích cực thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển. Chính phủ đã ban hành 50 nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, trong đó tập trung cắt giảm nhiều thủ tục, giấy phép, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Một số lĩnh vực được cải thiện rõ rệt về thủ tục hành chính. Điển hình là:



*Thứ nhất*, thủ tục về thuế và hải quan đã được đẩy mạnh thông qua việc áp dụng hiện đại hoá, giảm thủ tục, thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Hệ thống khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử đã được triển khai tại 63 Cục thuế và 100% chi cục thuế trực thuộc. Doanh nghiệp kê khai điện tử đạt tỷ lệ 99,64 % và được hỗ trợ nộp thuế xuất nhập khẩu bằng phương thức điện tử. Số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thuế năm 2016 đã giảm 85 thủ tục so với 2015.

*Thứ hai*, cơ chế một cửa quốc gia của Việt Nam đã kết nối kỹ thuật thành công với 04 nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore) để trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D cho hàng hóa xuất khẩu có xuất xứ ASEAN. Cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối chính thức với 11/14 Bộ. Ngoài thủ tục thông quan hàng hóa (Bộ Tài chính), 37 thủ tục hành chính của 09 Bộ còn lại đã được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia. Tổng số bộ hồ sơ hành chính đã được xử lý trên cổng là 264 nghìn bộ hồ sơ, với sự tham gia của hơn 8.200 doanh nghiệp.

*Thứ ba*, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đã được đưa vào vận hành, đáp ứng yêu cầu dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, góp phần giảm thời gian, chi phí thành lập doanh nghiệp và xây dựng một hệ thống đăng ký kinh doanh minh bạch, hạn chế tối đa tiêu cực có thể phát sinh từ sự can thiệp của con người. Trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, hiện có 95/115 quy trình đạt tiêu chuẩn dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ được chấp thuận ngay lần đầu tiên đạt gần 86%, tỷ lệ hồ sơ trả kết quả đúng hạn đạt gần 90%.

### ***3.2. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp***

Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cổng Thông tin điện tử Chính phủ (tại địa chỉ <http://doanhnghiep.chinhphu.vn>) do Văn phòng Chính phủ điều hành đã tiếp nhận tổng cộng 586 phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, trong đó, Văn phòng Chính phủ đã phân loại, chuyển 489 phản ánh, kiến nghị tới các Bộ ngành, địa phương để xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Đến nay, đã có 372 phản ánh, kiến nghị đã được các Bộ ngành, địa phương xử lý và trả lời doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 76,1%. Đối với 97 phản ánh, kiến nghị còn lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ hoặc phải giải quyết theo quy trình khiếu nại, tố cáo cũng đã được Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ giải quyết, cũng như xử lý theo quy trình khiếu nại, tố cáo theo quy định. Các địa phương thành lập, công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố để tiếp nhận và giải đáp khó khăn của doanh nghiệp. Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố đã tổ chức đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; thành lập và công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp. Nhiều địa phương triển khai nhiều sáng kiến trong đối thoại với doanh

ngiệp như cà phê doanh nhân (Quảng Ninh, Trà Vinh, An Giang, Sóc Trăng...), khởi nghiệp doanh nhân (Kon Tum), mô hình Bác sỹ doanh nghiệp (Bắc Ninh); thành lập Tổ điều hành thực hiện Nghị quyết 35 (Bà Rịa-Vũng Tàu), Tổ tư vấn, hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp (Trà Vinh), Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp...

Các Bộ, ngành và địa phương đã ban hành Chương trình hành động cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện. 63/63 tỉnh, thành phố đã ký cam kết với VCCI về tạo môi trường kinh doanh tưuận lợi cho doanh nghiệp. Một số địa phương có sự vào cuộc trực tiếp của người đứng đầu, đem lại những chuyển biến, đóng góp tích cực đến sự phát triển của doanh nghiệp trên địa bàn, điển hình là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Đồng Tháp,... Một số địa phương đã ban hành chương trình khởi nghiệp (Long An), thành lập Trung tâm hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp (An Giang), thành lập Tổ công tác hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Quảng Nam), kế hoạch hỗ trợ, khuyến khích khởi nghiệp (Vĩnh Phúc, Đồng Tháp),... Với sự nỗ lực, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP cùng hàng loạt các giải pháp đồng bộ khác, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thời gian qua đã được cải thiện đáng kể, được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới năm 2016, Việt Nam đứng thứ 82/190 quốc gia, tăng 9 bậc về chỉ số môi trường kinh doanh (từ vị trí 91/189 lên 82/190) với 5 chỉ số tăng hạng. Theo khảo sát của JETRO, Việt Nam tiếp tục là địa điểm đầu tư quan trọng của doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại Việt Nam, trên 66% doanh nghiệp có xu hướng “mở rộng hoạt động kinh doanh” tại Việt Nam. Đây là tỉ lệ cao so với các quốc gia khác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2009), *Nghị định Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Số 56/2009/NĐ-CP.
2. Chính phủ (2016), *Nghị quyết Về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*, Số 35/NQ-CP.
3. Chính phủ (2018), *Nghị định Quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo*, Số 38/2018/NĐ-CP.
4. Chính phủ (2018b), *Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Số 39/2018/NĐ-CP.
5. Cổng thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư): <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>
6. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định Về việc Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*, Số 844/QĐ-TTg.

7. VCCI (2016), *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2015/16 (Chủ đề năm: Hoạt động kinh doanh xã hội)*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.
8. VCCI (2015), *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2014*, Nhà xuất bản Thông tấn.
9. Nguyễn Đức Hoàng Thọ và Trần Thị Thanh Huyền (2018), “*Một số giải pháp thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

### **THÔNG TIN TÁC GIẢ**

**TS. Đoàn Xuân Hậu**

Mobile: 0903.398.586

Email: doanhau.neu@gmail.com

**TS. Nguyễn Thị Phương Linh**

Mobile: 098 22 44 687

Email: plinhkt@gmail.com

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA NĂM 2019  
STARTUP - NHỮNG KHÓA CẠNH PHÁP LÝ  
VỀ GỌI VỐN ĐẦU TƯ**

-----o0o-----

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

Địa chỉ: 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: <http://nxb.neu.edu.vn> - Email: [nxb@neu.edu.vn](mailto:nxb@neu.edu.vn)

Địa chỉ phát hành ebooks: <http://alezaa.com/ktqd>

Điện thoại/Fax: (024)36282486

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Nguyễn Anh Tú - *Giám đốc Nhà xuất bản*

Chịu trách nhiệm nội dung: GS.TS. Nguyễn Thành Độ - *Tổng biên tập*

Biên tập: Trịnh Thị Quyên

Chế bản và thiết kế bìa: TS. Trần Thị Hồng Nhung

Sửa bản in và đọc sách mẫu: PGS.TS. Trần Văn Nam - TS. Nguyễn Hợp Toàn

In 100 cuốn, khổ 19 x 27 cm, tại Công ty TNHH In, Photocopy Hoa Hồng - Bình Liên

Địa chỉ: Số 20, Ngõ 191A Đại La, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số ĐKXB: 3863-2019/CXBIPH/01-318/ĐHKQTQD

Mã số ISBN: 978-604-946-707-3

Số quyết định xuất bản: 323/QĐ-NXBĐHKQTQD, cấp ngày 27 tháng 9 năm 2019

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2019

# KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA NĂM 2019

## START UP - NHỮNG KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VỀ GỌI VỐN ĐẦU TƯ

ISBN: 978-604-946-707-3



9 786049 467073

Sách không bán